

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN SƠN TỊNH

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN SƠN TỊNH
(1929 - 1975)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

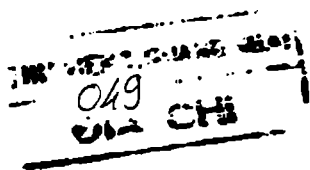
**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN SƠN TĨNH
(1929 - 1975)**

3K1(V.223)

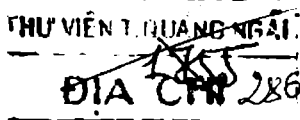
Mã số: _____
CTQG - 2004

L 302 S

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN SƠN TỈNH



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN SƠN TỈNH (1929 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2004

Chỉ đạo biên soạn:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY SƠN TỊNH

Biên soạn:



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Sơn Tịnh

(Trình Nghi thức)

*Đã tích cực tham gia chiến đấu, bảo vệ đất đai, bảo vệ nhân dân, phục vụ chiến đấu, góp phần
trong công cuộc xây dựng quê hương, không quên chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do, hạnh phúc*

Khoảng ngày 6 tháng 8 năm 1975

Đã có 100 ngày ở vùng 1975
Đã có 100 ngày ở vùng 1975

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đức Thắng



CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2005, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Ban Thường vụ Huyện uỷ Sơn Tịnh xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh (1929-1975)***. Cuốn sách ghi lại lịch sử đấu tranh anh dũng của Đảng bộ và nhân dân huyện Sơn Tịnh anh hùng từ năm 1929 đến 1975 nhằm ôn lại truyền thống đấu tranh bất khuất chống thực dân, đế quốc và qua đó góp phần giáo dục thế hệ trẻ, cổ vũ nhân dân trong huyện tiếp tục phấn đấu trên con đường xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Nội dung cuốn sách gồm bốn phần chính:

- *Phần mở đầu*: Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội và truyền thống yêu nước.

- *Phần thứ nhất*: Quá trình ra đời và sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1929-1945).

- *Phần thứ hai*: Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

- *Phần thứ ba*: Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975).

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2004

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng cho nhân dân, cán bộ, đảng viên và các thế hệ thanh niên, học sinh là một trong những nội dung quan trọng của việc hình thành con người Việt Nam mới. Giáo dục những truyền thống của địa phương không những có tác dụng to lớn đối với việc giáo dục truyền thống chung, mà còn khơi dậy lòng tự hào, yêu mến và tinh thần trách nhiệm đối với quê hương. Với ý nghĩa như vậy, việc biên soạn và giáo dục lịch sử địa phương, lịch sử Đảng bộ là điều cần thiết mà Đảng ta luôn nhắc nhở.

Huyện Sơn Tịnh là đất văn vật, nơi có nền văn hóa lâu đời, nhân dân có truyền thống lao động cần cù và chiến đấu anh dũng. Là một bộ phận của đất nước, một tế bào của Đảng, nhân dân và Đảng bộ huyện Sơn Tịnh không chỉ thể hiện mà còn góp phần tô thắm thêm truyền thống anh hùng của dân tộc và giai cấp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Chỉ kể từ thế kỷ XIX đến nay, khi tiếng súng của thực dân Pháp mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam, trải qua cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, những ngày Cách mạng Tháng Tám sôi nổi, rồi những năm tháng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ anh dũng, gian khổ, ác liệt, cuối cùng giải phóng hoàn toàn quê hương, cùng cả nước đi vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất theo con đường xã hội chủ nghĩa, đặc biệt từ khi có sự lãnh đạo

của Đảng bộ, nhân dân Sơn Tịnh đã bền gan chiến đấu liên tục, ngoan cường, góp phần vào thắng lợi của cách mạng tỉnh nhà và cả nước.

Nhìn lại những trang sử vẻ vang của quê hương, nhân dân Sơn Tịnh tự hào với dân tộc mình, tự hào về Đảng quang vinh và Bác Hồ vô vàn kính yêu, càng vững tin ở hiện tại, quyết tâm đi đến tương lai xán lạn mà Đảng đã vạch đường chỉ lối.

Những tên đất, tên người, những dấu vết chứng thực, những sự kiện lịch sử oai hùng, chúng ta gặp khắp nơi trên dải đất Sơn Tịnh thân yêu. Một Trương Định đánh dấu thời kỳ đầu nhân dân Việt Nam "không theo lệnh triều đình đầu hàng giặc" mà quyết tâm đứng lên đánh Tây, bảo vệ non sông Tổ quốc. Những Lê Trung Đình, Tôn Tường thể hiện quyết tâm đánh cả Pháp lẫn phong kiến nhà Nguyễn bạc nhược đầu hàng, làm tay sai cho giặc. Nguyễn Đình Quảng, Phạm Tuấn... nổi tiếng trong phong trào "khất thuế", Duy Tân. Những Mai Tuấn, Mai Bá, Hứa Thọ hy sinh anh dũng trong cuộc khởi nghĩa 1916. Trương Quang Trọng, Phạm Viết My, Đặng Tòng mở đầu thời kỳ xây dựng Đảng, góp phần làm nên bước ngoặt lớn trong phong trào cách mạng ở tỉnh, huyện nhà.

Trước năm 1945, biết bao nhiêu chiến sĩ cộng sản và quần chúng cách mạng có tên và chưa xác định được tên đã hy sinh, chiến đấu, hiên ngang trước mũi súng quân thù trên đất quê hương hay trong các ngục tù Kon Tum, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, Côn Đảo, Hội An... góp phần nhen nhóm, giữ vững phong trào cách mạng để cùng toàn Đảng, toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi, lập nên chính quyền công nông. Rất nhiều đồng chí từ quê hương ra đi làm cách mạng ở các tỉnh, thành

phố khác đã luôn luôn phát huy truyền thống quê hương, lập nhiều thành tích và giữ những cương vị xứng đáng ở Trung ương và tỉnh bạn như Trương Quang Giao, Nguyễn Chánh, Trần Văn Trà... . Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam, những anh hùng lao động, anh hùng các lực lượng vũ trang, những giáo sư, tiến sĩ, những nghệ sĩ, nhà giáo nhân dân quê ở Sơn Tịnh mà tên tuổi và thành tích đã khắc sâu vào tâm trí nhân dân cả nước như Hồ Giáo, Đoàn Liêm, Lê Khương...

Những địa danh Văn Thánh, Sung Tích, đình An Vĩnh, núi Thiên Ấn, Vĩnh Sơn, Ba Gia, Gò Tranh – Quang Thạnh... đánh dấu những chặng đường đi lên và thắng lợi của phong trào cách mạng Sơn Tịnh. Đặc biệt, Sơn Mỹ là một chứng tích về tội ác man rợ của đế quốc Mỹ xâm lược đã khắc sâu lòng căm thù của nhân dân Việt Nam và sự căm phẫn của nhân dân toàn thế giới, nhắc nhở nhân loại "hãy cảnh giác đối với mưu đồ gây chiến tranh hủy diệt của chúng". Những công trình lao động bằng đôi bàn tay khéo léo, diệu kỳ với tinh thần cần cù, nhẫn nại như kênh Sơn Tịnh còn sống mãi với quê hương làm cho cuộc sống của nhân dân ngày càng tươi đẹp.

Tự hào, căm thù, quyết tâm, tin tưởng là những điều đúc kết bằng xương máu, mồ hôi và nước mắt của bao nhiêu thế hệ đi trước để lại cho đời sau tiếp nhận, kế thừa và phát huy. Tìm hiểu lịch sử của Đảng bộ không phải chỉ để biết quá khứ, mà trên cơ sở biết quá khứ, rút ra trong quá khứ bài học cho ngày nay, hiểu rõ hiện tại để vạch ra con đường phát triển cho tương lai và xác định trách nhiệm của mình với quê

hương, đất nước. Hiện thực lịch sử là nguồn cổ vũ sâu xa, là sức mạnh giáo dục to lớn, đặc biệt "lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng" như Bác Hồ đã dạy.

Nhận thức ý nghĩa và tầm quan trọng như vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Tịnh trong nhiều nhiệm kỳ đã quan tâm và chú ý tới công tác biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện. *Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh (1929 - 1945) tập I* đã được in và phát hành vào tháng 12-1986. Đến năm 1993, *Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh (1945 - 1975) tập II* cũng đã được phát hành đến tay bạn đọc, nhưng mới ở dạng sơ thảo. Từ đó đến nay, Ban Thường vụ Huyện ủy đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung tư liệu và đã đến lúc để có một quyển sử chính thức, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tầng lớp thanh, thiếu niên trong huyện. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Tịnh quyết định chỉnh lý hai tập sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện thành cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh (1929 - 1975)*. Tuy nhiên, những thiếu sót trong quá trình chỉnh lý, biên soạn là không thể tránh khỏi. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mong nhận được nhiều ý kiến góp ý xây dựng của bạn đọc xa gần.

Để hoàn thành tập sách này, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nhận được sự đóng góp nhiệt tình của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí công tác, hoạt động ở địa phương qua các thời kỳ, sự giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi, sự tận tâm của Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo Nhân dân Phan Ngọc Liên, cũng như sự giúp đỡ của các nhà nghiên cứu vốn quê ở địa phương đang công tác ở các nơi, của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Ban

Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Tịnh xin chân thành cảm ơn tất cả sự phối hợp, giúp đỡ đầy nhiệt tình và trách nhiệm ấy.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Tịnh xin trân trọng giới thiệu cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh (1929 - 1975)*** tới toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân và thanh thiếu niên trong huyện cũng như con em quê nhà ở khắp nơi và bạn đọc xa gần. Lịch sử Đảng bộ huyện là một công trình khoa học tập thể, đồng thời cũng là sản phẩm tinh thần bổ ích và là tài sản vô giá của Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh, góp phần to lớn trong việc giáo dục truyền thống và cổ vũ chúng ta trên con đường xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Sơn Tịnh, ngày 25 tháng 3 năm 2004

T/M. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Bí thư

NGUYỄN ĐÌNH OANH

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Sơn Tịnh là một trong 14 huyện, thị xã của tỉnh Quảng Ngãi, một bộ phận của Tổ quốc Việt Nam. Ngoài những nét chung về đất nước, con người Việt Nam, Sơn Tịnh còn có những sắc thái riêng.

I- ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý - điều kiện tự nhiên

Huyện Sơn Tịnh nằm ở khoảng $15,05^{\circ}$ - $15,16^{\circ}$ vĩ bắc; $108,43^{\circ}$ - $108,55^{\circ}$ kinh đông, có diện tích tự nhiên là $339,05 \text{ km}^2$. Phía bắc giáp huyện Bình Sơn; phía nam giáp thị xã Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa (sông Trà Khúc là ranh giới tự nhiên); phía tây giáp hai huyện miền núi Sơn Hà và Trà Bồng; phía đông giáp biển Đông. Sơn Tịnh là mảnh đất đã có con người cư trú từ lâu đời. Theo các tài liệu khảo cổ học và dân tộc học, người Chăm là cư dân đầu tiên ở Sơn Tịnh. Trải qua quá trình biến thiên của lịch sử,

các dân tộc Kinh, Chăm... đã cùng nhau chung sức, xây dựng mảnh đất này.

Về mặt hành chính, năm 1470, đời vua Lê Thánh Tông, Sơn Tịnh nằm trong huyện Bình Sơn. Năm 1890, đời vua Thành Thái, Sơn Tịnh trở thành một huyện riêng của phủ Quảng Nghĩa. Đến ngày 23-4-1932, huyện Sơn Tịnh được đổi thành phủ Sơn Tịnh. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, phủ Sơn Tịnh được đổi tên là phủ Trương Quang Trọng, sau đó không lâu lại trở lại là huyện Sơn Tịnh. Năm 1958, Mỹ - ngụy đổi thành quận Sơn Tịnh nhưng các văn bản của ta vẫn gọi là huyện Sơn Tịnh. Trong những năm từ 1961-1965 và 1970-1975, huyện Sơn Tịnh có hai lần tách ra rồi nhập lại. Một số xã phía đông huyện Bình Sơn cùng với các xã phía đông huyện Sơn Tịnh được nhập lại thành một huyện mới gọi là huyện Đông Sơn. Đến năm 1975 khi giải phóng toàn tỉnh, các xã thuộc huyện Sơn Tịnh cả khu đông và khu tây lại trở về như đơn vị hành chính cũ của huyện Sơn Tịnh. Hiện nay huyện Sơn Tịnh có 21 xã, thị trấn: Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Hiệp, Tịnh Thọ, Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Phong, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Ấn Đông, thị trấn Sơn Tịnh, Tịnh An, Tịnh Châu, Tịnh Long, Tịnh Thiện, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa.

Dân số toàn huyện tính đến năm 2002 là 196.157 người, chủ yếu là người Kinh, một số ít là người Việt gốc Hoa và người Hrê sống ở xã Tịnh Giang, giáp ranh với huyện Sơn Hà.

Địa hình của huyện khá phức tạp, dốc dần từ tây xuống đông và bị chia cắt bởi những dãy đồi lượn sóng, úp bát. Vì vậy, đất đai trong huyện phần lớn là đất bạc màu, đất đồi núi trọc bán sơn địa. Theo số liệu thống kê, hiện nay toàn huyện có diện tích đất canh tác nông nghiệp là 14.630ha chiếm 45,43% diện tích tự nhiên, đất lâm nghiệp là 9.370ha chiếm 29,28% diện tích tự nhiên, đất cồn cát và đất ven biển khoảng 1.305ha chiếm 4,5% diện tích tự nhiên và các loại đất khác. Với diện tích đất đai như trên, Sơn Tịnh có khả năng phát triển cả về nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy, hải sản.

Sơn Tịnh không có núi cao mà chỉ có những ngọn núi và dãy núi thấp (còn gọi là đồi và dãy đồi), như núi Tròn, núi Nhàn, núi Khỉ, núi Ngang, núi Đất, núi Đầu Voi, núi Thiên Mã, núi Sứa, núi Hầm, núi Thiên Ấn, dãy Long Đầu, dãy Cà Ty... Đó cũng là những địa danh gắn liền với những dấu ấn của lịch sử huyện Sơn Tịnh, cũng là nơi cung cấp nguồn tài nguyên phong phú phục vụ ngành xây dựng. Núi Thiên Ấn cùng dãy Long Đầu là biểu tượng của vùng đất địa linh nhân kiệt của Quảng Ngãi nói chung, Sơn Tịnh nói riêng.

Sông Trà Khúc, con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi, bắt nguồn từ Kon Tum chảy về, hợp với các nguồn nước của ba con sông Di Lăng, Đaksé, Re thuộc huyện Sơn Hà, chảy xuống Sơn Nham rồi từ Thạch Nham chảy ra cửa Cổ Lũy, Sa Kỳ, làm thành ranh giới tự nhiên giữa Sơn Tịnh với huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi. Dòng sông có độ dốc cao, nước chảy xiết, về mùa mưa dễ gây lũ

lụt lớn, song lại mang tới một lượng phù sa bồi đắp cho đồng ruộng thêm màu mỡ, là nơi cung cấp nguồn vật liệu xây dựng (cát, sạn) rất lớn cho nhân dân trong huyện, tỉnh và nguồn lợi cá, tôm khá phong phú. Từ thế kỷ XVIII, nhân dân ta đã biết dựng những bờ xe nước hai bên bờ sông, mỗi bờ có từ 5 đến 10' bánh xe, lấy nước sông Trà Khúc tưới cho các cánh đồng ven sông. Những bờ xe nước chính là những công trình văn hóa vật chất đầy tính sáng tạo của nhân dân Sơn Tịnh nói riêng, Quảng Ngãi nói chung. Đó là "những trạm bơm nước" rì rào suốt mùa hè kiên nhẫn lấy nước tưới cho ruộng đồng tươi tốt, tô điểm cho thiên nhiên thêm hữu tình, thơ mộng. Nhìn những bánh xe quay đổ nước vào máng tạo thành một dòng chảy mạnh mẽ, con người có cảm giác khoan khoái, thư thái lạ thường. Dựa vào lợi thế của sông Trà Khúc, năm 1948, huyện Sơn Tịnh đã chủ trương đào kênh Sơn Tịnh (nhân dân còn gọi là kênh Ông Cát) dài 16km, mở cửa khẩu từ thôn Ngân Giang (Tịnh Hà) dẫn nước về qua các xã tới xã Tịnh Hòa để tưới cho các cánh đồng khu đông của huyện.

Từ năm 1990, khi công trình thủy lợi Thạch Nham bắt đầu phát huy tác dụng thì những bờ xe nước sau hàng trăm năm tồn tại đã được thay thế bởi hệ thống kênh mương tự chảy. Việc ngăn dòng, đưa nước sông Trà Khúc chảy ngược về núi, vươn xa tới những vùng đất khát, cằn cỗi, vĩnh viễn xóa đi cái tên "đất đồng gieo", đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân nhiều vùng trong tỉnh. Song, hình ảnh về bờ xe nước trên sông Trà Khúc đã đi vào lịch sử và trở thành những dấu ấn khó quên.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN SƠN TINH



BẢNG DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ										BẢNG DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ									
STT	Tên địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (t.000)	Mật độ dân số (người/km ²)	STT	Tên địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (t.000)	Mật độ dân số (người/km ²)	STT	Tên địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (t.000)	Mật độ dân số (người/km ²)	STT	Tên địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (t.000)	Mật độ dân số (người/km ²)
1	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	1	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	2	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	3	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
2	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	2	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	4	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	5	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
3	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	3	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	6	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	7	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
4	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	4	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	8	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	9	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
5	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	5	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	10	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	11	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
6	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	6	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	12	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	13	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
7	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	7	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	14	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	15	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
8	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	8	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	16	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	17	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
9	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	9	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	18	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	19	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000
10	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	10	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	20	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000	21	Thị trấn Phố Mới	0,04	1,04	26.000

Chiều dài bờ biển 12 km, chạy dọc theo các xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa cùng hai cửa biển chính là Sa Kỳ và Cổ Lũy, nơi hợp lưu của sông Trà Khúc, sông Kinh, sông Chợ Mới, sông Diêm Điền... tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy của nhân dân, đồng thời cũng hình thành nên những đồng muối như ở Xuân An, Diêm Điền (Tịnh Hòa), hay những đầm ngập mặn tạo điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu. Đến năm 2000, ở ba xã Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê đã có 200 ha nuôi tôm xuất khẩu đem lại nguồn lợi lớn cho nhân dân, và là một trong những thế mạnh để phát triển kinh tế của huyện.

Bên cạnh những nguồn lợi trên, với lợi thế của một vùng biển hình vòng cung, bến cảng Sa Kỳ trở thành nơi neo đậu, bốc dỡ hàng hóa của các loại tàu thuyền, kể cả tàu có trọng tải 1.200 tấn. Các bãi biển đẹp như Mỹ Khê, An Kỳ, An Vĩnh, gắn với truyền thuyết *Dấu chân khổng lồ* bên núi An Vĩnh (nói lên sự cần cù, chịu khó và sức mạnh của người dân Sơn Tịnh), sẵn sàng chào đón khách thập phương từ các nơi về tham quan, tắm biển và nghỉ mát.

Cũng giống như các địa phương khác ở khu vực miền Trung, khí hậu ở Sơn Tịnh nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa rất khắc nghiệt. Một năm chia làm hai mùa mưa nắng rõ rệt. Mùa nắng từ tháng 2 đến tháng 8, nhiệt độ trung bình 27 - 32°C, thậm chí có năm nắng nóng gay gắt kéo dài, nhiệt độ lên tới 37 - 38°C gây hạn hán, mất mùa. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau với lượng mưa

THƯ VIỆN : QUANG NGAI
- 049 -
ĐỊA CHỈ

THƯ VIỆN : QUANG NGAI
- 185 -
ĐỊA CHỈ

trung bình 1.800 - 2.300mm/năm, nhưng cũng có năm mưa lớn kéo dài, gây nên những trận lũ lụt liên tiếp, có năm lụt tới 3-4 lần, cùng với các hiện tượng bão, áp thấp nhiệt đới làm thiệt hại nhiều về nhà cửa, hoa màu, tài sản của nhân dân và Nhà nước, nhiệt độ trung bình vào mùa mưa là 18 - 25°C, thậm chí có năm lạnh tới 12-13°C gây nhiều trở ngại cho việc sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Về giao thông có quốc lộ 1A với chiều dài khoảng 20km chạy ngang qua, chia huyện thành hai vùng đông - tây, và đường sắt xuyên Việt song song với quốc lộ 1A, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại, sinh hoạt của nhân dân tới các miền trong toàn quốc. Từ quốc lộ 1A, nhiều đầu mối giao thông quan trọng tỏa đi khắp các xã trong huyện, như quốc lộ 24B từ đầu cầu Trà Khúc qua các xã khu đông xuống Bình Châu (Bình Sơn) nơi có cảng biển Sa Kỳ, nối liền với khu kinh tế Dung Quất đang được khẩn trương xây dựng và thành phố Vạn Tường trong tương lai. Tỉnh lộ 623 còn gọi là đường 5B, từ ngã ba thị trấn Sơn Tịnh đi lên các xã miền tây tới các huyện miền núi Sơn Hà, Sơn Tây. Tuyến đường Hàng Đa đi Vĩnh Tuy nối liền với căn cứ kháng chiến cũ ở các xã vùng tây bắc huyện, con đường chiến lược trong các cuộc kháng chiến trước đây và cả hiện nay. Tuyến đường Thế Lợi đi Bình Châu (Bình Sơn) giao nhau với quốc lộ 24B, hay tuyến đường Ba Gia đi An Diêm (Bình Sơn) nối liền các xã tây và tây bắc huyện Sơn Tịnh, cùng nhiều tuyến đường

liên thôn, liên xã khác tạo thành mạng lưới giao thông rất thuận lợi, phục vụ cho nhân dân và an ninh quốc phòng. Bên cạnh đó còn phải nói tới lợi thế về đường thủy trên sông Trà Khúc. Trước đây, khi hệ thống đường bộ chưa phát triển, việc vận chuyển hàng hóa từ nguồn xuống biển và ngược lại chủ yếu bằng đường thủy. Trên sông thuyền bè tấp nập ngược xuôi chở mắm, muối từ biển cùng thực phẩm, các loại hàng hóa khác lên miền núi và chở các loại hàng lâm thổ sản về xuôi.

Sơn Tịnh có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng nằm trong "12 thắng cảnh" của đất Quảng Ngãi xưa.

"*Thiên Ấn niêm hà*" nói về cảnh đẹp của núi Thiên Ấn (núi Hố), nằm ở xã Phú Nhơn (nay thuộc thị trấn Sơn Tịnh). Đó là "đệ nhất thắng cảnh" của Quảng Ngãi và cũng là một di tích lịch sử cách mạng. Núi cao 105m so với mặt biển, đỉnh núi bằng phẳng rộng chừng 10ha, cây cối xanh tốt quanh năm. Từ cửa Cổ Lũy ngược dòng sông Trà Khúc nhìn về phía tây, núi tựa như nằm ở giữa sông. Vì vậy, người xưa coi núi như "chiếc ấn trời" đóng trên sông.

Trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ, xây dựng từ năm 1695 với vị tổ sư là Pháp Hóa hòa thượng. Về sau chùa được tu bổ, xây dựng rộng dần và thu hút nhiều khách đến tham quan, được chúa Nguyễn Phúc Chu đích thân ngự đề sắc phong "*Thiên Ấn Tự*". Qua nhiều lần trùng tu, cảnh quan chùa không còn nguyên vẹn nét dáng cổ xưa. Trong chùa có nhiều pho tượng Phật cổ, đặc biệt là chiếc "*Đại Đồng Chung*" còn gọi là "Chuông Thần", có chiều cao 2m, đường

kính rộng 0,7 m được đúc từ thời vua Minh Mạng ở làng Chú Tượng (Mộ Đức). Cạnh chùa có giếng nước sâu 21 mét tục gọi là "Giếng Phật", đào từ thời tổ sư Pháp Hóa hòa thượng. Cả "Chuông Thần" và "Giếng Phật" đều gắn với những câu chuyện huyền thoại nói lên đức tính chịu thương, chịu khó trong lao động và mơ ước vì cuộc sống thanh bình của nhân dân. Hiện trên đỉnh núi còn có bảo tháp vị Tổ Đình và các viên mộ của các nhà sư trụ trì chùa. Năm 1930, cờ đỏ búa liềm của Đảng đã tung bay trong gió trên đỉnh Thiên Ấn, cổ vũ lớp lớp quần chúng lao động đứng lên theo Đảng làm cách mạng. Năm 1947, nhà chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Quyền Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khi qua đời đã được an táng trên núi Thiên Ấn theo ý nguyện của cụ. Năm 1990, Bộ Văn hóa - Thông tin đã xếp hạng núi Thiên Ấn và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

"Long đầu hỷ thủy" (đầu Rồng giỡn nước) là một dãy đồi uốn quanh, chạy dài từ Quán Cơm (sát cầu Trà Khúc) về hướng đông bắc, trông như con rồng uốn lượn mà đầu rồng nhô ra sát tận sông Trà Khúc nên còn gọi là núi Long Đầu, đã bị cắt ngang bởi quốc lộ 1A. Trước đây, nước nguồn chảy về, réo quanh đầu rồng và nước trên núi chảy xuống qua lớp đất đỏ nên có màu đỏ ối, nên người xưa cho là "máu ở đầu rồng chảy ra".

Thắng cảnh này còn liên quan đến một truyền thuyết dân gian về vua Nam Chiếu để tố cáo âm mưu diệt chủng, muốn thôn tính nước ta của phong kiến phương Bắc.

"*Hà Nhai vãn độ*" nghĩa là cảnh các bến đò ở Hà Nhai lúc về chiều. Đây là một dải đất ven sông trải dài hơn 2 km, thuộc xã Tịnh Hà ngày nay, với nhiều bến đò xưa, như bến Biên, bến Chợ Hố (Thọ Lộc), Ngân Giang, bến Đá (Hà Tây), đối diện với thôn Xuân Phổ, xã Nghĩa Kỳ. Trước đây, những bến đò này là hội điểm giao thương quan trọng giữa Tư Nghĩa với Sơn Tịnh, nhân dân từ biển lên nguồn và ngược lại. Chiều về trên bến Hà Nhai, từng đoàn thuyền khai thác đá, sạn về nghỉ ở bến Đá; những thuyền chở lâm thổ sản từ nguồn về xuôi và những thuyền chở hàng thủ công, mắm muối, vải từ Cửa Đại, bến Tam Thương lên nguồn, dừng lại trao đổi hàng hóa và nghỉ qua đêm ở bến Ngân Giang, bến Chợ Hố, bến Biên. Những chuyến đò đưa người làm mía từ Xuân Phổ (Tư Nghĩa) bên bờ nam qua sông về bờ bắc và những người buôn bán khoai sắn, thuốc lá, lúa gạo từ bờ bắc về lại Tư Nghĩa. Họ vui vẻ trong những câu hò đối đáp giữa bên nam và bên nữ trong cảnh "*Đò chiều nhộn nhịp điệu hò vui*", sau một ngày lao động mệt nhọc. Những lũy tre làng chạy sát bờ sông, những bờ xe nước cần mẫn, rì rào suốt mùa hè, đàn bò giữa bãi sông đứng đỉnh ra về dưới ánh nắng chiều tà, nương dâu xanh ngắt bờ bắc, bãi bói lay động theo chiều gió bờ nam, đò ghe san sát, kẻ qua người lại... tất cả tạo nên cảnh thanh bình trù phú làm cho tâm hồn con người hòa với thiên nhiên, dệt nên cảnh đẹp làm xao động lòng người. Cùng với thời gian và sự biến đổi của địa hình, phong cảnh ngày xưa không còn nữa, thảnh thơi một vài chuyến đò qua lại trên bến

Ngân Giang là dấu tích còn lại của một thời xa xưa.

"*Cổ Lũy cô thôn*"¹ là thôn Cổ Lũy nằm một mình trong cảnh trước biển sau sông thuộc xã Tịnh Khê ngày nay. Sống trên vùng đất toàn cát biển, người dân trong thôn sống chủ yếu bằng nghề chài lưới, dệt chiếu và bện dây dừa, làng xóm quanh năm rợp mát dưới bóng dừa, rừng dương xanh tốt. Vào những chiều sương khói, bóng hoàng hôn bao phủ, Cổ Lũy mờ ảo như trong một bức tranh cổ, gợi lên cảm giác cô liêu, tĩnh mịch và thơ mộng. Ngoài biển là bãi tắm Mỹ Khê, nơi tụ hội của nhiều du khách đến thăm và nghỉ mát. Đây cũng là quê hương của người anh hùng dân tộc Trương Định.

Cảnh đẹp cùng với những kỳ tích mà con người đạt được trong lao động và đấu tranh xã hội càng làm cho thiên nhiên thêm rực rỡ. Ở phía tây huyện, đồng bào đã biết sử dụng, khai thác vùng núi non hiểm trở, giàu lâm thổ sản, muông thú. Với tài trí của con người, rừng núi Sơn Tịnh không chỉ là kho của quý tự nhiên mà còn là căn cứ địa vững chắc trong các cuộc kháng chiến của nhân dân chống đế quốc xâm lược, như chiến khu Vĩnh Sơn (Vĩnh

1. Cổ Lũy cùng với Mỹ Lai nổi tiếng là đất "*thừa lương*", nơi nghỉ mát có khí hậu tốt lành, đất đai trù phú, cảnh vật nên thơ... Xưa kia các vị quan về hưu của triều Nguyễn ở miền Trung thường chọn nơi đây để dưỡng lão. Thuở ấy vào những đêm trăng, trên dòng sông Kinh thuyền trôi lững lờ, tiếng đàn, giọng hát nữ non điệu nam ai, nam bình... vang lên vì nỗi niềm vong quốc.

Tuy- Tĩnh Hiệp ngày nay), được xây dựng sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (ngày 11-3-1945) - nơi đóng đại bản doanh của du kích Ba Tơ (Đại đội 2 Phan Đình Phùng), một trong ba lực lượng tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam và xưởng quân giới - nơi sản xuất vũ khí đầu tiên của Quân khu V, còn gọi là xưởng Từ Nhại, cũng đặt tại Vĩnh Tuy...

Ở phía đông có dải bờ biển với nhiều đầm ngập mặn đem lại nguồn lợi lớn về khai thác nuôi trồng thủy hải sản, là nơi nghỉ mát, tắm biển nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi, song cũng là căn cứ, khu vực trú quân của du kích, bộ đội ta trong những rừng dừa nước bạt ngàn gắn liền với các chiến công oanh liệt của quân và dân Quảng Ngãi nói chung, Sơn Tịnh nói riêng.

Các địa danh Ba Làng An, Trường Định, Thuận Yên, Tư Cung... (Sơn Mỹ) là chứng tích về tội ác man rợ của đế quốc Mỹ đối với nhân dân ta, gây làn sóng căm phẫn của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Sơn Tịnh còn là nơi giàu của cải dưới lòng đất với nhiều loại khoáng sản quý như mỏ graphít ở Tịnh Đông, trữ lượng khoảng 41 triệu tấn, cao lanh, silimanít, quặng sắt, bôxít và nhiều kim loại quý hiếm rải rác các nơi trong huyện. Các mỏ đá lộ thiên có ở hầu hết các xã trong huyện.

Sơn Tịnh là vùng đất có nền văn hóa cổ xưa. Tại Gò Trá (xã Tịnh Thọ), các nhà khảo cổ học đã phát hiện dấu vết thời đại đồ đá cũ cách đây 25 vạn năm. Tại núi Sứa (nay là thị trấn Sơn Tịnh) có gốm thô màu, độ nung cao, ít

Ngân Giang là dấu tích còn lại của một thời xa xưa.

"Cổ Lũy cô thôn"¹ là thôn Cổ Lũy nằm một mình trong cảnh trước biển sau sông thuộc xã Tịnh Khê ngày nay. Sống trên vùng đất toàn cát biển, người dân trong thôn sống chủ yếu bằng nghề chài lưới, dệt chiếu và bện dây dừa, làng xóm quanh năm rợp mát dưới bóng dừa, rừng dương xanh tốt. Vào những chiều sương khói, bóng hoàng hôn bao phủ, Cổ Lũy mờ ảo như trong một bức tranh cổ, gợi lên cảm giác cô liêu, tĩnh mịch và thơ mộng. Ngoài biển là bãi tắm Mỹ Khê, nơi tụ hội của nhiều du khách đến thăm và nghỉ mát. Đây cũng là quê hương của người anh hùng dân tộc Trương Định.

Cảnh đẹp cùng với những kỳ tích mà con người đạt được trong lao động và đấu tranh xã hội càng làm cho thiên nhiên thêm rực rỡ. Ở phía tây huyện, đồng bào đã biết sử dụng, khai thác vùng núi non hiểm trở, giàu lâm thổ sản, muông thú. Với tài trí của con người, rừng núi Sơn Tịnh không chỉ là kho của quý tự nhiên mà còn là căn cứ địa vững chắc trong các cuộc kháng chiến của nhân dân chống đế quốc xâm lược, như chiến khu Vĩnh Sơn (Vĩnh

1. Cổ Lũy cùng với Mỹ Lai nổi tiếng là đất "*thừa lương*", nơi nghỉ mát có khí hậu tốt lành, đất đai trù phú, cảnh vật nên thơ... Xưa kia các vị quan về hưu của triều Nguyễn ở miền Trung thường chọn nơi đây để dưỡng lão. Thuở ấy vào những đêm trăng, trên dòng sông Kinh thuyền trôi lững lờ, tiếng đàn, giọng hát nữ non điệu nam ai, nam bình... vang lên vì nỗi niềm vọng quốc.

Tuy- Tĩnh Hiệp ngày nay), được xây dựng sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (ngày 11-3-1945) - nơi đóng đại bản doanh của du kích Ba Tơ (Đại đội 2 Phan Đình Phùng), một trong ba lực lượng tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam và xưởng quân giới - nơi sản xuất vũ khí đầu tiên của Quân khu V, còn gọi là xưởng Từ Nhại, cũng đặt tại Vĩnh Tuy...

Ở phía đông có dải bờ biển với nhiều đầm ngập mặn đem lại nguồn lợi lớn về khai thác nuôi trồng thủy hải sản, là nơi nghỉ mát, tắm biển nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi, song cũng là căn cứ, khu vực trú quân của du kích, bộ đội ta trong những rừng dừa nước bạt ngàn gắn liền với các chiến công oanh liệt của quân và dân Quảng Ngãi nói chung, Sơn Tịnh nói riêng.

Các địa danh Ba Làng An, Trường Định, Thuận Yên, Tư Cung... (Sơn Mỹ) là chứng tích về tội ác man rợ của đế quốc Mỹ đối với nhân dân ta, gây làn sóng căm phẫn của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Sơn Tịnh còn là nơi giàu của cải dưới lòng đất với nhiều loại khoáng sản quý như mỏ graphit ở Tịnh Đông, trữ lượng khoảng 41 triệu tấn, cao lanh, silimanít, quặng sắt, bôxít và nhiều kim loại quý hiếm rải rác các nơi trong huyện. Các mỏ đá lộ thiên có ở hầu hết các xã trong huyện.

Sơn Tịnh là vùng đất có nền văn hóa cổ xưa. Tại Gò Trá (xã Tịnh Thọ), các nhà khảo cổ học đã phát hiện dấu vết thời đại đồ đá cũ cách đây 25 vạn năm. Tại núi Sứa (nay là thị trấn Sơn Tịnh) có gốm thô màu, độ nung cao, ít

hoa văn trang trí và khu mộ táng vào niên đại khoảng hậu kỳ đồng thau. Việc phát hiện chiếc trống đồng thời kỳ Đông Sơn ở Bàu Lát (xã Tịnh Ấn Đông) thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa các vùng với cư dân nơi đây.

Thành cổ Châu Sa (xã Tịnh Châu) còn gọi là Thành Hời, có "chu vi hơn 5 mẫu, 5 sào" (sách *Đại Nam nhất thống chí*). Thành được xây dựng từ cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X nhằm bảo vệ mặt nam của Kinh đô Trà Kiệu (Quảng Nam) thuộc nước Chiêm Thành trước đây. Đến triều các vua Đại Việt sau này (thời nhà Hồ và Hậu Lê), thành được coi như lỵ sở của tỉnh. Thành được đắp bằng đất, gồm thành nội và thành ngoại. Chiều ngang thành nội rộng 558m, chiều dài 586m, chân thành rộng 25m, cao 4,6m, mặt thành rộng 5,2m. Thành ngoại có 2 bờ thành chạy giáp sông Trà Khúc, dài trung bình 600m có dạng hình còng cua, xung quanh có hào bao bọc rộng 12m, trước đây có nước chảy hai bên tạo thành thế phòng thủ vững chắc. Phía nam giáp sông Trà Khúc, phía tây giáp núi Bàn Cờ, phía đông giáp Đồng Đình, phía bắc giáp xã Tịnh Thiện. Ngày nay Thành cổ Châu Sa chỉ còn lại di tích ở từng đoạn bờ thành và đã được ngành khảo cổ học nước ta khẳng định đây là thành cổ thứ hai ở nước ta (sau thành Cổ Loa). Thành cổ Châu Sa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia và là điểm du lịch nằm trên tuyến Thiên Ấn - Mỹ Khê - Sa Kỳ, với các chương trình, dự án đang hình thành, để chào đón du khách tới tham quan.

Văn Thánh nằm ở xã Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, thị trấn Sơn Tịnh), còn gọi là Văn Miếu. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Văn Miếu, ở địa phận Phú Nhơn huyện Bình Sơn (cũ), thờ Tiên Sư thánh Khổng Tử. Quy chế có nhà chính một gian hai chái, tả vu và hữu vu đều có 5 gian, nghi môn phía trước mở 3 cửa, dựng từ năm Gia Long thứ 16 (1817). Đền Khải Thánh ở phía hữu Văn Miếu, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 20 (1839). Trước mặt Văn Miếu lấy Thiên Bút làm tiền án, phía tả là núi Thiên Ấn, phía hữu là núi Long Đầu, nước sông Trà Khúc vòng quanh phía trước, núi sông châu hướng, thật là kiêu đất đẹp". Văn Thánh là một biểu tượng cho truyền thống hiếu học của nhân dân Quảng Ngãi. Trước đây, các bậc nho sĩ thường kéo về đây tổ chức tế lễ. Năm 1885, trước lúc khởi binh, Lê Trung Đình cũng kéo quân về Văn Thánh làm lễ tế cáo trời đất.

Vào năm 1929, Văn Thánh là nơi chứng kiến sự ra đời của tổ chức "dự bị cộng sản" huyện Sơn Tịnh, do đồng chí Phạm Viết My làm Bí thư. Trải qua những năm tháng bị chiến tranh tàn phá, đến nay Văn Thánh chỉ còn lại khu nhà chính.

Mỗi tên đất, tên làng ở Sơn Tịnh đều gắn liền với những chiến công oanh liệt của cha ông ta qua các thời kỳ đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, quê hương. Chiến thắng Ba Gia năm 1965 gắn liền với các địa danh Gò Cao, núi Cổ Rùa, núi Khỉ, Diên Niên, Phước Lộc, núi Nhân, Chóp Nón... Đồi 62 đông giáp - tây giáp (Tĩnh Bình) được coi là nơi diễn ra trận thắng Mỹ lớn đầu tiên của quân dân trong

huyện năm 1966. Đồi tranh Quang Thạnh (Tịnh Thọ), Mả Tổ (Tịnh Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, là các nơi mà quân Nam Triều Tiên phải đền tội trước sức tấn công mạnh mẽ của quân dân Sơn Tịnh anh hùng.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

Trước khi Đảng ra đời, trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên để sản xuất ra của cải vật chất, nhân dân Sơn Tịnh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc cày sâu, cuốc ải, thâm canh, xen canh, làm và bón các loại phân hữu cơ, công việc dẫn thủy nhập điền như đào ao, vét giếng, dùng cần vọt để mức nước tưới, hay lợi dụng các khe suối để đắp đập ngăn nước. Đặc biệt, việc làm các bờ cừ cản dòng sông để dựng lên những bờ xe nước với vật liệu chính là những cây tre lớn để đưa nước từ sông lên tưới cho đồng ruộng là một thành tựu lâu đời của người dân Sơn Tịnh trong sản xuất nông nghiệp. Từ thời xưa, Sơn Tịnh là một trong những địa phương của Quảng Ngãi trồng nhiều loại cây lương thực, công nghiệp có giá trị như lúa, mía, bắp, ớt, dâu tằm, lạc... với năng suất cao, sản lượng lớn, không những đáp ứng nhu cầu trong huyện mà còn cung cấp cho nhiều nơi khác.

Sơn Tịnh cũng có nhiều làng nghề truyền thống, đặc biệt là nghề nấu đường thủ công khá nổi tiếng. Hầu như làng nào cũng sản xuất các loại đường như đường phi, đường muống, đường dinh, bạch đường... Nghề ương tơ, dệt lụa ở Sung Tích, Tịnh Long và các vùng ven sông Trà Khúc; nghề dệt chiếu cói, làm dây dừa ở Tịnh Khê; nghề

làm muối, nghề chằm nón ở Tịnh Bình, Tịnh Thọ từng nổi tiếng một thời. Riêng nghề làm lược sừng và một số vật dụng bằng sừng ở Tịnh Hà; nghề đan lát ở Tịnh Ấn Tây; nghề rèn ở Tịnh Minh... đang từng bước được mở rộng, đem lại nguồn thu nhập khá lớn cho nông dân.

Nhân dân Sơn Tịnh có truyền thống hiếu học. Thời nhà Nguyễn huyện có khoảng hơn 30 người đỗ cử nhân, phó bảng và tiến sĩ. Có người làm chức quan to trong triều đình và có nhiều đóng góp vào sự nghiệp văn học nước nhà như Trương Đăng Quế, quê ở Mỹ Khê (Tịnh Khê ngày nay), đỗ Cử nhân năm 1819 tại Trường thi Trục Lệ (Thừa Thiên), được xem như người "khai khoa" của tỉnh Quảng Ngãi, làm đến chức Cần Chánh điện Đại học sĩ, Cố mệnh lương thân qua 3 đời vua. Năm 1863, ông xin về hưu ở tại quê nhà; mất năm 1865, thọ 72 tuổi, được tặng hàm Thái sư. Với trọng trách là Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn, ông đã đóng góp hoàn thành các bộ sử *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Đại Nam hội điển toát yếu*¹. Ngoài ra ông còn để lại nhiều tác phẩm như *Quảng Khê thi tập*, *Học văn dư tập*, *Nhật Bản kiến văn lục*. Các ông Lê Thúc Đôn ở Phú Nhơn (nay là thị trấn Sơn Tịnh) đỗ Phó bảng khoa Mậu Tuất (năm 1838); Đỗ

1. "Kiểm kê phân loại và sơ bộ đánh giá tác phẩm *Trương Đăng Quế*" của Giáo sư Trần Nghĩa, nguyên Viện trưởng Viện Hán Nôm, trong tập *Kỷ yếu Hội thảo khoa học lần thứ nhất về Trương Đăng Quế* do Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi phát hành năm 1994.

Đặng Đệ ở Châu Sa (Tỉnh Châu) đỗ Phó bảng năm 1842; Trương Đăng Trinh (cháu ruột của Trương Đăng Quế) là người đỗ Tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1843. Cử nhân Lê Trung Lượng, cha của Cử nhân Lê Trung Đình được vua Tự Đức khen là "thanh như Lượng". Một số người học rộng tài cao nhưng không đi thi, ở nhà bốc thuốc dạy học, giúp đỡ dân nghèo, giúp dân đắp đập lấy nước tưới cho ruộng đồng như ông Đồ Lâm ở Khánh Vân (Tỉnh Thiện), Đinh Duy Tự (còn gọi là Nghê Kim) ở Tịnh Trà.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, người dân Sơn Tịnh lại càng phát huy truyền thống hiếu học của cha ông; hàng chục tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, các giáo sư đã thành đạt trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: vật lý, sử học, giáo dục học, tâm lý học, y khoa, triết học, kiến trúc, ngôn ngữ học, điện lực, âm nhạc, cơ học, toán học, ngoại ngữ, văn hóa, ra đa, lâm nghiệp, kinh tế, chăn nuôi.... Tiêu biểu như Giáo sư, Tiến sĩ vật lý ngành kim loại học đầu tiên của nước ta Lê Công Dưỡng quê ở thôn An Thọ (Tịnh Sơn); Giáo sư, Tiến sĩ sử học, Nhà giáo Nhân dân Phan Ngọc Liên quê ở Châu Sa (Tỉnh Châu); Giáo sư, Tiến sĩ khoa học cơ học Đỗ Sanh (Tỉnh Châu); Phó giáo sư, Tiến sĩ nông nghiệp ngành chăn nuôi Lê Thanh Hải quê ở Phước Bình (Tịnh Sơn), người đã đạt giải thưởng Hồ Chí Minh do Đảng và Chính phủ trao tặng năm 2000 và nhiều trí thức tên tuổi khác như Tiến sĩ văn học Lê Ngọc Trà, Phó giáo sư văn hóa Trường Lưu, Tiến sĩ triết học Lưu Hà Vĩ, Tiến sĩ kinh tế Lê Kim Bảng... Bên cạnh đó, nhiều

nhạc sĩ, nhà văn, nhà giáo có tên tuổi cũng sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Sơn Tịnh, được nhiều người biết đến như nhạc sĩ Trương Quang Lục, nhà văn Đoàn Minh Tuấn...

Sơn Tịnh là quê hương của những nhà hoạt động chính trị, những nhà quân sự tài ba, trưởng thành trong các phong trào đấu tranh của dân tộc, như Anh hùng dân tộc Trương Định quê ở thôn Tư Cung (Tịnh Khê) theo cha vào Nam lập nghiệp, làm chức Quản binh cơ, đã không tuân lệnh triều đình Huế, lãnh đạo nhân dân Gò Công (nay là tỉnh Tiền Giang) nổi dậy chống Pháp và đã hy sinh anh dũng trong một trận chiến đấu quyết liệt với quân thù vào ngày 20-8-1864. Nhớ ơn ông, nhân dân Gò Công đã lập đền thờ và thêm chữ lót vào giữa họ tên ông thành Trương Công Định. Hiện nay nhân dân đã tạc bức tượng đồng nặng 300 tấn, đặt tại công viên ở giữa thị xã Gò Công để nhân dân các nơi về chiêm ngưỡng. Ở làng Hòa Bân (Tịnh Thiện) có nhà thờ vọng Trương Định và vợ là bà Lê Thị Thuởng.

Cử nhân Lê Trung Đình người làng Phú Nhơn (nay là thị trấn Sơn Tịnh) đã tập hợp nghĩa quân hưởng ứng chiếu Cần Vương và tổ chức đánh chiếm thành Quảng Ngãi, tháng 7-1885. Nhiều sĩ phu yêu nước khác trong huyện đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống thực dân Pháp mà tên tuổi của họ mãi mãi lưu truyền trong sử sách như Cử nhân Nguyễn Đình Quảng, Cử nhân Nguyễn Vịnh, Tôn Đính, Tôn Tường, Mai Tuấn, Mai Bá, Hứa Thọ... Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ,

nhiều tướng lĩnh tài ba đã xuất hiện như Nguyễn Chánh, Trần Quý Hai, Trần Văn Trà, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Võ Thứ, Võ Bẩm, Lê Trung Ngôn, Phan Quang Tiệp, Châu Khải Định, Huỳnh Kim.

Thiên nhiên giàu đẹp, con người tài năng, sáng tạo, cần cù lao động, đáng lẽ cuộc sống của nhân dân Sơn Tịnh phải ấm no, hạnh phúc, nhưng trong thời thực dân đế quốc thống trị, họ phải chịu nhiều khổ cực. Trong quá trình đấu tranh, nhân dân Sơn Tịnh đã xây đắp truyền thống của mình trong truyền thống chung của dân tộc. Cũng như nhân dân nhiều tỉnh khác ở miền Nam Trung Bộ, phần lớn nhân dân Sơn Tịnh vốn là những người nông dân ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, sau khi khởi nghĩa chống lại triều đình phong kiến thất bại, họ bị bắt, bị đẩy vào đây cùng binh lính khai khẩn ruộng đất theo chế độ "binh điền", bị bọn phong kiến, quan lại áp bức, bóc lột tàn tệ. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, họ lại càng khổ hơn vì chính sách kinh tế thực dân kết hợp với phương thức sản xuất phong kiến lỗi thời. Chế độ phong kiến được thay thế bằng chế độ thuộc địa, nửa phong kiến chuyên chế trên toàn cõi Việt Nam, đè nặng trên cuộc sống của người dân Sơn Tịnh.

Sự bóc lột của thực dân Pháp chồng lên sự bóc lột của phong kiến đã ngăn cản, giết chết mọi khả năng phát triển của nền kinh tế địa phương.

Trước hết, về chế độ sưu thuế, cũng như nhân dân cả nước lúc bấy giờ, người dân Sơn Tịnh phải gánh chịu đủ

loại thuế khoá nặng nề: thuế đình, thuế điền, thuế chợ, thuế dò, thuế muối... ngày một tăng. Năm 1932, nhân dân Sơn Tịnh phải nộp thuế điền tho¹ là 8.307,16 đồng², tương đương với giá trị khoảng 400 tấn thóc lúc bấy giờ.

Thuế đình trực tiếp đánh vào dân đình (nam) từ 18-60 tuổi, chia làm hạng người hữu sản và vô sản. Đây là loại thuế rất dã man, ngày một tăng, từ 2,7 đồng lên 3,2 đồng làm cho bao nhiêu gia đình điêu đứng, phải bán đất, cầm nhà, vay mượn, bán vợ dợ con để có tiền nộp thuế, tránh roi vọt, cùm kẹp của quan lại, lý hương.

Ngoài các loại thuế trực thu và gián thu, chế độ sưu dịch cũng vô cùng hà khắc. Trừ một số quan lại, chức dịch có quyền thế được "miễn sai" (nghĩa là không phải đi sưu dịch), còn tất cả nhân dân phải đi sưu dịch, phải đi làm xâu "công ích" hay "tư ích" cho nhà nước bảo hộ hay cho làng nhằm phục vụ bọn thống trị³. Trong những ngày đi xâu, nhân dân phải "cơm nhà, áo vợ" và luôn luôn bị bọn lý hương, cai ký đánh đập, chửi mắng, cúp

1. Năm 1898, thực dân Pháp quy định mỗi mẫu ruộng hạng nhất ở Trung Kỳ nộp 1,5 đồng. Năm 1929 tăng lên 1,95 đồng, năm 1930 tăng lên 2,5 đồng, ruộng hạng nhì là 1,8 đồng, hạng ba là 1,2 đồng.

2. Xem: Nguyễn Bá Trác: *Quảng Ngãi tỉnh chí*, 1933.

3. Lúc đầu mỗi tráng đinh phải làm 48 ngày xâu một năm; sau đó thực dân Pháp quy định làm 24 ngày xâu và nộp tiền 24 ngày (mỗi ngày 7 xu, tất cả là 1,68 đồng). Do nhân dân đấu tranh, về sau Pháp chỉ bắt đi xâu 20 ngày và trả 2,3 đồng cho 28 ngày xâu còn lại.

phạt. Sau những năm tháng đi sâu nơi "rừng thiêng nước độc", nhiều người bị ốm đau, không thuốc men, chết dần, chết mòn.

Để vớt vət nguồn lợi lâm thổ sản trong huyện, năm 1922, thực dân Pháp lập Sở Kiểm lâm ở Kỳ Xuyên (nay thuộc Tịnh Kỳ), Suối Chì, Tân An (Tịnh Đông) cấm dân vào rừng lấy củi, gỗ và đánh thuế nặng các loại lâm, thổ sản khai thác được. Chúng nắm giữ độc quyền rượu, muối, không cho nhân dân làm muối mà phải mua muối của Sở Thương chánh (đóng tại Cổ Lũy) với giá cắt cổ và bắt dân phải mua rượu của hãng SICA¹ (ở Quán Cơm, gần cầu Trà Khúc), được phân bổ theo đầu người một cách cưỡng bức. Ngoài ra, tư bản Pháp còn lập ngân khố ngân hàng cho vay với lãi suất 20% một tháng. Người đi vay phải thế chấp ruộng đất, nếu không trả được vốn lẫn lãi sẽ bị tịch thu nhà cửa, ruộng đất và bị phá sản.

Về chính trị, thực dân Pháp củng cố và xây dựng bộ máy tay sai từ huyện đến thôn xóm để kìm kẹp nhân dân. Các đồn binh gồm lính bản xứ (lính khố xanh) do các sĩ quan Pháp chỉ huy đóng ở một số nơi (Hòa Bản, Quán Cơm) để đàn áp, khủng bố khi có cuộc đấu tranh của nhân dân. Chúng chia nhân dân ra làm nhiều hạng để chia rẽ và thống trị: dân chính quán và dân ngụ cư, người hữu sản và kẻ vô sản, bọn lý dịch, người có phẩm hàm và dân bạch đinh. Nhân dân không được hưởng một chút tự do nào (dù là giả hiệu).

1. SICA là viết tắt cụm từ tiếng Pháp, nghĩa là Công ty công nghệ, thương mại Trung Kỳ.

Thực dân Pháp kìm hãm nhân dân trong vòng ngu dốt, bệnh tật. Cả huyện không có một bệnh viện nào. Đến năm 1921, Trường Sơ đẳng tiểu học¹ mới được thành lập, dành riêng cho con em quan lại, địa chủ. Trong 82 xã (làng) chỉ có 19 trường Kiêm bị², hơn 90% dân số bị mù chữ. Thi hành chính sách ngu dân, chính quyền thực dân và tay sai khuyến khích mê tín dị đoan, duy trì đời sống hủ tục, tạo điều kiện cho bọn buôn thánh bán thần khoác áo tôn giáo mê hoặc nhân dân, tệ nạn xã hội lan tràn.

Cũng như cả nước nói chung, dưới chế độ thực dân, nửa phong kiến, sự phân hóa trong xã hội ở Sơn Tịnh cũng khá sâu sắc.

Giai cấp địa chủ ở Sơn Tịnh chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn ruộng đất. Hàng trăm mẫu ruộng đất tập trung vào tay một số địa chủ như Phùng Đức Siêu (tức Thoan) ở làng Phường Đình (nay thuộc xã Tịnh Hiệp), Bá Lễ, Bang Kinh ở Diêm Điền (Tịnh Hòa), Phan Quang Thao ở Diên Niên (Tịnh Sơn) - một tên địa chủ, cường hào tay sai của Pháp, chiếm đến 285 mẫu ruộng, làm chủ một bờ xe nước và một ngọn núi, bóc lột nhân dân bằng tô, tức (cho vay nặng lãi). Mỹ Khê là sinh quán của các quan lại "nhất phẩm triều đình" thuộc dòng dõi họ Trương, việc chiếm hữu ruộng đất và bóc lột ở đây cũng nặng nề. Một người cháu nội của Cần Chánh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế, được tập ấm chức Tư vụ (nhân

1. Tương đương trường tiểu học bây giờ.

2. Tương đương lớp một, hai ngày nay.

dân thường gọi là ông Tư) đã cướp đoạt nhiều ruộng đất, của cải của dân. Ông ta treo trước nhà tấm biển với dòng chữ "Thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân", để khoe khoang sự giàu sang, quyền thế của một cậu ấm (làm quan tại nhà). Nguyễn Thân, một tên quan lại, địa chủ gian ác, phản động, quê ở Mộ Đức, nhưng dùng uy quyền chiếm 50 mẫu ruộng ở cánh đồng Cây Giá (Tỉnh Thiện). Một số địa chủ, quan lại phản động ở Sơn Tịnh làm tay sai dựa vào thực dân Pháp để bóc lột, đàn áp nhân dân.

Ở Sơn Tịnh chỉ có một số ít tư sản nhỏ Hoa kiều sống tập trung ở các thị tứ Ba Gia, Đồng Ké, Châu Sa, chuyên mua bán thuốc bắc, đường, cho vay nặng lãi. Số đông địa chủ kiêm việc kinh doanh thương nghiệp, thủ công nghiệp; họ có cửa hàng tạp hóa, thu mua, chế biến đường và chỗ đi bán ở trong, ngoài tỉnh. Không có tư sản mại bản, chỉ có một địa chủ ở Mỹ Khê, dòng dõi họ Trương, chiếm hơn 300 mẫu ruộng ở Tư Cung Bắc, Diêm Điền (Tỉnh Hòa), Vạn Thiện (Tỉnh Thiện), Sung Tích (Tỉnh Long) vừa làm chủ thầu cơm cho tù chính trị ở nhà lao Quảng Ngãi và buôn bán.

Nông dân chiếm hơn 90% dân số, nhưng số không có ruộng đất chiếm khoảng 50%, có nơi lên tới 70% (ở các xã Tịnh Khê, Tịnh Thiện). Họ làm thuê, cày rẫy, một nắng hai sương mà không đủ nộp tô, thuế, sưu dịch, sống mòn mỏi trong túp lều tranh dột nát, nhưng vẫn phải lao động cật lực để nuôi sống quan lại, địa chủ, thực dân. Một số người phải bỏ quê hương, đi tha phương cầu thực khắp nơi. Muốn thoát khỏi cảnh cơ cực ở quê hương, họ lại rơi vào kiếp sống của người phu đồn điền cao su, cà phê ở Nam

Kỳ, hay số phận người tá điền nghèo khổ ở miền Tây Nam Bộ; một số gửi thân ở các hầm mỏ hoặc lưu lạc sang các nước phương Tây¹.

Ngư dân vùng biển không có thuyền, mảnh, lưới đi đánh cá nên phải đi làm thuê làm mướn hay đi làm công cho chủ ghe bầu; đánh được cá, họ chỉ được phần nhỏ để sống qua ngày. Những lúc biển động, hoặc mất mùa, họ phải ăn cháo cầm hơi, vay mượn nặng lãi. Những người tiểu thương, dân nghèo thị trấn chuyên buôn thúng bán bưng, lời lãi chẳng có là bao mà phải chịu đủ thứ thuế nên đời sống rất khổ cực.

Tầng lớp tiểu tư sản, trí thức gồm một số giáo viên, công chức nhỏ. Đời sống của họ có khá hơn nhân dân lao động, nhưng bấp bênh. Họ có điều kiện tiếp thu tư tưởng mới và dễ cảm thông với đời sống của nhân dân lao động.

Tóm lại, dưới ách thống trị của chế độ thực dân, nửa phong kiến, nhân dân Sơn Tịnh cũng như nhân dân cả nước phải chịu bao nhiêu cảnh đói nghèo, dốt nát. Song "có áp bức, có đấu tranh": quy luật cơ bản của xã hội có giai cấp đối kháng. Hơn nữa, được nuôi dưỡng trong truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm và bẻ gãy tay sai bán nước của dân tộc, của tỉnh nhà, của địa

1. Theo tài liệu của Tuần vũ Nguyễn Bá Trác, năm 1932 ở Sơn Tịnh có 344 người đi làm ăn nơi khác. Riêng xóm Đồng Trâm (nay thuộc Tịnh Khê) năm 1930 có số dân khoảng 70 người mà có đến 20 người đi tha phương cầu thực không trở về, phần lớn là thanh niên.

phương mình, nhân dân Sơn Tịnh không cam chịu cảnh nô lệ, đã cùng với nhân dân cả nước vùng lên đấu tranh tô thắm thêm truyền thống tốt đẹp của quê hương "núi Ấn, sông Trà".

II- TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN, PHONG KIẾN

Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Sơn Tịnh vốn có truyền thống đấu tranh chống phong kiến và giặc ngoại xâm. Trong cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn 1771, cùng với nhân dân hai phủ Quy Nhơn và Quảng Ngãi, nhân dân Sơn Tịnh nô nức ủng hộ lương thực và gia nhập nghĩa quân tham gia đánh chiếm thành Quảng Ngãi, lập căn cứ Tây Sơn Tả Đạo ở Tuyên Tung trong dãy Cà Ty ở phía tây bắc huyện Bình Sơn, giáp huyện Sơn Tịnh. Tiêu biểu là Đô đốc Trương Đăng Đồ người làng Mỹ Khê (Tịnh Khê) và vợ là bà Nguyễn Thị Dung - một trong 5 nữ tướng tài giỏi của Tây Sơn, đã tích cực giúp sức cho vua Quang Trung đánh đuổi quân Trịnh và giặc Thanh xâm lược, thống nhất non sông. Đến đời vua Cảnh Thịnh, khi Nguyễn Ánh đem quân về đánh lại nhà Tây Sơn, Trương Đăng Đồ và bà Nguyễn Thị Dung dũng cảm chiến đấu, bảo vệ thành Thăng Long. Biết không giữ được thành, Đô đốc Trương Đăng Đồ cùng vợ rút gươm tuấn tiết để giữ tròn khí tiết. Hiện nay phần mộ của vợ chồng Đô đốc Trương Đăng Đồ đã được dời về quê hương.

Khi thực dân Pháp mở đầu cuộc xâm lược nước ta ở Đà

Nặng rồi đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ, nhân dân ta đã hưởng ứng cuộc đấu tranh ngay từ những ngày đầu tiên chống Pháp. Trong phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ phải nói tới vị thủ lĩnh nghĩa quân Trương Định¹.

1. Trương Định sinh năm 1820 ở làng Tư Cung (Tĩnh Khê) nhưng quê ngoại của ông ở Hòa Bân (Tĩnh Thiện). Cha ông là Trương Cẩm giữ chức Vệ úy Hữu thủy vệ tỉnh Gia Định. Năm 1844, ông theo cha vào Nam Kỳ, cùng cha tập hợp binh lính và nhân dân khốn hoang, lập nghiệp, phiên chế thành cơ binh, được phong làm Quản Cơ, nên gọi là Quản Định. Sau khi Pháp chiếm thành Gia Định năm 1859, ông được triều đình phong chức Phó Lãnh binh để phối hợp với quân của Nguyễn Tri Phương chống Pháp. Quân của ông lên tới hàng vạn người, được tổ chức chặt chẽ, lấy Gò Công làm đại bản doanh để mở rộng hoạt động ra các vùng xung quanh và liên tiếp đánh bại các cuộc tiến công của quân Pháp. Tháng 6 năm 1862, triều đình Huế ký Hiệp ước Patenôt nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp và phong ông làm chức Lãnh binh tỉnh An Giang. Ông đã chống lại lệnh của triều đình, ở lại Gò Công tiếp tục lãnh đạo nhân dân chống giặc và được nhân dân phong làm "*Bình Tây Đại nguyên soái Trung thiên tướng quân*". Được sự giúp đỡ nhiệt tình của những trí thức yêu nước như Phan Văn Trị, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, cùng nhiều nhóm nghĩa binh khác, nghĩa quân của ông đã chiến đấu rất dũng cảm với quân Pháp, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Do có sự phản bội, ông đã bị thực dân Pháp vây bắt; quyết không để rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tuẫn tiết. Sau khi ông mất, con ông là Trương Quyền tiếp tục lãnh đạo nghĩa binh kéo lên vùng biên giới sát Campuchia, liên minh với nghĩa quân của Pukumpô tiếp tục chống Pháp. Vợ ông là bà Lê Thị Thuởng, người Tân Hòa, Tân An (tỉnh Long An) trở về quê chồng, được vua Tự Đức cấp

Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân ta đứng lên chống Pháp, tuy không xảy ra trên mảnh đất Sơn Tịnh, nhưng là do những người con anh dũng của quê hương lãnh đạo. Và chúng ta có quyền tự hào về Anh hùng dân tộc Trương Định.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Sơn Tịnh thực sự bắt đầu khi thực dân Pháp chuẩn bị đánh chiếm tỉnh Quảng Ngãi và bọn quan lại phong kiến bạc nhược, sẵn sàng giao nộp thành cho chúng. Nhân dân Sơn Tịnh đã cùng nhân dân trong tỉnh đứng dậy đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Cử nhân Lê Trung Đình¹.

ruộng và tiền để sinh sống, đồng thời xây dựng nhà thờ Trương Định ở quê ngoại làng Hòa Bân (Tịnh-Thiện ngày nay).

1. Lê Trung Đình người làng Phú Nhơn (nay là Tịnh Ấn). Ông học giỏi, thi đậu Cử nhân nhưng không ra làm quan. Vốn có lòng yêu nước, thương dân, căm thù giặc ngoại xâm, ông đã dốc lòng luyện tập võ nghệ, đi khắp nơi trong huyện, tỉnh vận động, tổ chức người tham gia Nghĩa hội văn thân để cứu dân, cứu nước. Ông đã lập căn cứ Tuyền Tung (trong dãy Cà Ty ở phía đông bắc huyện Bình Sơn) và tổ chức đội hương binh do Tú tài Nguyễn Tự Tân làm Phó chỉ huy. Nghe tin Kinh thành Huế thất thủ, hướng theo ngọn cờ Cần Vương của vua Hàm Nghi, ngày 13-7-1885, dưới sự chỉ huy của Cử nhân Lê Trung Đình, nghĩa quân đã bao vây, tấn công đánh chiếm thành Quảng Ngãi, lật đổ bọn quan lại rắp tâm đầu hàng giặc. Nghĩa quân làm chủ 4 ngày đêm và chuẩn bị lực lượng đánh quân Pháp khi chúng kéo đến xâm lược tỉnh nhà. Lê Trung Đình đã nhận định sáng suốt rằng: *"Tây chưa tới nhưng triều đình đã theo Tây, dằng nước ta cho giặc rồi, ta không giành lấy mảnh đất này làm chỗ đứng chân để chống lại chúng còn đợi đến ngày nào nữa"*.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình bị đàn áp, phong trào đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Quảng Ngãi không vì thế mà lắng xuống. Nguyễn Bá Loan (thường gọi là Ấm Loan, người Mộ Đức) và Tôn Tường ở Đông Dương (Tĩnh Án) tập hợp nghĩa quân của Lê Trung Đình, liên kết với phong trào Cần Vương, Quảng Ngãi, Bình Định, hợp lực đánh Pháp và tay sai phong kiến. Năm 1886, nghĩa quân Quảng Nam do Trần Hoàn cầm đầu, cùng nghĩa quân Quảng Ngãi do Tôn Tường chỉ huy đánh quân của Việt gian Nguyễn Thân ở địa phận làng Liên Trì, giết chết tên tướng giặc Lê Thuyên, Nguyễn Thân phải đốt cầu, bỏ chạy (từ đó cầu này có tên gọi là cầu Cháy).

Trong cuộc vận động chống Pháp của Thái Thú (người Thu Xà, Tư Nghĩa, bộ tướng của Nguyễn Bá Loan), ở Sơn

Phong trào đang phát triển thuận lợi thì tên Việt gian Nguyễn Thân phản bội. Lê Trung Đình bị bắt, nghĩa quân bị tan rã.

Không khuất phục được ông, thực dân Pháp đã xử chém ông vào ngày 18-7-1885, tại tây bắc thành Quảng Ngãi. Trước lúc hy sinh, ông bày tỏ khí tiết của mình trong bài thơ nổi tiếng:

"Kim nhật lung trung điều

Minh triều trở thượng ngư

Thử thân hà túc tích

Xã tắc ai kỳ khu".

Dịch nôm:

"Nay là chim trong lồng

Mai là cá trên thớt

Thân này nào đáng tiếc

Thương vận nước gập ghềnh".

Tĩnh, Cử nhân Nguyễn Vĩnh (làng An Phú, nay thuộc xã Tịnh Minh), Tôn Đính (làng Đông Dương, nay thuộc xã Tịnh Ấn Tây) đã bí mật tổ chức lực lượng yêu nước, liên kết với phong trào Cần Vương do Phan Đình Phùng lãnh đạo nổi dậy khởi nghĩa. Họ vận động những người yêu nước, nhất là những người biết võ nghệ, tham gia nghĩa hội, thành lập các đội nghĩa quân làm lực lượng xung kích trong cuộc khởi nghĩa, đồng thời xúc tiến việc xây dựng tổ chức bí mật trong hàng ngũ quân đội triều đình, nhằm thực hiện việc nội công ngoại kích (trong đánh ra ngoài đánh vào). Kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, cả hai cánh quân của Nguyễn Vĩnh rút về núi An Đại (thuộc phủ Tư Nghĩa) để ẩn trú. Quân địch đuổi theo, vây hãm núi An Đại. Hai ngày sau đó, vì lương thực cạn kiệt, nghĩa quân tan vỡ. Các ông Thái Thú, Nguyễn Vĩnh bị bắt và bị xử tử năm Giáp Ngọ (1894).

Năm 1896, cuộc vận động cứu nước mới ở Quảng Ngãi, do Trần Du, người làng Phong Niên (nay thuộc xã Tịnh Phong) lãnh đạo. Phong trào đang phát triển thì tan vỡ do sự phản bội của Chánh tổng Hoàn. Trần Du và một số người lãnh đạo khác bị bắt và bị xử tử tại bãi sông Trà Khúc.

Như vậy, đến năm 1896, phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi, về cơ bản đã chấm dứt sau 11 năm hoạt động (1885 - 1896). Trong phong trào này, cùng với cả tỉnh, nhân dân Sơn Tịnh đã có những người con ưu tú tham gia, nêu cao tinh thần anh dũng, bất khuất chống thực dân Pháp và tay sai.

Vào đầu thế kỷ XX, phong trào cứu nước theo xu hướng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh truyền rộng trong cả nước cũng được các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi hưởng ứng.

Ở Sơn Tịnh, năm 1905, Nguyễn Đình Quảng cùng Cử nhân Nguyễn Thụy (người phủ Tư Nghĩa) và Tú tài Trần Kỳ Phong (người phủ Bình Sơn), ra Hà Nội liên hệ với trường Đông Kinh nghĩa thực để tìm hiểu tôn chỉ, mục đích, mua sách báo tiến bộ và gia nhập Hội Duy Tân. Trở về quê, Nguyễn Đình Quảng cùng với các nhà nho yêu nước khác lập trường lao động tại Sung Tích (Tịnh Long) để giáo dục nhân dân; 150 học sinh theo học. Nội dung giảng dạy ở trường chú trọng tố cáo tội ác của thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn, nêu lên cảnh sống khổ cực của người dân mất nước, kêu gọi tinh thần yêu nước cùng nhau đứng dậy đấu tranh giành độc lập. Nguyễn Đình Quảng đóng vai trò chủ chốt trong phong trào Duy Tân và xây dựng trường, ông biên soạn tài liệu theo sách báo tiến bộ, sáng tác thơ ca để giảng dạy và tuyên truyền trong quần chúng nhân dân, vận động mọi người ủng hộ phong trào Đông Du, tẩy chay hàng ngoại hóa, chống bọn cường hào những nhiều, hà hiếp nhân dân. Quyết tâm của ông là:

"Nếu chẳng ra tay trừ tặc tử

Ngàn năm ôm hận khóc non sông".

Nhân dân Sơn Tịnh nhiệt liệt hưởng ứng phong trào Duy Tân do Nguyễn Đình Quảng đề xướng. Phong trào cắt tóc ngắn, mặc áo cộc, còn gọi là phong trào "Đồng bào" diễn ra sôi nổi ở Quảng Ngãi và các tỉnh Nam Trung Bộ vào những năm 1906 - 1907.

Năm 1908, khi thực dân Pháp và Nam triều công bố việc tăng thuế đinh từ 1 đồng lên 2,4 đồng, thuế điền từ 1,5 đồng lên 2,5 đồng và ban hành nhiều thứ thuế mới; nông dân Quảng Ngãi cùng nông dân các tỉnh bạn nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ. Hình thức đấu tranh chủ yếu là kéo nhau bao vây thành, "đòi khất thuế". Mở đầu là cuộc đấu tranh của nông dân Bình Sơn. Ngày 25-3-1908, hơn 1.500 nông dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa kéo về tỉnh thành đòi giảm thuế và đòi thả những người bị bắt. Công sứ Đôđê cùng bọn phong kiến tay sai ở Quảng Ngãi, một mặt chấp nhận yêu sách của nhân dân để ra, mặt khác tăng cường lính Pháp, lính khố đỏ, lính tập canh giữ thành, ngăn chặn làn sóng người kéo về tỉnh, ra sức khủng bố, đàn áp những người đấu tranh. Phan Kế Năng, viên đội lính tập, theo lệnh quan thầy Pháp đem 100 lính ra cửa Bắc bắn bừa vào quần chúng. Trước tình hình ấy, Cử nhân Nguyễn Đình Quảng, Phạm Tuân cùng các sĩ phu yêu nước ở Quảng Ngãi họp bàn và quyết định đứng ra lãnh đạo phong trào từ ngày 8 đến 17-4-1908. Thực dân Pháp tiếp tục đàn áp, khủng bố phong trào làm nhiều người chết và bị thương. Lực lượng quần chúng vây thành giảm dần và giải tán. Ban lãnh đạo cuộc đấu tranh bị bắt: Cụ Nguyễn Đình Quảng bị kết án tù chung thân và đày đi Côn Đảo¹, Phạm Tuân người thôn Lâm Lộc (Tịnh Hà) bị kết án xử绞.

Trong cuộc khởi nghĩa năm 1916 do Việt Nam Quang

1. Do chế độ lao dịch quá nặng nề, cụ Nguyễn Đình Quảng đã hy sinh ngoài Côn Đảo.

phục hội tổ chức ở Trung Kỳ, hai anh em Mai Bá, Mai Tuấn người làng Sung Tích (Tĩnh Long) gốc ở Phong Niên (Tĩnh Phong) tham gia ban lãnh đạo. Nhân dân và lính tập đóng ở Quảng Ngãi tham gia phong trào này rất sôi nổi. Một phần ba binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở tỉnh tình nguyện làm nội ứng. Thợ mộc, thợ rèn đêm ngày rèn đúc vũ khí. Phụ nữ xay lúa, giã gạo, dự trữ quân lương. Việc chuẩn bị khởi nghĩa đang tiến hành khẩn trương thì bị lộ. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi vẫn nổ ra theo kế hoạch dự định và bị đàn áp, khủng bố dã man.

Nhiều chiến sĩ hy sinh, nhiều người bị bắt, tù đầy, bị xử tử; Mai Tuấn, Mai Bá, Hứa Thọ và Đỗ Chừng người làng Châu Sa (Tĩnh Châu) bị xử chém.

Nhân việc viên Toàn quyền Méc-lanh ban hành chính sách "cải cách hương thôn" và Khải Định ra dụ "cải lương hương chính", những người yêu nước Quảng Ngãi thay đổi hình thức đấu tranh cho thích hợp hơn. Năm 1923, Công ty buôn bán tạp hóa Quảng Hòa Tế, do các ông Võ Đức Liên, Võ Tấn, Trương Quảng Xứng (Cửu Xứng - thị trấn Sơn Tịnh) và Trương Quang Cận (Tĩnh Trà) thành lập và đặt trụ sở ở Quán Cơm. Công ty Trung Kỳ thực nghiệp chuyên buôn bán vải nội hóa, đặt trụ sở tại Đồng Ké do ông Phan Đình Hiến làm chủ hiệu. Về sau, do phát triển lớn mạnh, Công ty dời trụ sở về Quán Cơm có ông Võ Cừ (Tĩnh Hà) tham gia. Cửa hiệu ở Đồng Ké trở thành đại lý của Công ty. Ngoài ra còn có cửa hiệu "Nghĩa Lợi" chuyên buôn bán tạp hóa đặt tại Hàng Da (Tĩnh Phong), đây là chi nhánh của Hội Trung Kỳ thực nghiệp sau này. Công ty

Quảng Hòa Tế và Trung Kỳ thực nghiệp là nơi góp phần cung cấp tài chính cho Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi hoạt động.

Một hoạt động có ý nghĩa lớn của phong trào yêu nước Quảng Ngãi vào những năm 1923 là hoạt động của cụ Trương Quang Cận (tức Hương Năm) ở thôn Trà Bình Trại (nay thuộc Tịnh Trà). Lợi dụng dụ "cải lương hương chính", Trương Quang Cận vận động nhân dân địa phương xây dựng bản hương ước nhằm sửa đổi, xóa bỏ những hủ tục của làng và đặt ra những quy định mới. Nội dung chính của bản hương ước gồm các khoản sau đây:

- Vận động nhân dân trong làng lập hội đồng canh, đẩy mạnh việc trồng lúa, bắp, khoai, mỳ, chè, quế, tiêu, mít. Hoa lợi thu được bỏ vào quỹ nghĩa sương của làng, chia theo ngày công và dùng vào việc công ích, trợ cấp cho người già yếu, tàn tật, gia đình nghèo khó, dùng để xây dựng trường học, cấp giấy bút cho học sinh nghèo học giỏi và trợ cấp cho những người đi học ở xa.

- Giảm việc cúng tế linh đình, tiết kiệm trong việc ma chay, cưới xin, giỗ, tết ở từng gia đình.

- Việc ăn ở đi lại trong làng phải thể hiện nếp sống văn minh, sạch sẽ; đường thôn, ngõ xóm được mở rộng.

- Toàn dân trong làng đều phải tham gia giữ gìn trật tự, an ninh, nhất là bảo vệ tài sản chung của làng, của hội đồng canh, nghiêm trị tội gian tham, rượu chè, cờ bạc.

Qua mấy vụ mùa và những hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, đời sống của nhân dân Trà Bình Trại có những đổi thay. Mọi người phấn khởi, vui tươi, tự xem quê hương mình là "Cộng sản lạc thôn". Ảnh hưởng của Trà

Bình Trại lan dần đến các xã lân cận. Nhân dân Phường Đình (Tĩnh Hiệp), Hà Tây (Tĩnh Hà), Phong Niên (Tĩnh Phong), An Điền (thuộc huyện Bình Sơn)... cử người đến học tập và làm theo.

Phong trào đang phát triển thì ngày 19-3-1926, cụ Trương Quang Cận mất khi đang làm nhiệm vụ bảo vệ tài sản của làng. Nhân dân Trà Bình Trại và nhiều nơi trong tỉnh vô cùng thương tiếc.

Sau khi Trương Quang Cận mất, Hội đồng canh Trà Bình Trại tiếp tục hoạt động dưới sự lãnh đạo của ông Trương Quý Phương. Nhớ công lao của Trương Quang Cận, năm 1930, Hội đồng canh Trà Bình Trại đã xây lăng và bia tưởng niệm ông. Tuy công việc làm được chưa nhiều, song Hội đồng canh đã để lại trong lòng nhân dân địa phương ấn tượng sâu đậm, thể hiện ý chí, nguyện vọng và năng lực tự quản lý cuộc sống của người dân thôn dã.

Cùng với các phong trào trên, phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột của nhân dân Sơn Tịnh vẫn được duy trì. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nông dân làng Đông Dương (nay thuộc xã Tịnh Ấn) chống địa chủ Thanh vào năm 1923; không cam chịu bị bóc lột tô tức nặng nề, nông dân đã kéo đến, xông vào lấy 300 ang lúa đem chia cho người nghèo.

Phong trào yêu nước và đấu tranh chống thực dân phong kiến chứng tỏ nhân dân Sơn Tịnh giàu lòng yêu nước, nặng chí căm thù, quyết tâm đánh đuổi giặc cướp nước và bọn bán nước để giành độc lập cho Tổ quốc. Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, tuy các sĩ phu có lòng nhiệt tình yêu nước đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh,

nhưng do những hạn chế về nhận thức và thiếu đường lối lãnh đạo đúng, nên phong trào đã thất bại.

Sơn Tịnh, mảnh đất giàu đẹp, thiên nhiên vừa khắc nghiệt vừa ưu đãi, đã sản sinh ra những người dân cần cù; chịu thương, chịu khó, thông minh, có kinh nghiệm lao động sản xuất, có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh bất khuất. Cũng vì vậy, nơi đây đã có nhiều phong trào yêu nước sôi nổi, liên tục, góp phần đáng kể vào phong trào chung của tỉnh, cả nước, là địa phương có những người con ưu tú, trong từng giai đoạn lịch sử, cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc.

Truyền thống tốt đẹp và sức sống mãnh liệt của nhân dân Sơn Tịnh đã hòa chung trong những trang sử đấu tranh vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Yêu nước, giàu óc sáng tạo, lao động cần cù, có tinh thần hiếu học, trọng nhân nghĩa, yêu lẽ phải, ghét áp bức bóc lột, quý tự do là những đặc trưng nổi bật của người dân Sơn Tịnh. Truyền thống yêu nước ấy là nhân tố cơ bản, vô cùng quan trọng làm nền tảng cho sự tiếp thu nhanh chóng chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần Cách mạng Tháng Mười Nga, dẫn đến việc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Sơn Tịnh năm 1927 và chi bộ "Dự bị cộng sản" năm 1929.

PHẦN THỨ NHẤT

**QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ SỰ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG BỘ TRONG GIAI ĐOẠN
ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1929-1945)**

ĐẢNG BỘ SƠN TỈNH RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

I- QUÁ TRÌNH RA ĐỜI CỦA ĐẢNG BỘ

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân các thuộc địa, Đông Dương trở thành địa điểm khai thác chủ yếu của chúng. Tình hình đó dẫn đến những biến đổi lớn trong đời sống kinh tế - xã hội nước ta và sự phân hóa giai cấp ngày càng rõ rệt. Mâu thuẫn chủ yếu giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc.

Năm 1911, người thanh niên Việt Nam yêu nước Nguyễn Tất Thành nhận thấy con đường cứu nước của các sĩ phu đã thất bại nên quyết tâm ra đi tìm con đường mới. Qua nhiều năm lao động, tìm hiểu thực tế ở nhiều nước, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc nhận ra rằng: dù là thuộc địa hay chính quốc thì ở đâu người dân lao động cũng cực khổ như nhau. Cuối cùng Người đã quyết định đi theo chủ nghĩa Lênin, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người đã

chỉ cho nhân dân ta con đường cứu nước đúng đắn, đó là: con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính, đấu tranh giành độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

Bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Mặc dù thực dân Pháp ra sức bưng bít, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, Cách mạng Tháng Mười Nga, nhưng tư tưởng cách mạng vô sản vẫn tràn vào Việt Nam. Nhân dân ta bí mật truyền cho nhau tờ báo *Người cùng khổ*, tập sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* và nhiều báo chí cách mạng khác, được đưa từ nước ngoài về. Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

Tại Quảng Ngãi, do ảnh hưởng chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tầng lớp tiểu tư sản ngày càng đông, nhưng số lượng công nhân vẫn còn ít ỏi. Bên cạnh số trí thức Nho học tiến bộ, xuất hiện trí thức tân học, đã dần trở thành nhân tố mới góp phần làm chuyển biến phong trào yêu nước, cách mạng ở Quảng Ngãi từ những năm 20 của thế kỷ XX.

Các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi nói chung, Sơn Tịnh nói riêng, tiếp tục lãnh đạo nhân dân đứng lên làm cách mạng dân chủ tư sản với nhiều hình thức khác nhau, như lập hội buôn, mở trường học, lập hội cày, cải cách phong tục, vận động thanh niên xuất dương sang Pháp, Trung

Quốc, đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh. Tuy nhiên, tư tưởng dân chủ tư sản không có ảnh hưởng lớn ở Quảng Ngãi, vì thiếu cơ sở kinh tế - xã hội vững chắc. Nhân dân Quảng Ngãi nói chung, nhân dân Sơn Tịnh nói riêng nhanh chóng tiếp nhận con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam. Năm 1923, ở Quảng Ngãi đã xuất hiện các tổ chức yêu nước lấy tên là "Hội Thiếu niên ái quốc", "Công ái xã", hội viên chiếm đa số là thanh niên. Họ tích cực tham gia nghiên cứu sách báo tiến bộ, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin qua các tài liệu viết bằng chữ Hán. Tuy nhiên, các hội này cũng chưa có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động rõ ràng.

Tháng 3 - 1921, cụ Trần Kỳ Phong ra khỏi tù về tỉnh. Cụ là một nhà nho yêu nước quê ở Bình Châu (Bình Sơn), đã tham gia các phong trào Duy Tân, chống thuế ở Quảng Ngãi và bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Tại đây cụ đã gặp Nguyễn Đình Kiên (một trong những người lãnh đạo Hội Phục Việt) và chịu ảnh hưởng tư tưởng cách mạng tiến bộ. Được Trần Kỳ Phong giới thiệu với Nguyễn Đình Kiên, hai đồng chí Hồ Độ và Nguyễn Bút đã ra Vinh (Nghệ An) bắt mối liên lạc và gia nhập Hội Phục Việt, sau đó trở về Quảng Ngãi xây dựng tổ chức này với sự tham gia của hầu hết các hội viên Công ái xã.

Tại Sơn Tịnh, ngay từ cuối năm 1924, Phạm Viết My, người làng Sung Tích (Tịnh Long), Đặng Tòng, người làng Hòa Bân (Tịnh Thiện), Đỗ Minh Châu, người làng Phú Nhơn (nay là thị trấn Sơn Tịnh) cùng một số thanh niên yêu nước, vốn chịu ảnh hưởng tư tưởng tiến bộ của cụ

Trần Kỳ Phong, khi ra học ở Huế được trực tiếp đọc sách báo nói về chủ nghĩa Mác - Lênin do Nguyễn Ái Quốc chuyển từ nước ngoài về và đến nhà Phan Bội Châu ở Bến Ngự để nghe cụ giảng giải về tình hình thời cuộc. Phạm Viêt My, Đặng Tông, Đỗ Minh Châu tham gia các cuộc bãi khóa của học sinh Trường Kỹ nghệ thực hành. Khi Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam, họ đã tham gia phong trào đòi ân xá Cụ và để tang Phan Chu Trinh. Sau đó, các đồng chí Phạm Viêt My, Đặng Tông, Đỗ Minh Châu... bị buộc tội cầm đầu các cuộc biểu tình đấu tranh nên bị đuổi học về quê. Một thời gian sau, các đồng chí Phạm Viêt My, Đặng Tông... vào Sài Gòn làm việc ở hãng buôn Sacneo, xí nghiệp sửa chữa ô tô Xanh Cutoa, tham gia các phong trào đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, sa thải công nhân... rồi lại trở về tỉnh tiếp tục hoạt động.

Trong số những thanh niên trí thức tiến bộ thời bấy giờ có một nhân vật giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng bộ Quảng Ngãi và Sơn Tịnh, đó là đồng chí Trương Quang Trọng¹.

1. Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, thị trấn Sơn Tịnh). Năm 1923, Trương Quang Trọng thi đậu Cao đẳng tiểu học ở Huế; năm 1925 theo học Trường thuốc (Cao đẳng Y dược) Hà Nội đã tham gia các phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu, để tang Phan Chu Trinh và là thành viên của tổ chức Phục Việt. Bị địch theo dõi, Trương Quang Trọng trở về quê bắt liên lạc với Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha thành lập tổ chức Phục Việt (sau đổi là Tân Việt) Quảng Ngãi. Tổ chức này gồm đa số là trí thức Nho học tiến bộ và thanh niên tân học.

Mùa hè năm 1927, Nguyễn Thiệu (người Mộ Đức - cùng học với Trương Quang Trọng và Phạm Văn Đồng ở Hà Nội) với danh nghĩa là đại diện Tổng bộ Thanh niên phụ trách Kỳ bộ Trung Kỳ về Quảng Ngãi, cùng với những người trong Tỉnh bộ Tân Việt như Hồ Độ, Trương Quang Trọng và một số thanh niên họp tại một địa điểm ở Hòa Bân (Tĩnh Thiện) để bàn việc mở các lớp huấn luyện, gây dựng cơ sở của tổ chức Thanh niên Quảng Ngãi.

Sau khi tiếp thu nội dung, tinh thần cơ bản của Chương trình, Điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên¹, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tập hợp trong cuốn *Đường cách mệnh*, những thanh niên tiến bộ của Đảng Tân Việt ở Quảng Ngãi, như Hồ Độ, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm... thống nhất gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tại một cuộc họp được tổ chức tại bờ biển Mỹ Khê (Tĩnh Khê), gồm một số đồng chí như Hồ Độ, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Lê Trọng Kha, Phạm Việt My, Huỳnh Tấu, Đặng Tòng..., với sự tham dự của đồng chí Nguyễn Thiệu, tổ chức Tân Việt ở Quảng Ngãi chính thức tuyên bố chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một bước tiến mới trong phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi.

Sau hội nghị ở Mỹ Khê, cơ sở Tỉnh hội Việt Nam Cách

1. Còn gọi là "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội".

mạng Thanh niên Quảng Ngãi được phát triển nhiều nơi trong tỉnh. Những đảng viên tích cực, tiến bộ của Đảng Tân Việt và nhiều thanh niên yêu nước khác được kết nạp vào Hội. Thông qua các tờ báo *Dân cày* và *Thanh niên* của Tỉnh bộ, những tài liệu văn kiện của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được phổ biến đến các hội viên và qua hội viên đến với quần chúng nhân dân. Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá ngày càng sâu rộng ở Sơn Tịnh.

Vào cuối tháng 4-1927, tại một địa điểm trên bãi cát sông Trà Khúc trước Văn Thánh, cuộc hội nghị thành lập Huyện bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Sơn Tịnh, do đồng chí Trương Quang Trọng chủ trì đã bầu ra Ban Chấp hành Huyện bộ gồm 7 ủy viên chính thức: Trương Quang Trọng, Phạm Viết Mỹ, Đặng Tông, Võ Khoa, Phạm Viết Dương, Đỗ Minh Châu, Bùi Khanh và 2 ủy viên dự khuyết: Nguyễn Phước và Võ Mậu. Đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư Tỉnh bộ, được bầu kiêm Bí thư Huyện bộ Sơn Tịnh.

Huyện bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Sơn Tịnh chủ trương đẩy mạnh các hoạt động hợp pháp qua việc bài trừ mê tín dị đoan, sửa đổi việc cúng tế ở đình làng, trong gia đình đơn giản hơn, dùng hoa lợi thu hoạch ruộng tế điền để xây dựng trường học, lập các tổ chức ái hữu, đồng canh, trợ táng, vận động đòi quyền bình đẳng cho nhân dân. Từ cuối năm 1927 đến đầu năm 1928, phong trào cách mạng trở nên sôi động, phát triển ở nhiều nơi trong huyện; cơ sở cách mạng phát triển trong bộ máy chính quyền địch.

Khoảng tháng 5-1928, đồng chí Đỗ Minh Châu, Ủy viên Ban Chấp hành Huyện bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Sơn Tịnh, được Tỉnh bộ Quảng Ngãi ủy nhiệm làm đại diện đi dự Hội nghị Kỳ bộ của Đảng Tân Việt tại Vinh (Nghệ An). Đồng chí đã tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của các đảng viên Đảng Tân Việt để lôi kéo những đảng viên tiến bộ của đảng này gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoặc trong trường hợp nào đó có thể phối hợp hành động chống đế quốc, phong kiến. Vào lúc này, đồng chí Đặng Tòng được phân công vào hoạt động ở hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.

Tháng 7-1928, trong Hội nghị đại biểu của Kỳ bộ Việt nam Cách mạng Thanh niên Trung Kỳ, họp tại Đà Nẵng, các đại biểu đã sôi nổi thảo luận về sự phát triển của phong trào cách mạng ở các tỉnh Trung Kỳ cũng như tình hình chung của Tổng bộ và việc chuyển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lên Đảng Cộng sản.

Mùa thu năm 1928, đồng chí Đỗ Minh Châu cùng hai đồng chí khác được Tỉnh bộ cử đi tập huấn ở Quảng Châu, Trung Quốc. Khi ra đến Hải Phòng, các đồng chí phải chờ tàu trong suốt 2 tháng liền mà không đi được, đành trở về.

Tháng 4-1929, đồng chí Trương Quang Trọng, Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi, giao nhiệm vụ cho đồng chí Đỗ Minh Châu vào Sài Gòn tìm bắt liên lạc với đồng chí Phạm Văn Đồng, đang dạy học ở trường Huỳnh Khương Ninh.

Tháng 5-1929, đồng chí Trương Quang Trọng đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Quảng Châu, Trung Quốc). Tại Đại hội đã diễn ra sự tranh luận gay gắt về việc nên hay chưa nên thành lập một chính đảng cộng sản để đảm nhận vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng. Bởi vì, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chỉ là một tổ chức yêu nước chứ chưa có đường lối rõ ràng. Cuộc thảo luận về việc thành lập Đảng Cộng sản không đạt được sự nhất trí, đoàn đại biểu Bắc Kỳ bỏ về. Đại hội này đánh dấu sự tan vỡ và phân liệt của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Sau khi về tỉnh, đồng chí Trương Quang Trọng tổ chức Hội nghị Tỉnh bộ Thanh niên để thông báo tình hình của Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tình hình các tổ chức cộng sản trong nước. Các đồng chí tham dự Hội nghị đã tranh luận sôi nổi về việc tiến tới xây dựng một tổ chức cộng sản, nhưng còn lúng túng về phương pháp tiến hành.

Tháng 6-1929, đồng chí Nguyễn Sĩ Sách, Ủy viên Kỳ bộ Trung Kỳ, vào Quảng Ngãi tìm bắt liên lạc và giao cho đồng chí Trương Quang Trọng tập tài liệu cùng truyền đơn nói về sự ra đời của tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng. Đồng chí Trương Quang Trọng tổ chức nhiều cuộc họp để trao đổi về việc tiến tới thành lập tổ chức cộng sản.

Tại cuộc họp ở núi Xương Rồng (Đức Phổ) vào cuối tháng 7-1929, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đã nhất trí thành lập chi bộ "Dự bị cộng sản" gồm các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Trọng, Phạm Viết My, Đặng Tòng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha. Tổ chức

"Dự bị cộng sản" làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi. "Đây là bước trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức cộng sản chính thức ở Quảng Ngãi để hòa nhập vào xu hướng thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước". Hội nghị thông báo danh sách các đồng chí bị lộ, đồng thời đề ra những biện pháp tích cực chuẩn bị đối phó với những cuộc khủng bố của địch.

Tháng 8-1929, tại Văn Thánh, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập Hội nghị thành lập tổ chức "Dự bị cộng sản" của huyện Sơn Tịnh làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ huyện gồm các đồng chí Phạm Viết My, Trương Quang Trọng và Đặng Tông. Đồng chí Phạm Viết My được chỉ định phụ trách chung.

Hội nghị thông qua chương trình hành động trước mắt như rải truyền đơn, dán áp phích để phát động phong trào đấu tranh trong huyện. Nội dung truyền đơn, áp phích ghi rõ các vấn đề:

- Bỏ thuế đinh, thuế điền, giảm tô, xoá nợ cho dân nghèo.

- Chống bắt lính, bắt sưu, mở thêm trường học, nhà thương.

- Tự do đi lại, tự do lập hội, tự do ngôn luận.

- Nam nữ bình quyền.

Truyền đơn, áp phích được tung ra trên các trục lộ chính của huyện gây tiếng vang lớn trong quần chúng nhân dân. Bọn thực dân và tay sai hoang mang lo sợ, tìm mọi cách để dập tắt phong trào, cho bọn mật thám

toả ra khắp các thôn xóm để dò la, rình bắt những người yêu nước.

Trước tình hình đó, các đồng chí lãnh đạo tổ chức "Dự bị cộng sản" ở huyện chủ trương phải kịp thời cho người thoát ly, di vào các nhà máy, đồn điền, bến cảng để tiếp tục hoạt động bí mật, thực hiện "vô sản hóa", đồng thời nêu rõ mỗi đồng chí phải giữ vững khí tiết, nhất quyết không khai báo khi bị địch bắt, tra tấn để bảo vệ những cán bộ còn lại.

Từ hạ tuần tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, đa số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh cũng như các huyện đều bị bắt, như các đồng chí: Trương Quang Trọng, Đỗ Minh Châu, Võ Khoa, Đặng Tòng, Phạm Viết Dương, Bùi Khanh.... Toàn tỉnh lúc này chỉ còn một số đồng chí: Nguyễn Nghiêm, Phạm Viết My, Phạm Sa... tiếp tục hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn. Đồng chí Phạm Viết My được phân công vào Sài Gòn làm công nhân và tìm cách bắt liên lạc với Đảng.

Bọn thực dân Pháp và tay sai phong kiến ra sức tra tấn các chiến sĩ cách mạng bị bắt, và tuyên án từ 1 năm đến 9 năm tù. Chúng tiếp tục truy lùng những người chưa bị sa lưới mà chúng gọi là "tình nghi cộng sản" để mở đầu cho cái gọi là "tiểu trừ cộng sản". Hành động đàn áp, khủng bố của kẻ thù không thể ngăn cản được phong trào cách mạng của huyện Sơn Tịnh phát triển.

Ở trong lao tù, dầu phải chịu bao cực hình, đau đớn, các chiến sĩ cộng sản vẫn giữ vững khí tiết cách mạng. Sau khi bị địch kết án 9 năm tù và đày lên ngục Kon Tum,

đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống dịch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai trên đường 14. Ngày 12-12-1931, tại ngục Kon Tum đã diễn ra cuộc đấu tranh lưu huyết của tù chính trị phản đối việc thực dân Pháp bắt họ phải đi làm đường ở Đăkpet. Dịch thẳng tay đàn áp, bắn vào những người đấu tranh. Khi tên đội Mulét hỏi ai là người chỉ huy, Trương Quang Trọng đã dũng cảm bước lên hàng đầu, phanh áo và chỉ thẳng vào ngực nói: "Le voice". Đồng chí liền bị một loạt đạn của kẻ thù bắn thẳng vào ngực. Kết quả trong cuộc đấu tranh ấy có 8 đồng chí hy sinh và một số đồng chí khác bị thương. Tấm gương gan dạ, kiên cường, dám hy sinh thân mình của Trương Quang Trọng được các thế hệ học tập, ghi nhớ, kẻ thù kính nể¹.

Sự ra đời của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên huyện Sơn Tịnh đánh dấu một mốc lớn trong phong trào yêu nước của nhân dân trong huyện. Trong quá trình hoạt động, mỗi hội viên, cán bộ của Hội không ngừng học tập tiếp nhận tư tưởng tiến bộ theo đường lối của chủ

1. Năm 1938, Đỗ Minh Châu, người đồng chí, đồng đội và đồng hương đã chứng kiến cái chết oanh liệt của Trương Quang Trọng năm ấy, sau khi mãn hạn tù đã cùng gia đình Trương Quang Trọng lên Kon Tum bốc mộ và tìm thấy viên đạn còn nằm trong ngực đồng chí Trương Quang Trọng. Hiện nay mộ đồng chí Trương Quang Trọng tọa lạc trên mảnh đất của họ tộc, tại thôn Trường Thọ, thị trấn Sơn Tịnh và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh.

ngĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga. Với những việc đã làm, Huyện bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Sơn Tịnh đã hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng là tiền thân của tổ chức Đảng Cộng sản huyện Sơn Tịnh.

Giữa năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt, dẫn tới sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong toàn quốc: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sự phát triển của phong trào cách mạng cả nước đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của một tổ chức Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức trên thành một tổ chức cộng sản, thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930 tại Cửu Long, Trung Quốc.

Hội nghị đã thông qua Chính cương, Sách lược vắn tắt của Đảng và các hội quần chúng, vạch ra cho cách mạng Việt Nam đường lối đúng đắn làm cơ sở cho Trung ương Đảng thảo ra Luận cương chính trị sau này. Việc thống nhất ba tổ chức thành một Đảng Cộng sản là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ đây, phong trào cách mạng Việt Nam đã có đường lối cách mạng đúng đắn và do một tổ chức duy nhất lãnh đạo.

Tại Quảng Ngãi, vào tháng 3 năm 1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm đã triệu tập hội nghị hợp nhất tại làng Tân Hội, Đức Phổ, tuyên bố chính thức thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi và chuyển những chi bộ "Dự bị cộng sản" thành những chi bộ cộng sản. Hội nghị

đã bầu ra Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Cuộc họp đầu tiên của Tỉnh ủy lâm thời tổ chức tại nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm, sau khi đánh giá tình hình và bàn việc đẩy mạnh phong trào cách mạng để đáp ứng yêu cầu của quần chúng nhân dân, Hội nghị quyết định tiến hành mấy công tác lớn sau:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng.

- Thành lập cơ quan ấn loát, ra báo, làm thơ ca, hò vè để tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng đến quần chúng nhân dân.

- Xây dựng tài chính cho Đảng và mua phương tiện giao thông liên lạc.

- Tích cực chuẩn bị tài liệu truyền đơn và lực lượng để phát động quần chúng đấu tranh, tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1-5-1930).

- Cử người liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ và Đảng bộ các tỉnh bạn để có sự chỉ đạo phối hợp và thống nhất hành động.

Nhờ có chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, chỉ trong một thời gian ngắn, từ tháng 3 đến tháng 4-1930, tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng đã phát triển mạnh ở khắp các huyện.

Tại Sơn Tịnh, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, lại được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Viết My, Tỉnh ủy viên, các cơ sở cách mạng đã phát triển nhanh. Tài liệu, truyền đơn được tuyên truyền, phân phát rộng rãi khắp các xã. Theo chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, phát triển tổ chức đảng đến đâu đồng chí Phạm Viết My nắm chắc cán bộ cốt cán lãnh đạo quần chúng đấu tranh đến

đó. Đến tháng 4-1930, toàn huyện đã tổ chức được 5 chi bộ: An Vĩnh, Tư Cung Nam, Sung Tích, Đông Dương và Thọ Lộc, sau đó đã phát triển được nhiều chi bộ ở các nơi trong huyện, nhất là vào cuối năm 1930.

Tháng 4 năm 1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập 3 đồng chí Phạm Viết My, Nguyễn Chuân và Tôn Diêm họp tại nhà đồng chí My ở làng Sung Tích để thành lập Đảng bộ lâm thời huyện Sơn Tịnh, gồm 3 đồng chí. Phạm Viết My, Nguyễn Chuân và Tôn Diêm. Đồng chí Phạm Viết My được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy.

Như vậy, sự ra đời của Đảng bộ huyện Sơn Tịnh là một tất yếu, phù hợp quy luật khách quan, là bước ngoặt quan trọng trong phong trào cách mạng của huyện. Từ đây, phong trào cách mạng của nhân dân Sơn Tịnh bước vào một thời kỳ mới.

II- CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

Sau khi được thành lập, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, Đảng bộ huyện Sơn Tịnh đã nhất trí tiến hành ngay các công việc sau đây:

- Bố trí nơi liên lạc và chỉ đạo của Huyện ủy lâm thời tại nhà đồng chí Phạm Viết My.
- Đặt cơ quan ấn loát của Huyện ủy tại Sung Tích (Tịnh Long)¹.
- In các tài liệu như Điều lệ Đảng, bài Quốc tế ca.

1. Đến tháng 7 năm 1930, cơ quan ấn loát của huyện chuyển từ Sung Tích về xóm Gò, Tịnh Khê.

- Dựa vào quần chúng cách mạng ở các cơ sở để phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ và các tổ chức quần chúng.

- Phân công trong Huyện ủy: Phạm Viết My phụ trách chung, Nguyễn Chuân phụ trách khu đông của huyện, Tôn Diêm phụ trách khu tây. Sau một thời gian, các đồng chí Đỗ Xáng, Phạm Đình Dung, Nguyễn Danh (Tư Danh) được bổ sung vào Huyện ủy Sơn Tịnh.

Sau khi Đảng bộ huyện ra đời, các tổ chức quần chúng lần lượt được thành lập ở cấp huyện và cấp xã như Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Hội phụ nữ. Các đội tự vệ đỏ cũng được thành lập, đảm nhận việc canh gác, bảo vệ cách mạng, sẵn sàng đối phó và trừng trị bọn mật thám¹.

Các đồng chí Trần Thanh, Nguyễn Chánh, Phạm Thị Trinh... trong đội tuyên truyền của tỉnh về hoạt động trên địa bàn huyện càng làm cho quần chúng hiểu rõ về Đảng, về cách mạng và sẵn sàng đứng dậy đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng.

Giữa lúc phong trào cách mạng cả nước do Đảng lãnh đạo đạt tới đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh thì cuộc đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi nói chung, Sơn Tịnh nói riêng cũng phát triển sâu rộng và đạt đến độ cao trào.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1930, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời, Huyện ủy Sơn Tịnh phát

1. Tự vệ đỏ Khánh Vân (Tịnh Thiện) đã theo dõi, bắt và trừng trị tên mật thám Hồ Thạc khi y đến dò la tin tức để báo cho địch.

động quần chúng tham gia các cuộc mít tinh ở một số nơi như Tư Cung Nam (Tỉnh Khê), Tư Cung Bắc (Tỉnh Hòa), An Kỳ, An Vinh (Tỉnh Kỳ)... Tại cuộc mít tinh, cán bộ tuyên truyền về ý nghĩa lịch sử ngày Quốc tế lao động, nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta, kêu gọi đoàn kết đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng. Cuộc đấu tranh ở Sơn Tịnh trong dịp 1-5-1930 đã hòa vào cuộc đấu tranh của cả nước và tỉnh nhà, góp phần đáng kể vào thắng lợi chung, làm cho kẻ thù vô cùng hoảng sợ tìm mọi cách khủng bố, dập tắt phong trào.

Để kịp thời rút kinh nghiệm cuộc đấu tranh ngày 1-5-1930, Huyện ủy Sơn Tịnh tổ chức hội nghị đánh giá phong trào đấu tranh vừa qua; chủ trương tiếp tục đấu tranh đòi những quyền lợi cơ bản trước mắt, như xóa bỏ sưu, giảm các thứ thuế, tăng tiền công cày, cấy cho nông dân, giảm miễn nợ lãi, giảm tô, giảm các thứ lễ lộc, vạch mặt bọn gian ác, cường hào hà hiếp nhân dân, đòi tự do hội họp, tự do báo chí, đi lại làm ăn, nêu cao khẩu hiệu ủng hộ "Liên bang Xôviết". Tất cả những việc làm ấy nhằm nâng cao giác ngộ giai cấp của quần chúng cách mạng và đảng viên.

Tháng 6-1930, Đại hội Đại biểu lần thứ I Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được triệu tập tại Đức Phổ và bầu Tỉnh ủy, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Đồng chí Phan Thái Ất (quê Nghệ An), cán bộ của Phân ban Xứ ủy Trung Kỳ cũng tham dự Đại hội. Đồng chí Phạm Viết My được bầu vào Tỉnh ủy chính thức. Căn cứ vào đường lối chung của Đảng, Đại hội quyết định:



Đồng chí TRƯƠNG QUANG TRỌNG (liệt sĩ)
Bí thư Huyện bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên,
tiền thân của Đảng bộ huyện Sơn Tịnh



Đồng chí PHẠM VIẾT MY
Bí thư Huyện uỷ 1930-1931, 1950

- Tuyên truyền giáo dục thật sâu rộng đường lối của Đảng nêu trong Chính cương, Sách lược vắn tắt của Đảng.

- Kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh chống địch trong thời gian tới. Nội dung tuyên truyền và khẩu hiệu đấu tranh trong các cuộc hội họp, mít tinh, báo chí, băng, truyền đơn được nêu rõ: bỏ thuế đinh, thuế dò, thuế chợ, giảm thuế điền, chia lại công điền, giảm tô, nợ lãi, xóa nợ cho dân nghèo không có tài sản...

Cũng trong tháng 6-1930, đồng chí Trần Thanh phụ trách công tác tuyên truyền của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về chi nhánh Công ty Trung Kỳ thực nghiệp ở Đồng Ké (Tỉnh Giang) là cơ quan liên lạc và tài chính của Tỉnh ủy để triệu tập một hội nghị. Cuộc họp có các đồng chí Tư Danh, Phan Đình Hiến (chủ hiệu, còn gọi là Thầy Chín) và Phan Đình Cẩn, tham dự bàn việc tìm địa điểm ẩn lốt tài liệu cho Tỉnh ủy. Thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng chí Phan Đình Cẩn đã về Xuân An (Tỉnh Hòa) tìm gặp hai ngư dân cơ sở của ta là Võ Toàn và Nguyễn Kỳ đề cập đến việc trưng dụng 2 chiếc thuyền của các ông làm nơi ẩn lốt (vì làm trên thuyền giữ được bí mật và dễ di chuyển khi có dấu hiệu bị địch phát hiện).

Đồng chí Phan Đình Cẩn chịu trách nhiệm in ấn và phân phát tài liệu, truyền đơn cho các đồng chí liên lạc để chuyển đi các nơi. Các đồng chí Phan Đình Đán (Ngô Đán) ở Châu Me (Bình Sơn), Nguyễn Thị Thầu (Một Thầu) ở Đông Dương (Tỉnh Ấn Tây), Huỳnh Ước (liên lạc của Tỉnh ủy Quảng Nam) là các đầu mối liên lạc của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Sau một thời gian hoạt động, có đầu mối liên lạc bị lộ, không chịu đựng nổi sự tra tấn của kẻ thù đã khai báo làm cho hầu hết các cơ sở, đầu mối liên lạc của Tỉnh ủy Quảng Ngãi bị vỡ. Một số đồng chí trong chi nhánh Trung Kỳ thực nghiệp ở Đồng Ké bị bắt như Phan Đình Hiến, Phan Đình Cẩn... Đồng chí Phạm Đình Dung (Huyện ủy viên Sơn Tịnh) cũng bị bắt và giam ở nhà lao La Qua (Quảng Nam). Mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, đồng chí Phạm Đình Dung vẫn cắn răng chịu đựng, một mực không khai và đồng chí đã bị thực dân Pháp bắn chết trong tư thế cổ vẫn bị đeo gông tạ. Sự dư luận lên án, bọn địch đã lén đưa thi thể đồng chí Phạm Đình Dung lên thành La Qua rồi dùng dây thả xuống, đem chôn ở chân thành cửa hậu. Tấm gương gan dạ, bất khuất của đồng chí Phạm Đình Dung làm tăng thêm lòng căm thù giặc và tinh thần yêu nước của đồng bào, đồng chí.

Cuối tháng 9-1930, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi được tổ chức với sự tham gia của đồng chí Nguyễn Phong Sắc - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Hội nghị đã vạch ra kế hoạch tiếp tục phát động phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân lên một bước cao hơn và rộng khắp ở các nơi trong tỉnh. Ban lãnh đạo đấu tranh chính và dự bị ở các cấp, đội bảo vệ các cuộc đấu tranh và ban tuyên truyền cổ động làm băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu, truyền đơn được thành lập. Huyện Đức Phổ được Tỉnh ủy chọn làm trước để rút kinh nghiệm chỉ đạo cuộc đấu tranh rộng lớn.

Từ đêm mùng 7-10-1930 đến sáng ngày 8-10-1930, dưới

sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, cuộc đấu tranh của nhân dân Đức Phổ diễn ra với khoảng 5.000 người. Đoàn biểu tình Đức Phổ đã xông vào huyện đường, đốt phá công văn, giấy tờ, hồ sơ, ấn tín, thả tù nhân, dán áp phích, rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm, hô vang các khẩu hiệu, làm chủ huyện lỵ đến 7 giờ sáng ngày 8-10-1930 mới giải tán.

Cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân Đức Phổ là đợt "đột phá đầu tiên" của nhân dân Quảng Ngãi tấn công vào chế độ cai trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, là hành động thiết thực phối hợp và chia lửa với cao trào Xôviết Nghệ Tĩnh. Kẻ thù ra sức khủng bố, dập tắt ngọn lửa đấu tranh đang bùng cháy của nhân dân Quảng Ngãi.

Ngày 13-10-1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghiêm, một cuộc họp được tiến hành để rút kinh nghiệm về các cuộc đấu tranh của nhân dân Đức Phổ và Mộ Đức. Hội nghị đề ra chủ trương, biện pháp quyết giữ vững phong trào và phát động một đợt đấu tranh mới, lấy huyện Sơn Tịnh và phủ Mộ Đức làm trọng điểm. Đồng thời, Hội nghị nhấn mạnh các cấp ủy phải hết sức chú trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong nội bộ Đảng; quan tâm hơn nữa công tác vận động quần chúng, nêu lên các biện pháp cụ thể để củng cố, mở rộng và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng ở các tỉnh bạn.

Hội nghị quyết định chia Tỉnh ủy làm hai bộ phận để lãnh đạo phong trào cho sát hợp. Bộ phận phía nam Trà Khúc do đồng chí Nguyễn Nghiêm phụ trách, bộ phận

phía bắc Trà Khúc do đồng chí Phan Thái Ất đảm nhiệm. Sau cuộc họp này, đồng chí Nguyễn Nghiêm đi công tác ở Quảng Nam, khi trở về đến trạm Nước Mặn (Bình Sơn) thì bị địch bắt. Thừa lúc chúng sơ hở, cơ sở của ta đã nhanh chóng giải thoát cho đồng chí Nguyễn Nghiêm. Sau đó, đồng chí Nghiêm được đưa lên nhà ông Trương Quý Phương ở Trà Bình (Tĩnh Trà). Tại đây, đồng chí Nghiêm đã triệu tập một số thanh niên tiến bộ như Phan Sanh, Võ Chấn và Trương Cầu thành lập chi bộ Trà Bình, đồng chí Võ Chấn được chỉ định làm Bí thư chi bộ, trực thuộc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy. Từ tháng 12-1930, chi bộ Trà Bình được giao cho Huyện ủy Sơn Tịnh trực tiếp quản lý.

Hưởng ứng và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Đức Phổ, Nghệ An, Hà Tĩnh, theo chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Sơn Tịnh khẩn trương chuẩn bị cuộc đấu tranh biểu tình lớn của quần chúng nhân dân trong huyện vào ngày 30-10-1930 và quyết định lấy 3 xã Vĩnh - Kỳ - Xuyên (nay là Tịnh Kỳ) làm điểm xuất phát của cuộc biểu tình. Chi bộ Vĩnh - Kỳ - Xuyên được phân công tìm địa điểm họp và tổ chức lực lượng cảnh giới. Cuộc họp được tổ chức tại chùa An Kỳ với sự có mặt của các đồng chí cán bộ chủ chốt huyện và tổng Châu như các đồng chí Trần Quang Ngọc, Võ Huân, Võ Thọ, Từ Triêm, Võ Ban, Trần Khai, Trần Trọng, Trần Giáp (Xã Cừ)... và đồng chí Trần Thanh (Trần Tư) - cán bộ của tỉnh.

Theo kế hoạch đề ra, các đồng chí Trần Quang Ngọc, Võ Ban, Võ Tép, Mai Thị Thục được phân công chỉ huy đoàn biểu tình, đồng chí Phạm Ngọc Trân diễn thuyết. Chi

bộ Vĩnh - Kỳ- Xuyên giao cho đồng chí Võ Huân chịu trách nhiệm phát lệnh biểu tình đầu tiên tại đình An Vĩnh (Tĩnh Kỳ)...

Đêm mồng 9-9 âm lịch tức là ngày 30-10-1930, tại đình An Vĩnh, 3 hồi trống vang lên báo hiệu giờ quần chúng xuống đường đấu tranh. Từ An Vĩnh, An Kỳ đến Kỳ Xuyên, hàng ngàn quần chúng xếp thành đội ngũ chỉnh tề, theo lệnh chung kéo về huyện lỵ. Nhân dân các làng Sung Tích, An Nhơn, Hòa Bán, Châu Sa... và các xã lân cận đứng chật hai bên đường chờ đoàn biểu tình kéo lên và gia nhập đội ngũ đấu tranh. Đoàn biểu tình hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến khủng bố nhân dân Đức Phổ", "Ủng hộ phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh", "Tăng công cày, công cấy, công gặt cho nông dân"... Trước, trong và sau biểu tình đều có các lực lượng phòng triệt, kiểm soát các ngã đường quan trọng, như đầu cầu Trà Khúc, chợ Châu Sa... nhằm chặn bắt bọn hào lý, mật thám chạy trốn hay đi báo cho địch. Các đội tự vệ đỏ lòng bắt bọn cường hào gian ác, tay sai của thực dân để nhân dân vạch mặt tội phản dân, hại nước của chúng. Các đoàn tham gia cuộc biểu tình đều được tự vệ của địa phương bảo vệ.

Dưới sự chỉ huy của các đồng chí Trần Quang Ngọc, Võ Ban, Võ Tép (Tư Cung Nam), đồng chí Mai Thị Thục (Tư Cung Bắc) giương cao cờ đỏ búa liềm đi tiên phong trong đoàn biểu tình, kéo về huyện lỵ. Đến làng An Nhơn (Tĩnh An) đoàn người tập trung tại gò mả An Nhơn cách huyện lỵ 5km nghe đồng chí Phạm Ngọc Trân diễn thuyết, sau

đó theo đường xóm Mít, Trà Sơn (Tĩnh Ấn) kéo về huyện lỵ. Hoảng sợ trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng, thực dân Pháp tìm cách đối phó. Khi đoàn biểu tình còn cách huyện lỵ 1km, khoảng 30 tên lính khố xanh và lê dương tay lăm lăm cầm súng dàn hàng ngang, chặn đoàn người và sẵn sàng nhả đạn. Một tên chỉ huy đội lính giương cao tấm bảng lớn ghi dòng chữ: "Thừa cơ mật, lệnh truyền tức tốc giải tán. Nhục bất tuân, sức binh xạ tặc vô hối" (nghĩa là: "Mật lệnh truyền xuống, phải giải tán ngay lập tức. Nếu không tuân lệnh, sẽ cho lính bắn chết, đừng ân hận") để uy hiếp tinh thần đoàn biểu tình.

Trước mũi súng thù, quần chúng siết chặt hàng ngũ theo lệnh chỉ huy giương cao bảng cờ hùng dũng tiến lên. Đồng chí Võ Ban thay mặt đoàn biểu tình đưa bản yêu sách, đồng chí Trần Quang Ngọc¹ nói tiếng Pháp với tên sĩ quan Pháp và đề nghị hắn nhận bản yêu sách. Giặc Pháp ngoan cố thẳng tay đàn áp cuộc biểu tình. Chúng giật

1. Trần Quang Ngọc người làng Tư Cung (Tĩnh Khê), tham gia cách mạng từ rất sớm và rất giỏi tiếng Pháp. Trong phong trào khởi nghĩa Quang phục hội, năm 1916, đồng chí được tổ chức đưa vào hàng ngũ quân đội Pháp làm nội ứng và được làm chức Đội. Năm 1925, đồng chí tham gia cuộc binh biến không thành công ở Đà Lạt bị kết án 5 năm tù và đày đi Côn Đảo. Cuối năm 1929, được thả về, đồng chí tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh khai phá ruộng đất hoang hóa, tổ chức vận đổi công và tham gia truyền bá chữ Quốc ngữ, bốc thuốc bắc chữa bệnh cho nhân dân. Đồng chí là người có công xây dựng cơ sở cách mạng ở tổng Châu.

băng, cờ, bắt các đồng chí lãnh đạo đoàn biểu tình như Trần Quang Ngọc, Võ Ban, Võ Tép, Phạm Ngọc Trân, Mai Thị Thục... và ra lệnh giải tán. Lập tức, ban lãnh đạo dự bị đoàn biểu tình do đồng chí Phạm Hồ tiếp tục chỉ huy cuộc đấu tranh, kiên quyết đòi chính quyền thực dân nhận và giải quyết các yêu sách. Giằng co mãi đến 9 giờ sáng, tên sĩ quan người Pháp hứa giải quyết yêu sách, thả những người bị bắt, đoàn biểu tình mới giải tán. Cũng trong ngày biểu tình này, đồng chí Trần Giáp (Tĩnh Kỳ) đã được phân công treo lá cờ đỏ búa liềm trên đỉnh núi Thiên Ấn.

Tại tổng Thượng, tổng Trung và tổng Hòa, cùng chung với khí thế xuống đường rầm rộ của nhân dân tổng Châu, nhân dân đã tổ chức mítting "dạ náo, kêu hú", trưng biểu ngữ, cờ băng trong suốt đêm 30 ngày 31-10-1930 để hưởng ứng. Cờ đỏ búa liềm tung bay khắp nơi: Cây Trâm núi Tròn (Tĩnh Sơn), Gò Cao (Tĩnh Đông), Trung Sơn (Tĩnh Hòa)...

Sau cuộc biểu tình, mítting "dạ náo" của nhân dân khắp nơi trong huyện, bộ máy chính quyền dịch ở cơ sở hầu như bị vô hiệu hóa, các tổ chức đoàn thể phát triển rất nhanh, nhất là tổ chức Nông hội đỏ. Các cuộc đấu tranh đòi giảm tô, tức, đòi bãi bỏ các thứ thuế vô lý dấy lên khá mạnh. Phong trào mạnh nhất là ở các làng An Vinh, An Kỳ, Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc, Sung Tích, Châu Sa, Hòa Bản, Phú Hòa, Thọ Lộc, Trường Xuân, Đông Dương, Tân Phước, Đồng Nhơn, Khánh Mỹ, Trà Bình... Uy tín của Đảng lan rộng; hai tiếng "Cộng sản"

đã vang khắp nơi trong huyện. Hoảng sợ trước sức mạnh của Đảng và khí thế của quần chúng, kẻ thù ra sức chống phá. Chúng tăng cường bộ máy đàn áp khủng bố ở các xã thôn, đem quân về vây bắt hàng chục cán bộ và quần chúng yêu nước như các đồng chí Cao Cái, Trần Kim, Trần Bình, Phạm Thúc, Võ Huân..., truy lùng các cơ sở cách mạng, đóng giữ những nơi "tình nghi có cộng sản hoạt động", trên những trục đường giao thông quan trọng. Ngoài ra chúng còn xây dựng lực lượng bán vũ trang từ huyện xuống xã do các tên bang tá, tổng đoàn, xã đoàn chỉ huy. Từ sau cuộc biểu tình 30-10-1930, thực dân Pháp đặt Sơn Tịnh và Mộ Đức vào tình trạng giới nghiêm, do một viên sĩ quan Pháp nắm quyền cai trị. Thực dân Pháp tăng cường lính lê dương và lính khố đỏ đóng lâu dài ở các đồn Hòa Bán (Tịnh Thiện), chợ Đình (Tịnh Bình), xóm Mít (Trà Sơn) (nay là Tịnh Ấn Đông), cầu Cháy (ranh giới giữa Bình Sơn và Sơn Tịnh trên đường quốc lộ 1), Gò Cao (Tịnh Đông), Kỳ Xuyên (Tịnh Kỳ), Núi Sứa, Quán Cơm (thị trấn Sơn Tịnh). Chúng lập những điểm canh, điểm sở để kiểm soát những người lạ mặt từ làng này sang làng khác.

Mặc dù tình hình hết sức căng thẳng nhưng những tin tức về cách mạng, về Đảng vẫn đến các cơ sở, tới quần chúng lao động. Đặc biệt tin về việc Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ nhất (tháng 10-1930) tại Hương Cảng (Trung Quốc) để thông qua Luận cương của Đảng, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư của

Đảng làm cho nhân dân Sơn Tịnh càng thêm phấn khởi, tin tưởng.

Tháng 12-1930, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi họp tại nhà bà Dương Thị Ngọc (Đông Dương - nay là Tịnh Ấn Tây) do đồng chí Nguyễn Nghiêm - Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì để kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm về chủ trương, kế hoạch tiến hành các cuộc biểu tình toàn tỉnh vừa qua. Hội nghị quyết định đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, chống lại mọi sự lừa bịp, xuyên tạc của địch, chống khủng bố trắng; quyết tâm lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được, đẩy cao trào lên mạnh mẽ hơn nữa; đấu tranh trực diện với kẻ thù ở các huyện, tỉnh lỵ, bao vây cô lập các đồn địch, tuyệt đối không hợp tác, không bán lương thực, thực phẩm cho chúng. Trong hội nghị này, đồng chí Tôn Diêm được bổ sung vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi thuộc Phân ban Bắc Trà.

Sơn Tịnh là nơi sớm nổ ra những cuộc mít tinh và biểu tình lớn, lại có cơ quan Tỉnh ủy đóng nên kẻ địch tập trung chú ý đánh phá. Vì vậy, Tỉnh ủy quyết định chia Huyện ủy thành hai Ban huyện, đồng thời tổ chức "Ban dự bị" để sẵn sàng có người thay thế khi trường hợp bất trắc xảy ra, nhằm kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng phù hợp với tình hình mới. Ban huyện khu đông gồm các đồng chí Phạm Viết My, Nguyễn Chuân, Mai Tòng do đồng chí Phạm Viết My, Tỉnh ủy viên làm Bí thư. Nếu đồng chí Phạm Viết My bị bắt, đồng chí Nguyễn Chuân sẽ

làm Bí thư Ban huyện khu đông. Ban huyện khu tây gồm các đồng chí Tôn Diêm, Trương Hùng, Nguyễn Danh (Tư Danh) do đồng chí Tôn Diêm, Tỉnh ủy viên, làm Bí thư. Nếu đồng chí Tôn Diêm bị bắt thì đồng chí Trương Hùng lên thay. Hai Ban cùng thống nhất một số chủ trương hành động trong thời gian tới với những khẩu hiệu: "Phản đối đế quốc chiến tranh", "Ủng hộ Liên bang Xôviết", "Chia ruộng đất cho dân cày", "Đông Dương hoàn toàn độc lập", "Giảm tô tức, bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế dò". Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bộ phận ấn loát cũng chia đôi mang tên đội tuyên truyền xung kích phụ trách hai khu vực với nhiệm vụ: ấn loát, liên lạc, điều tra, trình sát, diễn thuyết.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, trong tháng 1-1931, một đợt biểu tình sôi nổi của nhân dân Sơn Tịnh nổ ra liên tục đòi giảm sưu thuế và phản đối sự bất công trong xã hội. Mở đầu là cuộc biểu tình ngày 17-1-1931; hơn 2.000 người thuộc tổng Châu được trang bị dây, gậy và mang theo lương thực dưới sự chỉ huy của đồng chí Đỗ Huyền tiến về huyện lỵ¹. Khi đoàn người biểu tình đến ngã huyện lỵ và tiến hành đấu tranh bằng hình thức ngồi trước cổng huyện thì đồng chí Trương Quang Em đã phát cao cờ đỏ búa liềm, kêu gọi mọi người tiếp tục tiến lên.

1. Sau đó đồng chí Huyền bỏ nhiệm vụ thì đồng chí Trương Quang Em đã xung phong cầm cờ tiếp tục chỉ huy cuộc biểu tình.

Đoàn người giơ cao băng cờ và đồng thanh hô vang các khẩu hiệu. Tên tri huyện ra lệnh cho quân lính bắn để ngăn cản bước tiến của đoàn biểu tình làm chết 4 người (Tư Cung Nam 2, Tư Cung Bắc 2), làm bị thương 7 người khác; trong số đó có đồng chí Trương Quang Em. Mặc dù bị đàn áp đẫm máu, các đảng viên, cán bộ và đồng bào vẫn không nao núng, băng bó cho những người bị thương, không cho dịch đem người chết đi nơi khác. Chiều hôm ấy nhân dân ở tổng Châu người cầm cờ, kẻ cầm đuốc đưa người hy sinh về an táng ở địa phương. Với lòng căm thù giặc cao độ, thương tiếc người đã mất, họ vừa đi vừa hô to các khẩu hiệu: "Phản đối hành động giết người vô nhân đạo", "Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến". Nhân dân hai bên đường theo đám tang ngày càng đông. Những người bị thương được nhân dân chăm sóc chu đáo.

Đêm 18-1-1931, quân chúng các làng Thọ Lộc, Trường Xuân, Ngân Giang, Hà Nhai, Lâm Lộc (Tĩnh Hà), Phước Lộc (Tĩnh Sơn) biểu tình thị uy, tập trung tại Gò Tạng (Hà Nhai, Tĩnh Hà) chuẩn bị kéo xuống huyện lỵ. Dịch chặn lại, nổ súng buộc phải giải tán và bắt đi một số người, nhưng đoàn biểu tình vẫn tiến tới, đấu tranh đòi chúng bồi thường thiệt hại và phải băng bó cho chị Nguyễn Thị Hương.

Phản đối việc kẻ thù đàn áp đẫm máu đồng bào tổng Châu, ngày 19-1-1931, khoảng 3.000 đồng bào tổng Thượng, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Nguyễn Giám, Lâm Quang Mậu và Phạm Thị Trinh cầm cờ đi đầu, từ

Đồng Ké kéo xuống chân núi Tròn (Tĩnh Sơn), hợp lực với nhân dân các làng xung quanh đấu tranh. Vào 23 giờ đêm, trong cuộc mít tinh, đồng bào đã đeo băng tang tưởng nhớ những người tổng Châu bị địch bắn giết, giương băng cờ khẩu hiệu kéo đi. Đến những xóm đông người, đoàn biểu tình dừng lại nghe cán bộ diễn thuyết nói lên mục đích cuộc đấu tranh và kêu gọi nhân dân tham gia xuống đường. Cứ thế đoàn biểu tình đi theo đường Hà Nhai (Tĩnh Hà) ngày càng đông hơn. Khi gần tới huyện lỵ, bọn địch vội vã điều lính ra chặn lại, đóng chặt cổng huyện lỵ. Lúc đoàn biểu tình vừa đến cây đa Bà Cháp (gần ngã huyện) thì chúng xả súng bắn làm chết một người. Căm thù càng dâng cao, những người tham gia biểu tình leo tường, mở cổng khiêng người chết xông vào huyện đường đòi bồi thường tính mạng và đòi chúng thực hiện yêu sách. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, tri huyện Nguyễn Hữu Tự phải chịu nhận yêu sách, hứa giải quyết và bồi thường tính mạng cho người bị bắn chết. Cuộc biểu tình giành được thắng lợi. Ban chỉ huy hướng dẫn quần chúng ra về; đến Gò Huyện, đồng chí Trình diễn thuyết lần cuối cùng và tuyên bố giải tán.

Cuộc biểu tình của nhân dân tổng Thượng vừa kết thúc thắng lợi thì khoảng 2.000 đồng bào tổng Trung, do đồng chí Nguyễn Tải chỉ huy, kéo đến tập trung ở Gò Tạng. Đồng chí Tải tố cáo các hành động đàn áp, khủng bố của bọn thực dân phong kiến, đòi thả ngay những người bị bắt, kêu gọi mọi người học tập gương đấu tranh của nhân

dân các tổng trong huyện tiếp tục xuống đường đấu tranh. Đoàn biểu tình chuẩn bị lên đường thì lính lê dương từ thị xã kéo lên bắn xối xả vào những người dân vô tội không một tác sát trong tay làm chết 14 người và hàng chục người bị thương. Nhiều người khác bị bắt mang đi. Tuy bị đàn áp khủng bố ác liệt, phong trào cách mạng ở Sơn Tịnh vẫn tiếp tục dâng cao và giành thắng lợi, bộ máy chính quyền tay sai của địch ở nhiều xã, thôn bị tê liệt. Tại những nơi này, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng và các tổ chức quần chúng như Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, nhân dân công khai hội họp mít tinh, trấn áp bọn tay sai của thực dân Pháp. Công cày cấy, gặt được tăng lên¹; nạn cờ bạc, trộm cắp giảm hẳn. Các đoàn thể quần chúng như Nông hội đỏ, Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên, Hội Cứu tế đỏ... phát triển khá mạnh. Lực lượng tự vệ phát triển ở nhiều nơi, đảm nhận canh gác, bảo vệ các cuộc biểu tình, mít tinh, theo dõi hoạt động của bọn tay sai xã, thôn... Tại tổng Thượng, Đảng bộ đã tổ chức cho tự vệ, xích vệ lên vùng núi An Bàng (thuộc huyện Tư Nghĩa) luyện tập. Số người tham gia lên đến hàng trăm, được nhân dân lo cơm nước đầy đủ và canh gác, báo tin khi có địch đến (tín hiệu bằng đốt rác, đánh mõ).

Qua đấu tranh, những người yêu nước hăng hái tích cực được kết nạp vào Đảng. Tổ chức cơ sở đảng được

1. Trước đó công gặt đập 10 ang/vụ sau tăng lên 11 ang/vụ, công gặt 17 bó lúa lấy 1 bó sau đòi 15 bó lấy 1 bó tự chọn.

thành lập hầu khắp trong huyện. Đến cuối tháng 2-1931, toàn huyện có 25 chi bộ với hơn 100 đảng viên. Mỗi tổng có từ 3 đến 5 đồng chí trong Ban tổng. Số hội viên trong các đoàn thể quần chúng lên tới khoảng 4.000 người. Quần chúng tốt được tổ chức thành đội xích vệ; các xã có từ một đến hai tiểu tổ; đội viên được luyện tập sử dụng súng đạn do một số người đi lính cho Pháp được cách mạng giác ngộ trở về huấn luyện.

Trước cao trào cách mạng dâng cao, thực dân Pháp hết sức lo sợ tìm mọi cách đối phó. Chúng gấp rút tổ chức lại bộ máy cai trị, tăng cường đàn áp, tiến hành khủng bố trắng do tên Công sứ Pháp điều khiển... Tất cả các âm mưu, thủ đoạn và hành động của địch gây cho phong trào cách mạng trong huyện nhiều khó khăn, thử thách mới.

Thi hành chỉ thị "Chống khủng bố" tháng 9-1930 của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Xứ ủy Trung Kỳ tháng 12-1930, đầu tháng 2-1931, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động "3 ngày căm thù" vào dịp Tết Nguyên đán (16, 17 và 18-2-1931) tăng cường cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai.

Chủ trương đó được Huyện ủy Sơn Tịnh tổ chức thực hiện tốt, quần chúng tích cực hưởng ứng. Các cuộc bãi thị, bãi công, không đi lại ban đêm, nổi trống, mõ, tù và để uy hiếp địch diễn ra khắp nơi. Tết năm ấy nhân dân không đốt pháo, không ăn uống linh đình, đâu đâu cũng bàn chuyện cách mạng đánh Pháp và phong kiến tay sai. Chính quyền địch ở các tổng, xã tan rã. Một số đoàn phu,

đoàn thập, do chúng dựng lên để chống lại cách mạng, ta vận động, giác ngộ đã trở thành lực lượng ủng hộ cách mạng.

Kẻ thù ra sức đàn áp, bắt bớ nhân dân và chiến sĩ cách mạng, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên chủ chốt, như đồng chí Phạm Viết My - Bí thư phụ trách Ban huyện khu đông. Do có hình thức tổ chức dự bị, chi bộ dự bị, tổng, huyện đảng bộ dự bị, bí thư dự bị ... nên khi tổ chức hoặc người lãnh đạo chính thức bị võ hay bị bắt thì tổ chức dự bị và người dự bị lên thay. Khi đồng chí Phạm Viết My bị bắt thì đồng chí Nguyễn Chuân lên thay làm Bí thư Ban huyện khu đông. Do đó, phong trào cách mạng trong huyện vẫn được duy trì và tiếp tục phát triển.

Nhằm hạn chế tổn thất do địch gây nên, Huyện ủy chủ trương tăng cường cảnh giác, giữ gìn cơ sở bí mật, những người bị lộ phải tìm cách thoát ly, tranh thủ giáo dục chánh tổng, lý trưởng, hào lý ít nhiều còn có tinh thần dân tộc, cảm tình với cách mạng hoặc ngả về phía cách mạng, để họ thường xuyên báo cáo tình hình của địch cho ta¹.

Để chống địch bao vây phá hoại kinh tế, vợ vét thóc gạo, của cải của nhân dân ta, Huyện ủy chủ trương phát động nhân dân đấu tranh chống địch cướp bóc, lập quỹ

1. Chánh Biên, Đinh Súly (Tĩnh Hòa), Đỗ Yên (Tĩnh Hiệp), Trương Bình (Tĩnh Thiện).

cứu tế đỏ để giúp đỡ nhau khi gặp thiên tai địch họa, vận động, giáo dục một số địa chủ tham gia vào Hội Cứu tế đỏ, trả lại lúa giống cho tá điền và bỏ các thứ lễ lộc vô lý. Một số địa chủ lúc đầu còn ngoan cố, nhưng trước sự đấu tranh của nhân dân, đã chấp nhận thực hiện các chủ trương của cách mạng. Ở các xã dọc sông Trà Khúc, dân thường bị thiếu ăn vào tháng 6, tháng 7, tổ chức Cứu tế đỏ đã vận động nhân dân sản xuất tăng vụ, trồng rau màu ngắn ngày, nhờ vậy đời sống nhân dân không những được ổn định mà còn đóng góp hàng chục tấn bắp tương trợ cho những gia đình vùng lúa gieo gặp khó khăn do mất mùa.

Bên cạnh đó, Huyện uỷ còn chủ trương lập nhiều nhóm nhỏ từ 3 đến 7 người tập trung học chữ Quốc ngữ. Tờ báo *Lưỡi liềm* của huyện, do đồng chí Nguyễn Chuân làm chủ bút, xuất bản được 7 số thì bị địch truy tìm, phải ngừng hoạt động, cơ quan in ấn bị lộ đã nhanh chóng chuyển địa điểm từ tổng Châu lên Đông Dương. Báo chí mới ra đời chưa thật phong phú, nhưng cũng giúp cho cơ quan lãnh đạo kịp thời phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, góp phần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chính trị tư tưởng cho đảng viên, quần chúng.

Ngày 24-3-1931, một cuộc đấu tranh mới nổ ra ở nhiều nơi trong huyện. Ở Hưng Nhượng (Tĩnh Đông), quần chúng kéo tới nhà những tên cường hào gian ác làm tay sai cho địch, vạch tội ác của chúng trước đông đảo nhân dân. Lực lượng tự vệ đỏ làm nòng cốt, phát động



**Nhà đồng chí Phạm Việt My ở Sung Tích, nay là thôn
An Đạo, xã Tịnh Long - địa điểm thành lập Huyện uỷ
lâm thời đầu tiên (tháng 5-1931)**

quần chúng ở các làng An Phú, An Nhơn (Tỉnh An), Mỹ Khê Tây (Tỉnh Khê) gây thanh thế từ làng này sang làng khác, kêu gọi đấu tranh mạnh mẽ với các khẩu hiệu: "Ruộng đất cho dân cày", "Đả đảo bọn cường hào gian ác tay sai của thực dân Pháp", "Giảm tô, giảm nợ lãi, tăng công cấy, công cày"... Khí thế cách mạng ở nông thôn trở nên sôi động.

Cuối tháng 3 năm 1931, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp tại nhà ông Đinh Tuế, xóm Mầm Cây, sau đình Diên Phước (Thế Lợi, Tỉnh Phong), dưới sự chủ trì của đồng chí Phan Thái Ất. Hội nghị chủ trương tuyên truyền giáo dục những vấn đề cơ bản của Luận cương chính trị, nhất là Cương lĩnh ruộng đất của Đảng cho đảng viên, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống khủng bố, chống cướp bóc, đòi địch thả những người bị bắt, đòi bồi thường những thiệt hại do chúng gây ra... Hội nghị đã thông báo về việc đồng chí Nguyễn Nghiêm - Bí thư Tỉnh ủy, bị bắt và quyết định phát động một đợt đấu tranh trên quy mô toàn tỉnh đòi thả đồng chí Nguyễn Nghiêm cùng những người bị bắt và biểu dương lực lượng của quần chúng vào ngày Quốc tế lao động 1-5-1931.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, hai ban Huyện ủy Sơn Tịnh (khu đông và khu tây) tổ chức thảo luận, vạch kế hoạch thực hiện chủ trương của cấp trên, như tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng và nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh chống cướp bóc, đòi địch thả những người bị bắt, bồi thường tính mạng những người bị chúng bắn

chết, chống khủng bố trắng, chống bắt bớ, giam cầm phi lý. Kế hoạch này được triển khai xuống tận cơ sở quần chúng cách mạng.

Trong thời gian này, đồng chí Phan Thái Ất ở tại nhà bà Đốc Bảy (Nguyễn Thị Lương) thôn Phong Niên Hạ (Tịnh Phong). Vào một buổi sáng, địch cho quân về vây bắt, lục soát khắp nơi, song nhờ tinh thần cảnh giác của quần chúng, đồng chí Ất nhanh chóng được chuyển sang nhà bà Mẹo nằm trên giàn xác mía, trong căn nhà tranh vách đất trống trải nên bọn địch không để ý. Vì vậy, đồng chí đã thoát khỏi sự vây bắt của kẻ thù. Không tìm thấy đồng chí Phan Thái Ất, bọn địch bắt tất cả đàn ông trong làng để tìm người "nói tiếng Bắc" để răn đe nhưng không tìm được. Chúng tức tối bắt đi 14 người bị tình nghi về tình khai thác, dùng mọi cực hình tra tấn dã man, nhưng đồng bào, đồng chí ta vẫn một mực không khai báo và chúng đã kết án tù giam mỗi người từ 1 đến 2 năm, đưa đi các nhà giam ở Ba Tơ, Quán Lát, Hòa Bân và lao Quảng Ngãi. Riêng đồng chí Bùi Bầu bị địch tra tấn quá nặng nên đã hy sinh trong nhà lao Quảng Ngãi. Đồng chí Phan Thái Ất được cơ sở đưa xuống ở nhà Phó Quỳnh (Trà Sơn - Tịnh Ấn Đông), rồi xuống ở chùa Khánh Vân (Tịnh Thiện) cùng với đồng chí Tôn Diêm bám địa bàn hoạt động.

Ngày 23-4-1931, tại bãi sông Trà Khúc, thực dân Pháp đã xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm - Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Cũng vào khoảng thời gian này, địch đã tàn sát 15 đồng bào ta tại làng An Nhơn (nay thuộc xã

Tĩnh An). Ngày 24-4-1931, tại Quán Lát (Mộ Đức); địch lại bắn chết anh Phạm Cùng (xã Tịnh Hòa)¹.

Trước tình hình địch khủng bố dã man, bắn giết hàng loạt những chiến sĩ cách mạng, Tỉnh ủy đã phát động "tuần lễ căm thù" nhằm để tang và làm lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm và các đồng chí, đồng bào đã bị địch giết hại; đồng thời chuẩn bị khí thế cho quần chúng đấu tranh nhân ngày kỷ niệm Quốc tế lao động. Đêm 25-4-1931, cờ đỏ búa liềm, băng, truyền đơn, khẩu hiệu được treo dán khắp nơi trong tỉnh. Trong những ngày từ 26 đến 30-4-1931, một đợt bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, tuần hành diễn ra rầm rộ, phản đối kẻ thù xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm và những chiến sĩ cách mạng, chống khủng bố trắng, đòi bãi bỏ các thứ thuế, đòi chia đất công điền cho nông dân, "Ủng hộ Xôviết Nghệ Tĩnh, đánh đổ Nam triều phong kiến", "Đông Dương hoàn toàn độc lập", "Ủng hộ Liên bang Xôviết".

Cao trào đấu tranh của quần chúng ngày càng mạnh mẽ, kẻ địch tìm mọi cách đánh phá; chúng điều quân lính

1. Phạm Cùng quê ở Xuân An (Tịnh Hòa), vốn là một nông dân chất phác cần cù lao động. Bị địa chủ bóc lột thậm tệ, anh phải bỏ nghề nông chuyển sang nghề làm cá ở sông. Khi tổ chức đảng ở An Kỳ phát động cuộc đấu tranh chống bọn tay sai gian ác của thực dân Pháp, anh tự nguyện nhận việc giết tên ác ôn Nguyễn Nhạn quê ở Bình Châu (huyện Bình Sơn). Bị địch bắt tra tấn dã man nhưng anh không hề khai báo. Chúng đã lén lút đưa anh từ nhà lao thị xã Quảng Ngãi đến Quán Lát để xử bắn.

ra án ngữ các trục giao thông, tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn việc tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Bất chấp mọi hành động của địch, Đảng bộ khu đông Sơn Tịnh vẫn tổ chức nhiều cuộc mít tinh lớn ở Châu Sa (Tịnh Châu), An Nhơn (Tịnh An), An Kỳ, An Vĩnh, cờ đỏ búa liềm được treo ở nhiều nơi như Hòn Một, Cù Và, Tân An, Gò Cao, núi Thiên Ấn.

Phối hợp nhịp nhàng với các huyện bạn, hòa chung khí thế đấu tranh của nhân dân khu đông, nhân dân các xã của tổng Hòa, tổng Thượng, tổng Trung từ các ngã đường kéo về tỉnh lỵ đấu tranh. Nhân dân các xã thuộc tổng Trung: Phường Đình, Vĩnh Tuy, Trà Bình Trại, Khánh Mỹ, Châu Nhai, Vĩnh Lộc, Trà Bình Thôn (Tịnh Thọ)... tập trung về ga Đại Lộc (Tịnh Thọ), phối hợp với quần chúng ở Diên Phước, Phong Niên (Tịnh Phong) tạo thành một lực lượng đông đảo khoảng 5.000 người, trang bị gậy gộc, dao găm, dây thừng có tự vệ đỏ bảo vệ dọc đường. Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tri huyện và bọn tay sai của Pháp hoảng hốt tháo chạy sang thị xã Quảng Ngãi, chỉ còn lính lê dương ở lại. Khi đoàn biểu tình cánh bắc kéo đến cầu Bồ Đề, cách huyện lỵ 1 km thì bị lính lê dương bắn làm chết tại chỗ 40 người, nhiều người khác bị thương. Chúng còn bắt đi khoảng 200 người. Nhận được tin giặc khủng bố đoàn biểu tình cánh bắc, đoàn biểu tình cánh tây vẫn tiếp tục tuần hành biểu dương lực lượng, hô vang các khẩu hiệu trên khắp các đường làng.

Sáng sớm ngày 16-5-1931, Chánh mật thám Quảng



Đồng chí TÔN DIÊM
Bí thư Huyện uỷ năm 1931, 1955-1956

Ngài Bùi Trọng Lệ cho quân về vây ráp nhà đồng chí Nguyễn Cát - nơi đặt cơ quan tuyên truyền của Tỉnh ủy ở Phái Nhì, Trung Sơn (Tĩnh Hòa). Chúng bắt các đồng chí Nguyễn Cát và Trần Thanh lên xe giải về tỉnh, tịch thu tài sản và đốt toàn bộ nhà cửa. Các đồng chí Nguyễn Chánh, Đỗ Xáng và một số đồng chí khác nhanh chóng chạy vào rừng. Khi bọn địch rút đi, đồng chí Nguyễn Chánh tập hợp nhân dân để nói rõ tội ác của giặc và ổn định tư tưởng cho bà con. Sau đó các đồng chí phân thành từng nhóm nhỏ chuyển đi nơi khác để tránh sự khủng bố của kẻ thù. Mấy ngày sau, quân địch về Phái Nhì bắt những người tình nghi về nhốt chặt ở Nghĩa Thương họ Trương (Tĩnh Khê). Một số người bị chúng đem về giam ở huyện, như các ông Dương Nghiêm (Chủ Bẫy), Nguyễn Hữu Chức, Dương Tường...

Mặc dù bị kẻ thù đàn áp dã man, tinh thần cách mạng của nhân dân không hề bị giảm sút, Ngày 25-5-1931, Tỉnh ủy họp tại Trà Sơn (Tĩnh Ấn Đông) để xem xét toàn bộ tình hình phong trào cách mạng vừa qua và đề ra chủ trương mới cho sát hợp. Hội nghị phát động đợt đấu tranh mới nhân ngày Quốc khánh nước Pháp và ngày Chống chiến tranh đế quốc 1-8. Ngày 28-7-1931, đồng chí Phan Thái Ất, Tôn Diêm và một số đồng chí khác bị bắt tại chùa Khánh Vân (Tĩnh Thiện), do sự phản bội của Phó Quỳnh (cơ sở của ta). Tiếp đó, nhiều đồng chí lãnh đạo khác cũng sa bẫy địch. Nhiều cơ sở đảng và quần chúng bị vỡ. Vì vậy, cuộc đấu tranh ngày 1-8-1931 chỉ diễn ra dưới hình thức treo cờ, rải truyền đơn, dán áp

phích. Từ đây phong trào cách mạng ở huyện gặp nhiều khó khăn, nhiều nơi lắng xuống.

Nhìn chung, phong trào cách mạng ở Sơn Tịnh, từ sau cuộc đấu tranh mở đầu của tỉnh ở huyện Đức Phổ, đã diễn ra liên tục, đều khắp và dồn dập mà đỉnh cao là những ngày trong tháng 1-1931. Qua đấu tranh, các tổ chức đảng, tổ chức quần chúng, như Nông hội đỏ, Tự vệ đỏ, Cứu tế đỏ... đều phát triển sâu rộng và hoạt động đạt kết quả tốt, phong trào cách mạng trong huyện ngày càng phát triển.

Nhờ sự lãnh đạo trực tiếp, chặt chẽ của Đảng cấp trên và sự chỉ đạo thực hiện nhạy bén của cấp ủy đảng địa phương, phong trào đấu tranh của nhân dân Sơn Tịnh trong những năm 1930-1931 đã góp phần vào thắng lợi chung của phong trào cách mạng trong cả nước. Bộ máy chính quyền địch lung lay, dao động và rệu rã; một số hào lý ngả hẳn về phía cách mạng hoặc nằm im. Trong những cuộc đấu tranh đó, nhân dân ta đã thực hiện quyền làm chủ của mình ở nhiều làng xã. Theo đánh giá của Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương trong Chỉ thị ngày 18-1-1931 nêu rõ: "Rồi tới Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh nhưng nó vẫn là mạnh nhất ở các tỉnh phía Nam Trung Kỳ" mà huyện Sơn Tịnh là một trong những huyện có phong trào mạnh nhất của tỉnh Quảng Ngãi.

Nhân dân Sơn Tịnh đã gửi gắm niềm tin yêu của mình vào Đảng từ khi Đảng mới ra đời, coi Đảng là ngọn đuốc soi đường đem đến cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mình.

Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng những năm 1930 – 1931, Đảng bộ Sơn Tịnh đã rút ra những kinh nghiệm:

1. Đảng bộ Sơn Tịnh đã sớm phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân lao động, sớm giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho đảng viên và nhân dân hiểu được lòng yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc phải đi đôi với giải phóng giai cấp để tạo nên sức mạnh to lớn đánh thắng bọn đế quốc, phong kiến tay sai, đem lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng bộ đã nắm chắc và bước đầu học tập, thực hiện nghiêm chỉnh, sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng cấp trên nên lãnh đạo được quần chúng đấu tranh giành thắng lợi trong từng thời kỳ nhất định. Tin vào sức mạnh của quần chúng, Đảng bộ đã phát động quần chúng đấu tranh chống địch bằng con đường bạo lực cách mạng có tổ chức chặt chẽ và chỉ huy cương quyết, linh hoạt, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, có lúc chuyển sự thất bại tạm thời lên thế đấu tranh cao hơn.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cuộc đấu tranh của nhân dân trong huyện hòa vào phong trào cách mạng chung cả nước, cả tỉnh góp phần tích cực đưa phong trào toàn tỉnh tiến lên một bước phát triển rộng lớn chưa từng có trong thời kỳ Đảng mới ra đời. Nhân dân Sơn Tịnh đã liên tiếp đấu tranh tấn công vào sào huyệt của địch hoặc biểu dương lực lượng, khí thế cách mạng từng vùng, trực tiếp đánh vào chính quyền địch, làm phân tán và suy yếu lực lượng địch, nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng và khí

thế cách mạng của đông đảo quần chúng nhân dân.

3. Thực tế đấu tranh năm 1930 - 1931 cho thấy rằng: muốn bảo đảm mọi thắng lợi cho cách mạng, Đảng phải có đội ngũ đảng viên vững mạnh, gương mẫu, biết dựa chắc vào lực lượng công nông, liên kết chặt chẽ với các thành phần xã hội khác trong đấu tranh cách mạng. Số đông đảng viên ở các chi bộ mới hình thành trong những ngày đầu cách mạng là những hội viên ưu tú của các tổ chức yêu nước ở địa phương xuất hiện từ nông dân, tiểu tư sản, học sinh, trí thức và một số tương đối đông ở tầng lớp trên có tinh thần yêu nước, giác ngộ giai cấp. Họ đã đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, giác ngộ, lôi cuốn quảng đại quần chúng nông dân theo Đảng, đấu tranh sinh tử với quân thù, hết đợt này đến đợt khác làm cho bọn phản động, quan lại phong kiến, tay sai và bọn cường hào, địa chủ gian ác phải hoang mang dao động. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã xác lập được địa vị quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với phong trào yêu nước và dân chủ của nhân dân trong huyện. Qua đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng, qua thâm nhập quần chúng, lập trường, quan điểm giai cấp công nhân của đảng viên được nâng lên. Trong lãnh đạo đấu tranh cách mạng, kể cả lúc sa vào tay giặc, nhiều đồng chí đã tỏ rõ phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản: trung với nước hiếu với dân, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn, dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh, là những gương sáng cho quần chúng noi theo. Đồng chí Phạm Thúc (Xã Đàn) ở An Kỳ (Tĩnh Kỳ), bị địch đánh đập tra tấn dã man đã hy sinh trên đường bị địch đưa đi đày ở Bà Nà - Núi

Chúa (Đà Nẵng) là một tiêu biểu. Đồng chí đã đấu tranh kiên cường, hy sinh anh dũng, để lại trong lòng nhân dân niềm kính phục và thương yêu sâu sắc, làm cho kẻ thù khiếp sợ, kiêng nể. Qua thực tiễn cách mạng, Đảng bộ huyện luôn được bổ sung những cán bộ ưu tú, trung kiên, gan dạ, có nhiều kinh nghiệm đấu tranh, làm nòng cốt cho các phong trào cách mạng tiếp sau. Đồng thời, phong trào cách mạng Sơn Tịnh cũng đã góp phần cùng với phong trào chung trong tỉnh, trong cả nước đẩy lên một cuộc tổng diễn tập đầu tiên, rèn luyện cho đảng viên, quần chúng cách mạng dày dạn đấu tranh, không sợ hy sinh gian khổ, không sợ tù đầy, không lùi bước trước mũi súng của kẻ thù. Thực tế đó là hồi chuông báo hiệu sự sụp đổ của chế độ thuộc địa nửa phong kiến của Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung.

4. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 còn là sự chuyển hướng phong trào chống Pháp của nhân dân huyện Sơn Tịnh - từ lập trường yêu nước tiểu tư sản sang lập trường yêu nước của giai cấp công nhân; đưa phong trào của huyện đi vào con đường cách mạng dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác- Lênin, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đây là một bước nhảy vọt về chất và là một thắng lợi to lớn, rất cơ bản đặt cơ sở cho phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân trong huyện, vững bước đi theo con đường đúng đắn để từng bước tiến lên giành thắng lợi mới, to lớn hơn.

Việc thành lập Đảng bộ huyện Sơn Tịnh là bước ngoặt lớn, mở ra một thời kỳ mới cho phong trào cách mạng của

huyện, góp vào cuộc đấu tranh mới bắt đầu bằng cao trào cách mạng năm 1930-1931, diễn ra sôi nổi trong khắp cả nước. Cũng như phong trào cách mạng trong cả nước, cao trào cách mạng 1930 - 1931 ở Sơn Tịnh là cuộc tổng diễn tập đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đưa đến thắng lợi tiếp theo của phong trào cách mạng.

**CỦNG CỐ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ
LÃNH ĐẠO QUẦN CHÚNG ĐẤU TRANH ĐÒI
QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ
(1932-1939)**

**I- ĐẤU TRANH CHỐNG DỊCH KHỦNG BỐ,
RA SỨC KHÔI PHỤC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÁCH MẠNG
(1932-1935)**

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đẩy các nước tư bản vào tình trạng suy yếu trầm trọng. Những mâu thuẫn của các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng trở nên sâu sắc. Bọn phát xít, quân phiệt lần lượt lên nắm chính quyền ở các nước Đức, Ý, Nhật; nguy cơ chiến tranh thế giới ngày càng đến gần. Các nước đế quốc tuy thống nhất với nhau trong âm mưu và hành động chống nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới là Liên Xô, song vẫn mâu thuẫn với nhau rất gay gắt.

Trước tình hình ấy, dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản, phong trào cách mạng thế giới chống nguy cơ chiến

tranh đế quốc, bảo vệ Liên Xô, bảo vệ những quyền tự do, dân chủ và những lợi ích cơ bản của nhân dân lao động phát triển mạnh mẽ khắp các nước. Phong trào cách mạng ở Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã thu được những thắng lợi cơ bản: chặn đứng âm mưu lật đổ chính quyền Cộng hòa Đại nghị của bọn phát xít; tập hợp được mọi lực lượng nhân dân Pháp xung quanh giai cấp công nhân chống phát xít, chống chiến tranh, tiến tới thành lập Mặt trận nhân dân.

Những sự kiện trên đã ảnh hưởng đến tình hình Đông Dương. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung, của Pháp nói riêng đem lại nhiều tai họa nặng nề cho nhân dân Đông Dương, vốn bị thực dân Pháp khai thác triệt để sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Mặt khác, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới cũng tác động tích cực đến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân Đông Dương.

Theo *Niên biểu thống kê Đông Dương*, từ năm 1930 đến 1933, thực dân Pháp bắt giam 246.532 người, giết hại rất tàn bạo những chiến sĩ cộng sản. Ở nhà tù Côn Đảo, từ năm 1930 đến 1935, chúng tra tấn dã man làm chết 833 tù chính trị. Ở nhà lao Kon Tum, hơn 300 người bị thủ tiêu.

Tháng 6 năm 1931, thực dân Pháp nặn ra cái gọi là "ủy ban điều tra", nói là để nghiên cứu tình hình và dự kiến cải cách chế độ thuộc địa, nhưng thực chất là tiến hành điều tra, tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa phát sinh phong trào cách mạng và phương thức vận động quần

chúng của Đảng Cộng sản Đông Dương, đặt kế hoạch tiêu diệt Đảng ta và củng cố nền thống trị thực dân của chúng.

Năm 1932, thực dân Pháp quảng cáo rùm beng về việc Bảo Đại đề ra chính sách "chương trình cải cách", lập nội các bù nhìn mới, cải tổ nền giáo dục sơ học, cải tổ ngành tư pháp bản xứ... Song song với việc củng cố bộ máy bù nhìn tay sai, đế quốc Pháp còn thực hiện một số cải cách đối với tầng lớp địa chủ lớn và tư sản mại bản nhằm củng cố chỗ dựa của chúng.

Cũng như cả nước, cả tỉnh, ở huyện Sơn Tịnh, sau các cuộc đấu tranh, biểu tình sôi nổi trong cao trào cách mạng 1930-1931 như các cuộc biểu tình ngày 30-10-1930, các ngày 17, 18, 19-11-1931 và ngày 1-5-1931 của đông đảo nhân dân, kẻ địch điên cuồng mở những cuộc tàn sát, khủng bố gay gắt.

Về chính trị, thực dân Pháp tăng thêm quan chức cai trị; ngoài tên công sứ nắm quyền cai trị toàn tỉnh, chúng tăng thêm quyền hạn cho các tên quan Pháp ở địa phương để có thể kịp thời phối hợp với lực lượng chính trị, quân sự của chúng trong từng vùng đánh phá cách mạng có hiệu quả hơn. Bộ máy tay sai Nam triều được củng cố; chúng thay những viên chánh tổng, lý hương bị tình nghi "thỏa hiệp với cộng sản" bằng những tên tay sai đắc lực. Thực dân Pháp còn đặt chức bang tá để tăng cường việc đàn áp, đánh phá phong trào cách mạng từng tổng, xã. Mỗi bang tá có một đội lính khoảng 10 - 12 tên có quyền bắt người và tra tấn, bắn giết những người tình nghi là cộng sản. Ở xã, ngoài lý trưởng và ngũ hương, thực dân Pháp còn đặt

thêm hội đồng hào mục do đại hào mục cầm đầu. Trong từng gia tộc, chúng tổ chức hội đồng tộc biểu để kiểm soát, giám sát người trong họ. Thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt", "lấy quan làng trị dân làng", chúng đưa bọn địa chủ cường hào dã bỏ chạy trở về địa phương làm bang tá, lý trưởng, tổng đoàn, xã đoàn, tộc biểu để nắm lực lượng chống cộng ở nông thôn. Bọn này "nịnh bợ quan trên, hống hách quần chúng, khinh rẻ đồng bào, nhục mạ thân dân", như lời kết tội của dân chúng lúc bấy giờ. Chúng ban bố luật lệ ngặt nghèo cấm "quần tam tụ ngũ", cấm người lạ vào làng, dùng trường học, đình, chùa, nhà có vách gạch làm nơi tra tấn, giam giữ những chiến sĩ cách mạng, kết hợp những thủ đoạn khủng bố, đàn áp. Thực dân Pháp còn bày trò dụ dỗ, mua chuộc, đe dọa; chúng bắt gia đình có liên quan với cách mạng treo lá cờ "quy thuận" màu vàng kêu gọi người thân trở về đầu thú, nếu không sẽ bị đốt nhà, cướp của, hãm hiếp. Một số ít người đã mắc mưu địch, thoái hóa, đầu hàng làm tay sai cho chúng¹.

Về quân sự, thực dân Pháp củng cố ba thứ quân:

- Lực lượng cơ động ứng chiến, gồm lính lê dương và lính khố đỏ. Chúng đã điều động từ tỉnh lỵ Quảng Ngãi sang Sơn Tịnh một phân đội để bổ sung cho quân lính đóng ở đồn núi Long Đầu (Quán Cơm) và đồn Hòa Ân.

1. Trần Sanh Nga ở Đồng Ké (Tịnh Giang), Nguyễn Cảnh ở Trà Bình (Tịnh Thọ) trước tham gia cách mạng ở tổng, xã đã quy thuận đầu hàng địch và dẫn lính về truy bắt cán bộ.

Các đồn này án ngữ trục đường Quán Cơm - Tư Cung Nam và đồn Gò Cao, án ngữ trục đường Sơn Tịnh đi Sơn Hà làm nhiệm vụ trấn giữ những điểm xung yếu, hành quân yểm trợ cho lực lượng đàn áp các cuộc đấu tranh của quần chúng.

- Lính khố xanh và lính bang tá: lính khố xanh đóng ở phủ, huyện; lính bang tá đóng ở tổng, canh giữ các trụ sở cơ quan, ngăn chặn các cuộc nổi dậy đấu tranh của quần chúng và yểm trợ bộ máy cai trị thu thuế, bắt xâu.

- Lực lượng dân binh còn gọi là "đoàn phu" gồm những tráng đinh bị bắt vào đội quân ở địa phương, không thoát ly sản xuất, không được trả lương. Trong một làng hay một xóm cứ 10 đến 15 đoàn phu tổ chức thành đoàn thập; mỗi đội viên được trang bị một cây gậy và một dây dài thường xuyên túc trực, tuần tra giữ gìn an ninh trong thôn xóm, sẵn sàng bắt người nếu có sự nghi ngờ.

Ngoài ra chúng còn xây dựng mạng lưới mật thám, cơ sở nội gián (AB đoàn)¹ để phá tổ chức đảng, tổ chức quần chúng.

Tất cả những thủ đoạn kể trên của thực dân Pháp đã tạo nên không khí căng thẳng, sợ hãi bao trùm lên cuộc sống hàng ngày của nhân dân. Không một thôn xóm, làng xã nào trong huyện không có người bị bắt, tra tấn, tù đày. Cũng thời gian này, thiên tai hạn hán mất mùa xảy ra liên tiếp làm cho đời sống của các tầng lớp nhân dân lao

1. AB là hai chữ đầu của chữ Anti Bonchévick có nghĩa là *chống cộng*.

động càng điêu đứng. Nhiều người phải bỏ quê hương vào Nam Kỳ tha phương cầu thực. Phong trào cách mạng bước vào thời kỳ khó khăn, hệ thống tổ chức đảng từ Xứ ủy, Tỉnh ủy đến cơ sở bị phá vỡ nặng, phong trào nhiều nơi lắng xuống.

Vào mùa xuân năm 1932, các đồng chí đảng viên ra tù móc nối với các cơ sở đảng còn lại và số hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt năm 1929 cũng mới ra tù nhanh chóng củng cố lại tổ chức, tạo điều kiện để lập lại cơ quan lãnh đạo Đảng. Tỉnh ủy mới được thành lập, do đồng chí Võ Sĩ làm Bí thư, tiếp tục khôi phục và phát triển phong trào cách mạng trong toàn tỉnh và chủ trương:

- Nhanh chóng củng cố phát triển cơ sở đảng và đoàn thể quần chúng.

- Liên hệ với tổ chức đảng trong nhà lao Quảng Ngãi và các nhà giam khác.

- Vận động binh lính địch làm binh biến.

- Chuẩn bị kỷ niệm ba đồng chí "L"¹.

- Mở rộng tuyên truyền vận động giáo dục rèn luyện tư tưởng giữ vững chí khí cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực...

Chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong tình hình mới đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân Sơn Tịnh. Tuy phong trào cách mạng bị địch đánh phá rất ác

1. Ba đồng chí "L" là Lênin, Lípnếch, Lúcxămbua.

liệt, nhưng tổ chức đảng cơ sở, quần chúng tốt vẫn còn hoạt động rải rác một số nơi, nhất là tổng Thượng và tổng Hòa, tổng Châu. Thông qua việc bà con đi thăm người thân bị bắt giam, các cơ sở trong tù liên hệ được với tổ chức đảng bên ngoài. Năm 1932, đồng chí Dương Hoàng ra tù đã bắt được liên lạc với Tỉnh ủy và được Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 7 đồng chí: Dương Hoàng, Dương Diệp, Thái Thị Triển (Tĩnh Án, nay là thị trấn Sơn Tịnh), Võ Thăng (Tĩnh Trà), Nguyễn Hiền, Lê Cao Hịch (Tĩnh Bình), Trương Hùng (Tĩnh Thọ). Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban lãnh đạo tổng Châu đã tổ chức kỷ niệm 3 đồng chí "L" ở một số nơi để tuyên truyền giáo dục quần chúng hướng về cách mạng Nga, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 24-3-1932, cờ đỏ búa liềm tung bay phát phới trên đỉnh núi Đầu Voi, Thiên Ấn, Gò Cao... Nhiều truyền đơn và áp phích được rải, dán trên các trục giao thông và khắp thôn xã. Sau một thời gian hoạt động, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bị vỡ ngày 29-3-1933. Các tổ chức Nông hội đỏ, Hội Thanh niên, Phụ nữ đỏ vừa mới nhen nhóm cũng bị địch truy bắt. Tuy vậy, những đồng chí còn lại nhận được chủ trương của Tỉnh ủy vẫn tiến hành củng cố và phát triển cơ sở cách mạng, ổn định tư tưởng quần chúng, quyên góp giúp đỡ gia đình các đồng chí bị bắt, phát động quần chúng vạch trần những hành động cướp bóc và khủng bố của địch, viết đơn tố cáo gửi đến Tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Các đồng chí trong tù giữ vững được khí tiết, lập trường cách mạng, tin vào Đảng, luôn luôn

hướng về quê hương theo dõi những hoạt động cách mạng ở bên ngoài. Các đồng chí đã biến nhà tù thành trường học, tổ chức giúp nhau học văn hóa, chính trị, đấu tranh đòi địch cải thiện chế độ nhà tù.

Ở trong tù, các đồng chí Nguyễn Chánh, Trương Đình Dẫu, Phạm Hồ, Nguyễn Hiệp đã làm tốt công tác vận động lính lê dương và khố đỏ ở đồn Hòa Bản để khi có thời cơ thì nổi dậy khởi nghĩa. Kết quả, các đồng chí đã giác ngộ được 7 người lính lê dương, lôi kéo một bộ phận binh lính ở đồn Hòa Bản, viết truyền đơn bằng tiếng Pháp và tiếng Đức để tuyên truyền trong lính lê dương và lính khố xanh. Theo kế hoạch, khi khởi nghĩa thắng lợi các đồng chí sẽ rút lên núi phối hợp cùng đồng bào miền núi lập căn cứ tiến hành kháng chiến lâu dài. Nhưng, do sự phối hợp chưa chặt chẽ, nên kế hoạch vạch ra không tiến hành được. Mặc dù vậy, do công tác tuyên truyền giáo dục của ta, các đơn vị lính lê dương và khố đỏ ở đồn Hòa Bản nhân ngày 1-5-1932 đã tập trung lại hát *Quốc tế ca*, biểu thị tinh thần chống thực dân Pháp. Sau đó thực dân Pháp chuyển số binh lính này đi nơi khác và đưa đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Hồ... về lao Quảng Ngãi. Tại đây, lợi dụng việc dịch bố trí bán hàng cho lính lê dương, đồng chí Phạm Hồ đã tìm cách treo cờ đỏ búa liềm lên cây thầu dầu trước cửa tây thành Quảng Ngãi và cây dầu lai ở sân vận động. Việc này làm cho bọn địch rất tức tối, chúng ra sức truy tìm manh mối nhưng không có chứng cứ. Một thời gian sau, đồng chí Phạm Hồ tìm gặp đồng chí Nguyễn Kinh, cũng ở trong lao, nhưng thỉnh thoảng vẫn được ra

ngoài, bày cách may và treo cờ trên nóc tòa Công sứ, dinh Tuần vũ Nguyễn Bá Trác.

Những hoạt động kể trên làm cho kẻ thù vô cùng bối rối. Bọn chỉ huy đã khủng bố và chuyển lính lê dương đi nơi khác, đưa một số tù bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi đi Buôn Ma Thuột và các nhà lao khác vì tội kích động lính lê dương chống Pháp, quần chúng nhân dân rất phấn khởi.

Tháng 7 năm 1932, một đoàn đại biểu thay mặt Ủy ban điều tra, gồm Toàn quyền Pátxkiê và đồng bọn, trong số đó có Chánh mật thám Quảng Ngãi Livecxê, cùng với 2 phóng viên báo *Luymanitê* (báo *Nhân đạo*), sang kiểm tra tình hình Động Dương. Phái đoàn đã phỏng vấn đồng chí Trần Thị Hiệp (nữ Tỉnh ủy viên đầu tiên) và đồng chí Phạm Thị Trinh (cán bộ trong đội tuyên truyền của tỉnh, người thôn An Thành xã Tịnh Minh) bị bắt tù năm 1931 để thăm dò thái độ những người tù chính trị nói chung và chị em phụ nữ nói riêng.

Sau khi chào hỏi, mời các đồng chí Trần Thị Hiệp, Phạm Thị Trinh ngồi xuống ghế, Pátxkiê lên giọng hỏi:

- Vì sao các chị còn nhỏ mà đã theo cộng sản?

Đồng chí Trinh đồng dục trả lời:

- Tôi là người dân mất nước, tôi không muốn ai cai trị nước tôi, tôi không muốn làm người nô lệ, nên tôi theo cộng sản.

Viên toàn quyền hỏi tiếp:

- Chị biết mục đích của chủ nghĩa cộng sản là thế nào không?

- Mục đích của chủ nghĩa cộng sản là làm cho xã hội

không còn giai cấp, không có người bóc lột người, ai cũng bình đẳng như nhau, nước này không xâm lược nước khác, dân tộc này bình đẳng với dân tộc khác...

Những lời lẽ đối đáp của đồng chí Trinh khiến cho Toàn quyền Pátxkiê hết sức ngạc nhiên và thán phục về tinh thần dũng cảm của đồng chí cũng như những người cộng sản Việt Nam nói chung.

Cuộc đối thoại giữa Toàn quyền Pátxkiê với hai nữ đồng chí Trần Thị Hiệp và Phạm Thị Trinh được báo *Tiếng Dân* và báo Pháp đăng tin, làm cho dư luận bàn tán xôn xao, quần chúng cách mạng trung kiên vô cùng thán phục.

Những tháng cuối năm 1932 đầu năm 1933, một số đồng chí bị tù trước đây được thả về. Khi còn bị giam giữ, các đồng chí đã nắm được một số chủ trương của Đảng thông qua các tổ chức đảng trong nhà tù, nên lúc ra tù các đồng chí đã góp phần tích cực vào việc củng cố Đảng và củng cố đoàn thể quần chúng. Một số đồng chí thuộc nhiều thơ ca, hò vè do anh, chị em trong tù sáng tác (nội dung trình bày chủ trương, chính sách của Đảng) đã tuyên truyền trong đông đảo quần chúng. Đồng chí Bùi Chấn (Trần Quý Hai) khi ra tù tham gia ngay vào việc củng cố cơ sở đảng và các hội tương tế, ái hữu, đồng canh, trợ tán và hội đọc sách báo đã có từ trước ở địa phương. Đồng chí Nguyễn Chánh vừa về đến nhà đã bám các đồng chí ở tổ chức nông dân cũ như Nguyễn Ngá, Nguyễn Tiếp, Trần Hào..., giúp đỡ động viên nhau giữ gìn cơ sở, giữ vững tinh thần đấu tranh với bọn hương lý, đòi chia lại ruộng đất công. Nhiều nơi trong huyện đã tổ chức mít tinh, rải truyền đơn và treo cờ đỏ

búa liềm như ở gần huyện lỵ Sơn Tịnh ngày 19-7-1933, ở Trà Sơn (Tỉnh Ấn Đông) ngày 3-3-1934....

Cuối năm 1933, đồng chí Cao Kế ở Mỹ Khê Tây (Tỉnh Khê) mãn hạn tù, trở về quê tìm gặp đồng chí Trương Quang Giao để gây dựng lại cơ sở cách mạng dưới các hình thức tổ chức hội ái hữu, hội tương trợ nông dân. Dịch phát hiện, cho lính về bắt 10 người, trong đó có các đồng chí Cao Kế, Võ Mưa, Phùng Thông, Nguyễn Dưỡng, Võ Quyền... nhưng không khai thác được gì vì không có chứng cứ, chúng phải trả tự do cho những người bị bắt vào cuối năm 1934.

Đầu năm 1934, đại biểu 5 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa họp tại thôn Hà Trung (Tỉnh Hà), tập trung bàn các vấn đề:

- Củng cố và phát triển tổ chức đảng.
- Xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền huấn luyện, xuất bản báo *Cờ đỏ* làm cơ quan ngôn luận.
- Giữ vững đường dây liên lạc giữa các tỉnh và cấp trên.
- Tích cực xây dựng tài chính cho Đảng.

Hội nghị đã bầu "Ban địa phương chấp ủy Trung Kỳ" do đồng chí Phạm Xuân Hòa - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi - làm Bí thư.

Cũng vào đầu năm 1934, đồng chí Chánh bắt được liên lạc với đồng chí Trương Quang Giao, Nguyễn Tiếp, Bùi Văn Lợi... tổ chức những cuộc đấu tranh chống bọn hương lý những nhiều, tổ chức mít tinh, rải truyền đơn ở Trà Sơn. Mùa hè năm 1934, đồng chí Trương Quang Khanh (ở Khánh Vân, Tỉnh Thiện) được thả tù về đã cùng với các

đồng chí quen biết trước đây, củng cố hội bóng đá, hội đồng canh, hội tương tế trong các xã Vạn Thiện, Hòa Bản, Tân An (Tĩnh Thiện), Châu Sa, Lê Thủy (Tĩnh Châu).

Năm 1934, đồng chí Trương Đạt (Châu Sa) bắt được liên lạc với đồng chí Nguyễn Sanh Châu, Lê Phó, Phạm Xuân Hòa (Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi), được các đồng chí truyền đạt chủ trương của Tỉnh ủy về việc khôi phục các tổ chức đảng, đồng chí Trương Đạt đã giới thiệu đồng chí Võ Bẩm với các đồng chí Nguyễn Sanh Châu, Lê Phó và Phạm Xuân Hòa và được tổ chức đồng ý kết nạp đồng chí Võ Bẩm vào Đảng. Sau một thời gian phát triển thêm được một số đảng viên mới, tháng 8-1934, một cuộc hội nghị được tổ chức tại Tư Cung Nam do đồng chí Nguyễn Sanh Châu, phái viên của Tỉnh ủy chủ trì. Tại hội nghị, đồng chí Châu nêu rõ những âm mưu của địch, kế hoạch và chủ trương cụ thể của Tỉnh ủy, đồng thời công bố quyết định thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Sơn Tịnh gồm 5 đồng chí: Võ Bẩm, Trương Đạt, Võ Đối, Nguyễn Hanh và Nguyễn Hiến; đồng chí Võ Bẩm được cử làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trương Đạt làm Phó Bí thư. Ngay sau đó, Huyện ủy tổ chức một cuộc mít tinh tại bờ đập gần Công ty muối (Tĩnh Kỳ), trên 400 đại biểu gồm đảng viên, quần chúng tin cậy của Đảng ở tổng Châu (Lê Thủy, Khánh Vân, Sung Tích, Châu Sa, Hòa Bản, Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc...) tham dự. Đồng chí Võ Bẩm chủ trì cuộc mít tinh, đồng chí Trương Đạt và Mai Thị Ân diễn thuyết.

Như vậy, trong một thời gian ngắn, dưới sự chỉ đạo của



Đồng chí VÔ BẮM
Bí thư Huyện uỷ năm 1934

Tỉnh ủy, Huyện ủy lâm thời Sơn Tịnh đã tập hợp đảng viên trong các tổ chức cơ sở, chấn chỉnh nề nếp sinh hoạt, giao công việc rõ ràng cụ thể. Các tổ chức quần chúng được củng cố, hoạt động có kết quả hơn. Cuộc đấu tranh của nông dân đòi chia công điền, chống sưu cao thuế nặng diễn ra ở nhiều nơi. Lúc bấy giờ toàn huyện đã xây dựng được 5 chi bộ ghép, với 45 đảng viên. Đó là các chi bộ An Kỳ, Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc, Châu Sa, Sung Tích. Chi bộ Tư Cung Bắc đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh thắng lợi trong việc chống bọn hương hào ở Trung Sơn không được lấy tiền của của nhân dân để xây dựng nhà thờ "Bách tính".

Tháng 4 năm 1935, "Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ" tổ chức một cuộc hội nghị và chủ trương phát động cuộc đấu tranh mới vào ngày 1 tháng 5 năm 1935, nhưng kế hoạch bị lộ, kẻ thù tiến hành khủng bố, nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy Quảng Ngãi bị bắt, bị tù đày. Ở Sơn Tịnh, nhiều tổ chức đảng và quần chúng bị lộ. Toàn Ban Chấp hành Huyện ủy lâm thời bị bắt vào giữa tháng 6 năm 1935. Trước đó, một số đồng chí cốt cán và đảng viên ở tổng, xã cũng bị bắt như Trần Trọng, Nguyễn Ư, Trương Trùng... Việc khám phá tổ chức đảng lần này được thực dân Pháp và tay sai cho là một biện pháp để chống lại vụ "tái tổ cộng sản" ở Quảng Ngãi. Chúng lung sục, bắt bớ, tra tấn hết sức tàn bạo, nhằm diệt cho hết "cái họa cộng sản". Tuy bị khủng bố, đàn áp khốc liệt, các chiến sĩ cách mạng không hề chùn bước, không chịu khuất phục kẻ thù, không khai báo và giữ trọn khí tiết của người đảng viên cộng sản. Nhờ vậy, nhiều cơ sở đảng còn nguyên vẹn,

một số đảng viên không bị sa lưới địch vẫn thường xuyên nhận tin tức, trao đổi tình hình và liên lạc với những đồng chí ở trong tù để giữ phong trào cách mạng trong huyện.

Ngày 12-7-1935, chính quyền thực dân mở phiên tòa tại thành Quảng Ngãi nhằm khủng bố tinh thần cách mạng của các chiến sĩ cộng sản và tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Chúng không ngờ phiên tòa lại bị các chiến sĩ cộng sản biến thành diễn đàn của những người tù chính trị tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, phát động tinh thần yêu nước, khí thế cách mạng và kêu gọi nhân dân vùng lên đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ chế độ phong kiến thối nát. Các chiến sĩ đã vạch tội ác của kẻ thù và đồng thanh hô to các khẩu hiệu: "Hoàng Việt hình luật gian trá!", "Đế quốc Pháp là quân cướp nước", "Đả đảo Nam triều phong kiến!", "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm", "Việt Nam độc lập muôn năm". Cuối cùng bọn địch đã kết án các đồng chí từ 5 năm tù, 5 năm quản thúc đến 20 năm tù, 20 năm khổ sai. Đồng chí Võ Bẩm bị kết án 12 năm tù, 15 năm quản thúc và bị tịch thu tài sản.

Trong những năm 1932-1935, với chính sách khủng bố cực kỳ tàn bạo, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung sức truy lùng cơ sở, bắt bớ cán bộ, đảng viên và nhân dân yêu nước. Do vậy, từ cuối tháng 8 năm 1931 đến đầu năm 1935, phong trào nhiều nơi trong huyện gặp nhiều khó khăn. Nhưng, nhìn chung, ngọn lửa cách mạng không bị dập tắt, địch phá vỡ cơ sở, bắt bớ đảng viên, cán bộ thì sau đó không lâu Đảng bộ được khôi phục, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng, cơ sở đảng vẫn phát triển, đông

đảo đảng viên và quần chúng giữ vững khí tiết đấu tranh, dù bị địch tra tấn đến chết vẫn không khai báo, như đồng chí Cao Cái (Tư Cung Nam, Tịnh Khê) Trần Bình (An Kỳ, Tịnh Kỳ)...

Cuộc độ sức gay go, quyết liệt với kẻ thù vào những năm 1932 - 1935 đã giữ vững cơ sở và từng bước củng cố những thắng lợi đã giành được. Qua phong trào này, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh rút ra những kinh nghiệm có ý nghĩa quan trọng sau :

1. Khi phong trào cách mạng gặp khó khăn bị tổn thất thì tâm lý bi quan dao động không những xuất hiện trong quần chúng mà cả trong hàng ngũ đảng viên cộng sản. Do đó, công tác tư tưởng sát hợp, kịp thời để khôi phục củng cố phong trào có tầm quan trọng đặc biệt. Vấn đề then chốt là giáo dục cho quần chúng, đảng viên giữ vững niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cách mạng, tin vào sức mạnh to lớn của nhân dân lao động, thấy rõ rằng trong đấu tranh phong trào có khi lên, khi xuống, lúc-khó khăn, lúc thuận lợi song tất thắng. Cho nên, phải giữ vững lòng tin, nêu cao khí tiết của người cộng sản trước kẻ thù.

2. Nếu giữ vững lòng tin, giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất là điều then chốt của công tác tư tưởng, thì việc bí mật giữ vững tổ chức cách mạng trong hoàn cảnh địch khủng bố trắng là điều quan trọng đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của phong trào cách mạng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng, đồng thời cũng đảm bảo giữ vững niềm tin của quần chúng với cách mạng.

Trong thời kỳ 1932 - 1935, địch ra sức đánh phá quyết

không cho cơ sở tồn tại trong quần chúng. Nhưng, nhờ Đảng ta biết tuyên truyền giáo dục quần chúng tăng cường cảnh giác làm cho kẻ địch có tai như diếc, có mắt như mù nên giữ vững cơ sở và khi cơ sở nào bị vỡ thì các đồng chí kiên định vững vàng, chịu đau đớn về thể xác không hề khai báo. Hơn nữa, Đảng ta còn xây dựng cơ sở ở nông thôn hẻo lánh hoặc ngay trong lòng địch để lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng.

3. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng giác ngộ sẽ tạo ra lực lượng vật chất to lớn, từ đó mới có sức mạnh để đấu tranh với đế quốc và tay sai. Nhận thức được ý nghĩa to lớn đó trong phong trào cách mạng 1932 - 1935, Đảng ta vừa xây dựng cơ sở đảng vừa chú trọng xây dựng các tổ chức quần chúng yêu nước rộng khắp trong các tầng lớp (kể cả xây dựng lực lượng trong binh lính địch, lôi kéo họ đứng về phía cách mạng). Vì vậy, Đảng không những được nhanh chóng khôi phục mà còn đẩy mạnh việc phát triển tổ chức cơ sở đảng, cơ sở quần chúng, giữ vững tinh thần cách mạng tiến công. Đó chính là điều kiện cơ bản để nhân dân tiếp tục hưởng ứng các phong trào sau này.

4. Quá trình đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng trong thời kỳ 1932 - 1935 còn chỉ cho ta thấy rõ: khi kẻ địch ráo riết khủng bố trắng, bóp nghẹt các quyền tự do dân chủ, công tác tuyên truyền, cổ động nhảy bển, kịp thời để thâm nhập vào quần chúng bằng thơ ca, hò vè của các chiến sĩ cách mạng đã động viên khích lệ nhân dân hướng về Đảng, tin tưởng vào sự tất thắng của cách mạng.

II- ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO QUÂN CHÚNG ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ (1936-1939)

Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong hệ thống tư bản chủ nghĩa kéo dài trầm trọng làm cho tình hình chính trị - xã hội ở các nước tư bản trở nên rối ren. Nạn thất nghiệp tràn lan, sản xuất giảm sút nghiêm trọng làm cho làn sóng đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở các nước tư bản và thuộc địa ngày càng lên cao. Giai cấp tư sản lúng túng ở nhiều nước thấy không thể tiếp tục thống trị theo hình thức chế độ đại nghị tư bản như cũ được nữa, nên phải chuyển sang hình thức chuyên chế của chủ nghĩa phát xít để chống lại giai cấp công nhân, nhân dân lao động trong nước và các nước thuộc địa một cách tàn bạo hơn. Trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, họp ở Mátxcơva vào tháng 7-1935, đã vạch rõ kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Do đó, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân các nước là phải thống nhất lực lượng của mình, liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, lập mặt trận nhân dân rộng rãi để chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi dân chủ, hòa bình, bảo vệ Liên Xô.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa

phát xít và chống chiến tranh ở Pháp đã ảnh hưởng trực tiếp, tích cực đến tình hình nước ta, nhất là từ sau khi Mặt trận nhân dân Pháp giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4-1936. Chính phủ phái tả do L.Blum, thủ lĩnh Đảng Xã hội, lên cầm quyền đã ban hành một chương trình cải cách tiến bộ, trong đó có một số cải cách cho các nước thuộc địa, được Đảng Cộng sản ủng hộ.

Tháng 7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (Trung Quốc), chủ trương nhân dân ta đứng trong Mặt trận dân chủ và hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh. Hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu: "Đánh đổ đế quốc Pháp, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày", mà chủ trương lập "Mặt trận dân tộc thống nhất", nhằm tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và bảo vệ hòa bình thế giới. Về hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh, Trung ương Đảng chủ trương triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền tổ chức quần chúng, củng cố tổ chức bí mật, phát triển tổ chức đảng và Mặt trận dân chủ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 7-1936 đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ đấu tranh khôi phục phong trào, chuyển sang củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng, thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước tiến lên cao trào mới.

Tháng 7-1936, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức cuộc hội nghị tại Nghĩa Hành và quyết định:

- Lập Ban liên lạc chính trị phạm để thẩm tra lại các cán bộ, đảng viên cũ và mới (chưa bị địch bắt cầm tù); tiếp tục phát triển đảng viên mới. Tiến hành thống nhất tổ chức đảng từ cơ sở đến huyện, tỉnh. Tỉnh ủy chia làm hai bộ phận: bộ phận thứ nhất chuyên trách công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể quần chúng; bộ phận thứ hai chuyên lãnh đạo công tác đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ.

- Củng cố các tổ chức công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ bí mật làm nòng cốt và tích cực đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp.

- Đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, như thu thập dân nguyện, đòi mở Đông Dương Đại hội, đòi tự do dân chủ...

- Soạn thảo tài liệu tuyên truyền giáo dục sâu rộng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tư tưởng Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Tích cực tìm bắt liên lạc với tỉnh bạn và cấp trên.

Hội nghị cũng nhấn mạnh phương châm hoạt động phải lấy "công khai che giấu bí mật" và lấy "bí mật lãnh đạo, thúc đẩy công khai"; lấy "kinh tế che giấu chính trị"; lấy "hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp che giấu không hợp pháp" hoặc tùy từng lúc, từng nơi mà sử dụng, kết hợp với các hình thức đấu tranh cho thích hợp.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban lâm thời chi nhánh Trung Kỳ Đại hội Đông Dương (trong đó có nòng cốt là các

chiến sĩ cộng sản tại Huế), đầu tháng 9-1936, tại đình làng Thiết Trường (Mộ Đức), Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã mời một số chính trị phạm tiêu biểu các huyện (huyện Sơn Tịnh có các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Cát, Mai Thị Ân, Nguyễn Thành Nghi) tham dự hội nghị để bàn về phong trào "Đại hội Đông Dương" trong tỉnh. Sau Hội nghị, những đồng chí đảng viên cốt cán, cựu chính trị phạm của huyện đã chủ động liên lạc với những đồng chí còn lại cùng bàn bạc và đề ra các nhiệm vụ trước mắt:

- Dựa vào các đồng chí mãn hạn tù về để xây dựng lại tổ chức cơ sở đảng.

- Vạch trần âm mưu của địch lợi dụng tôn giáo để ru ngủ quần chúng.

- Đòi cải thiện đời sống nhân dân, giảm tô tức.

- Vận động lấy chữ ký đòi mở Đông Dương Đại hội.

- Chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới Đại hội Đảng bộ huyện và tạm thời phân công đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Thành Nghi theo dõi phong trào cách mạng ở khu tây huyện, đồng chí Nguyễn Cát theo dõi phong trào cách mạng ở khu đông huyện.

Công việc đang tiến hành thì ngày 15-9-1936, thực dân Pháp ký lệnh giải tán "ủy ban hành động", cấm tất cả các cuộc hội họp của quần chúng, bắt giam và xét xử những người đứng đầu tổ chức trên. Do đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định ngừng cuộc vận động Đông Dương Đại hội để tránh cho phong trào trong tỉnh lâm vào thế bất hợp pháp.

Ngày 28-11-1936, Tỉnh ủy đã triệu tập một số đảng

viên cũ họp tại chùa Thiên Ấn nhân dịp lễ "Hạ nguyên" và lập ra "Ban liên lạc chính trị phạm", nhằm nắm lại các đảng viên cũ, củng cố hệ thống tổ chức của Đảng, tiến hành lập ra một bộ phận công khai để thành lập Mặt trận dân chủ của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân thông qua việc thành lập các nhóm đọc sách, báo.

Tháng 2-1937, Huyện ủy lâm thời được thành lập gồm 3 đồng chí Nguyễn Thành Nghi (Bí thư), Võ Phấn, Nguyễn Cừ, đang chuẩn bị triển khai các kế hoạch đề ra thì bọn tởrốtxkít, bọn tay sai phản động, bọn đội lốt tôn giáo nhảy ra hoạt động xuyên tạc đường lối cách mạng của Đảng. Trước tình hình đó, để ổn định tư tưởng quần chúng và không bị rơi vào âm mưu của kẻ địch, Huyện ủy đã kịp thời chỉ đạo dùng các sách báo công khai của Đảng như báo *Dân chúng* (xuất bản tại Sài Gòn), báo *Nhành lúa* (xuất bản tại Huế) để vạch trần chế độ thuộc địa và phong kiến thối nát, phản động; nêu lên tình cảnh khổ cực, bị áp bức bóc lột và những nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch mặt bọn tởrốtxkít giả danh cách mạng, chống lại luận điệu xuyên tạc và vu cáo Đảng Cộng sản; hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ... Huyện ủy tổ chức những cuộc mít tinh tuyên truyền nhằm nâng cao một bước trình độ nhận thức đường lối của Đảng và giác ngộ chính trị của quần chúng. Thực hiện chủ trương trên, Ban chấp hành Hội truyền bá sách báo và tài liệu của Đảng của huyện được thành lập, do đồng chí Trương Quang Khanh làm

Hội trưởng cùng các đồng chí Đặng Hồng Vân (Khánh Vân), Đặng Hạnh (Gò Đá), Nguyễn Nền, Đinh Thúc (Châu Sa), Trần Nhẫn (Sung Tích) và Đỗ Tấn Kiệt. Hầu hết các xã trong huyện đều dấy lên phong trào đọc sách báo. Ngoài số đảng viên và quần chúng nòng cốt, phong trào còn thu hút thêm một số người tiến bộ, ham hiểu biết cái mới cùng nhau góp tiền mua sách báo, phân công người đọc để nghe chung. Phong trào này tồn tại một thời gian và lắng dần xuống, khi bọn phản động thuộc địa cấm ngặt tự do báo chí.

Đầu năm 1937, nhân dịp Chính phủ Pháp phái Thượng nghị sĩ Giuýttxanh Gôđa sang Đông Dương nắm tình hình và thu thập nguyện vọng của nhân dân, Xứ ủy Trung Kỳ chỉ đạo cho Tỉnh ủy phải tổ chức và lãnh đạo quần chúng tiếp phái đoàn Gôđa, đưa dân nguyện cho Chính phủ Pháp.

Thi hành chỉ thị của Xứ ủy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập cuộc hội nghị khẩn cấp, có đại biểu của huyện về dự để bàn kế hoạch tiến hành cụ thể.

Tiếp thu tinh thần và nội dung chỉ thị của Hội nghị Tỉnh ủy, Huyện ủy lâm thời Sơn Tịnh khẩn trương lập ban vận động đón tiếp, cử người viết bản dân nguyện và đi thu thập nguyện vọng, lấy chữ ký của nhân dân.

Biết được chủ trương của Đảng ta, bọn phản động Pháp và tay sai tập trung các sắc lính về các xã canh gác những trục đường chính, kiểm soát nhân dân đi lại rất gắt gao, bọn mật thám được tung đi khắp nơi để do thám tình hình. Mặc dù vậy, sáng ngày 1-3-1937, cùng với nhân dân



Đồng chí NGUYỄN THÀNH NGHỊ

Bí thư Huyện uỷ 1937-1938



Đồng chí VÕ PHẤN (NGHỊ)
Bí thư Huyện uỷ năm 1939, 1945-1946

17

17

trong tỉnh, gần 5.000 người dân từ khắp các xã trong huyện tập trung thành đội ngũ, đứng xếp hàng ngay ngắn hai bên đường, từ huyện lỵ đến đầu cầu Trà Khúc. Dưới sự chỉ huy của đồng chí Phạm Viết My và một số đồng chí trong ban vận động của tỉnh, huyện, khi Gôđa đến, đoàn người giương cao băng cờ hô vang các khẩu hiệu: "Thực hành các quyền tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do tổ chức, tự do đi lại làm ăn", "Cải thiện đời sống nhân dân lao động, cải thiện chế độ lao tù, thả hết tù chính trị".

Trước khí thế mạnh mẽ của đông đảo quần chúng, bọn chỉ huy buộc phải để đoàn đại biểu các tầng lớp nhân dân trong tỉnh gặp phái đoàn đưa yêu sách. Ảnh hưởng của cuộc đón tiếp Gôđa lan nhanh; nhân dân trong huyện bước đầu đã thấy khả năng đấu tranh công khai, hợp pháp trong tình hình mới, uy tín của cách mạng ngày càng tăng. Đảng bộ có thêm kinh nghiệm để lãnh đạo quần chúng. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân được củng cố, tạo điều kiện phát triển nhanh lực lượng cách mạng ở huyện nhà. Tức giận trước thắng lợi của nhân dân Quảng Ngãi, sau khi phái đoàn Gôđa rời Quảng Ngãi, bọn phản động Pháp và tay sai lập tức khủng bố nhân dân, bắt giam tra tấn nhiều đồng chí lãnh đạo; trong đó có đồng chí Phạm Viết My và một số đồng chí trong ban vận động đón tiếp Gôđa của huyện.

Tháng 5-1937, Huyện ủy lâm thời tập hợp các đồng chí đảng viên mãn tù về và số đảng viên còn lại ở cơ sở bị đứt liên lạc để củng cố và xây dựng 15 chi bộ, trong đó đa số là chi bộ ghép với khoảng 70 đảng viên, sinh hoạt trong các

chi bộ: An Kỳ, An Vinh, Tư Cung Nam, Mỹ Khê Tây, Trường Định, Châu Sa, Tư Cung Bắc, Thọ Lộc, Lâm Lộc, Khánh Mỹ, Phước Lộc, Đại Lộc, Vinh Lộc, Trà Bình, Đông Thành. Sau đó phát triển thêm các chi bộ như An Kim, Vinh Tuy, Xuân Hòa, Châu Nhai. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ nhất được tổ chức vào tháng 5 năm 1937 tại nhà ông Chánh Năm, thôn Lâm Lộc (Tịnh Hà). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 7 đồng chí: Nguyễn Thành Nghi, Võ Phấn, Nguyễn Cát, Nguyễn Chánh, Bùi Chấn (Trần Quý Hai), Võ Lục, Nguyễn Cừ. Đồng chí Nguyễn Thành Nghi được bầu làm Bí thư. Đại hội thông qua nghị quyết xây dựng các tổ chức quần chúng, thành lập các tổ chức công khai và bán công khai ở huyện, củng cố các chi bộ cũ. Đại hội chủ trương nơi nào có ít đảng viên thì đẩy mạnh phong trào quần chúng, phát triển đảng viên mới để thành lập chi bộ; xã nào có chi bộ rồi thì phát triển đảng ra các xã xung quanh, riêng tổng Châu cố gắng liên lạc với khu đông của huyện Bình Sơn để xây dựng các tổ chức quần chúng và cơ sở cách mạng. Đại hội cũng nhấn mạnh cần sử dụng tài liệu nói về "lạc quyền" của Xứ ủy để tuyên truyền, vận động gây quỹ Đảng. Đại hội quyết định chia huyện thành hai khu vực để thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo: khu vực phía tây gồm tổng Thượng, tổng Trung; khu vực phía đông gồm tổng Hòa, tổng Châu. Mỗi khu vực có một Ban cán sự lãnh đạo. Ban cán sự khu đông gồm các đồng chí: Nguyễn Cát, Võ Lục, Nguyễn Cừ. Ban cán sự khu tây gồm các đồng chí: Nguyễn Chánh, Võ Phấn. Sau

đó, ở tổng Châu và tổng Thượng thành lập Ban Chấp hành tổng. Ở tổng Châu có các đồng chí Nguyễn Cừ (Bí thư), Cao Kỳ và Võ Lục. Tổng Thượng có các đồng chí Võ Phấn (Bí thư), Nguyễn Khoách, Nguyễn Đôn.

Tháng 12-1937, chi bộ Phước Lộc (Tịnh Sơn) lãnh đạo nhân dân xóm Buồng đấu tranh đòi lại công điền, công thổ với diện tích khoảng 50ha ở hữu ngạn sông Trà Khúc, bị cường hào Nguyễn Duệ (tức Hương Duật) chiếm làm của riêng, trồng mía. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, nhân dân xóm Buồng lập hội "đồng canh" để quản lý, đem lại công ăn việc làm cho dân nghèo xóm Buồng. Hội "đồng canh" này tồn tại mãi đến Cách mạng Tháng Tám 1945¹.

Đầu năm 1938, Ban cán sự khu đông được bổ sung thêm hai đồng chí là Mai Thị Essen và Cao Kế. Cũng thời gian này, các nơi trong huyện, ngoài việc đã hình thành hội đọc sách báo để phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng còn tổ chức các hội vòng công, đổi công (công cày, công gặt, tát nước, làm cá). Ở vùng biển có hội tương tế, ái hữu. Ở thị trấn, hội thợ may, hội cắt tóc được thành lập do đồng chí Trương Quang Viên (tức Giao) làm thư ký hội. Các tổ chức này thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, làm cơ sở cho việc tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất của huyện.

1. Dải bãi bồi xóm Buồng trước Cách mạng Tháng Tám 1945 thuộc sự quản lý của làng Phước Lộc (huyện Sơn Tịnh). Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, huyện Sơn Tịnh chuyển giao cho xã Nghĩa Thắng (huyện Tư Nghĩa) quản lý.

Cùng với các hình thức hoạt động công khai, bán công khai kể trên, các đồng chí bị giam ở lao Quảng Ngãi đã đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt trong tù, ủng hộ những đồng chí bị nhốt xà lim. Bọn thực dân Pháp một mặt phải nhượng bộ giải quyết các yêu cầu của tù chính trị, mặt khác tìm mọi cách đối phó, chuyển những đồng chí tích cực đấu tranh ở lao Quảng Ngãi như đồng chí Nguyễn Hiến đi Buôn Ma Thuột.

Ngoài các tổ chức quần chúng trên, ở huyện Sơn Tịnh còn thành lập Ban hoạt động công khai, do đồng chí Nguyễn Cát phụ trách. Các tổ này thường xuyên trực tiếp gặp các dân biểu Trung Kỳ trao đổi ý kiến, đề nghị các dân biểu bác bỏ dự án thuế do chính quyền thuộc địa đề ra, vận động các tầng lớp nhân dân đưa nguyện vọng, ký tên vào bản kiến nghị đòi giảm thuế, đòi tự do dân chủ gửi Viện Dân biểu Trung Kỳ. Mục tiêu đấu tranh là chống bọn phản động Pháp ở thuộc địa, đòi lập hội ái hữu, nghiệp đoàn, tự do hội họp, ân xá chính trị phạm, tự do ứng cử và bầu cử, đòi cải cách chế độ thuế khóa hiện hành, đặc biệt chống dự án thuế mới của chính quyền thực dân đề ra, đòi thi hành dự án thuế của Viện Dân biểu Trung Kỳ (dự án này có sự chỉ đạo và tham gia ý kiến của Xứ ủy). Để có người ký tên vào các bản kiến nghị, bộ phận hoạt động công khai đã bám sát các xã, phân công trách nhiệm cho quần chúng tích cực, nhất là những người có học vấn, lợi dụng những cuộc tụ họp đông người như làm nhà, giỗ chạp, cưới xin để tuyên truyền giải thích và lấy chữ ký. Nhờ vậy mà trong một thời gian ngắn, các bản kiến nghị đều có hàng ngàn chữ ký.

Tháng 3-1938, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Đại hội đại biểu trong một chiếc thuyền trên sông Trà Khúc với sự tham gia của đồng chí Bùi San, đại diện Xứ ủy Trung Kỳ. Đại hội đã đánh giá những ưu, khuyết điểm tồn tại của phong trào trong tỉnh thời gian qua và đề ra những biện pháp đấu tranh để đẩy mạnh phong trào cách mạng lên bước tiến mới.

Thời gian này đồng chí Võ Phấn đang làm Bí thư tổng Thượng được cử làm Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh, thay cho đồng chí Bí thư cũ đi nhận nhiệm vụ mới.

Cuối năm 1938, những dân biểu tiến bộ, đứng đầu là Phan Thanh, trong Viện Dân biểu Trung Kỳ, đã đưa ra một dự án thuế mới đối lập với dự án thuế của thực dân Pháp, được đa số dân biểu tán thành, nhưng bị Khâm sứ Trung Kỳ bác bỏ, bắt thực hiện dự án thuế mới của chính quyền thuộc địa. Xứ ủy Trung Kỳ chỉ thị cho các địa phương có cơ sở vững mạnh xuống đường đấu tranh, nơi nào cơ sở còn yếu thì tổ chức mít tinh, treo biểu ngữ, rải truyền đơn. Nội dung đấu tranh là chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi thi hành dự án thuế của nhóm dân biểu tiến bộ.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ thị cho các huyện phải tổ chức biểu tình, xuống đường đấu tranh. Nhận được chỉ thị trên, Huyện ủy Sơn Tịnh quyết định tổ chức biểu tình ở hai địa điểm là chợ Châu Sa (Tịnh Châu) và Phước Lộc (Tịnh Sơn).

Đầu tháng 1-1939, đồng chí Nguyễn Chánh về tổng Châu triệu tập các đồng chí Trương Quang Giao, Cao Kế

và Mai Thị Ẽn, họp tại nhà đồng chí Cao Kế để triển khai chủ trương của tỉnh và huyện, bàn việc chuẩn bị tổ chức các cuộc biểu tình chống dự án thuế mới của thực dân Pháp. Đồng chí Nguyễn Chánh chỉ định đồng chí Trương Quang Giao, Cao Kế trực tiếp chỉ huy cuộc biểu tình tại Châu Sa. Sau khi nhận nhiệm vụ, đồng chí Trương Quang Giao và Cao Kế đã mời một số đồng chí cán bộ chủ chốt các xã thuộc tổng Châu bàn biện pháp, kế hoạch thực hiện cuộc biểu tình theo phương châm: không tổ chức tập trung một chỗ, mà nhân lúc chợ đông người, phát động biểu tình. Các đồng chí cốt cán đi vận động nhân dân thông báo thời gian, địa điểm của cuộc biểu tình để nhân dân chuẩn bị.

Sáng ngày 3-2-1939, chợ Châu Sa đông người hơn thường lệ. Dưới sự chỉ huy của đồng chí Cao Kế và Trương Quang Giao, quần chúng từ các xã kéo về nhanh chóng sắp xếp thành hàng ngũ chỉnh tề để nghe diễn thuyết. Đồng chí Trương Quang Giao đã nói về các thủ đoạn vơ vét tàn bạo của đế quốc, tay sai đối với đồng bào thông qua chính sách thuế mới và phát động quần chúng đấu tranh. Đoàn biểu tình tiến về huyện lỵ, giương cao những tấm băng và hô vang các khẩu hiệu: phản đối dự án thuế mới của thực dân Pháp, đòi thi hành dự án thuế của Viện Dân biểu Trung Kỳ, đòi cải thiện các điều kiện sinh hoạt cho dân chúng, giảm các thứ thuế và bãi bỏ thuế thân, thả ngay tù chính trị, v.v.. Nhân dân ở hai bên đường nhập vào đoàn biểu tình mỗi lúc một đông. Khi đoàn biểu tình kéo đến chân núi Thiên Ấn thì bị tên Quan Một (thiếu úy)

Pháp cùng với 30 tên lính khố xanh theo lệnh của Chánh mật thám Livecxê và tay sai Bùi Trọng Lệ từ thị xã Quảng Ngãi sang đàn áp. Đoàn biểu tình giương cao băng cờ và hô vang các khẩu hiệu: "Ủng hộ Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp", "Đả đảo phát xít và bọn phản động thuộc địa", "Phản đối dự án thuế mới của Chính phủ Nam triều, thi hành dự án thuế của Viện Dân biểu Trung Kỳ", "Thi hành các quyền tự do dân chủ". Đồng chí Trương Quang Giao đến trước tên Quan Một nói rõ nguyện vọng của nhân dân và đưa yêu sách. Sự ảnh hưởng của cuộc biểu tình lan rộng, tên Quan Một nhận yêu sách và mời đồng chí Trương Quang Giao về phủ để giải quyết, chúng thu băng cờ và đề nghị "đồng bào giải tán, yêu sách sẽ được giải quyết".

Tranh thủ cơ hội, đồng chí Cao Kế đứng lên kêu gọi đồng bào giữ nguyên đội hình và quay về đến Châu Sa thì dừng lại. Đồng chí Cao Kế đứng lên bờ thành của chợ, hô hào quần chúng tiếp tục giữ vững khí thế đấu tranh, phát huy thắng lợi của cuộc biểu tình. Cuộc biểu tình gần kết thúc thì bọn lính kéo đến, đoàn biểu tình hô vang các khẩu hiệu rồi giải tán, tỏa ra các hướng.

Trước sức mạnh và khí thế đấu tranh của quần chúng, chiều hôm ấy bọn địch phải trả tự do cho đồng chí Trương Quang Giao. Ngay tối đó, đồng chí Cao Ngưu (Bí thư chi bộ) đã triệu tập ngay các đồng chí Trương Quang Giao, Cao Kế, Mai Thị Ân, Võ Lục (Bảy Em, Dệt) bàn kế hoạch để phòng sự khủng bố của địch.

Lúc 23 giờ cùng ngày, Bùi Trọng Lệ dẫn lính về bắt các đồng chí Trương Quang Giao, Cao Kế và Lữ Đạt cùng một số đồng chí khác. Suốt 7 ngày đêm tra tấn, dọa nạt, mua chuộc, dụ dỗ nhưng địch vẫn không tìm được bằng chứng để xét xử công khai. Chính quyền thực dân phải mở phiên tòa bí mật vào ban đêm, kết án các đồng chí Trương Quang Giao, Cao Kế và Lữ Đạt 5 năm tù giam. Chúng đày đồng chí Trương Quang Giao đi nhà tù Buôn Ma Thuột, đồng chí Cao Kế và Lữ Đạt bị chúng kết án là tù kinh tế và đày đi Phan Rang. Tại đây, đồng chí Cao Kế và Lữ Đạt đã đấu tranh quyết liệt, cuối cùng chúng phải chuyển sang chế độ tù chính trị. Đầu năm 1944, đồng chí Cao Kế và Lữ Đạt ra tù (cùng thời gian, đồng chí Trương Quang Giao thoát khỏi nhà tù Buôn Ma Thuột). Một tháng sau, đồng chí Cao Kế bị chúng đưa đi an trí ở Di Lăng, đồng chí Trương Quang Giao bị đưa đi an trí ở Ba Tơ.

Cùng với cuộc biểu tình ở chợ Châu Sa, Huyện ủy Sơn Tịnh còn dự định tổ chức cuộc biểu tình thứ hai tại Phước Lộc nhưng không thành. Khi cán bộ và nhân dân tổng Thượng, tổng Trung kéo đến địa điểm tập trung thì bọn lính khố xanh đã túc trực sẵn nên không tiến hành được, đồng bào tự giải tán.

Như vậy, các yêu sách của cuộc biểu tình tại Châu Sa chẳng những không được giải quyết như thực dân Pháp đã hứa, chúng còn tiếp tục gây tình hình căng thẳng, tập trung quan quân truy lùng, đánh phá cơ sở cách mạng ở khắp huyện Sơn Tịnh. Nhằm phân tán sự chú ý của địch ở

Sơn Tịnh, Tỉnh ủy phân công đồng chí Trần Quý Hai ra Bình Sơn chỉ đạo cuộc biểu tình tại Châu Me có sự hỗ trợ của nhân dân Sơn Tịnh. Ngày 25-2-1939, lấy cớ đi xem hát bội (ban ngày) ở Châu Me, nhân dân các xã An Vĩnh, An Kỳ, Kỳ Xuyên, Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc... (thuộc tổng Châu) cùng với nhân dân sở tại và các làng lân cận, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Bùi Ghé, tổ chức mít tinh ngay tại đình làng, sau đó chuyển sang biểu tình kéo về huyện lỵ Bình Sơn. Đoàn biểu tình đi được khoảng 1km thì bị lính đồn Châu Me chặn lại bắt đi người chỉ huy, thu băng cờ. Tuy cuộc biểu tình chưa đạt mục đích, nhưng cũng gây tiếng vang lớn trong quần chúng, làm cho kẻ địch lúng túng và góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân huyện Bình Sơn.

Trong năm 1939, đồng chí Đỗ Minh Châu, nguyên là hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên huyện, đã lãnh đạo một số thanh niên tiến bộ làng Phú Nhơn (thị trấn Sơn Tịnh) đấu tranh kiện tên lý trưởng Đỗ Phong về tội nhũng lạm quý xã và đàn áp nhân dân giành thắng lợi, làm cho hắn bị cách chức. Từ đó, những lý trưởng của làng này không còn dám lên mặt hống hách với nhân dân.

Nhân ngày lễ "Chánh chung" (Quốc khánh nước Pháp) 14-7-1939, Tỉnh ủy chủ trương biến ngày vui chơi do địch tổ chức thành ngày hội chống chiến tranh. Nhân dân Sơn Tịnh, với khoảng hơn 1.000 người (có lực lượng đảng viên làm nòng cốt), theo kế hoạch chung lần lượt từng tốp kéo về tập trung tại sân vận động của tỉnh, cùng đồng bào các

nơi trong tỉnh xuống đường biểu tình¹.

Cuộc biểu tình bị đàn áp, khủng bố nhưng khí thế cách mạng lên cao, niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào cách mạng được củng cố thêm một bước. Các tổ chức đảng, tổ chức quần chúng phát triển.

Tóm lại, cao trào cách mạng 1936-1939 là cuộc vận động dân chủ rộng lớn trong nhân dân ta. Mặt trận dân chủ Đông Dương được thành lập, về sau đổi thành Mặt trận phản đế là kết quả của cao trào này. Ở Sơn Tịnh cũng như ở khắp Quảng Ngãi, Mặt trận ra đời đã tổ chức quần chúng đấu tranh cho quyền lợi dân sinh, dân chủ của mình. Dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Đảng không được hoạt động hợp pháp, nhân dân lao động không có quyền tự do, việc phát động các phong trào quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp như đã đề ra gặp rất nhiều khó khăn. Song, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Huyện ủy, nhân dân Sơn Tịnh đã đấu tranh thắng lợi với nhiều hình thức phong phú như kết hợp đấu tranh công khai với đấu tranh bí mật, nửa công khai. Nhân dân Sơn Tịnh tỏ rõ lòng dũng cảm của mình, luôn có mặt trong các cuộc đấu tranh, hỗ trợ cho phong trào cách mạng các huyện bạn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của tỉnh nhà.

1. Trong ban lãnh đạo cuộc biểu tình có đồng chí Bùi Định (chỉ huy) và Phan Chất (xã Tịnh Minh), Cao Ngưu (xã Tịnh Khê), Nguyễn Dương (huyện Nghĩa Hành). Trưởng ban bảo vệ ban lãnh đạo là đồng chí Võ Nhíp (tức Lựu) người xã Tịnh Hà.

Qua cuộc vận động dân chủ, trình độ nhận thức của cán bộ, kinh nghiệm đấu tranh của đảng viên và quần chúng được nâng lên rõ rệt. Uy tín và vai trò của Đảng bộ được lan rộng, ăn sâu trong đông đảo quần chúng nhân dân. Từ thực tế đấu tranh của quần chúng cho thấy: Đảng ta đã hết sức nhạy bén, nhận định đúng tình hình, kịp thời đề ra những chủ trương thích hợp trong hoàn cảnh cụ thể. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng 1936-1939 ở Sơn Tịnh tiến lên một bước đáng kể. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc tổng diễn tập đầu tiên thì cao trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ 1936-1939 là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền.

Thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939 để lại cho Đảng bộ một số kinh nghiệm:

1. Nhờ sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương, của Xứ ủy Trung Kỳ và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Đảng bộ Sơn Tịnh đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân xác định được phương hướng, mục tiêu cụ thể trước mắt để giành thắng lợi.

Mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do cơm áo... mà Trung ương Đảng đề ra, phần nào đã đạt được, làm cho thể và lực của cách mạng tăng lên gấp bội, phong trào đấu tranh của quần chúng vượt qua khó khăn trở ngại chuyển lên cao trào mới. Những mục tiêu ấy phù hợp với nguyện vọng tha thiết của nhân dân nên được quần

chúng tích cực hưởng ứng, bất chấp những hy sinh, gian khổ do kẻ thù gây nên.

2. Việc phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ cho nhân dân trong huyện nằm trong phong trào đấu tranh chung của nhân dân cả nước, cả tỉnh. Nhận thức được điều này, Đảng bộ Sơn Tịnh đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng một cách sáng tạo, phối hợp hành động với các địa phương bạn để tạo khí thế cách mạng chung trong cả tỉnh. Qua phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi, tổ chức đảng và quần chúng được củng cố, kịp thời ứng phó với sự chuyển biến của tình hình.

Chương III

CHUẨN BỊ VÀ TIẾN TỚI KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939 – 1945)

I- THỰC HIỆN SỰ CHUYỂN HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, loài người đứng trước nguy cơ bị chủ nghĩa phát xít tiêu diệt. Hầu hết các nước trên thế giới bị lôi cuốn, hoặc chịu tai họa chiến tranh. Tháng 6-1940, nước Pháp bị phát xít Đức tấn công, Chính phủ Pháp đầu hàng. Ở Đông Dương, tháng 9-1940, phát xít Nhật đánh vào Lạng Sơn, thực dân Pháp di tản nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, cuối cùng dâng Đông Dương cho Nhật. Từ đó, nhân dân Đông Dương nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng lâm vào cảnh "một cổ hai tròng". Lợi dụng chiến tranh và phải cung cấp tài lực cho phát xít Nhật, thực dân Pháp thi hành chính sách kinh tế thời chiến, tuyên bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người, cướp của. Chúng đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Chính phủ phản động ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản Pháp, truy tố Đảng Cộng sản Đông Dương. Tại Quảng Ngãi, chúng ra lệnh

giải tán các tổ chức dân chủ, đóng cửa các tờ báo tiến bộ, thủ tiêu những quyền lợi mà nhân dân ta thu được trong cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương, giải tán các hội đọc sách báo công khai, truy lùng các cơ sở cách mạng và cán bộ, đảng viên. Các cơ sở ở Quảng Ngãi cũng như ở huyện Sơn Tịnh bị tan vỡ. Nhiều cán bộ lãnh đạo, đảng viên và quần chúng tích cực bị bắt, chính trị phạm bị quản chế. Cuộc vận động dân chủ chấm dứt, phong trào cách mạng bước sang thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc. Đời sống nhân dân ngày càng điêu đứng, khổ sở. Tình hình đó tất sẽ dẫn đến một phong trào đấu tranh cách mạng cao hơn và rộng khắp hơn, đúng như nhận định trong bản "Thông báo cho các đồng chí cấp bộ" của Trung ương Đảng, ngày 29-9-1939: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng".

Tháng 11-1939, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu nhấn mạnh: giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương và chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra chính sách chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chia cho dân cày; chuyển hướng chỉ đạo chiến lược "chống tất cả ách ngoại xâm để tranh lấy giải phóng dân tộc". Vì vậy, phải lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cách mạng, kể cả vấn đề điền địa cũng nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết, nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi để thành lập Mặt trận phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương, tập hợp rộng rãi

mọi tầng lớp nhân dân, lôi kéo những phần tử còn có tinh thần yêu nước trong giai cấp địa chủ vào Mặt trận chống đế quốc, giải phóng dân tộc.

Sau khi nhận được chỉ thị của Xứ ủy về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng và tài liệu "Con đường giải phóng" do đồng chí Nguyễn Năng Lự mang về, ngày 28-9-1939, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã triệu tập cuộc hội nghị tại nhà ông Võ Cừ thôn Lâm Lộc (Tịnh Hà). Hội nghị đã nhận định tình hình trước mắt trong nước và tỉnh nhà, đề ra những nhiệm vụ khẩn cấp như chống đàn áp khủng bố, chống chiến tranh, chống vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh và quyết định chuyển tổ chức đảng vào hoạt động bí mật, điều động một số cán bộ, đảng viên quá lộ mặt đi hoạt động ở địa phương khác. Các tổ chức quần chúng thì phân tán nhỏ để hoạt động bí mật, nhưng vẫn duy trì và phát triển các hình thức biến tướng công khai hợp pháp.

Trong lúc đảng bộ các cấp đang khẩn trương tổ chức thực hiện các công tác đã đề ra thì quân địch mở cuộc khủng bố lớn, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh và huyện đều bị bắt. Hầu hết cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng ở cơ sở cũng bị bắt, bị võ. Các cựu chính trị phạm, địch cho là nguy hiểm bị đưa đi an trí để tách lực lượng yêu nước ra khỏi quần chúng. Đồng chí Võ Phấn, Bí thư Huyện ủy, bị chúng giam ở nhà lao Trà Bồng. Một mạng lưới mật thám dày đặc được tung ra khắp nơi để giám sát và kìm kẹp nhân dân ta. Để phục vụ chiến tranh, đế quốc Pháp bắt nhân dân ta đi xây dựng các căn

cứ, đắp các con đường chiến lược ở miền núi, đồng thời trưng thu lúa gạo. Về chính trị, chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp với các khẩu hiệu "Cần lao, Gia đình, Tổ quốc", "Pháp Việt trùng hưng".

Cùng thời gian này, phát xít Nhật đã chiếm đóng một số nơi trong tỉnh, như thị xã Quảng Ngãi, Cổ Lũy, Sa Huỳnh... Chúng một mặt tuyên truyền lừa bịp về cái gọi là "Khối Đại Đông Á", "Đồng văn đồng chủng", "Người Nhật sang giúp Việt Nam giành độc lập"... mặt khác, lại cùng thực dân Pháp vơ vét bóc lột nhân dân ta. Trong điều kiện khó khăn, đầy thử thách, các đảng viên, các tổ chức cách mạng còn lại, được sự che chở đùm bọc của nhân dân, vẫn len lỏi hoạt động, giữ vững phong trào. Các tổ chức quần chúng cơ sở vẫn bí mật sinh hoạt, trao đổi tình hình. Các đồng chí bị tù vẫn tìm cách móc nối liên lạc với các đồng chí bên ngoài, động viên nhau giữ vững khí tiết của người cộng sản, tiến tới xây dựng lại hệ thống tổ chức đảng của huyện.

Tháng 4 năm 1940, tại cuộc hội nghị ở một lò gạch thuộc huyện Trà Bồng, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Công Phương, đại diện Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập, do đồng chí Võ Xuân Hào làm Bí thư. Hội nghị quyết định xây dựng, củng cố tổ chức đảng từ cơ sở lên tổng bộ, huyện bộ; tìm bắt liên lạc với cấp trên. Đồng chí Hào ra Sơn Tịnh triệu tập một số đồng chí để thành lập Huyện ủy lâm thời, do đồng chí Hồng Ứng làm Bí thư. Lúc này địch ra sức đánh phá; ở phía nam Quảng Ngãi, nhiều cơ sở bị lộ, nhiều đồng chí lãnh đạo của



Đồng chí NGUYỄN HỒNG ƯNG (VŨ ANH BA)

Bí thư Huyện ủy năm 1940

các huyện và tỉnh bị bắt. Các cơ sở phía bắc chưa bị địch phát hiện vẫn theo chủ trương của Tỉnh ủy đẩy mạnh hoạt động đưa phong trào lên một bước phát triển mới, tổ chức đảng được củng cố, các tổ chức quần chúng đã sinh hoạt trở lại. Huyện ủy không những hoàn thành nhiệm vụ của mình mà còn giúp huyện Bình Sơn xây dựng một số cơ sở đảng ở Long Giang (Châu Ổ), Phước Thiện (Châu Me)... Do sơ xuất trong cất giấu tài liệu của một đồng chí cấp ủy huyện nên địch phát hiện, truy bắt, cơ sở lại bị vỡ. Hoạt động cách mạng của huyện ở nhiều nơi bị bế tắc, khó khăn.

Tháng 10 năm 1940, đồng chí Đỗ Xáng, người làng An Kim (nay thuộc Tịnh Giang), khi tạm lánh ở Nha Trang, đã gặp đồng chí Phan Đăng Lưu đi dự Hội nghị Trung ương đang trên đường trở về Nam Kỳ. Đồng chí Phan Đăng Lưu cho biết tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu và trao cho đồng chí Xáng cuốn sách chữ Hán nhan đề *Du kích đội, đích thực tổ chức nhiệm vụ cấp kỳ tha* (Nhiệm vụ của đội du kích và một số vấn đề khác) và hướng dẫn một số nội dung:

- Xây dựng lực lượng du kích, tự rèn các loại vũ khí để đánh địch.

- Tiếp tục phát động quần chúng hưởng ứng khởi nghĩa Bắc Sơn và Nam Kỳ.

- Liên hệ với các đồng chí trong tù để truyền đạt lại tinh thần mới của Trung ương.

Ngay sau đó đồng chí Đỗ Xáng về quê, liên hệ với các cơ sở còn lại ở tổng Thượng lập ra đội du kích khoảng 80 người và giao nhiệm vụ cho từng đồng chí, trong số đó có

các đồng chí Đỗ Hữu, Nguyễn A (tức Be), Đỗ Hoa, Nguyễn Đại... Từ trung tâm Đồng Ké (Tĩnh Giang), các đồng chí liên lạc với nhiều cơ sở ở tổng Thượng, tổng Trung, tổng Hòa và khi liên hệ tới tổng Châu thì bị lộ do có nội phản. Đồng chí Đỗ Xáng, các đồng chí lãnh đạo và một số du kích bị bắt ngày 10-1-1941; hầu hết các cơ sở ở Sơn Tịnh lại bị vỡ. Tuy hoạt động của đồng chí Đỗ Xáng và các đồng chí khác chưa được nhiều, nhưng nó chứng tỏ rằng, việc lập đội du kích đã tạo cơ sở cho sự phát triển lực lượng du kích mạnh mẽ sau này. Điều đó làm cho kẻ địch hoang mang, lo sợ và tìm mọi cách để kiểm soát, khủng bố gắt gao hơn nữa.

Cũng trong năm 1940, hai đồng chí Ty và Mầu, cán bộ Xứ ủy từ Quảng Nam vào An Kỳ (Tĩnh Kỳ) để bắt liên lạc với tổ chức đảng ở đây. Khi đang ở nhà đồng chí Nguyễn Ái (Tám Chút) thì bị kẻ địch vây bắt (do có mật báo). Cả ba đồng chí bị đày đi nhà tù Hỏa Lò. Sau đó, chúng đưa đồng chí Nguyễn Ái lên nhà tù Sơn La và đồng chí đã hy sinh tại đây.

Đầu năm 1941, đồng chí Nguyễn Năng Lự về Quảng Ngãi, lên cảng an trí Ba Tư gặp hai đồng chí Võ Bẩm và Phạm Viết My, được giới thiệu về Sơn Tịnh gặp đồng chí Mai Tòng (ở Sung Tích, Tịnh Long) để xây dựng cơ sở. Từ đây, đồng chí Nguyễn Năng Lự hoạt động ở một số xã khu đông Sơn Tịnh, Bình Sơn, lên Phong Niên (Tịnh Phong) rồi vào Mộ Đức và bị địch bắt, giam ở lao Quảng Ngãi. Đồng chí Nguyễn Năng Lự vượt ngục về lại nhà đồng chí Mai Tòng tiếp tục hoạt động; sau đó đến nhà

đồng chí Nguyễn Tài ở Tĩnh Hà, rồi lên Tĩnh Minh gặp các đồng chí Phạm Ngọc Trân, Phạm Thị Trinh. Tại những nơi này, đồng chí Nguyễn Năng Lự phổ biến các tài liệu, như: "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", "Điều lệ Nông hội"... và dự kiến thành lập cấp ủy liên huyện Sơn Tĩnh - Bình Sơn. Công việc đang tiến hành thuận lợi thì đồng chí bị bắt tại Phước Lộc (Tĩnh Sơn) do sự phản bội của Lâm Tài. Cơ sở đảng và quần chúng lại bị địch lần lượt phá vỡ.

Từ cuối năm 1941, đầu năm 1942, các đồng chí Nguyễn Đôn, Nguyễn Thanh, Võ Phấn, Nguyễn Cừ... từ các nhà lao được thực dân Pháp đưa về cảng an trí Ba Tư, đã tìm cách gây cơ sở xuống đồng bằng thông qua người thân và bạn bè khi lên thăm. Các đồng chí Nguyễn Hiền (Vĩnh Cường), Trần Xuân Hải, Võ Chấn, Đinh Bương, Đặng Hồng Vân, Nguyễn Thủy, Võ Thứ... và một số cơ sở ở Bình Sơn đã liên lạc được với các đồng chí ở cảng an trí Ba Tư. Dưới sự chỉ đạo của các đồng chí ở cảng an trí Ba Tư, các đồng chí này đã từng bước xây dựng được cơ sở cách mạng trong huyện, nhất là ở tổng Thượng, những làng dọc sông Trà Khúc.

Cuối năm 1941, đồng chí Nguyễn Đôn và một số đảng viên ở cảng an trí Ba Tư đã bí mật lập ra "Ủy ban vận động cách mạng", thông qua các đồng chí cốt cán ở địa phương để phát triển phong trào cách mạng trong toàn tỉnh. Song, lúc này Ủy ban vận động cách mạng chưa thật nắm chắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong tình hình mới. Đến đầu năm 1942, đồng chí Huỳnh

Tấu từ lao Buôn Ma Thuật về cảng an trí Ba Tơ đã truyền đạt tinh thần Nghị quyết Trung ương tám của Đảng và cùng các đồng chí ở cảng an trí thành lập chi bộ do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư. Chi bộ Đảng đã vạch ra chương trình hành động theo tinh thần Nghị quyết Trung ương tám.

Tháng 5 năm 1943, đồng chí Phạm Kiệt cũng bị địch đưa từ lao Buôn Ma Thuật về cảng an trí Ba Tơ. Đồng chí đã bí mật mang về bản viết tay Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương. Chi bộ ở cảng an trí Ba Tơ đã tổ chức các lớp huấn luyện Nghị quyết tám tại cảng an trí Ba Tơ cho cán bộ ở các huyện. Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi được thành lập thay cho Ủy ban vận động cách mạng. Sau đó không lâu, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được thành lập, do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư. Từ đó, phong trào cách mạng bắt đầu phát triển sôi nổi. Tại Sơn Tịnh, các đồng chí Trần Xuân Hải, Nguyễn Hiền (Vĩnh Cường), Mai Quang Định, Nguyễn Thủy, Đặng Hồng Vân, Võ Chấn,... lần lượt thay nhau tham dự các lớp huấn luyện ở Ba Tơ. Cũng trong năm 1943, Ủy ban vận động cách mạng Sơn Tịnh được thành lập gồm ba đồng chí: Mai Quang Định, Trần Xuân Hải, Nguyễn Hiền (Vĩnh Cường) do đồng chí Mai Quang Định làm Trưởng ban. Cơ quan ấn loát được đặt tại nhà ông Trần Cửu ở Hà Trung (nay là Tịnh Hà), in các tài liệu, như *Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Điều lệ Việt Minh* để phân phát đi các nơi, kêu gọi quần chúng hưởng ứng phong trào cách mạng. Ủy ban vận động cách mạng tiếp tục gây cơ sở xuống các

xã, thành lập các tổ chức quần chúng như: nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, thanh niên cứu quốc, tự vệ cứu quốc. Ngày 14-7-1943, truyền đơn của "Việt Nam độc lập đồng minh" và "Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi" được rải dọc theo trục quốc lộ 1A gây niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân. Kẻ địch lại tiếp tục mở các đợt khủng bố. Đường dây liên lạc với Xứ ủy bị lộ.

Tháng 8 năm 1943, đồng chí Huỳnh Tấn bị bắt, một số cơ sở đảng trong tỉnh bị vỡ, nhưng cơ sở cách mạng ở huyện Sơn Tịnh vẫn giữ vững và phát triển thêm một số chi bộ ở Vĩnh Lộc (Tịnh Bình), An Thành (Tịnh Minh) và Toàn Mỹ (Tịnh Bắc).

Đầu năm 1944, đồng chí Trương Quang Giao ở nhà lao Buôn Ma Thuột về bất liên lạc với một số đồng chí cán bộ cũ ở tổng Châu và giao cho các đồng chí ở đây Chương trình hành động và Điều lệ Việt Minh. Gần một tháng sau, đồng chí Trương Quang Giao lại bị địch đưa lên căng an trí Ba Tơ. Đồng chí đã liên lạc ngay với đồng chí Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt, tham gia Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi và kiện toàn lại chi bộ đảng. Tháng 9 và 10 năm 1944, địch cũng lần lượt đưa các đồng chí Trần Quý Hai, Trần Lương từ lao Buôn Ma Thuột về căng an trí Ba Tơ. Kẻ địch muốn chia rẽ các chiến sĩ cách mạng với quần chúng, nhưng ngược lại các đồng chí cán bộ, đảng viên nhân cơ hội này đã tập hợp lực lượng, chuẩn bị cán bộ lãnh đạo phong trào. Trên cơ sở sự lớn mạnh của tổ chức đảng ở căng an trí Ba Tơ, vào cuối tháng 12-1944, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được thành lập, do đồng chí Trương Quang Giao làm Bí thư.

Trong những năm từ 1941 đến 1944, nhiều đồng chí cốt cán ở căn cứ an trí Ba Tơ quê ở Sơn Tịnh do am hiểu đặc điểm, tình hình chính trị, kinh tế và xã hội địa phương, nắm chắc các cơ sở cũ nên có nhiều đóng góp vào việc phát triển phong trào cách mạng của huyện. Mặc dù bị địch đánh phá cơ sở rất ác liệt, bắt bớ, khủng bố nhiều dã man, nhưng phong trào cách mạng ở huyện không bao giờ bị dập tắt.

Thời kỳ đấu tranh chuyển hướng chiến lược của Đảng ở Sơn Tịnh đã để lại những kinh nghiệm quý báu:

1. Tinh thần cách mạng không ngừng, ý chí cách mạng thường trực, một khi đã ăn sâu bám rễ vào các chiến sĩ cộng sản thì dù khó khăn gian khổ đến đâu, kẻ thù đàn áp, khủng bố đến mức độ nào, họ vẫn không sờn lòng nản chí, thua keo này bày keo khác; càng khó khăn ác liệt họ càng ra sức tìm tòi phát huy sáng tạo, chủ động liên hệ chặt chẽ với quần chúng, tập hợp quần chúng để đẩy lên phong trào mới. Đồng thời, khi chưa liên hệ được với cấp trên, họ không vì thế mà ngồi chờ mà bằng mọi cách để tìm bắt liên lạc, gắn liền với việc củng cố gây dựng cơ sở, gây dựng phong trào. Thực tiễn cho thấy, các chiến sĩ cách mạng huyện Sơn Tịnh từ các nhà tù về an trí ở Ba Tơ, đã tìm cách móc nối ngay với cơ sở, cơ sở này bị vỡ lại móc nối với cơ sở khác, liên lạc trong suốt thời kỳ chuyển hướng chiến lược, kể cả chưa bắt được liên lạc với Xứ uỷ cũng như Trung ương. Khi đã liên hệ được rồi, các chiến sĩ cách mạng lại ra sức phát triển phong trào, đưa phong trào ngày càng đi lên.

2. Tăng cường cảnh giác để bảo tồn lực lượng cách mạng

là điều hết sức cần thiết trong các thời kỳ cách mạng. Nhưng trong thời kỳ này, việc cảnh giác cách mạng, công tác tổ chức bí mật và hoạt động bí mật chưa được đề cao đúng mức. Vì bọn nội gián không bị phát hiện kịp thời hoặc do sơ hở trong việc cất giấu tài liệu nên kẻ địch đã truy tìm được và đánh phá cơ sở, gây tổn thất cho cách mạng¹.

II- CUỘC KHỞI NGHĨA THÁNG 8-1945 THẮNG LỢI - CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN HUYỆN RA ĐỜI

Từ giữa năm 1945, tình hình thế giới có những chuyển biến lớn. Hồng quân Liên Xô đang thắng lớn, phát xít Đức - Nhật đang thua to. Nước Pháp được giải phóng, Nhật thua liên tiếp trên mặt trận Thái Bình Dương. Ở Việt Nam, mặc dù tạm thời "hòa hoãn", dựa vào nhau để bóc lột nhân dân, nhưng Nhật - Pháp vẫn tìm mọi cách hắt cẳng nhau để giành độc quyền thống trị. Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp càng thẳng tọt độ. Ngược lại, phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đang giành những thắng lợi mới. Mặt trận Việt Minh được quần

1. Trường hợp điển hình của việc thiếu cảnh giác là vụ Lâm Tài. Lâm Tài quê ở Phước Lộc (Tĩnh Sơn), còn gọi là Đốc Công Cốc, đã phản bội cách mạng, chỉ điểm cho tên mật thám Bùi Trọng Lệ bắt đồng chí Nguyễn Năng Lự đang trú tại nhà y. Lợi dụng chính sách nhân đạo của Đảng nên y được tha, nhưng dưới chế độ Mỹ - Diệm, Lâm Tài lại tiếp tục làm tay sai cho địch, bị cách mạng bắt cải tạo một lần nữa.

chúng tin tưởng và nhiệt liệt ủng hộ, đội ngũ cách mạng lớn mạnh không ngừng. Tình hình chung này cũng thể hiện rõ ở Quảng Ngãi, ở huyện Sơn Tịnh, nhân dân sẵn sàng chờ thời cơ nổi dậy khởi nghĩa.

Đêm mồng 9-3-1945, Nhật nổ súng tấn công, lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Mặc dù chưa nhận được chỉ thị của Trung ương nhưng dựa vào Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941), ngay khi nhận được tin Nhật đảo chính Pháp, đêm ngày 10-3 và trưa ngày 11-3-1945, trong hai cuộc hội nghị bất thường tại căn cứ an trí Ba Tơ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định: phải nắm lấy thời cơ, tiến hành khởi nghĩa ở Ba Tơ và đồng loạt nổi dậy giành chính quyền ở đồng bằng để phối hợp, chi viện với Ba Tơ và phân tán lực lượng địch. Ban lãnh đạo khởi nghĩa được thành lập gồm các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời như Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Lương, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai. Để lãnh đạo sâu sát phong trào cách mạng trong tỉnh, Tỉnh ủy chia làm hai bộ phận: bộ phận chỉ huy khởi nghĩa Ba Tơ do đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn và Nguyễn Khoách phụ trách; bộ phận chuẩn bị phát động quần chúng đồng bằng khởi nghĩa: ở phía nam tỉnh do đồng chí Trần Lương phụ trách, ở phía bắc tỉnh do đồng chí Trần Quý Hai phụ trách, đồng chí Trương Quang Giao phụ trách chung. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thành công, chính quyền cách mạng thực sự về tay nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 11-3-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Ba Tơ và

Đội du kích Ba Tơ ra đời, có ảnh hưởng và tiếng vang khắp các tỉnh miền Trung và lan đi cả nước, cổ vũ nhân dân trong tình hăng hái tham gia Mặt trận Việt Minh.

Ở Sơn Tịnh, đồng chí Trương Quang Giao và Trần Quý Hai đã chỉ đạo các đồng chí ở cơ sở chuẩn bị lực lượng cướp chính quyền, đẩy mạnh công tác tuyên truyền chống phát xít Nhật. Căn cứ tình hình lực lượng cách mạng đã phát triển nhưng chưa đủ mạnh, tinh thần quân Nhật tuy hoang mang, dao động nhưng còn đủ sức chống lại ta, nhận thấy rằng khởi nghĩa ở nông thôn đồng bằng lúc này sẽ gặp khó khăn, Tỉnh uỷ quyết định tạm hoãn khởi nghĩa ở nông thôn đồng bằng. Do đó, trong khi chờ đợi lực lượng và cơ hội khởi nghĩa, Huyện uỷ cần tổ chức những cuộc mít tinh khoảng 100 người để giữ vững khí thế quần chúng và phát triển phong trào cách mạng. Thực hiện chủ trương của tỉnh, Huyện uỷ đã tổ chức mít tinh ở Vĩnh Lộc, Trà Bình Trại, An Vĩnh, An Kỳ, Vạn Thiện, Châu Sa, Hà Trung, Lâm Lộc, Hòa Bân, Tân An và sau đó nhiều cuộc mít tinh nhỏ hơn cũng được tổ chức ở nhiều làng khác. Trong các cuộc mít tinh, cán bộ cách mạng thông báo tình hình thế giới, trong nước và thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ, làm cho quần chúng vô cùng phấn khởi, niềm tin đối với cách mạng được nâng cao.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp và khởi nghĩa Ba Tơ, bọn tay sai của thực dân Pháp hoang mang, dao động. Chính quyền bù nhìn do Nhật dựng lên thi hành chính sách lừa bịp, my dân, đưa các chiêu bài "Việt Nam độc lập", "Nhật đánh Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam".

Tuy đã chuẩn bị trước nhưng phát xít Nhật chưa có đủ tay chân để xây dựng bộ máy cai trị mới, phải tạm dùng bộ máy thống trị cũ của Pháp và khẩn trương xây dựng cơ sở xã hội, chính trị trung thành với mình. Các nhóm chính trị thân Nhật lần lượt xuất hiện. Ở Sơn Tịnh, tổ chức "Quốc dân đảng", những bọn giả danh cách mạng tuyên bố lợi dụng Nhật để giành độc lập cho Việt Nam, những kẻ đội lốt tôn giáo, nhóm thanh niên Tiên tuyến... hoạt động mạnh mẽ. Chúng đi xuống tận thôn xã để lôi kéo nhân dân, phá hoại cơ sở cách mạng của Đảng. Bọn phản động đội lốt đạo Cao Đài ra sức hoạt động, nắm danh sách cán bộ Việt Minh và sẵn sàng hành động khi thời cơ đến.

Cuối tháng 3 và cuối tháng 4-1945, Tỉnh ủy đã mở hai cuộc hội nghị mở rộng ở Mộ Đức để nhận định tình hình chung trong toàn tỉnh và đề ra những chủ trương:

- Cần phải bảo tồn lực lượng cách mạng, lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa.

- Khẩn trương phát triển phong trào du kích, tự vệ lớn mạnh.

- Kiên quyết cô lập các tổ chức tay sai của Nhật, vạch trần luận điệu tuyên truyền lừa bịp của chúng trước quần chúng nhân dân. Xây dựng các đoàn thể cứu quốc, đưa phong trào tiến lên.

- Xây dựng những chiến khu sát đồng bằng, đưa đội du kích về nông thôn làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng tự vệ và tiểu tổ du kích.

- Lập quỹ nuôi quân, mua, rèn vũ khí, mua thuốc chữa bệnh và lương thực... đưa lên chiến khu.

Thực hiện chủ trương chung của Tỉnh ủy, Huyện ủy Sơn Tịnh đã tiến hành củng cố các tổ chức yêu nước.

Từ năm 1943, Ban vận động cách mạng huyện đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các xã thôn. Để củng cố một bước về tổ chức, tăng cường hệ thống lãnh đạo từ trên xuống và điều hành công việc cho phù hợp với điều kiện cách mạng cụ thể, Ban vận động cách mạng huyện Sơn Tịnh được thay bằng Ban vận động cứu quốc huyện Sơn Tịnh do đồng chí Võ Phấn làm Trưởng ban. Tiếp đó, Ban chấp hành Hội Nông dân cứu quốc được thành lập ở bốn tổng, mỗi tổng mang bí danh riêng. Lúc đầu, về tổ chức, Ban chấp hành Nông dân cứu quốc chỉ chia ra hai tổng: tổng Thượng (khu tây), tổng Châu (khu đông), lấy quốc lộ 1 làm ranh giới. Lúc đó, tổng Thượng do đồng chí Trương Cao Đường làm Bí thư. Tổng Châu do đồng chí Hồng Kỳ làm Bí thư. Nhưng về sau, tình hình cách mạng phát triển mạnh, cơ sở cách mạng ngày càng mở rộng, thực tế hai tổng không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới nên chia làm bốn tổng.

- Ban chấp hành Nông dân cứu quốc tổng Thượng mang bí danh tổng Cao Sơn, do đồng chí Trương Cao Đường làm Bí thư.

- Ban chấp hành Nông dân cứu quốc tổng Trung, bí danh là tổng Trung Phong, do đồng chí Võ Chấn làm Bí thư, sau đó đồng chí Phan Sanh thay.

- Ban chấp hành Nông dân cứu quốc tổng Hòa mang bí danh tổng Nam Minh, do đồng chí Nguyễn Thủy (Giáo Mai) làm Bí thư.

- Ban chấp hành Nông dân cứu quốc tổng Châu mang bí danh tổng Lê Kỳ, lúc đầu do đồng chí Cao Kỳ làm Bí thư, đến gần ngày khởi nghĩa, khi huyện rút đồng chí Cao Kỳ thì đồng chí Nguyễn Hiền thay.

Các tổ chức Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thân hào cứu quốc của tổng, huyện được thành lập. Nhờ hệ thống tổ chức cách mạng vững chắc này mà Ban vận động cứu quốc huyện thực hiện thắng lợi nhiều công tác. Trong những tháng 5, 6, 7 và đầu tháng 8-1945, ở huyện đã dấy lên một cao trào cách mạng sôi nổi trong quảng đại quần chúng nhân dân như tập luyện quân sự, thanh niên, nông dân hăng hái tham gia du kích, đóng góp lương thực, thực phẩm, quần áo, mũm mền, thuốc chữa bệnh cho du kích. Việc phân hóa hàng ngũ kẻ thù, lôi kéo những người tinh ngộ về với cách mạng được tiến hành mạnh mẽ từ xã lên tổng, huyện cho tới khi cách mạng thành công.

Vào cuối tháng 4 đầu tháng 5-1945, Tỉnh ủy quyết định đưa Đội du kích Ba Tơ chuyển về đồng bằng để phát triển lực lượng. Đại đội Hoàng Hoa Thám đóng quân ở chiến khu Núi Lớn (Mộ Đức) do đồng chí Nguyễn Đôn phụ trách. Đại đội Phan Đình Phùng do đồng chí Phạm Kiệt, Võ Thứ phụ trách, đóng quân ở chiến khu Vĩnh Sơn (Vĩnh Tuy, Tĩnh Hiệp). Ở Sơn Tịnh, lực lượng du kích Ba Tơ được chia làm hai bộ phận: một bộ phận đóng ở Vĩnh Sơn xây dựng căn cứ, một bộ phận tỏa về đồng bằng, các vùng Khánh Mỹ, Châu Nhai, Vĩnh Lộc... kể cả các xã khu đông để huấn luyện tự vệ, du kích của các làng. Du kích Ba Tơ,

với khí thế của đoàn quân chiến thắng, được quần chúng tin yêu, tận tình giúp đỡ và che chở. Phong trào luyện tập quân sự diễn ra trong huyện đều khắp, mạnh mẽ và liên tục suốt mấy tháng liền, nhất là từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8-1945. Phần lớn thanh niên, nông dân tình nguyện gia nhập Đội du kích Ba Tơ, tham gia lực lượng tự vệ ở xã, nên lực lượng này lên mạnh chưa từng có. Phong trào luyện tập mạnh nhất, có khí thế và quy mô lớn ở Khánh Mỹ (Tỉnh Trà), Vĩnh Lộc, Châu Nhai (Tỉnh Bình), Gò Đá, Khánh Vân (Tỉnh Thiện), Đồng Lớn, Vĩnh Sơn (Tỉnh Hòa)... Nhiều xã có đến hai trung đội, xã ít nhất cũng có một trung đội, các thôn đều có tiểu tổ du kích hoạt động bán công khai. Đội du kích Ba Tơ tại chiến khu Vĩnh Sơn đã lên tới 400, 500 tay súng và Đội cũng đã phân công một số đồng chí đưa súng về tận các xã có phong trào mạnh để huấn luyện cho tự vệ cách bắn súng. Lực lượng này cũng tiến đánh các đồn Trà Bồng, Di Lăng, đảo Lý Sơn... hỗ trợ các huyện, áp đảo quân địch trước và trong ngày khởi nghĩa giành chính quyền.

Công tác vận động thanh niên của Hội Thanh niên cứu quốc các cấp được chú trọng, nhiều buổi sinh hoạt đã được tổ chức để giáo dục trách nhiệm của thanh niên trong việc giành độc lập, chống đế quốc và tay sai. Ban chấp hành Thanh niên cứu quốc huyện trước ngày khởi nghĩa do đồng chí Nguyễn Hồng Ứng làm Bí thư.

Để đảm bảo cho việc giành thắng lợi trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, nhân dân trong huyện tích cực hăng hái đóng góp tiền bạc, lúa gạo nuôi quân để du kích, tự vệ

có điều kiện thường trực luyện tập. Việc đóng góp vật chất này được thực hiện trước tiên trong đội ngũ cán bộ cốt cán lúc bấy giờ. Hội Phụ nữ cứu quốc do bà Võ Thị Bản làm Hội trưởng đã vận động chị em thực hiện "hũ gạo Ba Tơ" hay "hũ gạo cứu quốc". Nhiều nơi chị em đã góp rau, đậu, bầu, bí; nhân dân vùng biển thì góp cá, mắm... Tất cả đều được chuyển đến các nơi du kích luyện tập. Nhiều nhà khá giả đã tự nguyện liên hệ với các đơn vị, mời cả trung đội, đại đội về nhà mình để đãi thọ việc ăn uống từ 3 ngày đến 1 tháng liền, như gia đình các ông Trương Quý Phương ở Trà Bình, Tịnh Trà, gia đình ông Hương Bộ Điền ở Trường Thọ (Tịnh Phong), gia đình bà mẹ Canh ở Tịnh Đông. Nhờ đó, lực lượng tự vệ, du kích ở xã tổng yên tâm tập trung vào học tập chính trị, luyện tập quân sự.

Ngoài ra, để cung cấp cho đơn vị du kích ở chiến khu, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, gây quỹ cho Việt Minh, tháng 6-1945, Ban quân nhu cấp huyện và cơ sở được thành lập, chuyên lo quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, Ban tài chính chuyên lo lương thực, thực phẩm... Hàng ngày, những chiếc ghe chở nặng hàng ngược dòng sông Trà Khúc lên miền Tây. Phụ nữ, thanh niên, nông dân chịu trách nhiệm vận chuyển lương thực, quần áo, thuốc men, la bàn, đồng hồ... đưa lên chiến khu. Du kích các xã miền biển đã tổ chức chặn những chuyến ghe bầu có trọng tải lớn chở gạo cho quân Nhật từ Sài Gòn ra Huế. Bên cạnh đó, ta đã gây dựng được một số cơ sở trong các đoàn vận tải đường biển của Nhật, nên khi chở gạo, họ đã cập bến Sa Kỳ để cung cấp gạo cho cách mạng.

Số gạo trên được chuyển lên tập kết ở nhà ông Ngô Lự (Tĩnh Giang) để chuyển về căn cứ Vĩnh Sơn. Cùng với việc vận động quần chúng phục vụ lực lượng vũ trang, gây quỹ cho Việt Minh, Ban vận động cứu quốc còn chú ý thành lập các đội thu nhặt vũ khí, sắt thép. Hầu hết lò rèn trong huyện được trưng dụng để rèn đúc vũ khí, gươm dao, giáo mác..., làm việc rộn ràng cả ngày lẫn đêm như ở Minh Khánh (Tĩnh Minh), Xóm Rầy (Tĩnh Thiện), An Nhơn (Tĩnh An). Những tuần lễ quyên góp vũ khí, lạc quyên cứu quốc được tổ chức định kỳ trong tháng... Tất cả mọi người đều hăng hái dốc sức người, sức của phục vụ khởi nghĩa giành chính quyền, tạo ra một phong trào sâu rộng trong quần chúng với ý thức tự nguyện, tự giác rất cao.

Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, phong trào cách mạng lên cao. Phát xít Nhật liên tục mở những cuộc hành quân lùng ráp, đánh phá tổ chức đảng, cơ sở cách mạng, thúc giục bọn tay sai ráo riết hoạt động, tuyên truyền lừa bịp. Công tác vận động, giáo dục quần chúng, đập tan luận điệu lừa bịp của địch, đấu tranh cô lập bọn thân Nhật, phá tan các tổ chức phản động là nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn này. Rút kinh nghiệm ở các giai đoạn trước, Ủy ban vận động cứu quốc đã đẩy mạnh phương thức hoạt động bí mật, kết hợp với công khai, nửa công khai. Nghị quyết Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941), Chương trình, Điều lệ Việt Minh, Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào toàn quốc được đăng trên báo *Chơn độc lập* của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn

nhau và hành động của chúng ta" nhanh chóng được phổ biến rộng rãi ở cơ sở, trong lực lượng cốt cán, trong chính trị phạm và trong quần chúng cách mạng. Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ trong nhân dân, đã cổ vũ, thôi thúc, động viên cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng cách mạng vùng dậy mạnh mẽ. Do đó, hoạt động của "ủy ban độc lập" - tổ chức phản cách mạng do một số trí thức như Bạch Quang Ba, Lữ Đình Hiến, Lữ Đình Mẫn (quê ở miền tây Sơn Tịnh) bị thất bại. Bọn chúng đến nhiều nơi trong huyện như Lâm Lộc, Hà Nhai (Tịnh Hà) móc nối cơ sở, phô trương thanh thế để chống phá cách mạng nhưng đều bị những người yêu nước chân chính nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng đấu tranh làm thất bại mưu đồ của chúng. Phát xít Nhật cũng cài những tên tay sai của chúng vào đạo Cao Đài ở các làng Bình Đông (Tịnh Bình), Ba Gia (Tịnh Bắc), An Tịnh (Tịnh Thiện), Thế Long (Tịnh Phong)... nhằm lôi kéo nhân dân theo đạo ủng hộ Nhật. Những tên phản động đội lốt đạo Cao Đài dựa vào thế Nhật, hống hách với nhân dân, truy bắt cộng sản. Bọn chúng đã dùng nước vôi trộn với mủ xương rồng để bôi vào mắt cán bộ ta. Nhiều tên bị nhân dân vạch mặt chỉ tên; đảng viên, cán bộ cốt cán ở từng khu vực thường xuyên đấu tranh chống lại những hành động của chúng. Ở Khánh Vân, Gò Đá, ta còn tổ chức vài ba người giả vờ mộ đạo đến các tên phản động đội lốt đạo Cao Đài chất vấn, dồn chúng vào thế bí không giải thích được, làm cho quần chúng thấy được thực chất của



Một số đồng chí du kích Ba Tơ quê ở Sơn Tịnh
(ảnh chụp tháng 3-1985)



nó mà xa lánh không theo chúng nữa. Các nhóm Quốc dân đảng phản động của Trần Hoàn đã đến Tư Cung Bắc (Tĩnh Hòa) vận động một số tên bị quân chúng cô lập. Nhóm tởtxkit hoạt động ở các làng Kim Sa, Khánh Vân (Tĩnh Thọ), Khánh Mỹ (Tĩnh Trà)... để lôi kéo cán bộ cách mạng cũng bị các đồng chí ở cơ sở tẩy chay, phản đối. Các nhóm có tư tưởng dựa vào Nhật để giành "độc lập" cho đất nước đã tuyên truyền, hoạt động khá rộng rãi. Do đó, ở một số nơi, chúng không những lôi kéo được những phần tử trung gian, cơ hội mà cả một số ít cựu chính trị phạm thiếu cảnh giác, trong đó có cả một số cán bộ, đảng viên cộng sản cốt cán trong các phong trào cách mạng đã ảo tưởng vào việc lợi dụng Nhật để giành độc lập. Hoạt động này đã ảnh hưởng không tốt đến phong trào cách mạng. Được sự giúp đỡ của tổ chức đảng, các đồng chí đã nhận ra sai lầm của mình và được tổ chức phân công nhiệm vụ mới.

Cuối tháng 5-1945, dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Quý Hai, một cuộc hội nghị được tổ chức ở Trà Bình Trại, để bầu Ban Chấp hành Nông dân cứu quốc huyện gồm 7 đồng chí: Trần Xuân Hải, Võ Phấn, Nguyễn Chót (Kiến), Cao Kế, Hồng Kỳ, Nguyễn Thủy và Trương Quang Tuân, do đồng chí Trần Xuân Hải làm Bí thư. Từ đây, Ban Chấp hành Nông dân cứu quốc đóng vai trò làm nòng cốt để chỉ đạo các đoàn thể quần chúng trong huyện hoạt động với danh nghĩa Việt Minh.

Từ trước khởi nghĩa Ba Tơ đến cuối tháng 6-1945, công tác tổ chức của Đảng chưa được chú ý đúng mức. Đa số các

chính trị phạm khi trở về đều tham gia công tác cách mạng, nhưng chưa được xem xét để truy nhận đảng viên. Nhiều nhân tố mới rất kiên định, vững vàng trong đấu tranh cách mạng chưa được phát triển đảng. Do tình trạng này, đến tháng 7-1945, toàn huyện mới có ba chi bộ ghép: một ở tổng Châu, một ở Vĩnh Lộc, một ở Hà Trung (Tĩnh Hà). Chi bộ tổng Châu do đồng chí Hồng Kỳ làm Bí thư, chi bộ Hà Trung do đồng chí Võ Phấn làm Bí thư, chi bộ Vĩnh Lộc do đồng chí Nguyễn Thảo làm Bí thư. Dựa vào số lượng chi bộ ghép trên, Tỉnh ủy cho phép Sơn Tĩnh được thành lập Huyện ủy lâm thời do đồng chí Võ Phấn làm Bí thư. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy lâm thời chủ trương:

- Tích cực chuẩn bị mọi mặt để hưởng ứng khởi nghĩa toàn quốc.

- Kiện toàn các tổ chức quần chúng tạo cơ sở hình thành Mặt trận Việt Minh các cấp (tổng, xã).

- Chăm lo đời sống quần chúng, chú ý những vùng đang bị đói, xúc tiến việc lấy các công quỹ phân phát cho dân nghèo...

Thực hiện chủ trương này, phong trào chung trong huyện phát triển đến mức gần như công khai, khí thế quần chúng rất sôi nổi. Ở Vĩnh Tuy, Khánh Mỹ, Vĩnh Lộc và một số làng xung quanh, ta đã giành được quyền làm chủ.

Vào giữa tháng 7-1945, Hội nghị liên tỉnh được tổ chức tại nhà đồng chí Lê Chương ở làng Vĩnh Lộc (Tĩnh Bình). Dự Hội nghị có đại biểu của 7 tỉnh: Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và

Khánh Hòa. Đại biểu ở Quảng Ngãi có các đồng chí Nguyễn Chánh, Trần Nam Trung, Trần Quý Hai, Trương Quang Giao, Phạm Thị Trinh, Nguyễn Thị Sâm (Năm)... Ngày cuối cùng của Hội nghị, đồng chí Tố Hữu (Lành) - phái viên của Trung ương đến dự. Hội nghị đã bàn bạc kế hoạch, thống nhất hành động, chuẩn bị khởi nghĩa khi có thời cơ và đề ra các công tác cấp bách trước mắt. Đồng chí Tố Hữu đã phổ biến một số chủ trương, chính sách mới của Đảng. Đồng chí Trần Quý Hai (Quảng Ngãi) và đồng chí Nguyễn Chí Thanh (Khánh Hòa) được cử đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân ở Tân Trào do Tổng bộ Việt Minh triệu tập.

Để phục vụ tốt hội nghị quan trọng này, Huyện ủy lâm thời đã giao cho chi bộ Vĩnh Lộc lo việc bảo vệ và công tác hậu cần cho các đoàn đại biểu.

Cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Sau khi tiêu diệt phát xít Đức, Ý, ngày 8-8-1945, Hồng quân Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương gấp rút chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa, phát động chiến tranh du kích, kết hợp với quần chúng nổi dậy.

Vào những ngày đầu tháng 8-1945, bộ máy thống trị của Nhật ở huyện suy yếu rõ rệt, các tổ chức chính trị phản động bị những đòn đả kích nặng chỉ còn những tên phản động, ngoan cố tụ họp thành nhóm nhỏ âm mưu chống đối cách mạng. Một đội lính Nhật được lệnh kéo lên đóng tại nhà Tú Thao (Phan Quang Thao) ở Diên Niên cũng chỉ lẩn quẩn qua lại khu vực thị xã và huyện lỵ hoặc

tìm cách trốn thoát. Tầng lớp trung gian ở nông thôn được lôi cuốn về phía cách mạng, những phần tử xu thời hòa với các tổ chức phản động thì nay đã thấy được đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh và sự thất bại không thể tránh khỏi của Nhật nên hoang mang cực độ, một số ngã về phía cách mạng. Số đảng viên, cán bộ lầm đường qua đấu tranh tích cực của anh em đồng chí cũ đã quay về với cách mạng. Cơ sở Việt Minh phát triển và hoạt động sôi nổi đều khắp trong huyện, không khí chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân lao động hầu như công khai. Chính quyền địch ở xã vẫn còn nhưng nằm im, hoặc chịu sự điều khiển của Ủy ban vận động cứu quốc, tiếng nói của cách mạng đến với mọi nhà, đâu đâu cũng nghe nói Đảng Cộng sản, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo cách mạng, thời cơ cách mạng đã đến.

Tình thế cách mạng đã chín muồi, để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ trước mắt, Ủy ban vận động cứu quốc huyện làm chức năng của Ủy ban khởi nghĩa và tổ chức Ủy ban khởi nghĩa trong tổng, xã lần lượt ra đời. Các lực lượng phòng triệt được thành lập, lực lượng tự vệ, du kích ở xã, thôn được củng cố. Danh sách những tên phản động địa phương được kiểm tra không để sai sót. Kế hoạch triển khai các mặt được vạch ra cụ thể như:

- Bố trí tự vệ, du kích, thanh niên canh gác tất cả các ngã đường, sẵn sàng vây bắt bọn Việt gian, đầu sỏ phản động đội lốt đạo Cao Đài.

- Huy động thợ may, phụ nữ nhuộm vải để may cờ đỏ sao vàng.

- Tổ chức lực lượng nông dân khỏe mạnh chuẩn bị rìu, rựa, cuốc, xẻng sẵn sàng chặt cây, đào đắp các ụ chướng ngại vật ngăn cản sự tiến công của quân Nhật.

- Cử người đảm nhận nhiệm vụ lãnh đạo chính quyền khi khởi nghĩa thành công.

Lúc bấy giờ, trụ sở của Huyện ủy, cũng là trụ sở của Ủy ban khởi nghĩa huyện, đóng tại nhà ông Võ Cừ (Lâm Lộc, Tịnh Hà). Mọi việc ăn nghỉ cho cán bộ đều do gia đình ông bà Võ Cừ chăm lo chu đáo.

Công tác chuẩn bị khởi nghĩa hết sức khẩn trương, ai nấy đều mong đến ngày khởi nghĩa, thì được tin ngày 14-8-1945, Nhật Hoàng đầu hàng Đồng minh không điều kiện, thời cơ khởi nghĩa đã đến, không thể chậm trễ. Mặc dù chưa nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, nhưng dựa vào chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12-3-1945 của Trung ương Đảng và phương án khởi nghĩa được Hội nghị liên tỉnh miền Trung thông qua tại Vĩnh Lộc, trưa ngày 14-8-1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Chỉ thị số 8 và 9 truyền đi các nơi, lệnh khởi nghĩa được ban hành. Thường trực Tỉnh ủy lúc này đảm nhận nhiệm vụ của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, do đồng chí Trương Quang Giao phụ trách.

Lệnh khởi nghĩa nêu rõ: "Giặc Nhật đã đầu hàng Đồng minh, các cấp hội, các ban chấp hành phải cấp bách huy động toàn dân chúng vũ trang để kịp thời khởi nghĩa.

Các đội tự vệ, tiểu tổ du kích phải sẵn sàng. Ban chấp hành cấp hội nào cũng đều phải thi hành kỷ luật triệt để.

Huy động bằng hình thức công khai, truyền đơn, áp

phích, công khai biểu tình, mít tinh, võ trang, bắt giữ bọn Việt gian.

Tình thế cấp bách phải thi hành triệt để, không được chậm trễ. Các đồng chí phải nỗ lực:

Hy sinh vì Tổ quốc!".

Đúng 16 giờ ngày 14-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa huyện do đồng chí Nguyễn Xự (Hong Kỳ) làm Thường trực, nhận được lệnh khởi nghĩa do đích thân đồng chí Nguyễn Chánh truyền lại, tại nhà ông Võ Cừ.

Ngay khi nhận được lệnh của tỉnh, Ủy ban khởi nghĩa huyện nhanh chóng cử người mang lệnh khởi nghĩa đi khắp các tổng, xã trong huyện. Tiếng tù và, tiếng mõ, xèng la vang lên, những người đi làm ngoài đồng cũng vội chạy về ngay các địa điểm quy định, nhận nhiệm vụ đã được bố trí trước. Gặp nhau ai nấy vui mừng hớn hở reo vang: "Khởi nghĩa! Khởi nghĩa! Khởi nghĩa đến rồi!". Tiếng cười, tiếng hỏi "Củ Đình", đáp "Tú Tân" rộn ràng khắp nơi. Họ vội vã, thân thiết, vui mừng khôn tả. Khi gặp nhau, họ giơ cao nắm tay và chào nhau bằng câu "Hy sinh vì Tổ quốc". Lực lượng tự vệ, du kích phân công nhau đi các nơi bắt trời những tên ngoan cố, phản động dẫn về địa điểm quy định, đóng chốt các ngã đường để kiểm soát những kẻ lạ mặt vào địa phương. Nhân dân đào, phá, chặt cây hai bên đường làm chướng ngại vật để ngăn cản bước tiến của quân địch. Bắn, cò, khẩu hiệu, áp phích, truyền đơn được treo, rải khắp các ngã đường. Đâu đâu cũng rực lên khí thế đấu tranh giành chính quyền. Quần chúng vùng lên như nước vỡ bờ. Một số lý trưởng tự nguyện mang đồng

triện, sổ sách đến giao nộp cho Ủy ban khởi nghĩa. Một số khác ngoan cố bị lực lượng khởi nghĩa được trang bị gươm dao, giáo mác kéo đến tịch thu đồng triện, sổ sách, niêm phong tài sản và bắt giam đưa về nơi quy định. Nhân dân từ khắp các ngã đường hô vang các khẩu hiệu và kéo về đình làng hạ cờ quẻ ly, trân trọng kéo cờ đỏ sao vàng trong niềm vui vô hạn và xúc động khôn nguôi. Khởi nghĩa thắng lợi, các xã tổ chức mít tinh, chào mừng thành công và lễ ra mắt của chính quyền cách mạng.

Tại làng Trường Xuân (Tĩnh Hà), tiểu đội lính Nhật đóng ở đầu cầu Trường Xuân đã bị lực lượng du kích tổng Hòa vây đánh. Chúng phải bỏ chạy về phía thị xã Quảng Ngãi, lực lượng khởi nghĩa thu được 3 khẩu súng. Nhưng, trước đó quân Nhật đã đổ xăng đốt cháy 39 nóc nhà của nhân dân Trường Xuân, làm cho 200 người phải sống cảnh màn trời chiếu đất. Đồng chí Trương Đình Quang đã vận động ông Trương Đình Ân, chủ thầu hăng rượu ở Quán Cơm ủng hộ cứu đói cho đồng bào 5 tấn gạo. Tại Vinh - Kỳ - Xuyên, lực lượng du kích do đồng chí Phạm Nại chỉ huy, sau khi hoàn thành khởi nghĩa ở xã đã tiếp tục tấn công quân đội Nhật ở Sở Đền (mũi Ba Tân Gân) làm bị thương 2 tên và thu một số vũ khí, quân Nhật phải rút chạy lên thị xã Quảng Ngãi. Tại trung tâm huyện Sơn Tịnh, trong những ngày khởi nghĩa, bọn ngụy quyền và binh lính hoang mang cực độ, bỏ chạy gần hết, chỉ còn lại một số tên cố thủ. Ủy ban khởi nghĩa huyện quyết định giao cho lực lượng tự vệ, du kích tổng Hòa, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Thủy (Giáo Mại) và Ủy ban khởi

ngĩa, trực tiếp chỉ huy, đánh chiếm huyện đường. Vào đêm 16-8-1945, lực lượng du kích các làng Diên Phước, Phú Nhuận, Phong Niên phối hợp với lực lượng du kích tự vệ các làng Phú Nhơn (thị trấn Sơn Tịnh), Đông Dương, Trường Xuân... tiến công vào huyện đường từ nhiều hướng khác nhau. Hoảng sợ trước khí thế tấn công của ta, bọn địch đã vội vã đầu hàng, không dám chống cự. Tri huyện Phạm Phú Triết cùng bọn tay chân và tên Quản Trần ở đồn Di Lăng trốn về đây đã bị bắt giam, tất cả súng đạn, lương thực và các tài liệu quan trọng đã được lực lượng khởi nghĩa tịch thu. Đúng 22 giờ đêm 16-8-1945, khởi nghĩa đã thành công trong toàn huyện Sơn Tịnh.

Sau 15 năm đấu tranh quyết liệt chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Đảng bộ Sơn Tịnh, nhân dân lao động đã giành được chính quyền, ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai ở địa phương đã bị lật đổ.

Ngày 16-8-1945 trở thành ngày lịch sử của nhân dân Sơn Tịnh, mở ra bước ngoặt mới trong quá trình đấu tranh và phát triển của phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện. Từ đây, nhân dân lao động trong huyện đã thoát khỏi ách thống trị tàn bạo, hà khắc của bọn thực dân phong kiến kéo dài gần 100 năm để vươn lên làm chủ cuộc đời, làm chủ vận mệnh của chính bản thân mình.

Thực hiện Chỉ thị số 10 của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi, ban hành ngay sau khi giành được chính quyền, từ ngày 16-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa các làng, xã,

tổng đã xúc tiến việc tổ chức các cuộc mít tinh và ra mắt chính quyền cách mạng xã, tổng. Các làng, xã, tổng được mang tên người có công tiêu biểu ở địa phương như An Vinh (Tĩnh Kỳ ngày nay) lấy tên là xã Võ Huân, làng Ngân Giang (Tĩnh Hà ngày nay) lấy tên là xã Vương Đôn, Diên Phước - Thế Lợi, Trường Thọ (xã Tịnh Phong ngày nay) lấy tên là xã Trần Châu... Ủy ban nhân dân các tổng cũng được thành lập, như tổng Châu tức tổng Lệ Kỳ, mang tên tổng Mai Tuấn, do ông Đinh Sứ làm Chủ tịch; tổng Thượng mang tên là tổng Phạm Tuấn, do ông Nguyễn Hứa làm Chủ tịch; tổng Trung mang tên tổng Trương Cao Huân, do ông Trương Quý Phương làm Chủ tịch.

Ngày 28-8-1945, Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Sơn Tịnh, mang tên huyện Trương Quang Trọng, được thành lập trước sự chứng kiến của hàng ngàn người dân các xã trong huyện, tại một cuộc mít tinh lớn ở sân huyện lỵ, do ông Phan Xích làm Chủ tịch, ông Võ Phấn làm Phó Chủ tịch. Ủy viên ủy ban gồm các ông Trương Cao Đường phụ trách tài chính, Võ Chấn phụ trách kinh tế, Trương Quang Tuấn phụ trách tuyên truyền, Lê Đồng phụ trách quân sự và Tôn Long Luận làm Thư ký. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện đã phổ biến Chỉ thị số 10 của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi, đồng thời công bố chương trình hành động của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện: xóa bỏ hoàn toàn bộ máy thống trị của địch, ổn định trật tự an ninh từ cơ sở đến huyện; tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu

phá hoại của địch để bảo vệ chính quyền cách mạng mới giành được; đẩy mạnh sản xuất chống đói, kêu gọi đồng bào tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, lấy thóc công quỹ trợ cấp cho những gia đình bị đói đang gặp nhiều khó khăn; thủ tiêu tàn dư của chế độ cũ, tôn trọng tự do tín ngưỡng, xóa bỏ các thứ thuế, các món nợ lưu cữu của nông dân với địa chủ cũng như nợ của ngân hàng nông phố; thực hiện nam nữ bình quyền và phổ thông đầu phiếu, phát triển văn hóa giáo dục, thanh toán nạn mù chữ; lập tòa án nhân dân xét xử những tên phản động có nhiều tội ác với nhân dân và cách mạng.

Những chủ trương trên đã đáp ứng kịp thời và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, làm cho quần chúng hết sức vui mừng, phấn khởi, tin tưởng và hăng hái tham gia các công tác cách mạng.

*

* *

Giai đoạn 1939 - 1945, tình hình thế giới hết sức căng thẳng, Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, thực dân Pháp và phát xít Nhật tuy xâu xé lẫn nhau nhưng chúng có cùng mục đích xâm chiếm lâu dài đất nước ta, thi nhau đàn áp, vơ vét tài nguyên, của cải của nhân dân ta đem về chính quốc. Nhân dân ta phải chịu cảnh "một cổ hai tròng", đời sống vô cùng khốn đốn, cùng cực. Trước tình hình đó, Đảng ta đã kịp thời chuyển hướng chiến lược, đề ra các khẩu hiệu phù hợp với tình hình thực tế nhằm đoàn kết toàn dân để "giải phóng dân tộc".

Vận dụng các nghị quyết của Trung ương, lời kêu gọi

của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã chủ động, sáng tạo, tích cực xây dựng cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh với nhiều hình thức khác nhau, tiến hành khởi nghĩa từng phần ở trung tâm huyện lỵ Ba Tơ, cướp châu lỵ và đồn địch giành thắng lợi bước đầu ở miền Tây Quảng Ngãi, tạo khí thế thúc đẩy mạnh mẽ cao trào đánh Nhật cứu nước, tiến lên làm cuộc khởi nghĩa Tháng Tám trong toàn tỉnh nhà giành thắng lợi hết sức vẻ vang.

Nhân dân Sơn Tịnh vốn có truyền thống yêu nước và bất khuất chống giặc ngoại xâm, do sự tác động trực tiếp của khởi nghĩa Ba Tơ, sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của Tỉnh ủy và Huyện ủy nên từ một số cơ sở nòng cốt ở các xã nhanh chóng phát triển thành một lực lượng quần chúng tập hợp đông đảo trong các tổ chức đoàn thể rộng khắp toàn huyện, với lực lượng tự vệ và du kích mạnh mẽ, chủ động giành chính quyền trong một thời gian ngắn.

Khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi đã đập tan xiềng xích nô lệ của phát xít Nhật và thực dân Pháp cùng bọn tay sai phong kiến hàng trăm năm, đáp ứng nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân ta, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ nhân dân lao động làm chủ quê hương, làm chủ đất nước và vận mệnh của mình để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, nhân dân được ấm no, hạnh phúc.

Khởi nghĩa tháng 8-1945 là kết quả của cả một quá trình vận động cách mạng suốt 15 năm kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - một đảng mácxít - leninnít

chân chính, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Đó là một quá trình đấu tranh gay go, phức tạp và bền bỉ của toàn Đảng và toàn dân ta, trong đó có nhân dân Sơn Tịnh và Đảng bộ Sơn Tịnh, thể hiện sự vận dụng sáng tạo kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng bộ qua các giai đoạn trước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, sự vận dụng phương thức đấu tranh sát hợp tình hình của huyện nhà, nhanh chóng chớp lấy thời cơ khởi nghĩa khi điều kiện cách mạng đã chín muồi.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám còn thể hiện ở công tác tổ chức, chính trị, chứng tỏ chủ trương của Đảng bộ là đúng đắn. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, Đảng bộ đã xây dựng được lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang cách mạng to lớn, đưa hàng ngàn người vào các tổ chức đoàn thể cứu quốc, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng kết hợp với vũ trang khởi nghĩa giành thắng lợi một cách trọn vẹn, xây dựng được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với quần chúng, đồng thời xử lý kiên quyết, kịp thời, đúng đắn mọi tình huống phức tạp trong bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa.

PHẦN THỨ HAI

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SƠN TINH
TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945 - 1954)**

NĂM ĐẦU TIÊN XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, phức tạp. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu; lụt lội, hạn hán liên tiếp xảy ra; tình trạng thợ thuyền thất nghiệp, tài chính kiệt quệ cùng với giặc đốt, giặc đói và giặc ngoại xâm là những thử thách cực kỳ to lớn, đặt ra cho nước cộng hòa trẻ tuổi. Vận mệnh của cách mạng Việt Nam đang trong cảnh "ngàn cân treo sợi tóc". Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhận lãnh trách nhiệm lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh để bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

Thực hiện lời dạy của Lênin: "giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó hơn", Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh coi vấn đề xây dựng chính quyền vững mạnh là nhiệm vụ hàng đầu lúc bấy giờ, chỉ thị cho các địa phương xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng.

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh khởi nghĩa giành

chính quyền nổ ra sớm trong cả nước (14-8-1945). Sau những ngày khởi nghĩa, khí thế cách mạng của quần chúng lên cao chưa từng thấy, ngày đêm nhân dân tham gia các cuộc hội họp, mít tinh, tòng quân, quyên góp tiền của để xây dựng đất nước và chuẩn bị kháng chiến.

Ngày 30-8-1945, cùng với nhân dân cả tỉnh, nhân dân trong huyện náo nức kéo về Sân vận động Quảng Ngãi dự mít tinh, chào mừng lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Lê Trung Đình (tên mới của tỉnh Quảng Ngãi).

Cùng với nhân dân cả nước và trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân Sơn Tịnh đã biểu lộ tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường với quyết tâm thực hiện lời thề đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong bản *Tuyên ngôn độc lập*: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹.

Ở Sơn Tịnh, trước và trong thời kỳ tổng khởi nghĩa, phong trào quần chúng tham gia Việt Minh lên cao. Tổ chức đảng và đảng viên còn ít nhưng đã được tổ chức chặt chẽ, được rèn luyện, thử thách trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng, có tinh thần chiến đấu cao, thể hiện tính tiên phong gương mẫu và có uy tín cao trong nhân dân. Huyện ủy lâm thời do đồng chí Võ Phấn làm Bí thư đã tiếp tục củng cố, xây dựng, phát triển đảng viên mới, đồng thời tập hợp lại số đảng viên cũ để thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.4.

Qua nhiều năm đấu tranh thử thách gay go ác liệt, tính tích cực, tinh thần giác ngộ cách mạng ngày càng được phát huy cao độ, quần chúng nhân dân rất thiết tha với Đảng, nên việc phát triển đảng viên mới, xây dựng thêm các chi bộ có nhiều thuận lợi. Đến cuối năm 1945, Sơn Tịnh đã phát triển được 10 chi bộ ghép với 52 đảng viên và 1 chi bộ chính thức ở Xưởng quân giới Từ Nhại (Vĩnh Tuy) với 10 đảng viên.

Ủy ban nhân dân cách mạng từ xã, tổng đến huyện đã nhanh chóng bắt tay vào việc lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, ổn định trật tự xã hội và đời sống nhân dân, kiên quyết đưa ra xét xử, trừng trị công khai những tên tay sai gian ác, có nhiều nợ máu với nhân dân. Mặt khác, chính quyền cách mạng thực hiện chính sách khoan hồng với những người ăn năn hối lỗi.

Vừa trấn áp bọn phản cách mạng, vừa chăm lo đời sống quần chúng nhân dân, chính quyền cách mạng thực hiện chia lại công điền, xóa bỏ các thứ thuế không hợp lý, các món nợ lâu đời, vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới.

Bộ máy chính quyền dần dần được hoàn thiện. Các ngành chuyên môn như tư pháp, giáo dục, kiểm lâm, thủy nông..., được củng cố. Huyện ủy phân công những đồng chí có năng lực được nhân dân tín nhiệm, nắm giữ các chức vụ chủ chốt. Các công chức cũ giác ngộ đi theo cách mạng tiếp tục được sử dụng. Bên cạnh đó, để đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng, huyện đã tổ chức thêm

một số ngành mới như kinh tế, quân nhu, văn hóa thông tin... Các tổ chức đoàn thể quần chúng được củng cố và phát triển nhanh chóng. Mặt trận Việt Minh huyện được thành lập do ông Nguyễn Hiền làm Chủ nhiệm, Hội Thanh niên cứu quốc do anh Bùi Tấn Linh làm Bí thư, Hội Phụ nữ cứu quốc do chị Lâm Thị Tâm (Nho) làm Bí thư, Hội Nông dân cứu quốc, Thân hào cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc đã hình thành một hệ thống từ huyện xuống tới tổng, xã. Ở những nơi có công nhân, Hội Công nhân cứu quốc được thành lập. Toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, đã hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các phong trào thi đua rất sôi nổi. Quần chúng tham gia tự vệ, du kích rất đông đảo, suốt ngày đêm thay phiên nhau luyện tập, canh gác. Nhiều gia đình tiết kiệm chi phí hàng ngày để góp vào quỹ quân lương.

Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố "tự giải tán", thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng đã nêu: "Đảng phải duy trì hệ thống bí mật hay bán công khai, tuyển thêm đảng viên mới... phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai, điều hòa hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật là gốc".

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ Sơn Tịnh cũng "tự giải tán" và thành lập "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" của huyện. Việc lãnh đạo quần chúng được tiến hành thông qua Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Vào giữa năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam được thành lập nhằm thu hút những trí thức,

thân sĩ và các tầng lớp nhân dân khác, vì các điều kiện khác nhau chưa tham gia Mặt trận Việt Minh để tăng thêm sức mạnh cho công cuộc kháng chiến kiến quốc, thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để xây dựng, củng cố chính quyền thật sự vì dân, do dân, thực hiện Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Huyện uỷ Sơn Tịnh đã chỉ đạo tốt các mặt chuẩn bị như nắm chắc danh sách cử tri. Mặt trận, các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân ý thức được quyền công dân, quyền làm chủ và trách nhiệm của mỗi công dân đối với vận mệnh của đất nước được thể hiện trong từng lá phiếu của cử tri. Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước hưởng ứng ngày bầu cử Quốc hội. Nhân dân Sơn Tịnh nô nức rủ nhau đi bầu cử, thực hiện quyền công dân của mình với khẩu hiệu: "Đi bầu cử Quốc hội là yêu nước", "Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm", "Hồ Chủ tịch muôn năm". Khẩu hiệu được treo, dán khắp nơi và được các em thiếu nhi hô vang trong cuộc diễu hành cổ động, rộn rã tiếng trống, tiếng loa. Ngày 6-1-1946 thật sự là ngày hội của toàn dân trong cả nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, mỗi người dân Việt Nam có quyền lựa chọn những đại biểu xứng đáng của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Kết quả, hơn 90% cử tri đã đi bỏ phiếu. Tại Quảng Ngãi có 8 vị trúng cử đại biểu Quốc hội.

Tiếp theo đó, ngày 17-2-1946, nhân dân trong huyện cùng với nhân dân toàn tỉnh nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và đến tháng 4-1946, bầu Hội đồng nhân dân các xã. Ủy ban hành chính các cấp đã thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Cũng trong tháng 2-1946, thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành sáp nhập một số làng nhỏ thành xã lớn, bỏ cấp tổng¹.

Đồng chí Phạm Viết My được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện. Nhằm ổn định và bước đầu cải thiện đời sống của nhân dân lao động, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, Ủy ban hành chính huyện đã tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân nghèo, xoá nợ lâu đời của nông dân đối với địa chủ, thi hành các quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng. Bên cạnh đó, Huyện ủy chỉ đạo thành lập Ban canh nông để tổ chức, giúp đỡ nông dân khắc phục khó khăn về giống, vốn, nông cụ, điều hòa sức kéo và hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Hội đồng canh được tổ chức ở khắp các làng xã; tình thân đoàn

1. Từ các xã nhỏ trong huyện trước đây đã sáp nhập thành 20 xã lớn, tên các xã lấy chữ Tịnh làm đầu: Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Diên, Tịnh Long, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Thọ, Tịnh Ba, Tịnh Minh, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Khương, Tịnh Ấn, Tịnh Phong, Tịnh Bán, Tịnh Châu, Tịnh Nhơn, Tịnh Khê, Tịnh Hòa và Tịnh Kỳ. Đến năm 1949, một số xã lại hợp nhất với nhau, cả huyện Sơn Tịnh có 12 xã: Tịnh Giang, Tịnh Hiệp, Tịnh Bình, Tịnh Thọ, Tịnh Minh, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Ấn, Tịnh Thành, Tịnh Phong, Tịnh Khê và Tịnh Hòa.

kết, tương trợ trong nhân dân được nâng cao.

Để chặn đứng nạn đói bắt đầu xảy ra ở vùng ven biển, tổ chức công đoàn Tĩnh Kỳ đã tích cực chỉ đạo lực lượng đoàn viên đi ghe thuyền ra khơi chặn đón và tịch thu được 350 tấn gạo của quân Nhật chia cho nhân dân. Được sự trợ cấp của Ban cứu đói cấp trên và sự tương trợ lẫn nhau với tinh thần "lá lành đùm lá rách" nên nhân dân ven biển đã thoát khỏi nạn đói. Để ổn định đời sống, Huyện ủy Sơn Tĩnh đã chỉ đạo nhân dân hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát động phong trào tăng gia lao động sản xuất, với khẩu hiệu hành động là "tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa", thực hiện chủ trương "không một tấc đất bỏ hoang" và "tắc đất, tắc vàng". Phong trào thi đua tăng gia, sản xuất, khai hoang diễn ra sôi nổi trong nhân dân toàn huyện. Do vậy, chỉ sau một năm khôi phục sản xuất, sản lượng lúa và hoa màu tăng lên gấp bội, nạn đói được đẩy lùi.

Song song với phong trào tăng gia sản xuất, các đoàn thể đã vận động hội viên thực hành tiết kiệm: ăn cơm độn, hạn chế làm bún, bánh tráng, nấu rượu bằng gạo. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và làm theo gương Người "10 ngày nhịn ăn một bữa" để cứu giúp đồng bào bị đói, nhân dân còn sôi nổi tham gia "Ngày đồng tâm nhịn ăn", "Hũ gạo tiết kiệm", cứ mỗi bữa nấu cơm bớt lại một nắm cho vào trong hũ. Hàng tháng đến ngày 19, nhân dân đều ăn bắp, khoai thay cơm để dành tiền, gạo góp vào quỹ cứu đói giúp đồng bào miền Bắc. Các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ đảm nhận việc thu góp, vận chuyển lương thực tiết kiệm được về nơi quy định. Hàng chục tấn gạo

được chở ra cứu giúp đồng bào miền Bắc, gởi gắm tấm lòng thương yêu, giúp đỡ nhau qua cơn hoạn nạn. Câu ca dao phổ biến lúc bấy giờ đã thể hiện điều đó:

Ai đi Nam Định, Ninh Bình

Gửi theo năm gạo nghĩa tình miền Trung

Việc khuyến khích và giúp đỡ nhân dân khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống cũng được Huyện ủy và chính quyền coi trọng, như nghề nấu đường, ương tơ, dệt vải, dệt chiếu, làm nón... để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân.

Để khắc phục những khó khăn về tài chính, ngày 4-9-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra sắc lệnh xây dựng "Quỹ độc lập". Nhân dân nhiệt tình hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh. Biết bao nhiêu nghĩa cử cảm động trong "Tuần lễ vàng" "Tuần lễ đồng" ở Sơn Tịnh. Nhiều gia đình đem cả nhẫn cưới, xuyên, kiềng vàng, lư hương, nồi đồng để góp vào "Quỹ độc lập", thể hiện cao độ lòng yêu nước. Họ hiểu rằng: vàng tuy quý, song độc lập tự do còn quý hơn, không có vũ khí để bảo vệ độc lập thì giữ vàng để làm gì? Sự suy nghĩ ấy đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ dân tộc và lòng yêu nước nhiệt tình của nhân dân ta. Chỉ trong vòng một tuần lễ, nhân dân Sơn Tịnh đã đóng góp được 5,2kg vàng, nhiều bạc trắng và đồng, góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp bảo vệ đất nước. Đồng tiền Việt Nam được phát hành và lưu hành trong cả nước, làm thất bại mưu đồ của kẻ địch hòng bao vây nền kinh tế của ta.

Nước nhà đã được độc lập, nền kinh tế mới bắt đầu được xây dựng, cần phải có những con người có trình độ, kiến thức. Để nâng cao trình độ dân trí của nhân dân, ngay trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng Chính phủ đã nhất trí thông qua đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển bình dân học vụ, coi diệt trừ giặc dốt là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất lúc này... Vốn có truyền thống hiếu học, nhân dân Sơn Tịnh đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Người về chống nạn thất học. Các lớp bình dân học vụ buổi trưa, buổi tối được mở ở ngay trong nhà dân, đình, chùa, đền, miếu... với tinh thần: "Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng mà học. Vợ chưa biết thì chồng bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo, phụ nữ lại càng phải học". Phong trào bình dân học vụ đã thu hút, lôi cuốn cả các cụ già từ 60 tuổi đến chị em phụ nữ có con mọn. Mọi người sắm sửa đèn, sách đi học, thể hiện ý thức vươn lên làm chủ cuộc đời, xây dựng đời sống mới tươi vui, lành mạnh của nhân dân ta. Phương tiện học tập cũng rất đơn sơ, không có giấy thì viết trên mo cau, trên tàu lá chuối non phơi khô, trên hông trâu, bò khi ra ngoài đồng, thiếu mực thì lấy nhọ đèn thay thế, phấn làm bằng củ my phơi khô hay gạch non. Đèn thấp sáng bằng dầu mù u. Tất cả mọi người đều tự giác học tập. Lực lượng thanh niên đảm nhận việc dạy chữ và kiểm tra. Họ có nhiều sáng kiến hay như viết các chữ cái, ghép vần treo ở những nơi đông người để ai cũng đọc và ghi nhớ, hoặc chăng dây ngang các đoạn đường nhiều người qua lại để hỏi chữ và

hướng dẫn cách đọc. Nhiều bài thơ, câu hò, về xuất hiện, động viên mọi người "học chữ là yêu nước", như:

"Ban ngày sản xuất tăng gia

Đêm về thôn xóm, bà con sách, đèn".

Hệ thống giáo dục ở cấp tiểu học được xây dựng theo chương trình và nội dung nền giáo dục mới của Đảng với phương châm "dân tộc, khoa học và đại chúng".

Công tác văn hóa, văn nghệ phát triển, phản ánh cuộc sống vui tươi lành mạnh trong nhân dân. Phòng thông tin tuyên truyền của huyện được thành lập. Sách báo được phân phối về địa phương. Những đội phim, đèn chiếu lưu động đi khắp nơi trong huyện phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đến nhân dân. Xóm nào cũng có chòi phát thanh, bản tin, băng, khẩu hiệu... treo dán nhiều nơi. Phong trào văn nghệ khá phát triển. Các đội văn nghệ nghiệp dư của xã phục vụ nhân dân, có nhiều tiết mục tự biên, tự diễn với nội dung ca ngợi cuộc sống mới, giáo dục mọi người về truyền thống quê hương, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào Đảng, Chính phủ và Bác Hồ.

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới, rèn luyện đạo đức "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Nạn trộm cắp, cờ bạc, những hủ tục trong cưới xin, ma chay, các phong tục tập quán lạc hậu giảm đi rõ rệt.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh cũng được chú ý, đường thôn, ngõ xóm luôn được dọn vệ sinh sạch sẽ phòng dịch bệnh lây lan.

Để đáp ứng yêu cầu đi lại của nhân dân, việc tu sửa đắp mới đường giao thông trong huyện được chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quan tâm, đã động viên được nhân dân góp công sức và tiền của để làm mới con đường từ ngã ba Ba Gia đi Xưởng quân giới Từ Nhại thuận tiện cho việc chuyên chở vũ khí ra chiến trường¹.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Việc bảo vệ Tổ quốc đặt ra rất cấp thiết, như chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" đã chỉ rõ. Đảng bộ huyện rất coi trọng công tác chuẩn bị kháng chiến, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi phố phường là một mặt trận, mỗi làng xóm là một pháo đài". Lực lượng vũ trang được xây dựng và phát triển nhanh chóng. Mỗi xã thành lập từ 1 đến 3 đội dân quân, du kích, tự vệ thường xuyên luyện tập bảo vệ cơ quan, cơ sở kinh tế, quân sự, cơ xưởng, giữ gìn trật tự trị an thôn xóm, kịp thời phát hiện mọi hành động phá hoại, phao tin đồn nhảm của kẻ thù. Việc quân sự hóa toàn dân diễn ra sôi nổi. Quân chúng nhân dân tự trang bị vũ khí (dao, kiếm, mã tấu...). Tất cả mọi người từ già, trẻ, gái, trai, kể cả các em thiếu niên, đều tham gia luyện tập quân sự...

Việc giáo dục chính trị tư tưởng được coi trọng. Phong trào

1. Các ông Cửu Dương, Đội Minh, bà Cửu Thảo (Tĩnh Long), hội viên Sâm (Tĩnh Sơn) và ông Chánh Truyền (Châu Sa - Tĩnh Châu) đã đóng góp mỗi người 500 đồng bạc Đông Dương để xây dựng con đường này.

tòng quân nhập ngũ dấy lên mạnh mẽ, các chiến sĩ tình nguyện ra chiến trường ngày một nhiều. Các đội cảm tử quân được thành lập ở các xã, sẵn sàng bổ sung cho bộ đội Nam tiến đi chiến trường cực Nam. Ngoài ra, huyện còn thành lập một trung đội nữ (để bổ sung cho các chiến trường).

Mặc dù đời sống nhân dân còn khó khăn, nhưng Huyện uỷ, chính quyền và Mặt trận Việt Minh đã động viên, huy động nhân dân hăng hái đóng góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm để tiếp tế cho đoàn quân Nam tiến đi qua huyện. Những thương binh từ mặt trận chuyển về được các mẹ, các chị trong Hội "giúp đỡ binh sĩ bị nạn" chăm sóc chu đáo, tận tình. Nguồn tài chính do nhân dân đóng góp.

Để đảm bảo một phần việc trang bị vũ khí cho các lực lượng vũ trang, với biện pháp "tự chế và mua sắm", phong trào toàn dân thu nhặt sắt, thép, đồng, chì ủng hộ kháng chiến được phát động. Mọi phương tiện máy móc, thợ rèn đều được huy động tham gia sản xuất vũ khí. Các lò rèn ở Tịnh Minh và nhiều lò rèn khác trong huyện ngày đêm chế tạo vũ khí, nông cụ để phục vụ chiến đấu và sản xuất. Xưởng quân giới Từ Nhại ở chiến khu Vĩnh Sơn được xây dựng từ cuối tháng 11-1945 trên diện tích hàng ngàn mét vuông do sự đóng góp về công sức và của cải, lương thực thực phẩm của nhân dân Vĩnh Tuy, tiêu biểu như gia đình ông Đỗ Yên (Chánh Bốn). Đến tháng 12-1945, Xưởng quân giới Từ Nhại¹ chính thức đi vào hoạt động. Đây là cơ sở sản

1. Từ Nhại là tên của một đội viên du kích Ba Tơ người ở Vĩnh Lộc (Tịnh Bình) hy sinh trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 tại căn cứ của đội du kích.

xuất vũ khí đầu tiên ở Quảng Ngãi, với lực lượng công nhân ngày càng đông, ngoài việc sửa chữa các loại súng, xưởng đã sản xuất được các loại mìn, lựu đạn, đạn tiểu liên, chế tạo súng tiểu liên (theo kiểu Sten của Pháp) đáp ứng nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang địa phương và cung cấp cho chiến trường Khu V. Tháng 1-1947, máy bay Pháp ném bom, đánh phá vào khu vực xưởng. Để đảm bảo an toàn và hạn chế tối đa sự thiệt hại về người và của, Xưởng quân giới Từ Nhại phải di chuyển phân tán về các nơi như Khánh Mỹ (Tỉnh Trà), Vĩnh Lộc (Tỉnh Bình), Phước Lộc (Tỉnh Sơn). Việc vận chuyển máy móc vô cùng khó khăn nhưng nhờ sự giúp đỡ của dân quân và nhân dân hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh nên máy móc vật tư đã được di chuyển đến các nơi tập kết an toàn để tiếp tục sản xuất. Một bộ phận sửa chữa chuyển về thôn Vĩnh Lộc rồi lại lên Tịnh Sơn và góp phần lập ra xưởng mới lấy tên là Nguyễn Trường, làm nhiệm vụ sản xuất lựu đạn, sửa súng, làm thủ pháo và sản xuất phulminát thủy ngân Hg (ONC). Sau đó, một xưởng sản xuất axít sulfuric được xây dựng tại dãy Cà Ty thuộc thôn Khánh Mỹ (Tỉnh Trà hiện nay) mang mật danh T519. Đến năm 1952, xưởng đã sản xuất thành công axít sulfuric bằng phương pháp tháp ngưng, từ đó tạo ra các hóa chất nổ và các chế phẩm khác.

Tháng 5-1946, Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ nhất trong kháng chiến chống Pháp được tổ chức tại nhà bà Xã Thám (Thọ Lộc, Tịnh Hà). Đại hội đã thảo luận và thông qua các vấn đề về công tác tổ chức, kết nạp đảng viên mới, củng cố và phát triển các chi bộ đảng, các đoàn thể và tổ chức quần chúng, củng cố việc chỉ đạo các mặt

như bình dân học vụ, tuyển quân, phân công cán bộ phụ trách từng vùng để chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất, chống giặc đói, giặc dốt, chuẩn bị kháng chiến, chia lại công điền cho nhân dân ở những nơi có công điền. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện do đồng chí Võ Lục (Bảy Em, An) làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Chót làm Phó Bí thư.

Nhằm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo của cán bộ, Huyện ủy Sơn Tịnh đã mở các lớp lý luận chính trị về một số vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng, kinh nghiệm vận động quần chúng... Ngoài ra, huyện còn cử một số cán bộ cốt cán đi dự các lớp bồi dưỡng văn hóa và chính trị do Khu ủy, Tỉnh ủy mở. Ngoài số cán bộ, đảng viên hiện có, Đảng bộ đã mạnh dạn giao việc cho cán bộ ngoài Đảng, có phẩm chất, trung thực, có năng lực, được quần chúng tín nhiệm và vận động một số thân sĩ, trí thức yêu nước tham gia vào các cấp chính quyền, Mặt trận, đoàn thể.

Hơn một năm sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng bộ huyện đã tranh thủ thời gian, xây dựng lực lượng về mọi mặt, củng cố chính quyền nhân dân các cấp, mở rộng Mặt trận đoàn kết dân tộc để tập hợp các tầng lớp nhân dân. Số lượng đảng viên được phát triển, chất lượng đảng viên được nâng cao là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Nhân dân Sơn Tịnh đã đạt được thành tích bước đầu đáng phấn khởi trên các mặt trận kinh tế, quân sự, văn hóa, y tế, giáo dục, bình dân học vụ...



Đồng chí VÕ LỤC (AN, EM)

Bí thư Huyện uỷ 1946-1947

6

51

1
2
3
4
5
6

Phong trào lao động sản xuất "tắc đất, tắc vàng" lan rộng khắp nơi. Nhân dân trong huyện đã vượt qua được nạn đói, ổn định đời sống, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

Qua đấu tranh thử thách, nhân dân trong huyện càng thêm phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Nhân dân đã thấy rằng, chỉ có đấu tranh cách mạng là con đường duy nhất để đưa nhân dân thoát khỏi nô lệ, thoát khỏi cảnh đói nghèo và lạc hậu. Họ sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cho chiến trường, quyết tâm xây dựng và bảo vệ chế độ mới tự do, dân chủ, góp phần cùng nhân dân cả nước giữ vững chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Một năm xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng đã đặt cơ sở vững chắc cho sự phát triển của huyện, đáp ứng tình hình và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới.

**XÂY DỰNG, BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG,
GÓP PHẦN CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN
(1947 - 1949)**

Âm mưu xâm lược nước ta của thực dân Pháp ngày càng trắng trợn, chúng cố thi hành "việc đã rồi" sau các vụ khiêu khích ở Hải Phòng, Lạng Sơn..., rồi mở rộng chiến tranh ra khắp đất nước ta. Chúng xóa bỏ hoàn toàn Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, lão xược đòi nhân dân ta phải đầu hàng. Dân tộc Việt Nam bị đặt trước hai con đường: một là khoanh tay cúi đầu trở lại làm nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập. Nhân dân ta không có con đường nào khác là phải kiên quyết đứng lên cầm vũ khí chống giặc để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ trong cả nước. Ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra chỉ thị "Toàn dân kháng chiến", nêu rõ mục đích cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến và tự lực cánh sinh. Đáp lại lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm

thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước", nhân dân cả nước quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Là một tỉnh trong vùng tự do, nhân dân Quảng Ngãi đã xây dựng tỉnh mình thành hậu phương vững chắc của Liên khu V, luôn luôn đề cao cảnh giác chống lại các hoạt động đổ bộ, tập kích của giặc Pháp, nhất là vùng ven biển và giáp ranh miền núi. Nhân dân ở các xã ven biển như Tịnh Khê, Tịnh Hòa luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Vừa lãnh đạo nhân dân chuẩn bị chiến đấu lâu dài, Huyện ủy vừa tăng cường chỉ đạo các mặt công tác, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển văn hóa, giáo dục và y tế.

Quán triệt và triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ trong giai đoạn mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I được tổ chức vào tháng 6-1946 tại Xưởng Nông khí An Nhơn (Tịnh An, Sơn Tịnh)¹.

Đồng chí Nguyễn Sơn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã thông qua những quyết định quan trọng về tăng cường củng cố

1. Xưởng Nông khí An Nhơn (Tịnh An) được thành lập để sản xuất nông cụ, phục vụ nông nghiệp và chế tạo vũ khí do đồng chí Cây (Nhẫn) làm Giám đốc, sau đó chuyển lên Vĩnh Tuy. Nơi đây được dùng làm trường để mở lớp huấn luyện Lê Hồng Phong do các đồng chí Phạm Văn Đồng, Trần Quý Hai, Hoàng Quốc Việt, Bùi San, Nguyễn Trí giảng bài. Đồng chí Lê Duẩn cũng đã về thăm trường.

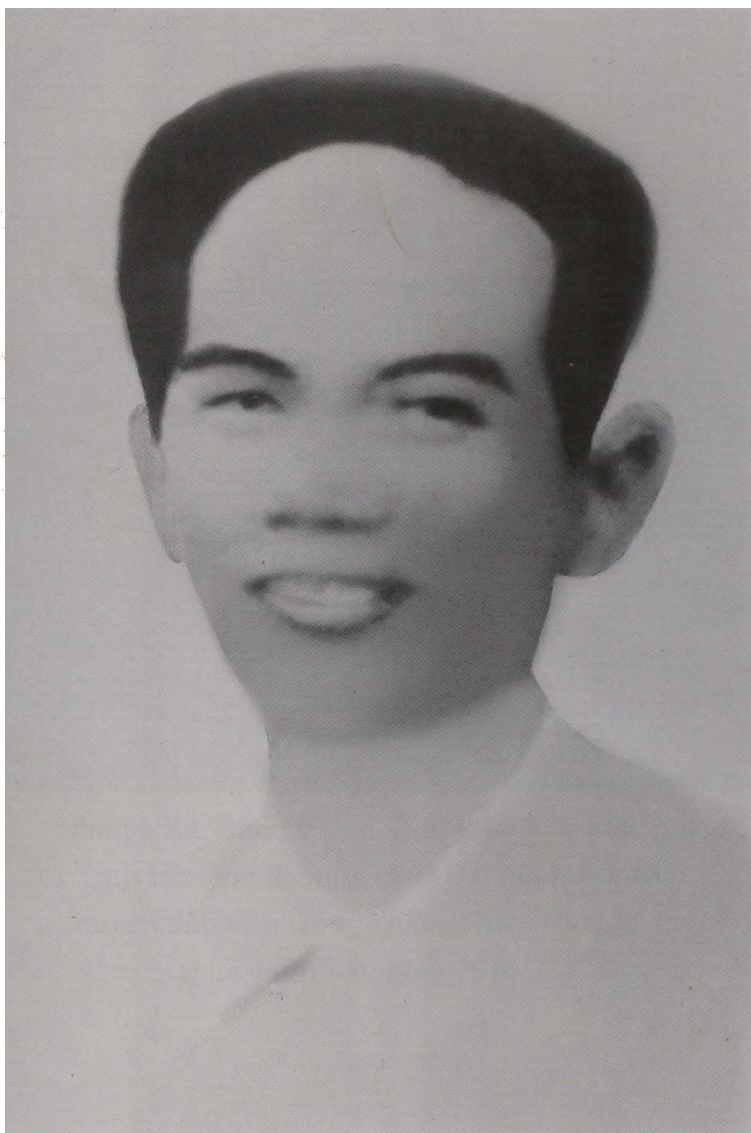
khối đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng trong tình hình mới, bố phòng chiến đấu, đẩy mạnh việc sản xuất tự túc, chi viện cho tiền tuyến, chấn chỉnh bộ máy chính quyền, đoàn thể.

Thực hiện đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, vào tháng 6 - 1947, Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ II được tổ chức tại nhà đồng chí Luật (tức Be) ở thôn Thọ Lộc, xã Tịnh Hà.

Đại hội đã kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong Đại hội I, đánh giá cao phong trào cách mạng của quần chúng và phấn khởi trước sự lớn mạnh của Đảng bộ, đồng thời bàn biện pháp thực hiện một số nhiệm vụ trước mắt như phá đường giao thông, bố phòng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng làng chiến đấu và phát triển phong trào chiến tranh nhân dân địa phương; đẩy mạnh sản xuất tự túc chi viện cho tiền tuyến. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ do đồng chí Nguyễn Chót (Khiển, Kim) làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Liên (Mười Nguyên) làm Phó Bí thư.

Thi hành chủ trương của Trung ương, khi cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, Ủy ban kháng chiến huyện được thành lập vào giữa năm 1947, sau đó một thời gian, Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến hợp nhất thành Ủy ban kháng chiến hành chính do đồng chí Phạm Viết My làm Chủ tịch.

Để sẵn sàng chống lại âm mưu đánh chiếm vùng tự do



Đồng chí NGUYỄN CHÓT (KIM, KHIỂN - liệt sĩ)

Bí thư Huyện uỷ 1947-1948



Nhà bà Xã Thám ở xóm Vạn, thôn Thọ Lộc,
xã Tịnh Hà - địa điểm tổ chức Đại hội Đảng bộ
huyện đầu tiên trong kháng chiến chống
thực dân Pháp năm 1946

của địch, Đảng chủ trương "tiêu thổ kháng chiến". Các ban chuyên trách như: Ban phá hoại, Ban xây dựng phòng tuyến, Ban tản tiếp cư được thành lập để xúc tiến công tác chuẩn bị kháng chiến. Ban phá hoại của huyện bố trí lực lượng canh gác thường xuyên ở hai đầu cầu Trà Khúc và Trường Xuân, sẵn sàng đánh sập cầu, ngăn bước tiến của quân địch nếu chúng đổ bộ, nhảy dù. Những nhà kiên cố dọc quốc lộ, khu vực ga xe lửa, chợ, huyện lỵ được chất bồi xung quanh sẵn sàng đốt cháy nếu kẻ thù tới. Với lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, nhân dân đã thực hiện chủ trương "vườn không nhà trống", đào hầm cất giấu tài sản. Ban tản tiếp cư của huyện thường xuyên luyện tập, hướng dẫn nhân dân chuẩn bị lương khô, gói gọn quần áo, sắp xếp đội ngũ, lập kế hoạch sơ tán tổ chức, các đợt tập dượt được rút kinh nghiệm và có kiểm tra chặt chẽ. Nhiều địa phương đã đón đồng bào ở Quảng Nam - Đà Nẵng vào sơ tán và nhiều người đã ở lại sinh cơ lập nghiệp tại đây.

Thực hiện việc bố phòng dọc quốc lộ 1 và các đường liên huyện, Ban xây dựng phòng tuyến hướng dẫn nhân dân, dân quân du kích đào hầm chui, lấp các ụ đất làm chướng ngại vật và xây dựng các ổ chiến đấu. Với ba nhiệm vụ "đào hầm bí mật, quân sự hóa nhân dân, vũ trang nhân dân", từ đầu năm 1947, Đảng bộ huyện đã phát động phong trào xây dựng làng chiến đấu. Nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành việc đào hầm trú ẩn cá nhân và công cộng, đào giao thông hào liên thôn, liên xóm; xây

dựng công sự chiến đấu, cắm cọc ở những bãi đất trống, đối trực chống địch nhảy dù. Với tinh thần sẵn sàng chiến đấu, nhân dân nhiều thôn xóm đã đào phá đường cũ, mở những ngõ mới, đào hầm bí mật... Các xã ven biển thường xuyên bị địch rình mò, uy hiếp, nên việc bố phòng khá chặt chẽ, các lực lượng vũ trang luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Các vọng gác, chòi quan sát được đặt trên núi cao, theo dõi hoạt động của địch. Việc thông tin tuy còn đơn giản, nhưng cũng khá nhanh chóng kịp thời bằng cách tổ chức hệ thống truyền tin theo đường dây, thối còi làm bằng ốc u, rúc tù và, treo bồ trên những đỉnh núi cao để báo động khi có hiện tượng địch đổ bộ. Ngoài ra, một hệ thống đường dây¹ cũng được nối liền từ Ba Làng An qua Phú Quý, các xã Tịnh Hòa, Tịnh Thiện, Tịnh Phong đến Tịnh Hà là nơi cơ quan huyện đóng trụ sở.

Khắp nơi, nhân dân vót chông, đan phen giúp các xã ven biển làm hầm trên bãi cát. Nhờ vậy, tuyến bố phòng ven biển được rào nhiều lớp gai dày đặc với đủ các loại chông, ban đêm có các đội tuần tra canh gác dọc theo bờ biển. Hội Phụ nữ và Hội Mẹ bình sĩ thay phiên nhau đem cơm nước, bánh trái để động viên, cổ vũ lực lượng dân quân, du kích yên tâm canh gác đánh giặc giữ làng.

Ngoài lực lượng dân quân, du kích, Huyện ủy còn chỉ

1. Trên đỉnh núi Ngang, núi Voi có những trụ cao treo bồ và đèn, khi tàu địch đến, ban ngày kéo bồ quét vôi trắng, ban đêm kéo đèn báo cho nhân dân và lực lượng vũ trang biết để chuẩn bị đánh giặc.

đạo việc vũ trang toàn dân, thực hiện chủ trương "Mỗi người dân là một người lính", "Vũ khí bất ly thân". Mọi người đều trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Công tác phòng gian, bảo mật được phát động trong mọi tầng lớp nhân dân. Mọi người thực hiện khẩu hiệu ba không: "không nghe, không thấy, không biết". Nhiều trạm canh gác của công an, du kích được thành lập, theo dõi người lạ mặt và bắt giữ kẻ gian. Những cán bộ ra vào cơ quan bằng xe đạp thì buộc sau xe một nhánh cây để xóa dấu vết.

Số lượng dân quân các xã không ngừng tăng, chất lượng luyện tập, tác chiến được nâng cao. Mỗi xã có một đại đội dân quân, mỗi thôn có một trung đội. Lực lượng vũ trang huyện từ một trung đội thoát ly, tiến tới thành lập được một đại đội. Trong năm 1947, một trung đội bộ đội huyện được cử đi chiến đấu ở chiến trường Quảng Nam-Đà Nẵng trong thời gian 3 tháng. Nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm để nuôi quân. Hội Phụ nữ tổ chức việc ăn uống, nhiều gia đình nhận nuôi dân quân, du kích trong thời gian luyện tập. Nhiều tấm gương về nuôi quân thật cảm động như mẹ Gia ở thôn Hưng Nhượng (Tĩnh Đông), mẹ Dắt ở An Đông (Tĩnh Minh). Dù chỉ sống có một mình, các mẹ vẫn cố gắng dành dụm, một lúa ngoài đồng để góp vào quỹ nuôi quân. Gia đình bà Cả Hược, bà Cả Lãng có năm đóng góp một lần 500 kg lúa, gia đình ông Trương Quý Phương ở Tịnh Trà, bà mẹ Cần ở thôn An Kim (Tĩnh Giang) thường xuyên nhận nuôi anh em bộ đội qua lại ăn ở hàng ngày, ngày ít nhất cũng có 2 người, có người đau ốm mẹ nuôi cả tháng như người nhà.

Ngày 27-7-1947, lần đầu tiên các địa phương tổ chức lễ phát động ngày toàn dân chăm sóc thương bệnh binh, giúp đỡ gia đình liệt sĩ được đông đảo nhân dân hưởng ứng và đóng góp nhiều lương thực, tiền bạc. Hội Mẹ binh sĩ, Bạch đầu quân, Thiếu sinh quân được thành lập.

Khi chiến sự xảy ra ở Bắc Tây Nguyên, nhiều thương bệnh binh được đưa về hậu phương điều trị ở bệnh xá của quân khu, của tỉnh đóng trên địa bàn huyện. Khi địch chiếm An Khê, bệnh xá của quân đội được chuyển về nhiều nơi trong huyện, như ở Bệnh viện Dân y tỉnh và cơ quan Y tế, Xưởng dược Trung Bộ đóng ở Phước Lộc (Tĩnh Sơn), Bệnh viện 108 ở Tĩnh Trà, Bệnh viện Quân khu đóng ở xóm Gò (Tĩnh Minh). Hội Mẹ binh sĩ đảm nhận trách nhiệm đón nhận và vận động nhân dân nuôi dưỡng thương, bệnh binh, đồng thời tích cực vận động chị em phụ nữ mang quà tặng cho các đơn vị nhân ngày lễ, tết. Hội còn tổ chức lễ cưới cho thương binh. Các mẹ, các chị vùng ven biển nhận hàng trăm thương binh là chiến sĩ Trung đoàn 96 về nuôi. Trong hoàn cảnh khan hiếm thuốc men và bông băng, các mẹ, các chị có nhiều sáng kiến như lấy vỏ lụa cây chuối làm băng, lấy các loại cây, bắt con dền ngoài biển làm thuốc gửi ra chiến trường. Ngoài ra, Hội còn tổ chức các hoạt động như "mùa đông chiến sĩ", đan áo ấm gửi cho chiến sĩ ngoài mặt trận.

Để tổng kết rút kinh nghiệm và phát động phong trào thi đua của các đơn vị dân quân, Đại hội dân quân toàn liên khu được tổ chức tại rừng Dê (Tĩnh Sơn) có đồng chí Phạm Văn Đồng về dự. Tại Đại hội, đồng chí Nguyễn Hường thay

mặt Ban Chỉ huy quân sự huyện đọc bản quyết tâm thi đua với khẩu hiệu: "Cơm no, súng tốt, đánh mạnh". Đại hội cũng phát động phong trào xây dựng quỹ nuôi quân trong toàn dân.

Trong cuối năm 1946, đầu năm 1947, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã huy động 4 chiếc ghe bầu của gia đình các ông, bà: Phạm Nại (2 lượt), Nguyễn Thị Kính (2 lượt), Nguyễn Lợi (Bôn) và Bùi Cù với 17 thuyền viên điều khiển để chở 2 tấn vũ khí do Quân khu V cung cấp cho Tỉnh ủy Phan Thiết để sẵn sàng chiến đấu chống giặc Pháp. Trong chuyến đi thứ hai vào đầu năm 1947, chiếc ghe của ông Nguyễn Lợi đã gặp địch phục kích và bị bắn chìm, một số người đi trên chiếc ghe đó đã hy sinh như các ông Lê Chúc, Võ Nhị, Võ Giáp. Các ghe khác vẫn đi đến địa điểm giao vũ khí an toàn. Cũng trong năm 1946, 1947, nhân dân Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ còn bốc dỡ hàng trăm tấn hàng hóa cho tàu của Công ty Việt Thắng thuộc Ban Tài chính Quân khu V cập cảng Sa Kỳ để chuyển đi các nơi và nấu băng ca cho Quân khu chế tạo vũ khí. Có lần nhân dân Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ còn đào vét lòng sông để tàu Việt Thắng vào trú ẩn, tránh sự oanh tạc của máy bay địch.

Tháng 6-1948, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III được tổ chức tại thôn Hà Nhai, Tịnh Hà. Đại hội đã thảo luận vấn đề tăng gia sản xuất, phát triển thủy lợi để tăng năng suất lúa, trồng các loại rau màu để chống đói khi giáp hạt, thực hiện chủ trương tự cấp tự túc; xây dựng lực lượng vũ trang, đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến. Đồng thời, Đại hội cũng quyết định thực hiện phương án đào

kênh Sơn Tịnh để phát triển và mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ở khu đông của huyện. Đồng chí Nguyễn Cát, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh huyện được cử làm Trưởng ban kiến thiết kinh tế và phụ trách việc đào kênh Sơn Tịnh. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Nguyễn Liên làm Bí thư, đồng chí Trần Vĩ (Động) làm Phó Bí thư. Khi đồng chí Liên được điều lên tỉnh công tác, đồng chí Trần Vĩ lên thay. Một thời gian sau, đồng chí Trần Vĩ đi học trung học bình dân thì đồng chí Lê Tuất lên làm Bí thư.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, khắp nơi trong huyện dấy lên phong trào thi đua luyện quân lập công sôi nổi. Theo chủ trương của Quân khu V, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, nhân dân sôi nổi ủng hộ lương thực, thực phẩm, đặt giải thưởng thi đua để cổ vũ động viên, bộ đội, dân quân du kích luyện tập. Hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng sân tập theo quy định thống nhất, để huấn luyện cho dân quân về các môn ném lựu đạn xa, vượt chướng ngại vật, lăn lê bò toài, lợi dụng địa hình, địa vật, xung phong giáp lá cà, đâm lê, bắn súng. Xã Tịnh Hiệp là nơi xây dựng sân bãi đẹp, đúng quy cách, huấn luyện dân quân có nề nếp và được Quân khu V cấp bằng khen. Tại Đại hội luyện quân lập công do Liên khu V tổ chức vào tháng 10-1948 ở thị xã Quảng Ngãi, đồng chí Hoàn quê Tịnh Minh được Quân khu cấp giấy khen về thành tích ném lựu đạn giỏi.

Giữa năm 1948, ngành quân giới Liên khu V tổ chức triển lãm các loại vũ khí tự chế tạo và thu được của địch tại Châu Sa (Tỉnh Châu) làm cho nhân dân càng thêm tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Ngày 19-8-1948, buổi lễ tiễn đưa một đại đội quân tình nguyện ở Quảng Ngãi, trong đó có các đồng chí ở Sơn Tịnh đi tham gia xây dựng cơ sở và lực lượng vũ trang cho nước bạn láng giềng ở Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia được tổ chức trang trọng có sự tham dự của đồng chí Phạm Văn Đồng - phái viên của Chính phủ phụ trách công tác kháng chiến ở Nam Trung Bộ.

Ngày 27-3-1948, Trung ương Đảng phát động phong trào thi đua ái quốc. Ngày 11-6-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua "hướng mọi năng lực, mọi cố gắng chuyển sang giai đoạn mới, thi đua sản xuất, phá tề, xây dựng đời sống mới", thực hiện khẩu hiệu "toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến", động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và tri thức sáng tạo, ra sức thi đua kháng chiến và kiến quốc.

Tháng 2 - 1949, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II được tổ chức đã đề ra nhiệm vụ: tiếp tục đẩy mạnh mọi hoạt động với khả năng tự có để xây dựng lực lượng quân sự, chính trị ngày càng mạnh mẽ. Khẩn trương phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, chú ý công tác văn hoá - xã hội, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc, đóng góp sức người sức của nhiều nhất cho kháng chiến; chấn chỉnh, củng cố và xây dựng Đảng bộ địa phương đủ sức để

lãnh đạo và chỉ đạo mọi hoạt động trong tình hình mới.

Tháng 11-1949, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV được tổ chức tại nhà bà Hương Hai (ở Sung Tích, Tịnh Long). Đại hội quán triệt tinh thần chủ trương của Đảng bộ tỉnh, phát động phong trào thi đua ái quốc, sản xuất tự túc, ra sức thâm canh với khẩu hiệu "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống", xây dựng đời sống văn hóa mới, chống mê tín dị đoan. Công tác xây dựng Đảng được thực hiện với khẩu hiệu "Thi đua phát triển Đảng thành Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ". Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới do đồng chí Lê Tuất làm Bí thư.

Sau một thời gian, đồng chí Tuất được điều về tỉnh, đồng chí Phạm Viết My lên thay. Khi đồng chí My được Tỉnh ủy được điều đi nhận nhiệm vụ khác thì đồng chí Đỗ Minh Châu làm Bí thư Huyện ủy.

Thực hiện Nghị quyết về xây dựng Đảng, chỉ trong vòng một năm, nhất là từ tháng 6-1949 đến đầu năm 1950, số lượng đảng viên trong toàn huyện đã lên tới 10.625 đồng chí. Trung bình cứ 10 người dân có 1 đảng viên¹, thậm chí có xã 8 người dân có 1 đảng viên. Đảng bộ

1. Số lượng đảng viên của các xã tính đến đầu năm 1950 như sau: Tịnh Thành có 1.200 đảng viên, Tịnh Ấn có 1.100 đảng viên, Tịnh Khê có 350 đảng viên, Tịnh Hòa có 1.050 đảng viên, Tịnh Phong có 525 đảng viên, Tịnh Thọ có 1.100 đảng viên, Tịnh Hà hơn 1.600 đảng viên, Tịnh Bình hơn 1.000 đảng viên, Tịnh Hiệp có 1.600 đảng viên, Tịnh Giang có 700 đảng viên, Tịnh Minh có 800 đảng viên, Tịnh Sơn có 700 đảng viên.

đã liên tục mở các lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng, đồng thời chú trọng công tác xây dựng "chi bộ tự động" theo ba tiêu chuẩn: thường xuyên tổ chức phê bình để nâng cao chất lượng đảng viên; động viên được đông đảo quần chúng tham gia phong trào thi đua ái quốc; xây dựng được phong trào chiến tranh nhân dân địa phương và chi viện đắc lực cho tiền tuyến. Đến cuối năm 1949, hầu hết chi bộ ở các xã của huyện đều được công nhận là "chi bộ tự động". Các chi bộ Tịnh Hòa, Tịnh Minh, Tịnh Thọ và Tịnh Thành được Tỉnh ủy chính thức công nhận là "chi bộ tự động khá".

Vấn đề nâng cao trình độ chính trị, lý luận chuyên môn và chất lượng đảng viên được cấp ủy đặc biệt quan tâm; uốn nắn tư tưởng lệch lạc chỉ chú trọng sử dụng cán bộ sẵn có trình độ văn hóa mà không chú ý bồi dưỡng cán bộ mới. Huyện ủy đã mạnh dạn đề bạt một số cán bộ cơ sở, chủ yếu xuất thân từ bản cổ nông, giữ những chức vụ chủ chốt ở một số ngành và chọn một số đồng chí đi học lớp trung học bình dân do Liên khu ủy V tổ chức.

Với cố gắng trên, Đảng bộ đã từng bước đào tạo đội ngũ cán bộ vững về chính trị, có trình độ văn hóa, có tác phong công tác sâu sát và được quần chúng tin yêu.

Tháng 4-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang địa phương, phối hợp tác chiến với bộ đội chủ lực, đồng thời cũng là nguồn bổ sung cho bộ đội chủ lực và tạo điều kiện cho quân chủ lực cơ động trên chiến trường.

Để xây dựng quân đội vững mạnh về mọi mặt, có khả năng đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân

Pháp, ngày 4-11-1949, Chính phủ ra sắc lệnh về chế độ nghĩa vụ quân sự. Ở Sơn Tịnh, phong trào thanh niên tham gia ghi tên tòng quân rất sôi nổi. Một số lớn cán bộ, chiến sĩ được cử đi các chiến trường cực Nam, Hạ Lào, Quảng Nam- Đà Nẵng... Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn tích cực đi dân công tiếp vận vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men, quần áo ra chiến trường.

Công tác phòng gian, bảo mật, cảnh giác chống bọn gián điệp xâm nhập vùng tự do được các cấp chính quyền, các hội đoàn thể tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Mọi người đều thực hiện khẩu hiệu: không nghe, không thấy, không biết. Kết quả, nhân dân và lực lượng công an huyện đã phát hiện bắt giữ và kết án tử hình Kiều Tấn Dụ, Trần Đức Đệ ở Tịnh Sơn về tội làm bạc giả và một số tên chỉ điểm khác; phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương huyện làm tốt nhiệm vụ bảo vệ, đề phòng máy bay địch đánh phá các cơ quan của Trung ương, Khu ủy và Tỉnh ủy đóng trên địa bàn huyện như Đài Tiếng nói Nam Bộ Việt Nam¹, Trường lục quân, xưởng quân giới, xưởng làm giấy, cơ quan của đại diện Trung ương Đảng và Chính

1. Đầu năm 1946, Đài Tiếng nói Nam Bộ đóng ở đình Thọ Lộc (Tịnh Hà), mọi công việc bảo vệ, phục vụ do bà con Thọ Lộc và gia đình đồng chí Nguyễn Tãi chăm lo. Sau đó, do bị địch đánh phá ác liệt, năm 1947, cán bộ và nhân viên của Đài phải dời trụ sở lên đóng ở Suối Ngổ (Sơn Tân, Sơn Hà) giáp xã Tịnh Giang, do nhân dân và Đảng bộ Tịnh Giang chịu trách nhiệm bảo vệ, phục vụ.

phủ tại miền Nam-Trung Bộ, Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ và các bệnh viện quân y, dân y...

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, khắp nơi trong huyện, nhân dân đã nhin ăn, bớt mặc, góp gạo, góp tiền lập "Quỹ nuôi quân" và "Hũ gạo nuôi quân". Nhiều gia đình xung phong nuôi cả tiểu đội, có khi cả trung đội trong một ngày. Các đoàn thể quần chúng phát động phong trào nuôi quân. Hội Phụ nữ cứu quốc có "Con heo kháng chiến", Hội Thiếu niên cứu quốc thi đua nuôi "Con gà kháng chiến" và các phụ lão thì trồng "Bụi mía, bụi chuối kháng chiến". Ngoài ra, nhân dân còn hăng hái hưởng ứng mua "Công phiếu kháng chiến", đóng góp vào "Quỹ đảm phụ quốc phòng" và "Quỹ công lương".

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy: "Sản xuất đủ tiêu dùng trong nhân dân và cung cấp một phần cho kháng chiến", từ đầu năm 1947, phong trào giảm bớt diện tích mía để trồng cây bông và cây lương thực được nhân dân hưởng ứng. Theo ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng, mỗi gia đình trồng quanh nhà 30 cây bông để tự túc vải mặc và thêm nguyên liệu dệt vải cho bộ đội. Những gia đình có nhiều ruộng dành từ 15 thước đến một sào đất để trồng bông. Các tiểu tổ, đoàn thể quần chúng, nhất là hội nông dân, thân hào dành từ 10 đến 15 thước đất để trồng bông. Vì vậy, sản lượng bông ngày càng tăng. Các khung dệt gia đình và các hợp tác xã dệt của huyện ngày càng phát triển, đã dệt được các loại the, lụa, vải sита, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và trang phục cho bộ đội.

Để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đưa

công tác thủy lợi lên hàng đầu, chú trọng công tác tiểu thủy nông, vừa xúc tiến xây dựng công trình mới vừa tu sửa, nâng cao hiệu quả công trình cũ. Nhân dân Tịnh Giang đắp mới và khôi phục đập Cù Và để tưới cho hơn 100 mẫu ruộng. Nhân dân Tịnh Trà đắp lại các đập bồi Sơn Rái, Gò Viên, Ông Nghè, La Giong và phối hợp với nhân dân Bình Sơn làm 6 hồ chứa nước. Nhân dân Tư Cung Nam đắp đập Ngự Hàm tưới cho 248 mẫu ruộng. Trên nhiều cánh đồng, nhân dân còn đào ao, vét giếng chống hạn, nhất là Tịnh Thành (gồm các xã Tịnh An, Tịnh Châu, Tịnh Long và Tịnh Thiện), hàng ngàn chiếc gàu cần vọt được dựng lên để mức nước tưới, chống lại nắng hạn gay gắt của năm 1949.

Thành tích nổi bật trong phong trào làm thủy lợi là việc hoàn thành tuyến kênh Sơn Tịnh, lấy nước từ sông Trà Khúc tưới cho cánh đồng ở khu đông Sơn Tịnh. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, ngoài số vốn đầu tư của tỉnh, nhân dân Sơn Tịnh đã đóng góp tiền của, công phần và hàng vạn ngày công để đào kênh. Các đoàn thể thi đua, phấn đấu hoàn thành kế hoạch, đặc biệt là sự tận tình, nhiệt tâm ngày đêm đi sát xuống hiện trường để động viên nhân dân đào kênh của người phụ trách trực tiếp là đồng chí Nguyễn Cát. Do đó, thời gian thi công được rút ngắn trong hơn một năm. Tuyến kênh Sơn Tịnh dài 16 km, chạy từ Tịnh Hà xuống các xã khu đông, về tới Tịnh Hòa, với bề đáy rộng 6 mét, taluy 12 mét, đủ nước tưới cho 1.503 ha ruộng. Hai bên bờ kênh trồng hàng vạn cây dương liễu. Dọc theo lòng kênh chính, nhân dân đặt được 4 bờ xe nước

1 bánh có ổ bi, 47 máy bơm chạy bằng than. Kênh Sơn Tịnh hoàn thành đã giúp nhân dân ở khu đông Sơn Tịnh thoát khỏi nạn đói triền miên từ bao đời nay vì đồng ruộng bị nhiễm mặn và khát nước ngọt. Từ đây, đồng ruộng quanh năm đủ nước tưới, ruộng một vụ thành ruộng hai vụ lúa, diện tích nhiễm mặn giảm, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, tích cực đóng góp cho công cuộc kháng chiến. Điều đó đã chứng minh chủ trương đúng đắn, sáng suốt của Đảng bộ Sơn Tịnh trong công tác phát triển nông nghiệp, tỏ rõ tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân. Kênh Sơn Tịnh đã gắn bó với cuộc sống nhân dân Sơn Tịnh từ đó đến nay và mỗi khi nhắc tới kênh Sơn Tịnh thì bất cứ một người nông dân nào ở khu đông Sơn Tịnh cũng nhớ tới đóng góp to lớn của đồng chí Nguyễn Cát. Vì vậy, nhân dân Sơn Tịnh gọi kênh bằng cái tên thân thương, triu mến: "kênh Ông Cát". Kênh Sơn Tịnh hoàn thành còn có tác động lớn đến phong trào làm thủy lợi trong tỉnh.

Cùng với phong trào làm thủy lợi, theo hướng dẫn của Ty Canh nông tỉnh, phong trào làm phân chuồng, phân xanh, phân bắc và bón phân có kỹ thuật phát triển khắp nơi. Nhân dân trong huyện đã trồng cây sục sặt, cây chàm để làm phân xanh. Ngoài ra, nhân dân Sơn Tịnh còn có phong trào cuốc đất ải, áp dụng kỹ thuật chọn cây giống, gieo mạ để tăng năng suất cây trồng, thực hiện "tắc đất, tắc vàng", có nơi trồng ngô bốn vụ một năm như Tịnh Khê, Tịnh Thành.

Bên cạnh nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng được nhanh chóng khôi phục như nghề làm giấy bồi

truyền thống ở Tịnh Thọ. Xưởng giấy ở Đồng Ké được thành lập đã sản xuất được cả giấy poluya. Các nghề dệt chiếu, làm nón, đồ gốm, ép dầu, đan lưới, bện dây dừa được phát triển. Xã Tịnh Minh có 34 lò rèn chuyên sản xuất các loại nông cụ không những phục vụ cho địa phương mà còn ký hợp đồng cung cấp cho Phòng quốc dân thiếu số của tỉnh và liên khu. Nguồn vốn và nguyên liệu do Nhà nước cung cấp nên việc sản xuất được đảm bảo.

Ngành thương nghiệp cũng được phát triển; hầu hết các xã đều có hợp tác xã mua bán, cung cấp cho nhân dân các mặt hàng thiết yếu như muối, dầu, vải... Nhà nước thực hiện chủ trương "thống nhất thu nhập, chỉ huy phân phối" một số mặt hàng như dầu dừa, bông, sợi, vải, giấy. Các hàng hóa khác được giao lưu tự do. Việc trao đổi, mua bán giữa các vùng trong tỉnh được khuyến khích để điều hòa giữa nơi thừa, nơi thiếu. Các ngành thuế vụ, công an phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ này, đồng thời tích cực chống mọi hoạt động phá hoại gây rối của bọn gián điệp trà trộn trong nhân dân.

Ngày 12-6-1947, Đại diện Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ ra Nghị định số 01/NĐ-CP cho phép phát hành tín phiếu ở Liên khu V, có chữ ký của đồng chí Phạm Văn Đồng, thay cho đồng bạc Việt Nam do Bộ Tài chính phát hành. Tờ tín phiếu đảm bảo nhu cầu kháng chiến về tài chính, phát triển sản xuất và xây dựng nền kinh tế tự túc.

Với tinh thần tự cung, tự cấp, nhân dân Sơn Tịnh không những tự túc được lương thực, thực phẩm, vải, giấy, mà còn cung cấp một phần cho chiến trường.

Phong trào thi đua học văn hóa được giữ vững. Giáo dục phổ thông phát triển, xã nào cũng có trường phổ thông cấp I thu hút đông đảo con em lao động đến trường. Toàn huyện có trường phổ thông cấp II ở Rừng Xanh (Tĩnh Hà) và trường bổ túc văn hóa cho cán bộ. Trong phong trào bình dân học vụ xuất hiện nhiều gương học tập tiêu biểu, như chị Huỳnh Thị Chánh ở Tĩnh Thành (Tĩnh An), dù cụt cả hai tay vẫn theo học văn hóa và trở thành một cô giáo dạy chữ cho nhiều người khác, cổ vũ cho phong trào chung trong huyện. Năm 1947, chị được Liên khu uỷ V tặng bằng khen "Chiến sĩ diệt dốt" và được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đến cuối năm 1948, về cơ bản, huyện Sơn Tịnh đã xóa xong nạn mù chữ, góp phần cùng nhân dân trong tỉnh đạt danh hiệu "Tỉnh xóa xong nạn mù chữ sớm nhất trong cả nước", được Chính phủ tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất về thành tích tăng gia sản xuất và xóa nạn mù chữ.

Phong trào thi đua thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, chống tệ nạn cờ bạc, rượu chè được duy trì. Người mắc khuyết điểm nặng về tệ nạn xã hội được đưa ra tự kiểm điểm trước cuộc họp dân. Đoàn thể thanh niên các xã tổ chức hội chợ kháng chiến. Những trò chơi vui tươi lành mạnh như đua ngựa, bóng chuyền đã thu hút được nhiều người tham gia. Nhân dân còn đem bầu bí, rau quả, hàng hóa đến bán tại hội chợ. Số tiền thu được trong hội chợ góp lại làm quỹ giúp đỡ thương binh; mua thuốc chữa bệnh gửi ra chiến trường. Công tác thông tin tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ phát triển góp phần làm

cho cuộc sống thêm vui tươi, giáo dục, nhắc nhở mọi người làm theo đường lối, chủ trương của Đảng và Bác Hồ. Trong phong trào này xuất hiện nhiều điển hình tốt. Các cụ phụ lão Trường Thọ (Tĩnh Phong) phối hợp với đội thông tin tuyên truyền của xã dựng được một khẩu hiệu dài 37m, cao 2m, chữ bằng gỗ rộng 40cm, với dòng chữ: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" được dựng tại núi Ngang.

Tại Đại hội Thông tin tuyên truyền của tỉnh, tổ chức năm 1949 ở thôn Thế Lợi (Tĩnh Phong), Đội Thông tin tuyên truyền xã Tĩnh Phong được tuyên dương là đơn vị khá của tỉnh. Thực hiện phong trào vệ sinh phòng bệnh, nhân dân đã thực hiện sắp xếp nhà cửa gọn gàng, giữ gìn giếng nước luôn sạch sẽ, xử dụng hố xí hai ngăn, quét dọn đường thôn ngõ xóm. Thôn nào cũng có tủ thuốc dân lập, các gia đình và cá nhân có túi cứu thương. Ngành y tế huyện còn chú trọng việc khám chữa bệnh theo phương pháp Đông - Tây y kết hợp, đem lại hiệu quả cao. Trong các cuộc hội họp, người dự đến đông đủ, đúng giờ. Trật tự trị an thôn xóm được bảo đảm, có đội tự vệ canh gác ngày đêm. Xã hội ngày càng văn minh, lành mạnh.

Trong những năm 1946-1949, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Sơn Tịnh đã cùng nhân dân cả tỉnh ra sức bảo vệ quê hương, phục vụ kháng chiến. Nổi bật là phong trào thi đua tăng gia sản xuất tự cung tự cấp. Các công trình thủy lợi, nhất là kênh Sơn Tịnh hoàn thành đã giải quyết phần lớn nước tưới cho các cánh đồng ở khu đông, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong huyện



Đồng chí LÊ TUẤT
Bí thư Huyện uỷ năm 1948



Đồng chí NGUYỄN LIÊN (MƯỜI NGUYÊN)

Bí thư Huyện uỷ 1948-1949



Đồng chí TRẦN ĐỘNG (VĂN, VĨ - liệt sĩ)
Bí thư Huyện uỷ 1949-1950, 1953, 1956-1960



Đồng chí NGUYỄN CÁT (liệt sĩ)
Chủ tịch huyện năm 1950



Cửa kênh Sơn Tịnh tại xã Tịnh Hà

xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc, tự trang trải được nhu cầu ăn, mặc, học hành. Ngoài ra, nhân dân Sơn Tịnh còn đóng góp về vật chất cho các cơ quan của khu, tỉnh bạn, huyện bạn và tỉnh nhà đóng trên địa bàn huyện, đồng thời đóng góp sức người, sức của phục vụ tiền tuyến.

Các phong trào thi đua phát triển bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới, phong trào văn hóa, văn nghệ, y tế đạt được những thành tích lớn. Quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được thể hiện rõ trong cuộc sống thường ngày. Phong trào xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân, du kích và các đoàn thể không ngừng lớn mạnh. Thực hiện quân sự hóa toàn dân, nên ta có khả năng đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù chống phá vùng tự do.

Qua các phong trào thi đua, Đảng bộ đã kết nạp được nhiều đảng viên mới, chất lượng được nâng cao. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện, thử thách trong công tác đã đáp ứng nhu cầu lãnh đạo của Đảng từ cơ sở lên huyện và cung cấp cán bộ cho các tỉnh và huyện bạn.

Với những thành tích đã đạt được, nhân dân Sơn Tịnh cùng với nhân dân Quảng Ngãi vinh dự và tự hào đón nhận Nghị quyết "khen thưởng" của Trung ương Đảng, do đồng chí Trường Chinh ký ngày 31-10-1949 về thành tích đấu tranh cách mạng sâu rộng của nhân dân trong tỉnh, có công giúp đỡ các phong trào cách mạng các tỉnh Bình Định, Phú Yên và cung cấp cán bộ, bộ đội nhiều nhất cho các chiến trường...

Chương VI

TIẾP TỤC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TÍCH CỰC GÓP PHẦN CÙNG NHÂN DÂN CẢ NƯỚC KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950-1954)

Thực dân Pháp càng đẩy mạnh chiến tranh, càng bị thua đau và sa lầy ở chiến trường Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trước sự suy sụp của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ nhảy vào can thiệp Đông Dương, hòng dần dần thay chân Pháp. Song, cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ không thể ngăn chặn được thắng lợi của nhân dân ba nước Đông Dương.

Tháng 3-1950, cuộc đấu tranh của sinh viên, học sinh và đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn chống đế quốc Mỹ nổ ra mạnh mẽ. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 đánh dấu bước trưởng thành lớn của Đảng ta trong việc lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh, làm thay đổi cơ bản cục diện chiến trường giữa ta và địch.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở các vùng tự do Liên khu V, thực dân Pháp lợi dụng sai lầm của một số cán bộ vi phạm chính sách của Đảng đối với

đồng bào dân tộc thiểu số, đã tuyên truyền kích động, gây tâm lý hằn thù dân tộc, lôi kéo một số cò rá phản động chống phá cách mạng.

Ngày 25-1-1950, bọn phản động địa phương dụ dỗ, lôi kéo một số đồng bào dân tộc thiểu số gây rối loạn ở Sơn Hà. Bọn "chí xẻng" điên cuồng bắn phá, giết người, cướp đoạt tài sản, giết hại trâu bò của đồng bào. Chúng còn kéo xuống Tịnh Giang đốt 27 nóc nhà, giết chết một số người ở thôn Đông Hòa và cướp đi nhiều tài sản, trâu bò của đồng bào ta. Huyện ủy Sơn Hà phải dời xuống Đồng Ké (Tịnh Giang). Tiếp đó, quân Pháp từ Kon Tum kéo xuống đánh chiếm một số nơi ở Sơn Hà, hòng lấy đây làm bàn đạp tấn công xuống trung châu.

Tháng 5-1951, Tỉnh ủy Quảng Ngãi thành lập Ban Cán sự miền Tây để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất toàn bộ lực lượng vũ trang chính trị của ta ở Sơn Hà và các huyện miền Tây nhằm đánh bại âm mưu phá hoại của thực dân Pháp và tay sai. Được sự chỉ đạo sát sao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Liên khu ủy, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã nhận thấy: muốn giải quyết được vụ Sơn Hà, di dời với tuyên truyền vận động, giáo dục về chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ phải chú ý cải thiện đời sống của nhân dân, lấy giáo dục quần chúng nhân dân là cơ bản, tranh thủ những già làng, những người có uy tín để nắm dân, cô lập bọn đầu sỏ ngoan cố. Để góp phần giải quyết vụ Sơn Hà, huyện Sơn Tịnh đã huy động du kích ở các xã, phiên chế thành 3 đại đội do các cán bộ huyện đội làm đại đội trưởng, cùng với Đại đội

8B Phan Đình Phùng phối hợp với Đại đội 126 của Trung đoàn chủ lực Quân khu và bộ đội địa phương của tỉnh truy quét địch. Đến tháng 12-1951, ổ vũ trang cuối cùng ở Tà Mực (Sơn Hà) của địch bị diệt, đời sống nhân dân trở lại bình thường.

Ở Sơn Tịnh, trong năm 1950, giặc Pháp tăng cường đánh phá cầu Trường Xuân, ga xe lửa và các vùng ven biển, gây cho ta nhiều khó khăn.

Vào tháng 3-1950, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ V được tiến hành tại Trường Đảng huyện ở thôn Hà Nhai, xã Tịnh Hà.

Đại hội đã kiểm điểm đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ đề ra từ đại hội trước, nhận rõ những khuyết điểm như nặng động viên mà nhẹ bồi dưỡng sức dân, rút ra bài học kinh nghiệm cần sửa chữa. Đại hội chỉ rõ: việc phát triển đảng viên còn nặng về số lượng, chưa coi trọng chất lượng, nên số lượng đảng viên đông nhưng chất lượng chưa cao. Đại hội cũng đã thông qua nghị quyết về các nhiệm vụ chuẩn bị cho tổng phản công; động viên sức người, sức của phục vụ tiền tuyến; củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất; phá tan mọi âm mưu của địch; thực hiện giảm nhẹ biên chế, củng cố Đảng làm cho Đảng vững mạnh; phát động toàn dân noi gương: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại hội đã bầu đồng chí Đào Cúc làm Bí thư, đồng chí Lê Chí Thống(Nhuệ) làm Phó Bí thư.

Từ ngày 14 đến ngày 20-3-1950, tại rừng Dê (An Thọ, Tịnh Sơn), Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III

được tổ chức, đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - giáo dục, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và công tác thi đua...

Quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Sơn Tịnh, tất cả các ngành, quân dân chính đều tập trung vào phong trào động viên nhân tài, vật lực, tuyên truyền cổ động, giải thích cho nhân dân hiểu rõ tích chất của phong trào và trách nhiệm của mình. Khẩu hiệu "Tất cả chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công" đã được nhân dân tích cực hưởng ứng, tạo thành phong trào thi đua sôi nổi ở khắp các thôn xã. Quần chúng tổ chức mít tinh, hưởng ứng chủ trương tổng động viên, đón mừng tin chiến thắng từ chiến trường gửi về, biểu thị quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của hậu phương. Chỉ một thời gian ngắn, nhân dân trong huyện đã góp hàng triệu đồng, hàng chục tấn lương thực và hàng vạn ngày công. Tuy vậy, phong trào tổng động viên cũng bộc lộ khuyết điểm: một số cán bộ xã chưa nhận thức đầy đủ việc điều tra tài sản để phân bổ mức đóng góp của nhân dân cho sát đúng, thống nhất giữa các xã. Do đó, ở huyện nảy sinh hiện tượng một số gia đình trung, bản nông phải bán cả ruộng đất, trâu bò để đóng góp; trái lại nhiều địa chủ, phú nông chỉ đóng góp rất ít so với số tài sản của mình. Một số bản cố nông bị động viên nhiều về nhân lực. Một vài cán bộ, đảng viên không gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ, không giải thích cho nhân dân hiểu rõ chủ trương của Đảng và Nhà nước mà làm

theo lối quan liêu, mệnh lệnh, cưỡng bức... Thêm vào đó, việc giảm tô không được thi thành triệt để. Tất cả những thiếu sót ấy đã ảnh hưởng tới khối đoàn kết toàn dân. Để nhanh chóng khắc phục những nhược điểm trên, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã nghiêm khắc tự kiểm điểm và sửa chữa sai lầm, hạ mức tổng động viên, miễn giảm mức đóng góp cho nông dân nghèo, trả lại ruộng đất cho trung, bình nông, mức thuế nông sản được xác định lại.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang địa phương được phát động trong mọi tầng lớp nhân dân, đông đảo nam nữ thanh niên, học sinh tham gia. Tuần lễ "Luyện tập quân sự 26-3", với khẩu hiệu "Tất cả vào dân quân" được phát động. Thanh niên ngày đêm luyện tập quân sự, bảo vệ xóm làng. Học sinh các trường phổ thông, kể cả học sinh theo đạo Phật và đạo Thiên Chúa cũng đăng ký khám tuyển, tòng quân đi bộ đội.

Việc giảm nhẹ biên chế các cơ quan được thực hiện từ giữa năm 1950 theo nguyên tắc "đơn giản huyện, tăng cường xã", với phương châm "kiện toàn chất, đơn giản lượng". Bộ máy của Huyện ủy chỉ còn 13 người; Ủy ban kháng chiến hành chính huyện còn 7 người, các ngành khác của huyện cũng giảm biên chế, đưa một số cán bộ về địa phương tham gia sản xuất.

Tuy vậy, việc sắp xếp lại bộ máy làm việc mới chỉ chú trọng đến vấn đề "tinh giản biên chế", còn coi nhẹ việc sửa đổi lề lối làm việc, tác phong công tác của cán bộ. Phong trào xây dựng xã kiểu mẫu chưa được chú ý, chưa phát huy được tính tích cực của quần chúng.

Công tác thông tin tuyên truyền không còn hạn chế ở việc thông báo tin tức trong nước mà còn giải thích cho nhân dân hiểu rõ tình hình thế giới, đặc biệt là những vấn đề có quan hệ đến nước ta. Đảng bộ đã phát động phong trào "Tuần lễ lấy chữ ký vào bản kiến nghị hòa bình", động viên quần chúng tham gia "Tháng hữu nghị Việt-Trung- Xô"... Những hoạt động này góp phần giáo dục tinh thần vô sản quốc tế, làm cho đồng bào hiểu rõ sự giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta, đặc biệt là sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc.

Công tác xây dựng Đảng luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, thông qua cuộc vận động xây dựng "chi bộ tự động" nhằm củng cố các tổ chức đảng và tăng cường chất lượng cấp ủy. Song, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ vẫn còn mắc một số thiếu sót, do chưa nắm vững tính chất giai cấp công nhân của Đảng, chưa thấu suốt tiêu chuẩn đảng viên, chưa coi trọng giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho đối tượng chuẩn bị kết nạp Đảng, còn chạy theo số lượng. Việc kết nạp Đảng tiến hành ồ ạt, có khi kết nạp cả những địa chủ, phú nông bóc lột. Để khắc phục những thiếu sót, sai lầm đó, tháng 9-1950, Trung ương Đảng quyết định "tạm ngừng công tác phát triển Đảng để củng cố Đảng". Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, năm 1950, cũng đã nhận xét: "Đảng bộ có đông đảng viên nhưng chưa mạnh, cho nên phải củng cố Đảng để làm cho Đảng mạnh mẽ". Mục tiêu phấn đấu là phải làm cho Đảng vững mạnh, đảng viên phải giác ngộ quyền lợi của giai cấp vô sản, lý

tuồng cộng sản chủ nghĩa, để đủ sức lãnh đạo nhân dân.

Vào tháng 2-1951, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI được tổ chức tại thôn Hưng Nhượng (Tĩnh Đông). Đại hội đã ra nghị quyết về vấn đề củng cố Đảng, coi trọng chất lượng đảng viên; nông nghiệp được coi là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng làng thôn chiến đấu, chống địch đổ bộ vào vùng biển, nhảy dù xuống đất liền. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ do đồng chí Đào Cúc làm Bí thư, đồng chí Mai Ngọc làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, việc phát triển đảng viên mới tạm thời ngừng để tập trung củng cố, xây dựng chi bộ tự động. Tính giai cấp được thể hiện trong việc bồi dưỡng, sắp xếp, đề bạt cán bộ xuất thân từ bản, cố nông vào cấp ủy và cơ quan chính quyền. Việc giáo dục và quản lý đảng viên được tổ chức chặt chẽ, chi bộ được chia thành các tổ đảng cũng là nhóm học tập gồm từ 8 đến 50 đảng viên, lấy đơn vị xóm làm cơ sở. Công tác phê bình và tự phê bình được thực hiện thường xuyên, đảng viên được học tập đường lối, chủ trương của cấp trên và tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Bác Hồ, học tập gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Người. Do vậy, trình độ giác ngộ chính trị của đảng viên và chất lượng sinh hoạt của chi bộ được nâng cao, các phong trào thi đua được đẩy mạnh lên một bước.

Sau thất bại trên chiến trường Tây Nguyên, thực dân Pháp tăng cường đánh phá, phong tỏa vùng tự do Liên khu V. Ngày 14-4 âm lịch (khoảng tháng 5-1951), máy bay

địch thả 24 quả bom xuống Đồng Ké làm 14 người dân bị chết. Cùng ngày, chúng thả bom đốt cháy xóm Bình Trung thôn Bình Nam, Tịnh Bình, một số tài sản của huyện ở đó cũng bị thiêu hủy, nhân dân phải sơ tán vào rừng.

Ngày 13-8-1951, địch đổ quân vào Cửa Lở (Tịnh Kỳ), tiến từ bờ đê Khê Hòa qua Đông Hòa đến Chợ Mới, đốt hội trường của Ủy ban kháng chiến. Chúng tiến quân tới Minh Quang, Phú Mỹ thì bị quân ta chặn đánh, buộc phải rút lui.

Ngày 2-9, giặc Pháp lại đổ bộ vào ba thôn Kỳ Xuyên, An Vĩnh, An Kỳ (Tịnh Kỳ) giết hại 71 đồng bào, hàng trăm trâu bò và cướp đi nhiều tài sản rồi rút chạy ra biển. Tháng 10-1951, chúng dùng tàu thủy đổ bộ lên Khê Nam (Trường Định) nhằm chiếm đỉnh Đầu Voi. Song, vừa đặt chân lên đất liền, lập tức bị du kích chặn đánh, chúng phải rút chạy. Cuối năm 1951, trong cuộc đổ bộ lên Khê Thành (Cổ Lũy), quân địch vừa lên bờ đã bị lực lượng du kích xã phối hợp với đại đội tập trung huyện, do đồng chí Châu chỉ huy, bám đánh quyết liệt. Đi đến đâu chúng cũng bị nhân dân chặn đánh, một số bị sụp hầm chông.

Để đối phó với hoạt động đánh phá của địch, Đảng bộ chỉ đạo việc xây dựng làng chiến đấu, thôn kháng chiến toàn diện với mức cao hơn trước. Bộ đội địa phương phối hợp với dân quân, du kích xã Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Thành xây dựng kế hoạch tác chiến, xây dựng công sự, rút kinh nghiệm đánh giặc trong làng, phát triển thêm "địa lôi chiến" ở các vùng xung yếu.

Nhân dân thực hiện triệt để "vườn không nhà trống",

xây dựng hầm cất giấu tài sản, đề cao ý thức phòng gian bảo mật, chống gián điệp và xác định, mỗi người dân là một trật tự viên, theo dõi, kiểm tra chặt chẽ những người lạ mặt. Hệ thống đài quan sát, tín hiệu báo động được lập thêm ở nhiều nơi. Hệ thống hầm bí mật, hầm trú ẩn, giao thông hào liên thôn, liên xã được phát triển như Tĩnh Bình, Tĩnh Hòa, Tĩnh Kỳ, Tĩnh Thiện, Tĩnh Minh... Có nơi nhân dân còn lấy cả vườn dừa để làm hầm trú ẩn và cất giấu tài sản như ở Tĩnh Khê và còn phát huy được tác dụng tích cực trong kháng chiến chống Mỹ sau này.

Lực lượng dân quân du kích phát triển nhanh chóng. Năm 1951, toàn huyện có 16.182 dân quân, trong đó có 6.342 nữ, 5.661 du kích, 4.776 cụ bạch đầu quân và 1.082 đội viên thiếu niên quân. Lực lượng vũ trang tuy đông song trang bị còn thô sơ, chưa được thường xuyên giáo dục tư tưởng chính trị và huyện chưa xây dựng được căn cứ địa và an toàn khu. Vì vậy, Huyện ủy chỉ thị phải chăm lo việc giáo dục tư tưởng, trước hết là ý thức chiến tranh nhân dân cho dân quân du kích, cung cấp thêm vũ khí và xây dựng căn cứ địa vững chắc.

Cùng với địch họa, thiên tai cũng gây cho nhân dân Sơn Tĩnh không ít khó khăn. Năm 1951, hạn hán, nắng nóng kéo dài làm mất mùa nặng (mùa tháng 3 và tháng 8 mất 50%, mùa tháng 10 mất 90%). Tỉnh ủy chỉ đạo phải có kế hoạch nhanh chóng cứu đói, sản xuất cho mùa sau. Trong 3 tháng (từ tháng 4 đến tháng 7-1951), huyện đã có chương trình, kế hoạch đẩy mạnh việc đào ao, vét giếng để chống hạn, sản xuất, trồng hoa màu ngắn hạn để chống

đói, nhưng nạn đói vẫn còn nghiêm trọng, lan tràn nhiều nơi, nhất là vùng ven biển. Huyện ủy tiếp tục kiên trì chỉ đạo việc chống đói, phát triển sản xuất và được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Phong trào làm thủy lợi phát triển, nhiều công trình thủy nông được sửa chữa. Nhân dân đóng góp 3.400.000 đồng và 20.000 ngày công để nạo vét các kênh ở Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Thành (các nhánh của kênh Sơn Tịnh) với chiều dài từ 1 đến 7 km. Kết quả, trên 1.000 mẫu ruộng đã được tưới nước. Dọc kênh Sơn Tịnh và sông Trà Khúc, nhiều bờ xe nước mới được dựng lên. Nhân dân các xã Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Thành kiên trì đào ao, vét giếng chống hạn. Số lượng phân bón cũng tăng từ 2 đến 3 lần so với trước đây.

Nhờ sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân làm thủy lợi, bảo vệ hoa màu và tinh thần tương thân, tương ái, nhường cơm sẻ áo cho nhau trong những lúc hoạn nạn giữa bộ đội và nhân dân, giữa nhân dân địa phương này với nhân dân địa phương khác, nên nạn đói bắt đầu giảm dần.

Ngày 1-5-1951, Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu cho kháng chiến. Nội dung thuế nông nghiệp thể hiện rõ đường lối giai cấp của Đảng. Thuế được tính theo lũy tiến, nộp bằng lúa và tiền để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất, khai hoang, tăng vụ. Việc giảm tô, giảm tức được thực hiện đúng quy định. Ở Sơn Tịnh, trong mùa tháng 3-1951 đã có 6.868 nông dân được hưởng tô với tổng số thóc là 30.252 ang. Tuy nhiên, việc thực hiện thuế nông

nghiệp và giảm tô cũng phạm một số sai lầm, thiếu sót như: chưa xác định đúng đối tượng phải giảm tô, có lúc, có nơi chưa làm đúng chính sách thuế (tính thuế chưa chính xác theo lũy tiến, có hộ nông dân phải nộp quá nhiều). Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu đã bị Huyện ủy xử lý kỷ luật nghiêm khắc.

Ngoài ra, việc chỉ đạo một số công tác khác cũng còn thiếu sót, như việc chia cấp công điền làm chậm. Toàn huyện mới cấp được 1.394 mẫu cho nông dân, chưa vận động được đông đảo thi hành tốt chủ trương đoàn kết lương giáo, chưa phát động được tinh thần tích cực, đóng góp cho kháng chiến của nhân dân (mới có 20.000 lượt người đi dân công phục vụ chiến trường, số thanh niên xung phong tòng quân giảm hơn trước). Các mặt giáo dục, phong trào bình dân học vụ, thông tin tuyên truyền có phần kém sôi nổi. Bộ máy chính quyền đã giảm biên chế, nhưng chất lượng chưa cao.

Bước sang năm 1952, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến thuận lợi cho sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta. Song, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ càng thua càng liều lĩnh. Chúng tăng cường đánh phá vùng tự do của ta.

Từ ngày 1 đến ngày 5-2-1952, Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ VII họp tại thôn Trà Sơn, xã Tịnh Ấn, đề ra những nhiệm vụ chung trước mắt cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện:

1. Đẩy mạnh phong trào và nâng cao chất lượng du kích chiến tranh. Tăng cường công tác bố phòng, chống âm

mưu cần quét, chiếm đóng của địch, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng các an toàn khu.

2. Xúc tiến mạnh mẽ việc tăng gia sản xuất, phát triển thủy lợi, làm phân bón ở các xã đồng gieo và ven biển. Phát triển công thương đúng hướng và tích cực thu các thứ thuế, nhất là thuế nông nghiệp.

3. Ra sức củng cố Đảng, chú trọng rèn luyện cán bộ, đảng viên kết hợp với việc phê bình và tự phê bình để nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng Đảng bộ vững mạnh; đồng thời kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân và phát động phong trào thi đua ái quốc trong toàn huyện.

Đại hội bầu đồng chí Trần Động (Vi, Văn) làm Bí thư, đồng chí Đào Cúc làm Phó Bí thư. Một thời gian sau, đồng chí Động được điều lên tỉnh, đồng chí Võ Hải thay làm Quyền Bí thư.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, Huyện ủy đã xúc tiến xây dựng căn cứ địa và an toàn khu từ Tịnh Thợ lên Tịnh Hiệp, đào địa đạo ở các xã như Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Khánh Vân (Tịnh Thiện). Tháng 4-1952, Trung đội 8 của Huyện đội phối hợp với B28 của bộ đội tỉnh cùng dân quân du kích các xã dọc ven biển chặn đánh các cuộc đổ bộ của địch, diệt nhiều tên, thu một số vũ khí, thuốc men và nhiều quân trang, quân dụng. Ngày 6-7-1952, địch thả bom xóm Chợ, An Kim, Tịnh Giang làm chết 4 người, phá sập 7 ngôi nhà. Ngày 13-6, gần 300 tên địch đổ bộ lên Sa Kỳ, thọc sâu vào xóm làng, đốt phá kho tàng. Chúng còn cho từ 7 đến 10 lượt chiếc tàu thủy nghi binh ngoài biển, cho máy bay bắn phá các

bờ xe nước, cầu Trường Xuân, rải truyền đơn, kêu gọi trí thức, tiểu tư sản và bộ đội ta đầu hàng. Tháng 7-1952, chúng đổ bộ, càn quét sâu vào 6 thôn ở Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa làm chết 16 đồng bào, hãm hiếp phụ nữ. Bị bộ đội và dân quân, du kích chặn đánh, chúng phải rút lui xuống tàu và bắt theo hàng chục đồng bào khác. Máy bay địch còn liên tục thả bom, bắn phá Trường Lục quân ở Tịnh Minh, Xưởng Quân giới Từ Nhại, Trường Trung học bình dân quân sự Liên khu V tại rừng Dê (Tịnh Sơn) làm hàng chục ngôi nhà của nhân dân ở xung quanh những nơi này bị đốt cháy. Có ngày chúng thả bom 4 lần, tàn phá không sót một ngôi nhà nào ở Lâm Lộc, Tịnh Hà.

Ngày 23-8-1952, quân Pháp đổ bộ lên Tịnh Khê. Lần này chúng huy động một tiểu đoàn lính Âu Phi và một số nguy quân, có máy bay, tàu chiến yểm trợ. Từ 4 giờ sáng, chúng chia làm 2 cánh quân đổ bộ vào đất liền. Cánh quân thứ nhất dùng ca nô chở quân tiến thẳng vào Cửa Lở, lên xóm Khê Thanh. Cánh quân thứ hai đổ bộ vào bãi ngang, vượt sông Kinh, tiến vào xóm Mỹ Lại tạo thành 2 mũi bao vây xã Tịnh Khê. Trung đội du kích xóm Khê Thanh phối hợp với Trung đội 8 của huyện do đồng chí Lâm Tấn chỉ huy, bố trí sẵn đội hình, chủ động chờ địch đến để tiêu diệt. Sáng sớm, khi bọn địch dưới ca nô vừa lên bờ đã bị quân ta bất ngờ chặn đánh quyết liệt, tiêu diệt 9 tên địch, 3 tên khác bị thương, số còn lại hốt hoảng tháo chạy, một số bị sụp hầm chông.

Cánh quân thứ hai thấy đồng bọn bị đánh không dám tiến, nằm yên tại chỗ kêu cứu. Đến 9 giờ, địch dùng máy

bay ném bom, chỉ viện cho bọn lính rút chạy ra tàu, mang theo nhiều xác chết và nhiều tên bị thương.

Bị thua liên tiếp ở các chiến trường, thực dân Pháp đã dùng nhiều thủ đoạn thâm độc đánh phá hậu phương của ta, nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân. Tháng 10-1952, chúng cho máy bay bắn phá khắp nơi, nhiều nhất là ở Tỉnh Thành. Có lần chúng tập trung từ 18 đến 22 máy bay, oanh tạc ở vùng đông dân. Có nơi chúng oanh tạc 3 đến 4 đợt liên tiếp, như ở Châu Sa, Tịnh Bân (Tịnh Thiện); triệt phá đường giao thông và bắn bừa bãi trên các cánh đồng. Chúng còn tung gián điệp, biệt kích vào sâu nội địa để thăm dò lực lượng phòng thủ của ta.

Để nâng cao hiệu quả chiến đấu, Đảng bộ huyện chú ý tăng cường công tác quân sự, động viên mọi người tham gia du kích, giáo dục nhân dân cảnh giác, không chủ quan với những thắng lợi đạt được, không y lại vào bộ đội. Công tác chính huấn chính trị cho bộ đội địa phương để nâng cao trình độ nhận thức được tiến hành.

Qua các cuộc chiến đấu, ở huyện xuất hiện nhiều gương dũng cảm, tiêu biểu như anh Phạm Đâu (Tịnh Hòa) được Quân khu V tặng danh hiệu "Chiến sĩ chống càn", anh Phạm Khương (Khê Thượng, Tịnh Khê) được tặng danh hiệu "Chiến sĩ hùm chông"...

Nhằm phá vỡ thế bao vây kinh tế của địch, thực hiện chủ trương của cấp trên, đồng bào ven biển chuyển nghề đánh cá ngoài khơi sang nghề đánh cá trong lộng. Nhân dân ở các xã đồng bằng đã gánh nước biển về phơi nắng để lấy muối. Được Nhà nước giúp đỡ về vốn, nguyên liệu và hướng dẫn kỹ thuật, nhân dân dùng lưới rùng câu đêm,

đánh cá ngay ở cửa sông, có tổ chức cảnh giới chu đáo và họp chợ vào sáng sớm hay chiều tối ở những nơi có nhiều cây che kín, lúc địch đánh phá ác liệt thì họp chợ vào ban đêm. Với sự giúp đỡ của đồng bào làm nông nghiệp, một bộ phận ngư dân đã chuyển sang làm ruộng và các nghề thủ công khác. Kỹ thuật làm muối được cải tiến, đạt năng suất cao hơn. Mỗi năm, vùng muối Sơn Tịnh cung cấp từ 500 đến 600 tấn muối cho nhân dân và bộ đội. Tỉnh đặt trạm thuế và thu mua muối ở Tịnh Hòa.

Mùa tháng 3-1952, ở Sơn Tịnh bị nắng hạn, sâu bọ phá hoại nên mất 40% sản lượng lúa và hoa màu. Mùa tháng 10 lại mất 50%, nhiều nơi dọc sông mất 80-100%. Tiếp đó, trận bão khô ngày 24-10-1952 gây thiệt hại nhiều về người và của, lúa trở bị khô cháy ngoài đồng. Thiên tai, địch họa dồn dập đã đe dọa cuộc sống của nông dân. Nạn đói từ cuối năm 1951 xảy ra ở vùng ven biển, kéo dài cho đến tháng 7-1952 càng thêm trầm trọng.

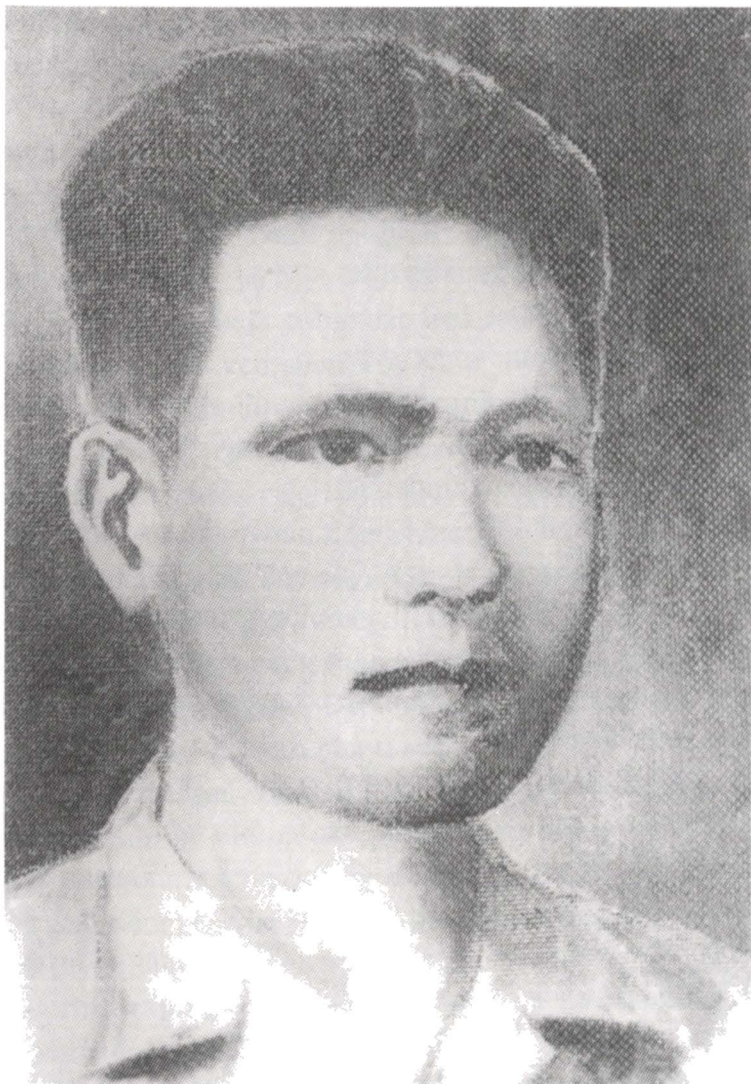
Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba vào tháng 10-1952 đã nhấn mạnh: cứu đói, phòng đói, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và thi hành tốt thuế nông nghiệp. Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy và lời kêu gọi "cứu đói như chữa lửa" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và với tinh thần "lá lành đùm lá rách", Đảng bộ Sơn Tịnh đã tổ chức cuộc vận động cứu đói khẩn cấp trong huyện. Cùng với sự giúp đỡ của nhân dân trong tỉnh, chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân Sơn Tịnh đã đóng góp được hàng chục tấn lương thực để cứu trợ đồng bào bị đói (như xã Tịnh Giang đỡ đầu cho xã Tịnh Hiệp, xã Tịnh Sơn đỡ đầu cho xã Tịnh Bình). Các xã còn đặt các trạm cháo dọc đường để kịp thời cứu đói người kiệt



Đồng chí ĐỖ MINH CHÂU
Quyền Bí thư Huyện uỷ năm 1950



Đồng chí ĐÀO CÚC
Bí thư Huyện uỷ 1950-1953



Đồng chí VÕ HẢI (liệt sĩ)
Bí thư Huyện uỷ năm 1954



sức. Một số đơn vị bộ đội ở các nơi được chuyển về đóng quân ở các xã bị đói nặng như Tịnh Thọ, Tịnh Bình... vừa để giúp bà con tăng gia sản xuất, vừa để san sẻ từng lon gạo, nắm sắn trong bữa ăn hàng ngày cho nhân dân tại nơi đóng quân. Tình cảm quân dân càng thêm sâu đậm.

Nhằm giải quyết nạn đói một cách cơ bản, các cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận phát động phong trào tăng gia sản xuất, nhất là trồng các loại rau màu ngắn ngày. Nhân dân các xã ven sông Trà Khúc nhường một số diện tích đất cho nhân dân vùng biển canh tác. Nhà nước cũng cho vay vốn để phát triển các nghề thủ công. Đi đôi với tăng gia sản xuất, việc tiết kiệm lương thực cũng được thực hiện triệt để. Nhân dân không làm bún, bánh trắng, nấu rượu bằng gạo. Tuy vậy, nạn đói cũng đã làm chết 48 người ở Tịnh Hiệp, 128 người ở Tịnh Bình.

Năm 1953, địch càng tăng cường đánh phá. Chúng cho các loại máy bay Siebel, B26 quần lượt để quan sát, phát hiện các mục tiêu, đánh phá trục đường từ Tịnh Hòa, Tịnh Khê lên Tịnh Ấn, Tịnh Hà, thả bom nổ chậm phá cầu đường, oanh tạc những nơi dân cư đông đúc, bắn phá kho tàng, cơ xưởng, bắn xe cộ dọc đường, ghe dò dọc sông, trâu bò ngoài đồng, các bờ xe nước, thả sâu bọ phá mùa màng, rải truyền đơn. Chúng còn thường xuyên cho 2 đến 3 tàu thủy rình rập ngoài biển, quần đậu ở Sa Kỳ, Cổ Lũy, cho ca nô, xuống máy bắt người, phá ghe mảnh, cướp của, đốt nhà của nhân dân ta. Chúng còn tung gián điệp, biệt kích trà trộn qua lại nhiều nơi, tuyên truyền nói xấu Đảng, Chính phủ, xuyên tạc chính sách thuế nông nghiệp, gây tâm lý hoài nghi trong nhân dân. Chúng liên tiếp đổ quân

lên xã Tịnh Khê, mỗi đợt từ 17 đến 70 tên, nhưng đều bị du kích và bộ đội địa phương đánh trả kịp thời, buộc phải rút lui.

Để kịp thời chống lại các thủ đoạn phá hoại của địch, vào tháng 3-1953, Huyện ủy tổ chức học tập Nghị quyết "Du kích chiến tranh" của Liên khu ủy cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người nhận rõ trách nhiệm của mình trong công tác bố phòng ở vùng tự do.

Việc tổ chức canh gác, tuần tiễu vùng ven biển được chặt chẽ hơn. Các xã trong huyện thường xuyên cử lực lượng dân quân du kích xuống canh gác và giúp đỡ nhân dân Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa. Chất lượng chiến đấu của du kích tăng lên qua những cuộc phối hợp chống càn với bộ đội địa phương và phát hiện biệt kích vào bờ.

Các đoàn thể nhân dân phối hợp tham gia canh gác, truyền tin, giúp đỡ chăm lo đời sống du kích và tổ chức quân sự hóa mọi mặt trong đời sống và sản xuất. Việc lánh cư, di tản có kế hoạch và phương án tiến hành chặt chẽ. Điển hình là các xã Tịnh Hòa, Tịnh Khê và Tịnh Thành. Trên cơ sở phong trào chiến tranh nhân dân phát triển, lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh. Bộ đội địa phương huyện có 429 người thường xuyên được luyện tập và học tập chính trị. Lực lượng du kích phát triển mạnh, nhất là các xã vùng biển. Các tổ 3 người sinh hoạt đều đặn, mỗi du kích được phân công làm từ 3 đến 7 hầm chông, xây dựng các điểm chiến đấu. Số du kích các xã có hơn 4.097 người, trong đó có 1.123 đảng viên, số dân quân toàn huyện là 13.654 người, trong đó có 1.103 nữ.

Nhìn chung, công tác quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, việc giáo dục cho nhân dân và du kích hiểu rõ âm mưu của địch chưa được thấu đáo, nên việc bố phòng, cất giấu tài sản còn có sai sót, sơ hở.

Rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, trong cuộc tổng kiểm thảo năm 1952, Đảng bộ huyện đã tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Nghị quyết của Liên khu ủy. Việc xác định đối tượng đóng thuế và mức thuế đối với từng hạng ruộng được làm đúng quy định. Tuy vậy, cũng vẫn còn một số thiếu sót chưa được khắc phục, như cán bộ chưa phát huy dân chủ, còn chủ quan trong việc định mức, chưa kiểm tra, chưa nắm vững chính sách thuế, chưa giáo dục cho giới công thương làm nghĩa vụ đóng thuế, nên có hiện tượng không chú ý đánh thuế các hộ buôn bán lớn mà lại đánh quá nặng các nghề phụ của nông dân và người buôn bán nhỏ.

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc kháng chiến đến thắng lợi, thực hiện chủ trương của cấp trên, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, xã được củng cố, kiện toàn. Các cấp ủy, chính quyền kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, cơ quan chính quyền những phần tử thoái hóa, biến chất. Các đoàn thể quần chúng cũng được lãnh đạo chặt chẽ, động viên được sức mạnh đoàn kết của nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ, chức năng của tổ chức mình, đã chọn được 542 hội viên gương mẫu. Ủy ban Mặt trận Liên Việt được xây dựng tương đối hoàn chỉnh ở các xã trong toàn huyện. Do biết dựa vào sức dân, biết động viên khuyến khích tinh thần cách mạng của quần chúng, nên tuy gặp nhiều khó

khăn về kinh tế, tình hình chính trị và các mặt khác của xã hội vẫn ổn định. Phong trào học văn hóa được giữ vững và phát triển, toàn huyện có 93 lớp bình dân học vụ, 82 lớp học vỡ lòng, 53 lớp tiểu học và trung học. Phong trào xây dựng nếp sống mới, phong trào đền ơn đáp nghĩa cũng được nhân dân thực hiện tốt. Việc chi viện sức người, sức của phục vụ tiền tuyến được đẩy mạnh. Năm 1953, các đoàn thể đã huy động được 741 dân công hạng A, đóng góp 22.230 ngày công; 1.882 dân công hạng B, đóng góp 24.147 ngày công phục vụ tiền tuyến. Nhiều tấm gương tiêu biểu xuất hiện như ông Nguyễn Đảm ở thôn Minh Trưng (Tĩnh Minh), anh Bẩm ở thôn Diên Niên (Tĩnh Sơn) đã xung phong đi liên tục nhiều nhiều đợt. Trong Đại hội chiến sĩ thi đua công nông binh toàn liên khu, tổ chức ở thôn Vĩnh Lộc (Tĩnh Bình), hai người đã được tuyên dương là chiến sĩ thi đua của liên khu về dân công. Ngoài ra, nhân dân còn đóng góp tu sửa đường sá, cầu cống, phục vụ các cơ xưởng, giúp đỡ công việc sản xuất và chăm sóc những người bị ốm, giúp những gia đình có người đi phục vụ tiền tuyến để họ yên tâm chiến đấu và phục vụ.

Thi hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 4-1952), Đảng bộ đã lấy chính Đảng làm công tác trọng tâm trước mắt, nhằm làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên thấu suốt quan điểm kháng chiến lâu dài và tự lực cánh sinh, khắc phục tư tưởng hữu khuynh trong việc thực hiện chính sách ruộng đất, thuế nông nghiệp, thực hiện tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng về tư tưởng và hành động, sửa đổi tác phong công tác. Đây là

đợt học tập tự phê bình và phê bình tập trung nhất, rộng lớn nhất. Huyện ủy đã cử 45 đồng chí đi dự các lớp chỉnh huấn của liên khu và tỉnh mở. Sau đó, Đảng bộ tổ chức cho 8.864 đảng viên toàn huyện học tập về nhiệm vụ của người đảng viên, các chính sách về ruộng đất, thuế nông nghiệp, cứu, chống đói, tăng gia sản xuất...

Qua các đợt chỉnh huấn, chỉnh Đảng, cán bộ, đảng viên nhận thấy rõ những sai lầm cần khắc phục như mơ hồ đối với giai cấp địa chủ, thiếu cảnh giác với địch; thói quen tự do, quan liêu, sự vụ, không sát cơ sở, thiếu tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Kết quả học tập của các đợt chỉnh huấn rất lớn, song vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm như: không dựa trên cơ sở tổng kết công tác, có lúc còn tách rời nhiệm vụ chống đế quốc với chống phong kiến, việc phê bình và tự phê bình chưa theo đúng phương châm là khách quan, toàn diện, nhằm xây dựng chứ không đả kích, nên có hiện tượng gán ghép, thổi phồng mức độ khuyết điểm, sai lầm.

Nhìn chung, từ giữa năm 1950 đến cuối năm 1953, công cuộc xây dựng và bảo vệ vùng tự do của huyện Sơn Tịnh gặp nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa gây nên. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân đã vượt qua khó khăn, xây dựng được nền kinh tế tự cấp, tự túc, kêu gọi tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua nạn đói kéo dài hai năm 1951 - 1952, động viên được phong trào toàn dân tham gia xây dựng quỹ nuôi quân, tích cực xây dựng và chăm lo đời sống của các lực lượng vũ trang, di dân công phục vụ tiền tuyến. Đặc

biệt, công tác chỉnh Đảng được tiến hành kịp thời và chất lượng đảng viên được nâng cao. Đảng bộ cũng đã nhanh chóng có biện pháp uốn nắn những lệch lạc, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong quá trình động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, kiên định lập trường giai cấp, nâng cao được ý thức chính trị, phân biệt rõ địch ta, có tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân, chấp hành nghiêm chỉnh, triệt để mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, nhất là trong công tác giảm tô, thuế nông nghiệp, bố phòng... tiếp tục lãnh đạo nhân dân giành những thắng lợi lớn hơn trong những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bước sang năm 1954, tương quan lực lượng so sánh ngày càng có lợi cho ta và bất lợi cho địch. Trên các chiến trường, ta luôn luôn giành được thế chủ động tấn công. Thắng lợi của việc thực hiện chính sách giảm tô và thuế nông nghiệp làm cho nhân dân vô cùng phấn khởi, cán bộ, đảng viên trưởng thành về mọi mặt, hậu phương được củng cố làm cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến.

Ở Sơn Tịnh, từ tháng 2 đến tháng 4-1954, giặc Pháp cho máy bay quần lượt liên tục dọc theo quốc lộ 1, oanh tạc các thị trấn, thị tứ, những nơi đông người. Từ tháng 4 đến tháng 6, máy bay quần lượt, quan sát các đồi núi ở khu tây Sơn Tịnh, dọc đường giao thông. Trong hai ngày 18 và 19-4, chúng cho máy bay hoạt động ban đêm: thả biệt kích và liên lạc với bọn phản động. Ngoài biển, thủy quân địch bao vây, phong tỏa không cho ngư dân đi đánh cá, bắn đại bác ở các cửa biển và sâu trong đất liền. Ngoài

ra, chúng còn rải truyền đơn xuyên tạc tin tức thắng lợi của quân ta.

Thi hành chỉ thị của Liên khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy Sơn Tịnh đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, chuẩn bị chống lại mọi âm mưu của địch, chỉ viện cho chiến trường.

Vành đai bố phòng ven biển được nhân dân góp nhiều công sức xây dựng: số công sự tăng gấp nhiều lần so với trước, nhất là hầm chông, với đủ loại chông tre, chông sắt, bẫy chông, chông chùm. Xã nào cũng có bãi chông, ổ tác chiến, hầm bí mật các loại, hầm cá nhân và giao thông hào để phòng tránh máy bay được bố trí khắp nơi, sẵn sàng đánh địch. Kế hoạch di chuyển kho tàng lên Tịnh Giang, Tịnh Hiệp, chuẩn bị cho chiến dịch Tây Nguyên được tiến hành chu đáo, chặt chẽ.

Các xã Tịnh Hòa, Tịnh Khê được xác định là trọng điểm, có vị trí chiến lược quan trọng. Kẻ địch thường xuyên đổ bộ, thả biệt kích xuống núi Hầm, núi Rằm nên Huyện ủy đã chỉ đạo các địa phương này làm tốt việc củng cố lực lượng dân quân du kích, phòng gian, bảo mật và tổ chức sơ tán, cứu thương. Công tác giáo dục chính trị được coi trọng, nhất là trong lực lượng vũ trang địa phương. Các tài liệu truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, "Kháng chiến trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh nhưng nhất định thắng lợi" được tổ chức học tập đã góp phần nâng cao nhận thức tư tưởng, khắc phục được các hành động tiêu cực, mất đoàn kết, giảm sút ý chí chiến đấu...

Vừa lo bảo vệ quê hương, vừa lo phục vụ tiền tuyến, nhân dân Sơn Tịnh tham gia dân công ngày một đông. Số

dân công được chia làm ba loại: dân công chủ lực, dân công thường và dân công dự bị. Ban chỉ huy dân công do một đồng chí trong cấp ủy phụ trách, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài ra, các đội thanh niên xung phong phục vụ hỏa tuyến cũng tích cực hoạt động. Để giúp đỡ gia đình những người đi phục vụ chiến trường, chính quyền các xã lập các tổ hỗ trợ sản xuất để động viên mọi người yên tâm công tác.

Thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", nhân dân Sơn Tịnh đã hoàn thành đợt thu thuế nông nghiệp và công thương nghiệp năm 1953, tích cực quyên góp thực phẩm, lương thực gửi ra chiến trường.

Phấn khởi trước những thắng lợi to lớn trong cả nước và ở chiến trường Liên khu V, đặc biệt là trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên, nhân dân Sơn Tịnh càng tích cực, đẩy mạnh hơn nữa công tác phục vụ chiến trường. Hàng ngàn lượt dân công với mọi phương tiện thô sơ như xe thô, xe ngựa, gánh nặng trên vai, không quản ngại đường xa, dốc đứng, ngày đêm vận chuyển đạn dược, lương thực thực phẩm, thuốc men ra các chiến trường như Măng Đen, Măng Bút, Kon Plong, Đắc Tô (Kon Tum), Plây Cu (Gia Lai) kịp thời, đảm bảo cho bộ đội ăn no, đánh thắng. Từng đoàn thuyền nối đuôi nhau ngược dòng Trà Khúc vận chuyển hàng đến nơi tập kết. Ở đâu có chiến đấu, ở đó có dân công tiếp vận. Không quản nắng mưa, gió rét, thiếu thốn, cực khổ, đoàn dân công vẫn theo sát các đơn vị bộ đội. Những lời ca, tiếng hát, những câu hò đối đáp trên đường ra mặt trận đã góp phần tích cực động viên tinh thần hăng hái của dân công, thêm dẻo dai đôi vai trên đường xa gánh nặng.

Nhiều dân công đã hy sinh anh dũng ngoài chiến trường như anh Huỳnh Nết ở Tịnh Bình đã hy sinh tại dốc Ui trong chiến dịch Măng Đen và được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua".

Phong trào thanh niên nhập ngũ tham gia các đội thanh niên xung phong, phục vụ hỏa tuyến rất sôi nổi, số người tham gia khám tuyển tăng gấp 6,7 lần so với năm trước. Đội thanh niên xung phong xã Tịnh Minh được tuyên dương trong toàn liên khu.

Động viên tinh thần chiến đấu, phục vụ của chiến sĩ và dân công ngoài chiến trường, ở hậu phương, các đoàn thể nhân dân đã tích cực thi đua, tham gia các hoạt động xã hội và tăng gia sản xuất, gia nhập lực lượng du kích. Hội Mẹ bình sĩ lo chăm sóc thương bệnh binh từ chiến trường chuyển về. Mọi người cùng quan tâm, giúp đỡ những gia đình có người đi mặt trận viết thư động viên con em ngoài tiền tuyến. Nhân dân hai huyện Sơn Tịnh và Tư Nghĩa đã giúp nhau 25.405 công, 1.143.550 đồng, 2.309 ang lúa, 286 ang gạo và một số quần áo, thuốc men khác.

Tích cực góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi, huyện Sơn Tịnh đã động viên địa chủ thực hiện giảm tô từ 50 đến 60% cho nông dân, có nơi như Tịnh Giang giảm đến 80%. Hầu hết các xã đều nộp nhanh, đủ thuế nông nghiệp, di dân công vượt mức quy định, thanh niên hăng hái tòng quân tham gia giết giặc. Các tổ đổi công phát triển mạnh, tình đoàn kết lương giáo được gắn bó hơn.

Công tác truy canh và chia cấp công điền được tiến hành tốt và chia theo nguyên tắc, ai thiếu nhiều chia

nhiều, ai thiếu ít chia ít, theo đơn vị thôn để thuận canh, thuận cửi.

Tin tức về thắng lợi của việc thi hành chính sách giảm tô và thuế nông nghiệp ở hậu phương truyền ra chiến trường, càng động tinh thần hăng say giết giặc, lập công của bộ đội ta.

Công tác củng cố Đảng được Đảng bộ chú ý, cán bộ xã được đi dự những lớp chính Đảng do Tỉnh ủy tổ chức. Việc chỉnh đốn chi bộ liên thôn được tiến hành. Các chi ủy thuộc khối chính quyền, lực lượng vũ trang và đoàn thể được củng cố. Những cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất và uy tín được phân công đảm nhiệm các chức vụ chủ chốt. Uy tín của Đảng được nâng cao, đảm bảo vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Ngày 3-2-1954, tỉnh Kon Tum được giải phóng, kế hoạch Át-lăng của địch bị thất bại, chúng càng ra sức đánh phá các vùng ven biển trong huyện nhưng đã bị quân dân ta đánh bại. Tháng 4 năm 1954, chiến dịch Bắc Tây Nguyên toàn thắng, góp phần đẩy nhanh sự thất bại của địch ở Điện Biên Phủ.

Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954 mở ra một bước ngoặt mới cho cánh mạng Việt Nam. Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Theo Hiệp định, huyện Sơn Tịnh nằm trong vùng thuộc quyền quản lý của quân đội Liên hiệp Pháp. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công đến khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết, nhân dân

Sơn Tịnh đã sống hơn 3.000 ngày dưới chế độ dân chủ cộng hòa, được thực sự làm chủ quê hương, xóm làng, đã ra sức giữ vững, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, làm thất bại mọi hành động tấn công, đổ bộ của địch vào vùng tự do, và không ngừng chi viện sức người, sức của ngày càng nhiều cho tiền tuyến.

Đảng bộ Sơn Tịnh đã biết phát huy và động viên sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong các phong trào hành động cách mạng, nên đã đạt được những thành tựu rực rỡ trên các lĩnh vực: sản xuất, văn hóa, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân, du kích, xây dựng làng thôn chiến đấu.

Phát huy truyền thống của một huyện sớm có các phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng, các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng trong quần chúng cả trước, trong và sau Cách mạng Tháng Tám được phát triển nhanh chóng, đều khắp và bền vững, nên số lượng đảng viên đông, có chất lượng. Đảng bộ không ngừng được củng cố, tập hợp, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân trong huyện nhiệt tình tham gia các phong trào thi đua ái quốc. Vai trò của các đoàn thể quần chúng được thể hiện và phát huy tác dụng tốt trên mọi lĩnh vực, trong mọi ngành, giới. Nổi bật là vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Mẹ bình sĩ trong công tác sản xuất, nuôi quân, động viên con em xung phong tòng quân nhập ngũ bổ sung cho các lực lượng vũ trang. Các quyền tự do, dân chủ, dân sinh của nhân dân bước đầu được phát huy, người nông dân đã có ruộng cày, đời sống được cải thiện.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Sơn Tịnh

luôn luôn là địa bàn đứng chân, nơi nuôi dưỡng, che giấu, bảo vệ và phục vụ mọi hoạt động của các cơ quan cấp trên như liên khu, tỉnh, huyện bạn và tỉnh Kon Tum, bảo vệ an toàn và chăm sóc chu đáo cho các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương về như đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Nguyễn Duy Trinh...

Sơn Tịnh còn là nơi giúp đỡ, bổ sung nhiều cán bộ chủ chốt cho phong trào cách mạng ở các tỉnh, các địa phương, kể cả các cơ quan, ban ngành ở Trung ương và đặc biệt là trong các lực lượng vũ trang.

Phấn khởi, tự hào, tin tưởng ở những thành tích đã đạt được, nhân dân Sơn Tịnh quyết tâm đi theo Đảng đến cùng. Dân tin Đảng, đoàn kết xung quanh Đảng, Đảng dựa vào dân, đấu tranh cho quyền lợi nhân dân, đó chính là nguồn gốc sức mạnh của nhân dân Sơn Tịnh, nguồn gốc của sự chiến thắng trong cuộc đấu tranh đầy gian khổ, gay go và ác liệt để chống lại kẻ thù xâm lược, gìn giữ nền độc lập dân tộc.

PHẦN THỨ BA

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SƠN TINH
TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ
(1954-1975)**

Page
100

100

100

Chương VII

ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIÒNEVƠ, CHỐNG “TỔ CỘNG, DIỆT CỘNG”, BẢO TỒN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1954-1959)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, thực dân Pháp phải rút quân về nước, công nhận độc lập chủ quyền của nhân dân Việt Nam. Song, đế quốc Mỹ nhảy vào nước ta thay quân Pháp. Ngày 16-6-1954, Mỹ ép Pháp và Bảo Đại buộc Thủ tướng bù nhìn Bửu Lộc, tay sai của Pháp từ chức và đưa Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ lên thay, lập nội các vào ngày 7-7-1954 do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng quốc phòng. Ngày 8-8-1954, Mỹ quyết định hất cẳng Pháp xâm lược nước ta.

Tình hình đất nước có nhiều chuyển biến lớn: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, Đảng ta cùng một lúc phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa và trở thành hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ để thống nhất Tổ quốc.

Theo các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ và quy định của Hội nghị Trung Giã, Quảng Ngãi thuộc khu vực do đối phương tạm thời quản lý. Các lực lượng vũ trang và cán bộ ta tập kết ra miền Bắc.

Thời gian tập kết và bàn giao chính quyền cho đối phương ở tỉnh Quảng Ngãi được tiến hành làm 3 đợt: đợt 80 ngày thuộc các huyện phía bắc sông Trà Khúc, đợt 100 ngày gồm các huyện từ nam sông Trà Khúc trở vào đến bắc sông Vệ, đợt 300 ngày gồm các huyện từ nam sông Vệ trở vào giáp Bình Định...

Huyện Sơn Tịnh thuộc khu vực tập kết 80 ngày. Một cục diện cách mạng mới hết sức phức tạp và vô cùng khó khăn được đặt ra đối với nhân dân Sơn Tịnh: từ chỗ là vùng tự do trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, có tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên đông đảo, có chính quyền có quân đội, nhân dân được hưởng nhiều quyền tự do dân chủ, nay trở thành vùng bị địch chiếm đóng, chính quyền phải giải tán, tất cả mọi hoạt động của Đảng, các đoàn thể quần chúng đi vào đấu tranh chính trị. Tình hình này đòi hỏi phải thay đổi cả về phương châm và phương pháp đấu tranh, phù hợp với thế và lực. Niềm vui, phấn khởi, tin tưởng xen lẫn những băn khoăn, lo âu trong mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân khi nghĩ tới những ngày đối phương đến tiếp quản: đời sống nhân dân sẽ ra sao dưới sự cai trị của kẻ thù và sau 2 năm có tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử và thống nhất đất nước được hay không.

Một thời kỳ mới đặt Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh đứng trước những thử thách cực kỳ to lớn.

Tiếp tục cuộc đấu tranh nhằm củng cố hòa bình, thực hiện độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã chỉ rõ: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, nó đã trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc ta đều phải nhằm chống đế quốc Mỹ". Trong *Lời kêu gọi sau khi Hội nghị Giơnevơ thành công*, ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi tin chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi"¹. Người lại chỉ rõ: "Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Để giành lấy thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất"².

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, đồng bào Sơn Tịnh vững tin bước vào cuộc đấu tranh mới đầy khó khăn, gian khổ, song nhất định sẽ thắng lợi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.322.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.322.

Sau liên hoan mừng thắng lợi được tổ chức khắp nơi trong huyện, ngày 2-9-1954, cùng nhân dân cả tỉnh, hàng vạn người dân Sơn Tịnh kéo về sân bay Quảng Ngãi dự cuộc mít tinh lớn mừng chiến thắng do Liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ tổ chức.

Ngày 10-8-1954, tại thôn Hà Trung (Tịnh Hà), một cuộc họp cán bộ lãnh đạo các huyện phía bắc tỉnh, gồm Bình Sơn, Sơn Tịnh, Sơn Hà và Trà Bồng được tổ chức, do đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Liên khu ủy, chủ trì. Các đồng chí Võ Xuân Hựu - Thường vụ Tỉnh ủy, Nguyễn Chót - Tỉnh ủy viên, cũng tham dự hội nghị. Nội dung hội nghị nhằm quán triệt nhiệm vụ trong tình hình mới, sắp xếp bộ máy làm việc của các cấp cho phù hợp, chuyển hướng công tác lãnh đạo của Đảng và hoạt động của các tổ chức quần chúng, bàn phương châm, phương pháp đấu tranh với địch. Hội nghị cũng nhấn mạnh việc chuẩn bị mọi mặt về tư tưởng, tổ chức để giữ gìn lực lượng, hoàn thành tốt việc chuyển quân tập kết. Tại hội nghị, đồng chí Trần Xuân Hải được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Tôn Diêm làm Phó Bí thư. Huyện ủy bố trí 25 đồng chí ở lại hoạt động.

Ngày 25-10-1954, trong hội nghị tại Nghĩa Phương (Tư Nghĩa), Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Khiển (Chót) phụ trách huyện Sơn Tịnh.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ngay từ đầu tháng 8-1954, Đảng bộ Sơn Tịnh chuyển vào hoạt động bí mật, tiếp tục lãnh đạo việc tổ chức tuyên truyền và giáo dục sâu rộng cho cán bộ,

đảng viên và quần chúng nhân dân về tình hình, nhiệm vụ mới, về phương châm đấu tranh dựa theo các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, làm cơ sở pháp lý đấu tranh với địch và giải quyết tư tưởng cho quần chúng. Một số đảng viên được phân công ở lại làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh, được bố trí trên các địa bàn xung yếu để lãnh đạo nhân dân kịp thời chống lại mọi hành động khủng bố của kẻ thù. Các cán bộ, đảng viên và các gia đình cách mạng đi tập kết được thực hiện đúng thời hạn. Ban chuyển hướng đấu tranh từ huyện đến cơ sở được thành lập. Ở Sơn Tịnh, đồng chí Trần Xuân Hải, Bí thư, làm Trưởng ban phụ trách khu tây. Đồng chí Tôn Diêm, Phó Bí thư làm Phó ban phụ trách khu đông, cùng 5 đồng chí uỷ viên: Phạm Hồ, Trần Hoán (Lệ), Nguyễn Du (Tốt), Nguyễn Huệ (Ba), Nguyễn Hiến (Bảo). Ban chuyển hướng các xã gồm từ 3 đến 5 đồng chí. Số đảng viên còn lại sống hợp pháp làm ăn để lãnh đạo nhân dân thi hành Hiệp định, duy trì và giữ vững phong trào. Các tổ chức quần chúng trong thời kỳ chống Pháp được giải thể và lập một số tổ chức biến tướng như: hội vân đổi công, hội tuần sương, hội bóng đá, hội an táng... Các tổ chức này đã tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia, vừa có tác dụng che giấu lực lượng, vừa tạo điều kiện hợp pháp cho nhân dân tham gia cách mạng. Các phương tiện vật chất như muối và một số đồ dùng, vũ khí cần thiết cho hoạt động bí mật được phân tán và đào hầm cất giấu¹. Đảng bộ khẩn

1. Theo chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Diên Niên (Tịnh Sơn) được chọn làm địa điểm chôn giấu vũ khí.

trương khôi phục sản xuất, nạo vét kênh. Sơn Tịnh, ổn định đời sống nhân dân, thanh toán xong các loại quỹ, trả lại cổ phần trong hợp tác xã cho xã viên. Đường sá, cầu cống được tu bổ, phục vụ việc chuyển quân tập kết và di lại của nhân dân. Các tài liệu sách báo, tranh ảnh của ta được cất giấu cẩn thận, đồng thời một số khu căn cứ, hầm bí mật kiên cố cũng được xây dựng để cán bộ bám sát dân và xây dựng hệ thống đường dây liên lạc hợp pháp, bất hợp pháp từ thôn lên xã, huyện. Công tác chuyển quân tập kết được thực hiện đúng kế hoạch. Đến ngày 10-10-1954, đối phương tiếp quản Sơn Tịnh.

Về phía địch, sau khi lập bộ máy chính quyền tay sai, Mỹ - Diệm tiến hành nhiều biện pháp nhằm phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hòng biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ, làm bàn đạp tấn công miền Bắc và ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng Đông Nam Á, xóa bỏ mọi ảnh hưởng của Đảng Cộng sản trong quần chúng nhân dân. Bộ máy chỉ đạo "tố cộng" được thành lập từ trung ương đến xã, ấp gồm những tên phản động, có nhiều hận thù giai cấp, những tên ác ôn tay sai có nợ máu với nhân dân.

Nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống đấu tranh anh dũng, lao động cần cù, sáng tạo, lòng yêu quê hương đất nước thiết tha, trong 9 năm kháng chiến chống Pháp đã xây dựng vùng đất tự do này thành một căn cứ hậu phương vững mạnh. Do đó, Mỹ - Diệm đặc biệt chú ý đánh phá phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi. Chúng chọn nơi đây làm thí điểm thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng",

xóa bỏ mọi thành quả mà cách mạng đã đem lại cho nhân dân ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cuối năm 1954, Mỹ - Diệm thành lập bộ máy kim kẹp ở cơ sở, như hội đồng hương chính xã, ban đại diện ấp, tổng đoàn, xã đoàn dân vệ, tổ chức ngũ gia liên bảo, lập mạng lưới công an, mật vụ, do thám, công dân vụ dày đặc để thu thập tình hình, lập danh sách cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ. Mặt khác, chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc Hiệp nghị Giơnevơ, nói xấu cách mạng, gây nghi ngờ, làm mất lòng tin, chia rẽ Đảng với quần chúng. Chiêu bài "Quốc gia độc lập" và những khẩu hiệu tự do dân chủ giả hiệu được nêu ra, hòng lừa bịp nhân dân. Chúng suy tôn Ngô Đình Diệm là "Ngô chí sĩ", thổi phồng sức mạnh vật chất của Mỹ.

Trong quá trình tiếp quản Sơn Tịnh, Mỹ - Diệm tiến hành các cuộc khủng bố trắng, đàn áp đẫm máu nhân dân. Các loại tay sai Pháp, chủ yếu trong giai cấp địa chủ phong kiến, bọn Quốc dân đảng, bọn phản động đội lốt Thiên Chúa giáo, Cao Đài góc đầu dậy. Chúng tiếp tay cho quan thầy mới lồng lộn đánh phá cách mạng, lùng bắt đảng viên, đàn áp nhân dân. Kể từ khi tiếp quản đến tháng 11-1954, Mỹ - ngụy đã tổ chức 14 vụ lùng sục khắp huyện, bắt 40 người, bắn chết và thủ tiêu bí mật 6 người, làm bị thương 5 người, làm 3 người mất tích. Điển hình là vụ Tịnh Thiện, diễn ra từ ngày 21-11 đến ngày 28-11-1954. Bọn hội đồng hương chính và công an xã Vạn Thiện (Tịnh Thiện) đã cưỡng bức lấy 3 triệu đồng và 5 gánh lúa

của Ban quản trị kênh Sơn Tịnh. Chúng bắt thư ký tài chính xã và đuổi người nhà đi nơi khác để chiếm làm trụ sở. Trong các ngày từ 22 đến 25-11, một số đồng bào bị bắt, bị đánh đập, bị cướp của; nhân dân đấu tranh chống lại quyết liệt. Ngày 26-11, chúng tăng cường 3 tên công an quận, mang theo 2 khẩu tiểu liên và súng trường để truy lùng đảng viên. Sáng 27-11, hơn một trăm lính kéo về xã bắt đồng chí Lê Ngọc (chi ủy viên, cán bộ được bố trí ở lại hoạt động). Lập tức, đồng bào và cán bộ hoạt động hợp pháp kịch liệt phản đối việc bắt người trái phép. Bọn địch không chịu giải quyết yêu cầu của nhân dân mà còn đánh đồng chí Nhân chết tại chỗ. Như lửa đổ thêm dầu, lòng phẫn uất, căm thù của nhân dân càng lên cao, số người kéo tới mỗi lúc một đông. Bọn ác ôn xả súng bắn vào đồng bào làm chết thêm vợ đồng chí Nhân, anh Nguyễn Lâm, Nguyễn Nhơn, chị Trương Thị Nhân. Trước sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, bọn chúng tháo chạy, quần chúng vác cuốc, xẻng đuổi theo, anh Trương Ngựa dùng cuốc đánh chết tên Tôn Long Khả, công an quận Sơn Tịnh. Tên Phạm Ngàn đi sau dùng súng bắn chết anh Trương Ngựa rồi tháo chạy, nhưng bị đồng bào bắt được và bị đánh chết ngay tại chỗ. Các tên Lê Cam, Đào Sâm, Nguyễn Thìn bị bắt giam. Dưới sự lãnh đạo của các cơ sở đảng, nhân dân các xã xung quanh như Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Châu... ngay đêm đó cầm gậy, đèn đuốc, đánh trống mõ liên hồi, kéo đến thôn Tập Mỹ (Tịnh Thiện) biểu thị sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh và cùng nhân dân sở tại lùng bắt

bọn phản động trong xã. Đồng bào đấu tranh tố cáo tội ác của địch và đòi chúng bồi thường cho những gia đình có người bị hại.

Sáng ngày 28-11, một đại đội nguy quân được điều đến giải vây cho đồng bọn bị giam giữ, bắt đi gần 60 đồng bào và cán bộ (trong đó có đồng chí Lê Cát). Một đại đội khác được chia làm nhiều nhóm, lùng sục khắp các thôn xóm, chặn các ngã đường. Đêm hôm ấy, chúng ra lệnh thiết quân luật toàn xã Tịnh Thiện. Đường thôn ngõ xóm vang tiếng giầy đinh đi lùng, chó sủa sủa khắp nơi. Không khí khủng bố bao trùm cả xã Tịnh Thiện. Kẻ địch muốn nhân vụ này uy hiếp nhân dân cả huyện và tỉnh.

Sau vụ khủng bố Tịnh Thiện và ảnh hưởng của vụ thăm sát Hà Lam-Chợ Được (Quảng Nam), một số cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang, dao động, mất phương hướng hoạt động. Trước tình hình đó, Ban chuyển hướng của huyện nhanh chóng đưa một số cán bộ, đảng viên đã bị lộ vào Quy Nhơn đi tập kết. Những đồng chí chưa bị lộ rút vào hoạt động bí mật.

Đầu năm 1955, Mỹ - ngụy mở chiến dịch "tố cộng" mang tên Phan Chu Trinh, nhằm đánh vào cộng sản và nhân dân. Chúng lấy việc đánh vào cộng sản làm mục tiêu quyết định. Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu trực tiếp chỉ đạo việc đánh phá phong trào cách mạng miền Nam một cách quy mô, hệ thống hơn. Bộ máy chỉ đạo "tố cộng" được tổ chức từ trung ương đến tận liên gia với thủ đoạn kết hợp giữa mua chuộc, phỉnh phờ với khủng bố đàn áp. Chúng chia nhân dân ra làm 3 loại: loại A là "công dân bất

hợp pháp" gồm cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ; loại B là "công dân nửa hợp pháp" gồm những gia đình có người tập kết, có liên quan đến những người kháng chiến cũ và loại C là "công dân hợp pháp" gồm những người còn lại. Phương châm của chúng là dựa vào C đánh A, làm cho B khiếp sợ và khuất phục.

Sau khi lập danh sách phân loại, chúng buộc những người kháng chiến cũ phải ra trình diện, nhận giấy chứng nhận "cán bộ chiêu hồi". Chúng bắt mỗi gia đình chụp chung một tấm hình, khai rõ họ tên, nghề nghiệp treo trước nhà. Với chủ trương "diệt cán, trừ cộng", "tiêu diệt cán bộ nằm vùng", "tiêu diệt cộng sản tận gốc", "thà giết nhầm hơn bỏ sót", "di dân diệt cán", chúng thẳng tay khủng bố, trả thù những người kháng chiến cũ, những gia đình có người thân đi tập kết và tất cả những người yêu nước. Khắp nơi trong huyện, xã nào cũng có nhà giam của Mỹ - Diệm để thanh lọc, phân loại cán bộ, đảng viên, quản thúc những người mà chúng cho là "cán bộ quan trọng". Chúng bắt những người này ban đêm phải đến ngủ ở cơ quan xã. Một tuần phải 3 lần tham gia học tập, kiểm điểm, sám hối, 5 ngày phải lên quận trình diện một lần, đi đâu phải xin phép. Chúng còn ép một số người nhận là có liên lạc hoặc đứng trong tổ chức cách mạng để đàn áp, khủng bố. Trắng trợn hơn, chúng còn chà đạp lên tình cảm đạo lý luân thường của nhân dân, bắt con phải giết cha, vợ phải bỏ chồng là cán bộ thoát lý hoạt động cách mạng, để lấy nguy. Chúng tịch thu ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã chia cho nhân dân và truy lùng số tiền, lúa cách

mạng gửi lại để cướp đoạt. Mọi quyền tự do dân chủ cơ bản bị xóa bỏ; nhân dân không được đi làm ăn xa, các cuộc hội họp từ 3 đến 5 người bị coi là không hợp pháp; những sinh hoạt bình thường trong cuộc sống bị kiểm soát ngặt nghèo... Bầu không khí nặng nề bao trùm khắp thôn xóm. Các vụ bắt bớ, đánh đập, tra tấn của địch diễn ra hàng ngày với nhiều hình thức dã man như đổ nước sôi, nước xà phòng vào miệng, quay điện, dùng búa sắt, báng súng đánh vào đầu, vào ngực cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Chúng lén lút thủ tiêu một số cán bộ được bố trí ở lại. Chúng mở các cuộc tố cộng, bắt đảng viên phải ly khai Đảng và thẩm sát hàng loạt đồng bào ở khu tây Sơn Tịnh. Chúng kết hợp việc hành hạ về thể xác với tiêu diệt tinh thần, tư tưởng, nhằm mục đích cuối cùng là làm cho người cộng sản và quần chúng hoặc bị tiêu diệt, hoặc chịu thuận phục "quốc gia". Chỉ tính từ tháng 12-1954 đến tháng 3-1955, Mỹ - Diệm đã bắt giam và tra tấn hơn 291 cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước. Mặc dù bị địch tra tấn hết sức dã man, tàn bạo, nhiều đồng chí, đồng bào đã nêu cao khí tiết kiên cường, dũng cảm, hiên ngang, không chịu khuất phục trước kẻ thù, kiên quyết bảo vệ cơ sở đảng, cơ sở cách mạng. Tấm gương hy sinh ngời sáng của các đồng chí Dương Phú, Đỗ Bồi... làm cho quần chúng nhân dân vô cùng mến phục, càng thêm tin yêu Đảng, tin yêu cách mạng.

Để chỉ đạo sát hợp với tình hình thực tế địa phương, tháng 1-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ở Lương Nông, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức đã rút kinh nghiệm các cuộc

đấu tranh của nhân dân ở Tĩnh Thiện, Bình Dương, uốn nắn những lệch lạc và bàn công tác trước mắt. Hội nghị quyết định xây dựng bốn căn cứ ở đồng bằng, trong đó có Diên Niên (Tĩnh Sơn) và đưa người vào hàng ngũ địch để nắm tình hình nội bộ, ngăn chặn bất hành động phát xít hóa của chúng.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, huyện Sơn Tịnh chủ trương cảnh giác cách mạng, hoạt động khôn khéo, bí mật, những nơi nào có điều kiện thì đưa cán bộ chưa bị lộ vào làm việc trong cơ quan của địch để xây dựng cơ sở nội tuyến. Ở Tĩnh Bình, Tĩnh Thọ và Tĩnh Trà, ta đã tranh thủ xây dựng được 2/3 số dân vệ làm nội ứng.

Vừa thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng", Mỹ-Diệm còn tìm cách xóa bỏ thành quả mà cách mạng đã đem lại, bắt cùng hóa nông dân bằng việc ban hành đạo dụ số 2, ngày 8-1-1955 và số 7, ngày 5-2-1955, về "cải cách điền địa", đạo dụ số 57 với khẩu hiệu "hữu sản hóa nông dân", "thẳng tiến cần lao, đồng tiến xã hội". Trên thực tế, đó là sự hợp pháp hóa việc tước đoạt ruộng đất của nông dân, bảo vệ và duy trì đặc quyền, đặc lợi của giai cấp địa chủ.

Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi giảm tô, thu lại ruộng đất công, đòi cấp ruộng đất cho bà con nông dân, không được cướp tài sản của người đi tập kết. Đồng thời, Huyện ủy quyết định xây dựng các căn cứ ở cụm Đá Ngựa, Hố Chình, Lùm Khế thuộc thôn Bình Nam, Bình Bắc (Tĩnh Bình), Khánh Mỹ (Tĩnh Trà), Thượng Thọ, Đồng Lớn (Tĩnh Thọ). Do đó, ở nhiều nơi, cơ sở đảng không

những chuẩn bị nhà mà còn xây dựng cơ quan cho huyện, tỉnh đứng chân để chỉ đạo phong trào cách mạng.

Tuy nhiên, một số cán bộ, đảng viên chưa thấy hết mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, tỏ ra lúng túng trong phương pháp đấu tranh. Lực lượng cán bộ của huyện đã thiếu, lại yếu, vì nhiều cán bộ chủ chốt đi tập kết, số ở lại bị bắt gần hết, nhiều cơ sở đảng, cơ sở cách mạng bị vỡ. Trước tình hình ấy, một số cán bộ, đảng viên tỏ ra bị quan dao động, có người nằm im không hoạt động, thậm chí có người đầu hàng địch.

Tranh thủ thời gian tập kết 300 ngày, Thường vụ Khu ủy V đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt các cấp nắm rõ tình hình, nhiệm vụ, phương châm và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới. Các đồng chí Tôn Diêm, Nguyễn Thăng Long của huyện cũng đi dự lớp này. Nhiệm vụ đặt ra cho cán bộ, đảng viên lúc này là: bám sát địa phương, cơ sở đẩy mạnh hoạt động, xây dựng lực lượng để gây niềm tin trong quần chúng; xác định những khó khăn, trở ngại có thể xảy ra để giữ vững tinh thần lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch. Cấp ủy đảng được củng cố và sắp xếp lại thay cho Ban chuyển hướng. Các chi bộ mới được thành lập. Mỗi chi bộ có từ 3 đến 5 đảng viên, được tổ chức theo địa bàn thôn. Tháng 10 - 1955, đồng chí Tôn Diêm được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh. Một số đồng chí chuẩn bị đi tập kết được bí mật bố trí về lại địa phương công tác, như đồng chí Lê Phạn, Trương Cao Ninh, Tôn Long Hoà (Huy Ánh), Nguyễn Du, Dương Phú, Đỗ Bồi...

Sau khi tiếp quản Quảng Ngãi, đến giữa năm 1955, Mỹ - Diệm tiến hành chiến dịch "tố cộng" mang tên Trịnh Minh Thế, với quy mô lớn, khốc liệt hơn. Xã Tịnh Bình được chúng gọi là "xã Liên Xô" và chọn làm trọng điểm "tố cộng" của Sơn Tịnh. Một số đảng viên sa ngã, mất phẩm chất, xu thời như Tôn Long Triết (tức Cửu) ở xã Tịnh Sơn, Nguyễn Công Minh ở Tịnh Đông, Đỗ Độ ở Tịnh Bình bị dịch sử dụng để tuyên truyền nói xấu cách mạng. Chúng tổ chức những cuộc mít tinh "lên án cộng sản", đưa một số cán bộ, đảng viên đầu thú ra bày trò xé ảnh lãnh tụ, ly khai Đảng, sám hối, phản đối Hiệp định Giơnevơ, chống hiệp thương tổng tuyển cử và phủ nhận thành quả của cách mạng trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Đồng thời, Mỹ - ngụy lập ra nhiều tổ chức để kiểm soát và lung lạc quần chúng, như "thanh niên cộng hòa", "phụ nữ liên đới". Chúng còn lập trụ sở công an ở Đồng Ké (một bộ phận của Ty Công an) để theo dõi tình hình ở vùng giáp ranh giữa trung châu và miền núi phía tây Sơn Tịnh, Sơn Hà. Tuy những thủ đoạn của chúng có đạt được một số kết quả, song chúng không thể nào dập tắt được phong trào cách mạng của nhân dân ta, Đảng luôn luôn ở bên cạnh dân, nhân dân tin tưởng ở Đảng, họ ví Đảng như "cỏ gấu mọc ngầm trong lòng đất" để có ngày sẽ vươn lên mạnh mẽ hơn.

Cũng trong năm 1955, Mỹ - Diệm tổ chức đoàn "tố cộng" gồm một số tù chính trị ở lao Quảng Ngãi, do Nguyễn Công Minh làm trưởng đoàn về thôn Tân Phước, Tịnh Đông. Chúng tập trung những người bị quản thúc

và những người bị tình nghi ở ba xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Minh tổ chức học tập "thuyết duy linh", buộc họ làm lễ ly khai Đảng. Kết quả, không một ai đứng ra làm lễ ly khai, trừ Nguyễn Công Minh. Bọn địch tức tối đã ra sức đánh đập, tra tấn dã man số người trên. Một số người đã hy sinh dưới bàn tay tàn bạo của kẻ thù, như các đồng chí Sung, Lê Ký, Thúc ở Tịnh Đông, đồng chí Lý ở Tịnh Giang.

Ngày 25-10-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại nóc Ông Tơ (Trà Bùi, Trà Bồng) rút kinh nghiệm đấu tranh và đề ra chủ trương: phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, củng cố các tổ chức cơ sở quần chúng bí mật, phục hồi các tổ chức biến tướng hợp pháp. Hội nghị còn quyết định đẩy mạnh công tác binh vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng.

Tết Nguyên đán năm 1956, Huyện ủy Sơn Tịnh tổ chức Hội nghị tại Bình Tây (Tịnh Thọ) kiểm điểm, đánh giá hoạt động của Đảng bộ từ năm 1954 và bàn nhiệm vụ trước mắt: củng cố nội bộ Đảng, bám sát phong trào quần chúng, giáo dục giữ vững và nâng cao khí tiết cách mạng cho cán bộ, đảng viên; đồng thời lãnh đạo nhân dân rải truyền đơn, dán áp phích chống trò hề bầu cử quốc hội của Mỹ - Diệm, đòi hiệp thương tổng tuyển cử.

Thi hành nghị quyết của Hội nghị Huyện ủy, các tổ chức đảng ở địa phương lãnh đạo nhân dân đấu tranh buộc địch phải bãi bỏ trại giam ở các thôn, xã, chống

khủng bố, trả thù những người kháng chiến cũ, cho nhân dân tự do đi lại làm ăn, tranh thủ lôi kéo, giác ngộ một số người làm tay sai cho địch. Ngày 4-3-1956, Mỹ - Diệm bày trò bầu cử quốc hội, nhằm xây dựng hệ thống chính quyền hoàn chỉnh đến tận liên gia, gạt những người bị tình nghi liên quan với cách mạng ra khỏi bộ máy cai trị. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các cơ sở đảng vận động nhân dân không đi bỏ phiếu, bãi chợ trong toàn huyện để tẩy chay cuộc bầu cử. Nếu có ai đi bỏ phiếu thì lợi dụng cơ hội thuận lợi bôi đen hoặc xé bỏ danh sách ứng cử viên, treo cờ Đảng, dán áp phích, rải truyền đơn chống bầu cử. Đảng ủy Tịnh Khê lãnh đạo nhân dân cầm cờ đỏ búa liềm trên bè chuối thả theo sông Cổ Lũy, ở đập Tư Cung và trên các cánh đồng. Kẻ địch tức tối ra sức truy lùng, bắt bớ, tra khảo những người bị tình nghi nhưng vẫn không tìm ra manh mối. Nhân dân Tịnh Bình biến các thùng phiếu thành nơi tiếp nhận hàng ngàn tờ truyền đơn của ta, vô hiệu hóa kết quả bỏ phiếu của địch.

Ngày 27-4-1956, tại Hội nghị ở Di Ngâu (Trà Bồng), Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra nghị quyết, phát động quần chúng đấu tranh công khai đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước vào giữa năm 1956.

Huyện ủy chỉ đạo nhân dân các địa phương kéo đến trụ sở ngục quyền chất vấn, kiến nghị, rải truyền đơn, dán áp phích đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bắt bớ, giam cầm dân thường. Nhân dân các xã Tịnh Thiện, Tịnh Khê, Tịnh Hòa đấu tranh chống nộp thuế. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của 280 nông dân Tịnh Hòa chống ngục quyền xã

cướp ruộng đất mà cách mạng chia cho họ trong 9 năm kháng chiến diễn ra mạnh mẽ. Ở Tịnh Trà, 81 người dùng cuốc, dao, rựa đấu tranh giành rừng Khánh Mỹ không cho chúng đồn phá. Các cuộc đấu tranh chống học tập "tổ cộng" của địch diễn ra ở hầu khắp các xã.

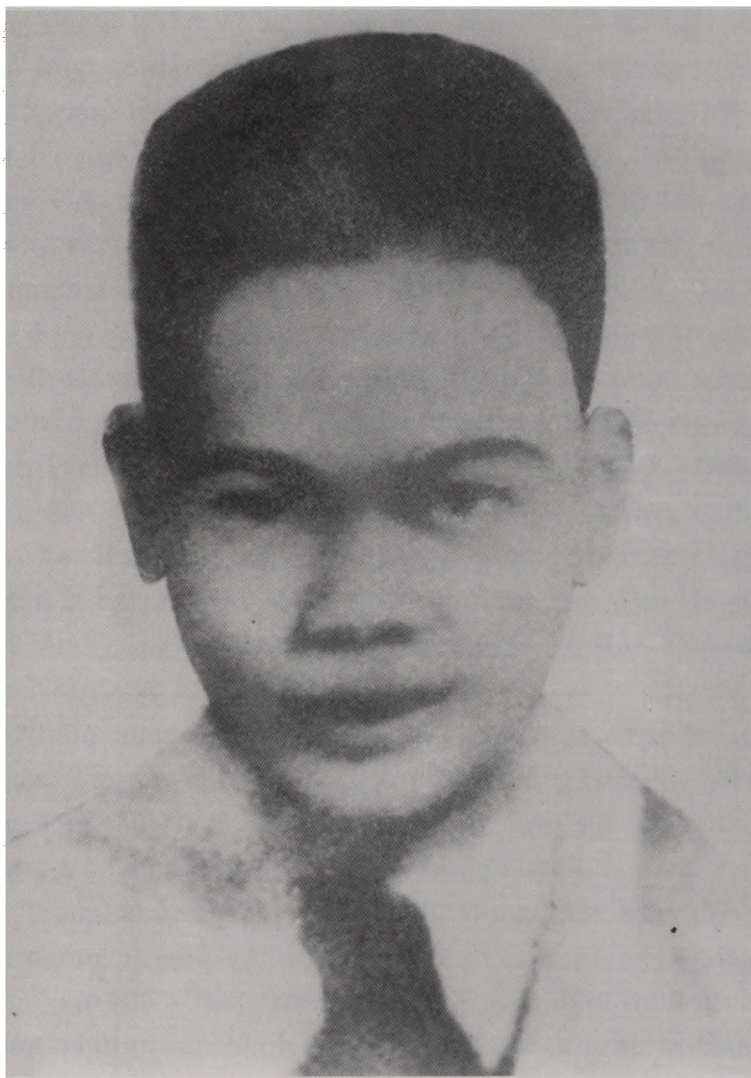
Từ cuối năm 1956, sau khi Hiệp định Giơnevơ không còn hiệu lực, Mỹ - Diệm càng ra sức tập trung đánh phá phong trào cách mạng. Chúng tiếp tục chính sách "tổ cộng" đợt 2, mở chiến dịch "đồng tâm diệt cộng" với các thủ đoạn nham hiểm hơn trước như "dùng dân trị dân", "dùng đảng trị đảng", hô hào "Bắc tiến". Chúng bắt mọi người phải viết trên nón lá, tường nhà những khẩu hiệu như "tổ cộng là an dân, dung cộng là phản quốc". Nhiều đảng phái phản động như "cần lao nhân vị", "Đại Việt", "Quốc dân đảng", các nhóm phản động đội lối đạo Thiên Chúa, Phật, Tin Lành ráo riết hoạt động. Nhiều thánh thất, chùa chiền trong huyện được xây dựng lại. Mỹ - Diệm dùng tiền để mê hoặc nhân dân, mặt khác xúi giục các giáo phái tranh giành ảnh hưởng, chia rẽ lương giáo nhằm làm suy yếu khối đoàn kết dân tộc. Chính quyền Mỹ - ngụy chú trọng nhiều đến xây dựng nguy quân để tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân. Các tổng đoàn dân vệ ở xã được thành lập, mỗi xã còn có 2 trung đội "thanh niên cộng hòa" với trên 60 tên, trang bị thô sơ và 1 trung đội nữ mang danh là "Lính Lệ Xuân" cũng được thành lập. Lực lượng có tính chất rộng rãi lấy tên là "bảo chính đoàn" trang bị dây, gậy, mõ, đuốc ban đêm thay phiên nhau canh gác. Xã nào cũng có công an, cảnh sát và mạng lưới

an ninh mật vụ. Các lực lượng nguy quân ngày đêm lùng sục khắp thôn, xóm theo dõi tình hình hoạt động của cách mạng, truy lùng cán bộ hoạt động bất hợp pháp, tìm kẹp quần chúng, hòng làm cho nhân dân ta xa rời Đảng¹.

Mọi thủ đoạn đánh phá khốc liệt của kẻ thù, làm cho hoạt động của Đảng bộ vô cùng khó khăn. Nhiều cơ sở bị vỡ, một số cán bộ, đảng viên lo ngại, ngừng hoạt động, ngừng liên hệ với cách mạng. Phong trào nhiều nơi lắng xuống, 80% cán bộ, đảng viên hoạt động bí mật bị bắt hoặc hy sinh. Nhiều chi bộ, đảng viên không bám được quần chúng. Chưa có thời kỳ nào kể từ sau năm 1954, phong trào cách mạng Sơn Tịnh gặp khó khăn như lúc này.

Trước tình hình ấy, Đảng bộ Sơn Tịnh xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của ta là giữ gìn lực lượng cách mạng, bảo vệ lực lượng lãnh đạo Đảng và lực lượng nòng cốt trong quần chúng, kiên quyết chống âm mưu "tố cộng", chống cường bức xé cờ, ly khai Đảng. Bằng các hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp, các cấp ủy lãnh đạo nhân dân vận động lính nguy không bắn giết đồng bào. Khẩu hiệu "Người Việt Nam không bắn người Việt Nam" được tuyên truyền sâu rộng. Huyện ủy tìm mọi cách đẩy mạnh việc đưa người vào bộ máy chính quyền địch để thực hiện "nội

1. Chúng kiểm tra từng tàn thuốc lá xem có người lạ hay không, kiểm soát chặt chẽ mọi việc mua sắm tiêu dùng của mỗi gia đình để ngăn ngừa việc tiếp tế cho cách mạng. Ban đêm nhân dân đi lại phải có đèn, nhà nào cũng có mõ tre, tù và, thanh la để báo động khi phát hiện có cán bộ ta.



Đồng chí TRẦN XUÂN HẢI (HÀ - liệt sĩ)

Trưởng ban chuyển hướng,

Bí thư Huyện uỷ năm 1954-1955

công ngoại kích" và coi trọng việc củng cố bộ máy cơ sở. Các tổ chức đảng ở địa phương dần dần được phục hồi, phát triển. Hoạt động của tổ chức đảng theo phương châm "ba ba nút nhánh"¹, "trọng chất, quý lượng". Hệ thống đảng viên đặc tuyển cũng được hình thành ở những nơi không còn chi bộ. Các hộp thư bí mật được quy định ở những địa điểm nhất định và liên lạc theo ám hiệu. Chú ý gây dựng cơ sở thanh niên, phụ nữ. Do đó, phong trào đấu tranh của nhân dân không những được khôi phục mà ở một số địa phương đã có những bước tiến như Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Bắc, Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Minh, Tịnh Sơn, Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Thiện. Nhưng chưa được bao lâu, các cơ sở lại bị vỡ; một số cán bộ chủ chốt của huyện bị bắt, như các đồng chí Trần Xuân Hải, Tôn Diêm, Nguyễn Thăng Long, Nguyễn Thượng Sĩ, Võ Hải, Trương Cao Ninh...

Nhằm mau chóng ổn định tổ chức cơ sở đảng trong huyện, Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Trần Động (tức đồng chí Bốn Văn, Vi) làm Bí thư Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng trong huyện.

Trong những năm 1954-1956, trọng tâm hoạt động của chúng là phá vỡ hoàn toàn cơ sở cách mạng ở miền Nam. Từ 1956-1957 trở đi, cùng với việc đánh phá cách mạng, chúng tiến hành ráo riết chính sách kinh tế thực dân kiểu mới: Ở nông thôn, chúng thu hết công điền, công

1. Từ chỉ bộ 3 người, mỗi người chịu trách nhiệm phát triển thêm 1 chỉ bộ 3 đồng chí nữa.

thổ đem đầu giá, cho phát canh thu tô hoặc chia cho bọn ác ôn, không giảm thuế cho nông dân mà còn lập thuế biểu điền thổ, đánh vào người nông dân ít ruộng và bắt nhân dân đi xây, đóng góp rất nặng cho ngân sách xã.

Mỹ - Diệm cố tình làm cho nhân dân nghèo đói để bắt lính, di dân vào các trại "dinh điền", "lập khu trù mật". Vì vậy, đời sống nhân dân càng thêm cơ cực. Nhân dân bị o ép, kiểm soát rất ngặt nghèo, khiến cho hoạt động của cán bộ, đảng viên càng thêm khó khăn. Nhiều cán bộ không thể sống trong nhà dân mà phải chuyển ra hầm bí mật ở ngoài núi.

Bên cạnh những cán bộ, đảng viên tin tưởng vào tiền đồ cách mạng giữ vững khí tiết, lại có một số người bi quan, mất ý chí cách mạng, đi đến đầu hàng địch. Tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh lúc này đòi hỏi Đảng phải có chủ trương sát đúng hơn. Tình hình thực tế ở địa phương đã chỉ rõ cho cán bộ, đảng viên thấy rằng, phương thức đấu tranh chính trị đơn thuần không hạn chế được sự tàn ác của địch, cũng không thể bảo vệ được cơ sở, duy trì được phong trào, mà vũ trang tự vệ lại sợ sai với chủ trương, đường lối của Đảng. Một số cán bộ, đảng viên có súng trong tay nhưng khi bị địch đuổi bắt vẫn không dám bắn trả lại. Kẻ thù ngày càng điên cuồng đàn áp phong trào cách mạng, cán bộ, đảng viên, quần chúng trung kiên tiếp tục bị giết hại, tổ chức cơ sở đảng và quần chúng tiếp tục bị tan vỡ, thế và lực trong quần chúng chưa được khôi phục lại. Vì vậy, hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân đều có nguyện vọng muốn được cấp trên cho thay đổi

phương thức đấu tranh để phù hợp với yêu cầu của phong trào cách mạng.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, đang công tác ở miền Nam đã soạn thảo bản *Đề cương cách mạng miền Nam*. Sau khi phân tích một cách khoa học tình hình chính trị, xã hội miền Nam và vận dụng những quy luật đấu tranh cách mạng vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng miền Nam, bản Đề cương nêu rõ: "Chế độ độc tài phát xít ở miền Nam chỉ là sản phẩm của sự cấu kết giữa Mỹ, kẻ đang lăm le gây ra một cuộc chiến tranh mới chống nhân dân ta với tập đoàn Ngô Đình Diệm, kẻ đang cố sống, cố chết phản kích lại các lực lượng cách mạng nhằm mục đích trả thù và áp bức bóc lột nhân dân"¹. Do đó: "Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền liên hiệp có tính chất dân tộc, dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ nhân dân"². Từ đó đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó không có con đường nào khác"³.

Tháng 12-1956, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đề nghị Liên

1,2,3. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.101, 103, 104.

khu ủy V cho khôi phục lại việc đấu tranh bằng bạo lực, khôi phục lực lượng vũ trang; đưa một bộ phận cán bộ ra hoạt động hợp pháp, giữ lại một số Tỉnh ủy viên hoạt động bí mật để giữ con đường đấu tranh bất hợp pháp của Đảng. Liên khu ủy V tán thành ý kiến tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp, còn vấn đề bạo lực cần phải cử người lên khu bàn thêm.

Sau khi nhận được *Đề cương cách mạng miền Nam* từ Nam Bộ gửi ra, Tỉnh ủy Quảng Ngãi xác định nhiệm vụ: ra sức xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang khởi nghĩa, chuẩn bị tiến hành vũ trang khởi nghĩa. Năm 1958, Liên khu ủy V chủ trương xây dựng căn cứ địa, tích cực khôi phục và phát triển cơ sở, tiến tới diệt ác có trọng điểm ở đồng bằng.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy V, tháng 2-1958, tại căn cứ Di Ngâu (Trà Bồng), Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị và đề ra nhiệm vụ cho từng vùng. Tỉnh ủy chỉ rõ: ở đồng bằng ra sức xây dựng các tổ chức quần chúng; khôi phục và xây dựng căn cứ lỏm và hành lang từ đồng bằng lên căn cứ miền núi... tổ chức các tổ công tác diệt ác, điều động cán bộ vào các vùng sâu, vùng địch còn kẹp chặt để vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh chống địch thông qua các đội vũ trang công tác diệt ác; cùng với việc xây dựng cơ sở quần chúng, cơ sở đảng, các địa phương cần tổ chức các đội vũ trang diệt ác có trọng điểm.

Bước sang năm 1957, thực hiện chủ trương của cấp

trên, Huyện ủy Sơn Tịnh đã đẩy mạnh công tác dân vận, tổ chức đưa một số cán bộ hoạt động hợp pháp đã lộ đi nơi khác, đồng thời đưa một số đồng chí ra hoạt động hợp pháp để bám sát dân và cơ sở. Để giữ vững, củng cố và phát triển phong trào, công tác tuyên truyền chống quân dịch được tiến hành song song với cuộc đấu tranh chống các loại thuế. Các trạm đón tiếp thanh niên trốn quân dịch được tổ chức ở một số nơi như ở Trường Định (Tịnh Khê) và giáo dục thanh niên tiến bộ để giao nhiệm vụ trước khi đi lính.

Trong chiến dịch tổ cộng đợt 2, vào đầu năm 1957, kẻ thù liên tiếp mở các cuộc khủng bố, xăm hăm bí mật để truy tìm cán bộ ta. Ngày 9-2-1957, khi xăm vườn nhà ông Nguyễn Chấn ở Phước Lộc - Tịnh Sơn, chúng đã phát hiện ra nơi ở của đồng chí Trần Xuân Hải - nguyên Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh. Với tinh thần mưu trí và dũng cảm, đồng chí Trần Xuân Hải đã rút chốt lựu đạn, bật nắp hầm nhảy lên, ném lựu đạn làm chết 4 tên lính và anh dũng hy sinh. Cũng thời gian này, kẻ địch đã bắt đồng chí Nguyễn Cát - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mộ Đức (nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Sơn Tịnh) và giải đồng chí Nguyễn Cát về giam tại nhà lao Quảng Ngãi. Trải qua bao cực hình tra tấn vô cùng dã man, tàn bạo của kẻ thù, dù bị chết đi sống lại nhiều lần, nhưng đồng chí vẫn một mực không khai và tuyệt thực để đấu tranh. Không khai thác được gì ở đồng chí, quân địch bạo tàn đã bỏ mặc đồng chí không cho ăn uống trong nhiều tuần liền và đồng chí đã hy

sinh vào ngày 20-8-1957 (nhằm ngày 15-7 năm Bính Thân) tại nhà lao Quảng Ngãi¹.

Những tháng sau đó, một số cán bộ, đảng viên tiếp tục rơi vào tay kẻ thù như đồng chí Trương Cao Ninh - Huyện ủy viên... Tuy vậy, những đảng viên kiên trung còn lại vẫn kiên trì bám địa bàn, tích cực hoạt động để giữ vững và chỉ đạo phong trào cách mạng.

Ngày 20-5-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ở Trà Bui (Trà Bồng) để nghe truyền đạt ý kiến của Liên khu ủy và bàn kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang, bổ sung kế hoạch củng cố căn cứ địa. Ban quân sự tỉnh được thành lập.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng khu vực Đồng Ké, Tịnh Giang (Sơn Tịnh) - nơi có cơ sở đảng vững mạnh, là bàn đạp nối liền giữa đồng bằng, thị xã và miền núi - làm nơi mở cửa khẩu để vận chuyển

1. Giờ đây mỗi khi nhắc tới đồng chí Nguyễn Cát, các đồng chí đã từng chứng kiến những đòn tra tấn dã man của kẻ thù và sự hy sinh oanh liệt của đồng chí Nguyễn Cát lại nghĩ ngay tới một người cộng sản kiên cường, anh dũng, một người anh hùng, một cán bộ hết lòng vì Đảng, vì dân, nhớ đến những lời dạy bảo ân cần, chí tình, chí nghĩa của ông đối với đồng chí, đồng đội. Đó là hình ảnh về một ông già quốc thước với đôi mắt trong sáng và chòm râu dài như cước, giống như ông tiên trong truyện cổ tích, nhưng lại đối đáp rất đanh thép với kẻ thù, trong tư thế của một người chiến thắng, làm cho chúng nhiều phen khiếp vía, kinh hồn và chúng đã trả thù đồng chí một cách hết sức dã hèn.

lương thực, thực phẩm, vũ khí, thuốc men, vải, giấy, mực... cung cấp cho vùng căn cứ của tỉnh, khu.

Dưới ánh sáng các chủ trương của Đảng và nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy, phong trào đấu tranh của nhân dân trong huyện ngày càng phát triển. Tháng 2-1958, nhân dân hai xã Tịnh Bình và Tịnh Thiện đã nổi dậy đấu tranh chống lệnh dỡ nhà, bắt dân đi dinh điền của bọn Mỹ - Diệm. Nhân dân Tịnh Khê phản đối việc dời chợ Cây Quảng. Thắng lợi bước đầu của các cuộc đấu tranh đã khích lệ tinh thần nhân dân trong huyện, gây tiếng vang trong cả tỉnh khiến Quận trưởng Phan Đình bị cách chức. Cơ sở cách mạng được mở rộng, nhiều thôn xóm trở thành nơi che giấu và nuôi dưỡng cán bộ lãnh đạo như Phước Thọ, Đông Hòa (Tịnh Giang), Tân An (Tịnh Đông), Minh Long, Minh Thành (Tịnh Minh), Vĩnh Lộc, Hòa Vinh (Tịnh Bình), Khánh Mỹ (Tịnh Trà), Phước Bình, Diên Niên (Tịnh Sơn), Trà Bình, Thượng Thọ, An Bình, Trường Thọ (Tịnh Thọ) và một số thôn ở các xã khác. Thời gian này, huyện Sơn Tịnh chỉ còn một số chi bộ ở Vĩnh Lộc (Tịnh Bình), Khánh Mỹ (Tịnh Trà), Trung Sơn (Tịnh Hòa), Trường Thọ (Tịnh Thọ)... còn ở các địa phương khác, các đảng viên được tổ chức hoạt động theo hướng đơn tuyến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và căn cứ vào tình hình thực tiễn của phong trào cách mạng địa phương, Huyện ủy Sơn Tịnh chủ trương: cần phải diệt trừ những tên ác ôn đầu sỏ, hung ác nhất, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, gây niềm phấn khởi, lòng

tin của quần chúng đối với cách mạng, đồng thời quyết định xây dựng căn cứ giáp ranh Vĩnh Tuy nối liền đồng bằng và miền núi.

Tháng 8-1958, 3 đồng chí đội công tác của huyện phối hợp với cơ sở xã Tĩnh Bình và Tĩnh Hà phục kích giết tên ác ôn Võ Hoàng (xã Cẩm) - Bí thư Đảng Cần lao Nhân vị, Quận trưởng Ba Tơ, ngay tại nhà y và dán bản cáo trạng. Đây là vụ diệt ác trừ gian điển hình của huyện Sơn Tịnh cũng như tỉnh Quảng Ngãi làm cho bọn ngụy quyền, ác ôn hoang mang, lo sợ. Chiến công ấy đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần và thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng lên một bước. Vụ diệt ác tiêu biểu sau những năm đấu tranh chính trị đơn thuần đã mở ra phương hướng hoạt động mới, tạo thế và lực mới cho phong trào cách mạng trong huyện. Từ đó, các cơ sở tổ chức đảng trong huyện được phục hồi và đã xây dựng lại trên 10 chi bộ cơ sở đảng. Đoàn Thanh niên Lao động và lực lượng tự vệ phát triển ở các thôn xã.

Tháng 11-1958, ta đã trừng trị tên Mục ở Tĩnh Giang, nguyên là cơ sở cách mạng, nhưng bị địch mua chuộc làm tay sai và chỉ điểm giết đồng chí Nguyễn Chót (Tĩnh ủy viên) và đồng chí Lê Quang Nho, Bí thư xã Tĩnh Giang. Cuối tháng 11 - 1958, tên Thành là công an mật vụ chuyên truy lùng cơ sở cách mạng ở Tĩnh Thọ phải đền tội. Cũng thời gian này, lần đầu tiên đội công tác huyện đã treo cờ đỏ sao vàng trên cầu Sông Giang, có tác động lớn đến tư tưởng quần chúng nhân dân.

Các đợt diệt ác, trừ gian diễn ra liên tục đã tạo được

tình thế mới cho phong trào cách mạng của huyện nhà. Thanh niên các xã thoát ly hoạt động cách mạng ngày một nhiều.

Bước vào năm 1959, huyện Sơn Tịnh cũng như cả miền Nam lại đứng trước những thử thách mới. Luật 10/59 của chính quyền Ngô Đình Diệm ra đời, chúng lập tòa án quân sự ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột, Huế để xử tội "Việt cộng phá hoại và khủng bố". Thi hành khẩu hiệu "thà giết lầm một trăm người còn hơn bỏ sót một người", kẻ thù đã gây vô vàn khó khăn và tổn thất cho cách mạng, tính mạng của nhân dân. Tại Quảng Ngãi, chúng tiếp tục tăng cường các hình thức kìm kẹp, khống chế nhân dân, thực hiện "tố cộng".

Tuy nhiên, trước những hành động đàn áp, khủng bố của địch, nhiều gia đình vẫn nuôi giấu cán bộ hoạt động. Mẹ Mót ở Tịnh Thọ là một trong những tấm gương tiêu biểu về sự hy sinh anh dũng, một lòng, một dạ bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Khi địch phát hiện mẹ nuôi giấu đồng chí Tạ Công Phương - Huyện uỷ viên, chúng bắt mẹ đánh đập rất tàn nhẫn, nhưng mẹ vẫn không hề khai báo. Bất lực trước tinh thần hiên ngang, dũng cảm của mẹ, bọn địch đã bắn chết mẹ tại dốc Đồng Rằm (Tịnh Thọ). Còn đồng chí Tạ Công Phương, khi bị địch bắt, chúng đã phát hiện ra danh sách những tên tay sai ác ôn ở địa phương do đồng chí ghi lại và đồng chí nói rằng đó là những người hoạt động trong các tổ chức cách mạng bí mật nhằm kích động gây mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù. Kết quả, sau đó hầu hết những tên ác ôn trong

danh sách ấy đều bị chúng bắt giam.

Giữa lúc phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn, lúng túng, thì vào đầu năm 1959, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, đã khẳng định "con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân", "con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân". Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đã mở ra bước ngoặt lớn trong việc vạch rõ phương hướng, phương châm và bước đi của cách mạng miền Nam, mang lại niềm tin tưởng và cổ vũ khí thế đấu tranh cách mạng của quần chúng. Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh lên một bước phát triển mới và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên vào ngày 3-3-1959 tại huyện Trà Bồng. Đơn vị lấy phiên hiệu 339, gồm 27 thanh niên người Cor và 6 thanh niên người Kinh. Tháng 6-1959, Hội nghị Tỉnh ủy họp tại Trà Bồng để kiểm điểm tình hình, triển khai học tập bàn kế hoạch thực hiện Nghị quyết 15 và đề ra công tác cho từng vùng, chống phá trò hề bầu cử tổng thống của Ngô Đình Diệm.

Ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra và nhanh chóng lan khắp miền Tây Quảng Ngãi, giành được thắng lợi to lớn. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên của đồng bào các dân tộc ở vùng căn cứ

miền núi Nam Trung Bộ và cũng là một minh chứng cho sự đúng đắn của Nghị quyết 15.

Thắng lợi bước đầu trong việc thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng và phát triển các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng nhiều nơi trong huyện. Số thanh niên thoát ly bổ sung cho đội công tác và lực lượng vũ trang ngày càng đông. Sự phát triển của lực lượng vũ trang làm cho bọn tề nguỵ thêm hoang mang, dao động. Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân trong huyện từng bước đi lên giành thế chủ động, cơ sở cách mạng phát triển mạnh ở các thôn xóm An Bình, Thượng Thọ (Tĩnh Thọ), Đông Hòa, Phước Hòa, An Kim (Tĩnh Giang) và một số thôn xóm của xã Tĩnh Bình, Tĩnh Minh.

Từ năm 1954 đến 1959 là giai đoạn giữ gìn cơ sở cách mạng, tập hợp lực lượng đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống lại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù. Ngay từ khi tiếp quản, Mỹ - Diệm đã lấy Sơn Tịnh làm nơi thí điểm, ráo riết thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng" bằng các thủ đoạn rất dã man, tàn ác. Nhà tù, trại giam mọc lên khắp các thôn xã. Mọi quyền tự do dân chủ đều bị bóp nghẹt, đời sống nhân dân vô cùng cơ cực.

Mặc dù bị địch đánh phá ác liệt, các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng bị tổn thất nhiều, nhưng với tinh thần cách mạng kiên cường, lòng tin vào Đảng, vào Bác của cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước vẫn được giữ vững, ảnh hưởng và uy tín của Đảng vẫn không hề giảm sút. Đảng bộ Sơn Tịnh đã tổ chức tốt công tác chuyển hướng hoạt

động ngay từ thời gian đầu, xây dựng cơ sở nội tuyến, đảng viên đơn tuyến tự giác hoạt động và giữ vững niềm tin vào thắng lợi. Mặc cho kẻ thù ra sức truy lùng, bắt bớ, bắn giết, phần lớn cán bộ, đảng viên được phân công ở lại được nhân dân hết lòng thương yêu, đùm bọc, che chở và nuôi dưỡng, dầu có lúc phải nằm hầm bí mật trên núi, vẫn ngày đêm len lỏi, bám sát quần chúng để bắt mối, tuyên truyền giáo dục, xây dựng cơ sở và lãnh đạo nhân dân đấu tranh làm thất bại các âm mưu "tố cộng", "diệt cộng", "ly khai"... của kẻ thù. Tinh thần đấu tranh bất khuất, hiện ngang ấy của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đã được thể hiện khá rõ ngay từ buổi đầu đấu tranh như vụ Tịnh Thiện tháng 11-1954. Gương hy sinh tiêu biểu của các đồng chí Trần Xuân Hải, Võ Hải, Tạ Công Phương, Lê Quang Nho, Nguyễn Chót, Nguyễn Cát, Trương Cao Ninh, Hà Quang Minh, Phạm Quá, Tôn Long Gương, Lê Mai, mẹ Nhân, mẹ Mót... vẫn luôn sáng ngời trong cuộc đấu tranh đầy gay go, gian khổ và phức tạp này.

Đó chính là những nhân tố cơ bản làm cho các tổ chức đảng, lực lượng cách mạng trong huyện được bảo tồn, giữ vững và phát triển liên tục, tạo tiền đề cho phong trào đồng khởi ở giai đoạn sau.

Tuy nhiên, trong bước ngoặt của lịch sử, do ta chưa có kinh nghiệm đối phó với những âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù mới, nên việc chuẩn bị tinh thần chiến đấu còn một chiều, đơn giản, chưa mạnh dạn chuyển sang hình thức đấu tranh mới khi kẻ thù điên cuồng đánh phá, gây nhiều tổn thất cho cách mạng. Từ khi Nghị quyết 15 của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng ra đời, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi và qua thực tiễn đấu tranh, Đảng bộ Sơn Tịnh đã rút ra những kinh nghiệm quý báu, khắc phục kịp thời những sai sót trong chỉ đạo để đẩy mạnh phong trào diệt ác, phá tề, đưa phong trào cách mạng đi lên.

**THAM GIA ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC
“CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT”
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ
(1960 – 1965)**

Từ năm 1960, phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam ngày càng lên cao. Cách mạng chuyển từ thế bảo tồn và giữ gìn lực lượng sang thế tiến công rộng khắp và liên tục. Chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” trong cuộc chiến tranh một phía với chính sách “viện trợ” và “cố vấn” để xây dựng chế độ thực dân mới ở miền Nam của Mỹ - Diệm bước đầu bị thất bại, làm cho bộ máy nguy quyền thôn xã bắt đầu rệu rã, mâu thuẫn nội bộ địch ngày càng tăng. Đế quốc Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh mới là “Chiến tranh đặc biệt”. Chúng vạch ra kế hoạch Xtalây Taylo, với ba nội dung chủ yếu:

- Ra sức tăng cường quân nguy và phương tiện chiến tranh dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ.
- Ráo riết bình định, gom dân, lấp ấp chiến lược.
- Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Chúng coi “bình định” và “lấp ấp chiến lược” là nội

dụng cơ bản nhất và là xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Tại Sơn Tịnh, Mỹ - Diệm ra sức tăng cường lực lượng quân sự, tiến hành rào vè, xây dựng nhiều đồn bốt nhằm chia cắt đồng bằng với miền núi và thị trấn. Hoạt động của cán bộ ta gặp nhiều khó khăn. Ở cơ sở, chúng tiếp tục củng cố bộ máy cai trị, tổ chức liên gia tộc trưởng. Ngô Đình Diệm tuyên bố “trên có Tổng thống, dưới có Liên gia trưởng”. Bọn ấp trưởng có quyền bắn giết bất cứ người nào trong ấp mà chúng tình nghi là Việt cộng. Hàng ngày chúng bắt những gia đình có liên quan với cách mạng phải đến cơ quan trình diện, ban đêm phải ngủ ở điểm canh. Cùng với việc hoàn chỉnh chính quyền, Mỹ-ngụy củng cố lại đồn Gò Cao (Tịnh Đông) còn gọi là đồn Ba Gia được Pháp xây dựng từ năm 1927, do trung đoàn 51, sư đoàn 25 ngụy đóng giữ. Các chốt của bọn dân vệ cũng mọc lên khắp huyện. Các trụ sở của hội đồng hương chính xã có hầm ngầm, lô cốt bảo vệ. Chúng đưa những tên tay sai gian ác khét tiếng làm chỉ huy các trung đội dân vệ, như Diếu, Đạo, Lầu, v.v.. Cũng năm này, chúng bắt nhân dân trong huyện phải phát quang rừng Cà Ty trong vòng 7 ngày, hòng làm cho cán bộ ta không có nơi trú ẩn. Chúng đã bắn chết 16 người tham gia đấu tranh chống đốt phá rừng.

Tất cả những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chẳng những không dè bẹp được phong trào đấu tranh của quần chúng mà còn nâng cao thêm ý chí quyết tâm vùng lên đánh đổ ách thống trị của Mỹ-ngụy.

Cuối tháng 2-1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I trong kháng chiến chống Mỹ được tiến hành tại Di Ngâu (Trà Trung, Trà Bồng) dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V. Đại hội đã đánh giá ý nghĩa thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới của Đảng bộ mà trọng tâm là phát triển lực lượng vũ trang, diệt ác, phá kìm, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền làm chủ và xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ trung tâm là tích cực xây dựng cơ sở đảng, Đoàn Thanh niên Lao động, đoàn thể quần chúng, vận động thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang, phát động phong trào nổi dậy diệt ác, phá kìm, phá vây, giành quyền làm chủ nông thôn. Các đội công tác diệt nhiều tên ác ôn đầu sỏ, như Phan Văn Chương - cảnh sát xã Tịnh Sơn.

Cũng trong năm 1960, nhân dân Sơn Tịnh phấn khởi chào đón những đồng chí tập kết từ miền Bắc trở về trực tiếp tham gia chiến đấu giải phóng quê hương, làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang của huyện¹.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và hưởng ứng phong trào đồng khởi của nhân dân toàn miền,

1. Các đồng chí Nguyễn Đạt (Tịnh Kỳ), Sơn (Tịnh Hà), Cao Kết (Tịnh Ấn), Nguyễn Niên (Hạ) (Tịnh Thọ) và đồng chí Thảo (Tịnh Long).



Đồng chí PHẠM PHÚ LÂN (LOAN)

Bí thư Huyện uỷ 1960-1961



Đồng chí NGUYỄN HIẾN (BẢO)
Quyền Bí thư Huyện uỷ năm 1961



Đồng chí NGUYỄN THỤY (VIỆT)
Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn 1961-1962



đầu tháng 10-1960, tại thôn Lâm Đồng, xã Trà Tân, huyện Trà Bồng. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Sơn Tịnh được thành lập gồm 15 đồng chí với 15 cây súng do đồng chí Nguyễn Thảo (Tịnh Long) làm Đội trưởng. Ngay sau khi thành lập, Đội vũ trang tuyên truyền huyện đã phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh chặn đánh quân tiếp viện từ phía nam lên Trà Bồng, góp phần đẩy lùi các đợt giải vây của địch hòng chiếm lại quận lỵ Trà Bồng.

Về tổ chức, Đảng bộ đã xây dựng và phát triển được 14 chi bộ thôn. Mối liên lạc giữa Đảng bộ với nhân dân ngày càng được mở rộng và thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng trong huyện.

Mỹ-Diệm lại tiến hành khủng bố gắt gao, mạng lưới gián điệp, mật báo được tung ra khắp nơi để khống chế, theo dõi mọi hoạt động của ta. Đến cuối năm 1960, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ, một số cán bộ, đảng viên và một số đồng chí Huyện ủy viên hy sinh như đồng chí Nguyễn Du, Phạm Văn, Dương Phú, Nguyễn Huệ (Phó Bí thư Huyện ủy)..., một số bị bắt đi tù đầy, chỉ còn một số ít đồng chí hoạt động. Phong trào cách mạng ở huyện gặp nhiều khó khăn.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960) về nhiệm vụ và phương hướng của cách mạng miền Nam và căn cứ vào sự phát triển của phong trào cách mạng, ngày 13-1-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu

tranh chính trị, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta. Đồng thời ra sức xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích ở xã, ấp".

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Khu ủy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức hội nghị vạch ra kế hoạch về việc tiếp tục đẩy mạnh, củng cố, xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng, giành lại nông thôn đồng bằng, tiêu diệt sinh lực địch và thực hiện phương châm đấu tranh do Khu uỷ đề ra cho từng vùng. Ở Sơn Tịnh, sau khi đồng chí Trần Động được điều lên tỉnh công tác, đồng chí Phạm Phú Lân (Loan) được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy kiêm Chỉ huy trưởng Huyện đội Sơn Tịnh. Huyện ủy Sơn Tịnh đề ra nhiệm vụ: quyết tâm diệt ác, phá kìm, trấn áp bọn tay sai, giải phóng một số thôn xã, tạo địa bàn làm chủ ở một số vùng đồng bằng, làm cơ sở cho việc giải phóng tiếp theo. Đội công tác ở nhiều xã hoạt động có kết quả. Ở Tịnh Thọ, cảnh sát xã Nguyễn Trung Ấn cùng đồng bọn là Hồ Hương, Đinh Đài bị diệt, cơ quan xã, khu nhà tập trung ở thôn Thượng Thọ bị đốt phá. Đội công tác xã Tịnh Minh diệt 3 tên dân vệ, 1 tên mật báo là Nguyễn Mực và bắn bị thương tên Huệ là đại diện xã. Lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện và đội công tác xã Tịnh Hiệp tấn công cơ quan hành chính xã diệt một số nguy quyền, dân vệ, phá banh hàng trăm mét rào vây, làm chủ xã, thôn.

Tháng 3-1961, đội công tác các xã và Đội vũ trang tuyên truyền huyện tấn công Tổng đoàn dân vệ xã Tịnh Bình, diệt một số ác ôn và dân vệ, buộc bọn còn lại rút

chạy đi nơi khác. Ta giành quyền làm chủ và tiến đánh "mật khu" chợ Đình, giải phóng đồng bào. Trong trận chiến đấu này, đồng chí Lê Phan, Phó Bí thư Huyện ủy bị thương nặng rồi hy sinh.

Để đẩy mạnh phong trào chiến tranh nhân dân, tháng 5-1961, Huyện đội Sơn Tịnh được thành lập do đồng chí Cách làm Huyện đội trưởng, tiếp đó Tỉnh đội Quảng Ngãi điều động một tiểu đội do đồng chí Hạ Sơn làm Tiểu đội trưởng về Sơn Tịnh làm nòng cốt xây dựng trung đội vũ trang huyện, còn gọi là Tổng 20 do đồng chí Hùng làm Trung đội trưởng.

Năm 1961, phong trào nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kìm phát triển khá mạnh. Một số vùng giáp ranh được giải phóng. Quân địch phải co về thế thủ, ban đêm chỉ trú ở thị trấn, thị xã, hoặc nơi gần đồn. Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức vào ban đêm cổ vũ khí thế đấu tranh của quần chúng. Các đoàn thể được tổ chức lại. Thanh niên sôi nổi nhập ngũ và là nguồn bổ sung ngày càng nhiều cho các lực lượng vũ trang. Sơn Tịnh đã xây dựng được 2 trung đội vũ trang tập trung. Nhiều xã có một đội vũ trang công tác làm nòng cốt cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Tháng 6-1961, tại Gò Đá (Tịnh Thiện) diễn ra cuộc chiến đấu không cân sức giữa hai đồng chí Trương Phúc (cán bộ huyện) và Phạm Thế (đội viên đội công tác xã Tịnh Thiện) với 3 trung đội dân vệ. Sau khi tiêu diệt nhiều tên địch, quyết không để rơi vào tay giặc, hai đồng chí đã tự sát và hy sinh anh dũng. Nghe im tiếng súng, tướng quân ta chờ đánh giáp la cà, bọn địch vẫn không dám tiến sâu

hơn. Chúng bắt nhân dân trong "mật khu" và khu đồn phải ứng trực xung quanh, gõ trống mõ và vác tranh, rạ ra đốt, hòng uy hiếp tinh thần hai đồng chí. Chờ mãi vẫn không nghe tiếng súng bắn trả chúng mới dám tiến vào và hết sức kinh ngạc khi biết ta chỉ có hai người và đã hy sinh, đành quay trở về kéo theo 10 xác chết trong đó có tên Doãn khét tiếng gian ác. Nhân dân địa phương rất cảm phục tinh thần đấu tranh anh dũng của hai cán bộ cách mạng và thấy rõ bản chất dã man, hèn nhát của kẻ thù.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng miền Nam dẫn tới việc ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960. Cuối tháng 1-1961, Mỹ - Diệm thông qua chương trình chống nổi dậy ở miền Nam, thực hiện dồn dân vào "ấp chiến lược" hòng tách nhân dân ra khỏi cách mạng theo lối "tát nước bắt cá" để dễ bề kiểm soát và vơ vét nhân tài vật lực. Ngô Đình Diệm ra sức gào thét "hãy cứu nông thôn", "đạp lên oán hờn" thực hiện cho được quốc sách ấp chiến lược và ban bố "đất nước trong tình trạng khẩn cấp để tăng cường đồn quân, bắt lính".

Thực hiện kế hoạch này, Mỹ - Diệm lấy Khu V làm trọng điểm đánh phá, xây dựng Quảng Ngãi thành đặc khu quân sự trực thuộc Bộ Tổng tham mưu ngụy Sài Gòn, thực hiện chế độ quân quản. Chúng chia nông thôn Quảng Ngãi thành ba vùng, áp dụng các biện pháp khác nhau để đánh phá. Ở vùng kiểm soát, chúng thực hiện biện pháp hành chính kìm kẹp với "tố cộng", "diệt cộng", đồng thời tập trung mọi cố gắng với những thủ đoạn tàn bạo để gom

dân lập ấp chiến lược; ra sức xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, biệt kích, thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu, phụ nữ liên đới.

Bên cạnh hệ thống kìm kẹp đã có sẵn, từ tháng 7-1961, quân địch bắt đầu thực hiện kế hoạch dồn dân, lập ấp, ngăn cách nhân dân với cách mạng. Bọn cán bộ "bình định" ngày đêm lùng sục truy tìm cán bộ, cơ sở cách mạng, đốc thúc nhân dân rào làng, lập ấp. Một dãy rào vây từ An Diêm (Bình Sơn) đến Ba Gia (Tĩnh Bắc) lên Tĩnh Giang dài trên 15 km được hình thành, nhưng chẳng bao lâu đã bị nhân dân phá tan. Bọn bảo an, dân vệ rình mò, phục kích cán bộ, đảng viên. Chúng tăng cường hệ thống chốt điểm ở vùng giáp ranh, xây dựng lực lượng bảo an, biệt kích, dân vệ, thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu, thực hiện quân sự hóa phụ nữ.

Với âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt", Ngô Đình Nhu đã trực tiếp chỉ thị cho bọn tay sai phải "đạp lên oán hờn" của nhân dân để thực hiện cho được quốc sách "ấp chiến lược". "Ấp chiến lược" thực chất là một loại trại tập trung trá hình, bên ngoài có nhiều lớp rào gai, chông, công sự và hệ thống lô cốt, thường xuyên có lính canh giữ. Ai muốn đi ra ngoài phải xin phép. Nhiều ruộng đất phải bỏ hoang vì nhân dân không được đi làm xa. Riêng ở Sơn Tịnh, Mỹ - Diêm đã tập trung một trung đoàn chủ lực, 75 trung đội bảo an, dân vệ cùng hàng trăm cảnh sát, cán bộ "bình định nông thôn" chuyên lo việc dồn dân vào các trại tập trung trá hình này.

Tháng 10-1962, Ngô Đình Nhu trực tiếp đôn đốc bọn tay chân ráo riết đốc thúc 10.000 dân một số huyện ở Quảng Ngãi trong vòng 7 ngày phải làm xong ấp Kim Sa (Tịnh Thọ). Ngô Đình Diệm đã đích thân ra dự lễ khánh thành "ấp chiến lược" này. Đây là một trong hai thí điểm về kiểu "ấp chiến lược hai sông ba núi" của toàn miền Nam. Ngoài "ấp chiến lược", mỗi xã còn có các khu nhà giam gọi là "mật khu" để giam giữ những gia đình có người tham gia cách mạng.

Quân địch tiến hành phân loại các gia đình theo thứ tự A,B,C để dễ bề kiểm soát, cấm nhân dân tụ tập trong những ngày lễ 1-5, 19-5, 20-7, 19-8 và 2-9. Chúng quản thúc và cấm nhân dân đi lại làm ăn, kiểm soát chặt chẽ vùng giáp ranh Đồng Ké đi Sơn Hà, tiến hành những cuộc lùng ráp nhỏ mà chúng gọi là "tảo thanh", nhằm tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng.

Về kinh tế, với chính sách my dân, Mỹ - ngụy đưa ra cái gọi là "cộng đồng kiến thiết quốc gia" thực chất là buộc nông dân phải ký khế ước lãnh canh với địa chủ. Chúng quy định, gia đình nông dân nào có dưới 3 sào ruộng mà không ký khế ước lãnh canh thì phải đi dinh điền hoặc vào ấp chiến lược.

Trong tình thế ấy, hoạt động của cán bộ, đảng viên cũng như việc tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men của các cơ sở cách mạng gặp vô vàn khó khăn. Cán bộ, chiến sĩ phải trải qua thời kỳ "đói cơm, lạt muối". Song, Mỹ - Diệm không thể nào khuất phục được tinh thần cách mạng, lòng căm thù giặc đang cuộn sôi trong lòng mỗi cán

bộ, chiến sĩ và người dân yêu nước, họ không hề nao núng, sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn và giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Các đồng chí trong các đội công tác vẫn len lỏi tìm mọi cách vào ấp chiến lược để gặp dân. Ban đêm, dân canh gác đánh mõ liên hồi, khi thấy cán bộ đến thì họ đánh mõ càng to hơn, còn tay kia thì đưa gạo, mắm, muối cho cán bộ qua hàng rào. Các em thiếu niên tiếp tế gạo, mắm, muối cho đội công tác với nhiều hình thức phong phú, như làm các trái banh (quả bóng) bằng lá chuối khô, ở trong có chứa nửa lon gạo hoặc mắm muối để khi đi chặn trâu, cắt cỏ vừa đi vừa đá ra ngoài cổng ấp chiến lược để qua mặt bọn lính canh phòng. Với cách tiếp tế linh hoạt như vậy, nhân dân đã giúp cán bộ, chiến sĩ ta vượt qua được giai đoạn đói cơm, lạt muối.

Từ cuối năm 1961, Mỹ - Diệm tập trung đánh phá hành lang đông - tây hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh. Để thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng các địa phương và hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất có thể xảy ra, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định tách một số xã khu đông của huyện Bình Sơn và khu đông của huyện Sơn Tịnh để thành lập một huyện mới, lấy tên là Đông Sơn (còn gọi là C14) do đồng chí Nguyễn Thủy (Việt) làm Bí thư. Các xã phía tây huyện Sơn Tịnh thành một huyện riêng (gọi là C12) do đồng chí Phạm Phú Lân làm Bí thư. Trong huyện lại phân thành nhiều khu vực, do một đồng chí Thường vụ Huyện ủy hoặc Huyện ủy viên phụ trách. Một thời gian sau, đồng chí Phạm Phú Lân được tỉnh điều

về làm Bí thư Huyện uỷ Nghĩa Hành, đồng chí Nguyễn Hiến được chỉ định làm Quyền Bí thư Huyện uỷ.

Để chỉ đạo sát, kịp thời phong trào đồng khởi năm 1962, sau khi phân chia địa bàn hoạt động, các đảng bộ đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng, động viên thanh niên tiếp tục gia nhập các lực lượng vũ trang, diệt ác ôn. Phong trào cách mạng lại bùng lên mạnh mẽ khắp nơi. Nhiều tên ác ôn, mật báo và Quốc dân đảng phải đền tội. Bộ đội địa phương phối hợp với các đội công tác tích cực phục kích, đón đánh quân nguy đi càn quét, hỗ trợ nhân dân địa phương nổi dậy phá rào vây, phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ như ở Trường Thọ (Tỉnh Phong), Tịnh Giang, Tịnh Hiệp, Tịnh Sơn, Tịnh Hòa, Tân An, Tân Quý (Tỉnh Đông)...

Địch lâm vào thế bị động, lúng túng, thế và lực của cách mạng ngày càng vững chắc. Tháng 12-1961, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương: tiến công và nổi dậy ở đồng bằng, kết hợp chặt chẽ "hai chân, ba mũi", kiên quyết giành lại nông thôn đồng bằng; tiến tới đồng khởi lần thứ nhất ở đồng bằng từ cuối năm 1961 đến hết năm 1962.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Sơn Tịnh và Đông Sơn tổ chức các cuộc mít tinh, phát động nhân dân nổi dậy với sự hỗ trợ mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ nông thôn. Đêm 25-3-1962, Ban chỉ đạo cánh bắc Quảng Ngãi truyền đi lệnh đồng khởi. Quân dân Sơn Tịnh đồng loạt tấn công các cơ quan của hội đồng hương chính xã, đốt phá hàng loạt rào vây, bao vây diệt ác, phá kìm kẹp cho

nhân dân ở các xã Tịnh Hiệp, Tịnh Đông, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Thọ, Tịnh Phong, Tịnh Thiện, Tịnh Hòa. Nhân dân đã xử trị một số tên tay sai có nợ máu, như Nguyễn Trung Lập, Nguyễn Tấn Linh, Đinh Luật, Võ Cự (Tịnh Thọ), Bạch Thanh Tân (Tịnh Đông). Trong những đêm đồng khởi, tiếng trống, mõ, thanh la vang khắp các thôn xóm, uy hiếp tinh thần quân địch, các cuộc mít tinh được tổ chức ở nhiều nơi. Ở Tịnh Hòa có hàng ngàn người tham dự mít tinh, nhân dân tự trang bị vũ khí, gậy gộc, băng cò, ánh đèn măng xông sáng rực một góc trời. Cuộc mít tinh đã biến thành nơi tố cáo tội ác của bọn Mỹ - Diệm và tay sai. Tất cả giấy tờ, khế ước của địch đều bị đốt cháy.

Tháng 6-1962, nhiều xã thôn được giải phóng với gần 30.000 dân. Giải phóng đến đâu, Ủy ban nhân dân tự quản và Mặt trận dân tộc giải phóng xã được thành lập đến đấy. Nhân dân các vùng vừa được giải phóng đã tích cực tham gia công tác cách mạng, đóng góp sức người, sức của, tiếp tục cùng nhân dân các xã trong huyện phá hàng loạt rào vây, các trại tập trung. Nhiều người hăng hái tham gia xây dựng làng chiến đấu; tổ chức canh gác, cảnh giới, tình nguyện vào du kích, sẵn sàng đánh địch.

Qua phong trào đồng khởi, đội ngũ cán bộ mới được hình thành đủ sức lãnh đạo phong trào ở địa phương. Ở vùng giải phóng, nhân dân được hưởng các quyền tự do, dân chủ, được chia cấp ruộng đất, càng thêm phấn khởi sản xuất, tham gia các lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Riêng xã Tịnh Thọ đã có 500 thanh niên tình nguyện tòng

quân nhập ngũ. Cơ sở đảng, tổ chức quần chúng hình thành ở nhiều nơi. Ở những vùng chưa giải phóng, chính quyền Mỹ - ngụy cũng rệu rã, ban đêm các đội công tác làm chủ cả huyện, trừ huyện lỵ và một vài điểm đông dân cư đang còn bị kìm kẹp.

Thắng lợi của phong trào đồng khởi năm 1962 ở Sơn Tịnh đã đưa phong trào cách mạng bước sang thế phản công, đẩy chính quyền địch vào thế lúng túng. Nhân dân Sơn Tịnh đã góp phần cùng nhân dân toàn miền Nam làm thất bại kế hoạch Xtalây Taylo của Mỹ - Diệm.

Kẻ thù điên cuồng tìm mọi cách giành lại những vùng "mất an ninh". Chúng xây dựng lại lực lượng địa phương quân, đồng thời tập trung quân bảo an, biệt kích, cộng hòa phối hợp với bọn dân vệ càn quét, đánh phá mạnh vùng giải phóng ở khu tây Sơn Tịnh. Đến tháng 11-1962, quân địch đã chiếm lại hầu hết những vùng được giải phóng trước đó.

Chúng cố sức lập lại các "ấp chiến lược", hình thành vành đai liên hoàn để kìm kẹp nhân dân. Trong mỗi "ấp chiến lược", chúng bố trí một trung đội dân vệ (sau đổi thành nghĩa quân) và một trung đội thanh niên tân trang để canh gác xung quanh hàng rào vây. Chúng bắt nhân dân phát núi, xăm hăm, lùng sục ở ngoài rào vây để truy bắt cán bộ cách mạng. Nhân dân phải bỏ công ăn việc làm, di từ xã này sang xã khác để rào ấp, phát núi, xây đồn. Hệ thống thông tin liên lạc của địch được tăng cường từ quận đến ấp.

Phong trào cách mạng trong huyện tạm thời gặp khó

khăn, cán bộ hoạt động bất hợp pháp bị bắt ra ngoài tương đối đông, nhất là ở các xã Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Trà, Tịnh Hiệp, Tịnh Thiện, Tịnh Hòa. Số người tham gia đấu tranh trực diện bị dồn vào "ấp chiến lược", bị khống chế nghiêm ngặt. Dù sống trong những lớp rào kẽm gai, giao thông hào, những bãi chông quanh ấp, song kẻ thù không thể rào được lòng yêu nước của nhân dân ta. Họ luôn tin tưởng vào Đảng, cách mạng; khí thế của những ngày đồng khởi còn mãi âm vang trong lòng đồng bào.

Năm 1963, với chiến thuật "trục thẳng vụn", "thiết xa vụn", Mỹ - Diệm tiến hành đánh phá các vùng giáp ranh trung châu và miền núi bằng phi pháo, bom nổ chậm, bom xăng, dùng xe cày ủi nhà cửa, cây cối, ruộng vườn và rải chất độc hóa học để hủy diệt hoa màu.

Tháng 10-1963, địch mở những cuộc càn quét với quy mô từ 1 đến 3 trung đoàn, đánh phá điên cuồng khắp nơi trong huyện, nhất là những nơi giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi như ở Tân An, Vĩnh Tuy, Cà Ty... Chỉ tính riêng một thôn Vĩnh Tuy (Tịnh Hiệp) với 1.500 dân, trong 3 tháng phải chịu 9.000 quả pháo địch bắn vào thôn, xóm. Một số cán bộ, đảng viên phải dời lên núi. Để giữ vững phong trào, Huyện ủy đã cử cán bộ trở về đồng bằng bám dân, đồng thời tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong toàn cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang, đấu tranh chống tư tưởng ngại khó khăn, thực hiện phương châm đấu tranh kết hợp hai chân, ba mũi trong chống càn quét, phá ấp chiến lược.

Mặc cho kẻ thù ra sức đánh phá ác liệt để gom dân, lập ấp, các cuộc nổi dậy của nhân dân phá "ấp chiến lược" vẫn diễn ra liên tục. Dịch càn quét, ta chống càn quét, dịch gom dân lập ấp, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân phá ấp, giành dân. Có những ấp bị ta phá đi, phá lại nhiều lần như ở Tịnh Thọ, Tịnh Bình...

Sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm ngày càng gay gắt hơn. Kế hoạch Xtalây Taylo thất bại, Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng". Theo lệnh Mỹ, tướng Dương Văn Minh tiến hành đảo chính, giết anh em Diệm, Nhu ngày 11-11-1963, kết thúc chế độ độc tài, gia đình trị của họ Ngô. Tuy vậy, chúng vẫn không khắc phục được tình trạng lục đục trong nội bộ bọn tay sai. Chính quyền dịch ở cơ sở hoang mang, dao động, có nơi bị tê liệt. Quận trưởng Sơn Tịnh do quá lo sợ đã mổ bụng tự sát.

Từ thực tế ở chiến trường miền Nam, Đảng ta chủ trương: đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam, chú trọng củng cố cơ sở đảng, đội ngũ quần chúng và xây dựng lực lượng vũ trang, kiện toàn về tổ chức, trang bị và quân số, làm lực lượng nòng cốt và chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng tiến lên giành những thắng lợi mới.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương "chớp thời cơ thuận lợi, dốc toàn bộ lực lượng xuống đồng bằng, phát triển phong trào đồng khởi giành thắng lợi to lớn". Từ đó, các cuộc nổi dậy trừng trị bọn ác ôn, tay sai diễn ra liên tục.

Tháng 10-1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ I trong kháng chiến chống Mỹ được tổ chức

tại Vũng Trục, Vĩnh Tuy (Tĩnh Hiệp). Đại hội đề ra nhiệm vụ ra sức phá "ấp chiến lược", giành quyền làm chủ nông thôn, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi toàn bộ. Đại hội bầu đồng chí Cao Kết làm Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa I, Huyện ủy tổ chức lễ "ly sơn", đưa một số cán bộ và một bộ phận vũ trang huyện trở về đồng bằng, phát động nhân dân nổi dậy "phá ấp chiến lược", phá rã bộ máy nguy quyền ở ấp, xã. Được sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nhân dân các xã Tĩnh Bình, Tĩnh Thọ, Tĩnh Phong, Tĩnh Long, Tĩnh Thiện nổi dậy, tổ chức mít tinh, phá hàng chục ấp chiến lược, truy bắt ác ôn. Chỉ trong hai ngày hai đêm, nhân dân Tĩnh Thọ đã phá 8 km hàng rào quanh ấp chiến lược Kim Sa, cấm hàng loạt hầm chông, cạm bẫy đánh địch. Hội nghị du kích chiến tranh do Khu V tổ chức vào tháng 12-1963 đã biểu dương thành tích của nhân dân Tĩnh Thọ là "thôn xã chiến đấu vững mạnh, là cơ sở chống lấn chiếm thắng lợi, biến ấp chiến lược của địch thành làng chiến đấu của ta".

Cuộc đấu tranh của nhân dân Tĩnh Thọ chứng minh quan điểm đúng đắn của Đảng trong việc phá "ấp chiến lược": phải có sự kết hợp giữa bạo lực cách mạng của quần chúng với hoạt động quân sự, nếu không lấy bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại việc lập "ấp chiến lược" thì nhất định không phá được "ấp chiến lược", nhưng muốn phát động được quần chúng đứng lên thì phải biết tạo cho quần chúng phương tiện và thời cơ. Thiếu phương

tiện và thời cơ thì việc đấu tranh sẽ không thành công, quần chúng sẽ giảm lòng tin vào lãnh đạo.

Trước sự phát triển của cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ vô cùng lúng túng. Nhân dân thế giới cũng như nhân dân tiến bộ Mỹ phản đối mạnh mẽ cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Bọn tay sai Mỹ càng lục đục, chế độ Sài Gòn ngày càng suy yếu. Để cứu vãn tình thế nguy khốn này, tháng 3-1964, đế quốc Mỹ ngày triển khai kế hoạch Giôn-xơn - Mắc Namara, nhằm bình định miền Nam trong vòng 2 năm, đưa ngày càng nhiều cố vấn Mỹ vào miền Nam Việt Nam cùng với trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại. Đồng thời, Mỹ cho Nguyễn Khánh làm đảo chính lật đổ Dương Văn Minh để thực hiện kế hoạch mới đề ra.

Một lần nữa, Mỹ - ngụy lại chọn Quảng Ngãi làm "trọng điểm bình định", tổ chức nhiều cuộc hành quân, phản kích với quy mô lớn và quyết liệt hơn, đưa những phần tử lưu manh, côn đồ đi huấn luyện rồi tổ chức thành các đội "chim ưng", "vê làng", "xây dựng" len lỏi khắp nơi để đánh phá cơ sở cách mạng. Cảnh sát dã chiến, cảnh sát chiến đấu, công an, mật vụ, tình báo, gián điệp, chiêu hồi, chiêu hàng được tăng cường để theo dõi, bắt bớ, dụ dỗ cán bộ, đảng viên, dồn dân vào "ấp tân sinh", thực chất là áp chiến lược trá hình.

Về kinh tế, chúng lập các tổ chức mỵ dân, như "hiệp hội nông dân", "hợp tác xã nông tín cuộc"; qua đó chúng tăng cường bóc lột của cải, biến cùng hóa nông dân. Bọn

công dân vụ, dân ý vụ về tận thôn ấp tuyên truyền, cưỡng bức di dân, bắt nhân dân di dinh điền.

Quán triệt đường lối, chủ trương, nghị quyết của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phương hướng đấu tranh của cách mạng miền Nam và nghị quyết của Khu ủy V về việc phá "áp chiến lược", giải phóng nhân dân, căn cứ vào thực tiễn phát triển của phong trào cách mạng địa phương, tháng 4-1964, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ và ra quyết định: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân khẩn trương, liên tục tấn công địch, ra sức đánh phá "áp chiến lược", phá thế kìm kẹp, giành dân ở đồng bằng, tạo ra một mảng làm chủ lớn, ra sức xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, tích cực xây dựng ba thứ quân; đồng thời đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị trấn, thị xã, tích cực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, chuyển hướng phong trào trong tỉnh lên một bước mới, giành thắng lợi to lớn". Hội nghị cũng chủ trương phát động nhân dân nổi dậy ở đồng bằng lần thứ hai, từ tháng 7-1964 đến cuối năm 1964.

Quyết tâm thực hiện các nghị quyết của cấp trên, Huyện ủy, lúc này do đồng chí Tôn Long Hòa (Huy Ánh) làm Quyền Bí thư, đã lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống lại các cuộc càn quét, dồn dân vào "áp tân sinh" của địch. Tháng 8-1964, quân dân Tịnh Minh nổi dậy phá "áp chiến lược" giải phóng toàn xã. Lực lượng vũ trang huyện

tiến công tiêu diệt trung đội dân vệ ở Tịnh Khê, Minh Quang (Tịnh Hòa).

Nhằm khoét sâu mâu thuẫn giữa các đảng phái phản động, tạo điều kiện thuận lợi để phát động quần chúng đấu tranh, ngày 5-5-1964, đội công tác Tịnh Khê đã trừng trị tên Trương Quang Nhỏ, Bí thư Quốc dân đảng, một tên ác ôn khét tiếng. Cho rằng tên Nhỏ bị Đảng "Cần lao nhân vị" giết, Quận trưởng Sơn Tịnh liền ra lệnh bắt nhiều đảng viên trong Đảng Cần lao và cách chức một số tên khác. Bộ máy nguy quyền mới củng cố lại bị tan rã, một trung đội dân vệ địa phương hốt hoảng tháo chạy về quận lỵ.

Đầu tháng 9-1964, Huyện ủy Đông Sơn chủ trương lấy Tịnh Kỳ làm bàn đạp, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm. Chỉ trong vòng mấy ngày, 5 xã Tịnh Kỳ, Tịnh Khê (Sơn Tịnh) Bình Phú, Bình Hòa, Bình Châu (Bình Sơn) được giải phóng. Chiến thắng này cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ở thị trấn, thị xã sôi nổi hơn.

Ngày 1-9-1964, nhân dân Sơn Tịnh cùng nhân dân các huyện lân cận và các gia đình binh sĩ kéo vào thị xã Quảng Ngãi bao vây các cơ quan nguy quyền đòi trả chồng con, anh em, chống bắt lính, làm náo động cả thị xã.

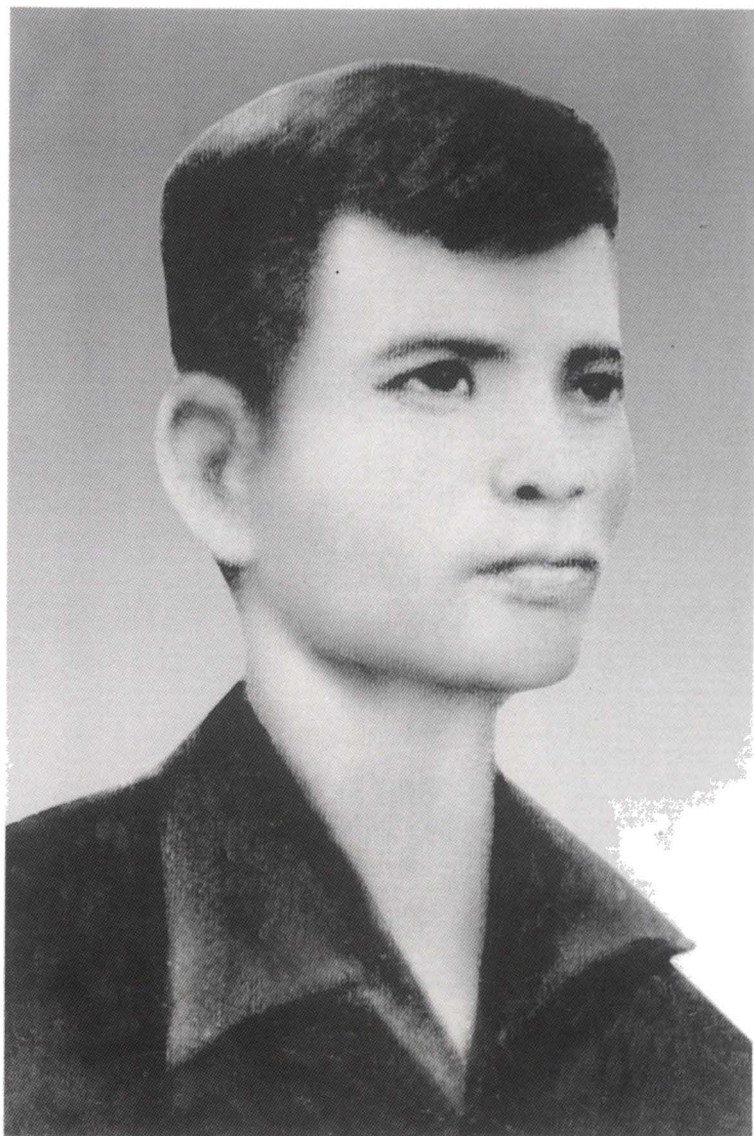
Giữa tháng 11-1964, một trận lũ lụt lớn chưa từng có xảy ra làm cho hàng ngàn ngôi nhà bị ngập, hàng trăm người bị chết, hoa màu bị tàn phá nặng nề. Nạn đói đe dọa nghiêm trọng đời sống nhân dân trong huyện, ảnh hưởng lớn tới mọi mặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



Đồng chí CAO KẾT (liệt sĩ)
Bí thư Huyện uỷ 1962-1964



Đồng chí NGUYỄN HỒNG GIAO
Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn 1962-1965



Đồng chí TÔN LONG HOÀ (HUY ÁNH - liệt sĩ)
Quyền Bí thư Huyện uỷ năm 1964



Đồng chí NGUYỄN THANH THỦY
Bí thư Huyện uỷ 1965-1966, 1973, 1976-1977

Lợi dụng cơ hội này, Mỹ - ngụy bàn mưu, tính kế dồn dân, lập ấp, đánh phá phong trào cách mạng, tiêu diệt lực lượng vũ trang ta. Chúng cho máy bay, xe bọc thép, xe lội nước chở quân đi ném bom, càn quét, bao vây và dồn dân về các trại tập trung để dễ bề kiểm soát.

Khó khăn tưởng chừng như không khắc phục nổi, song với bản chất kiên cường, gan góc, chịu đựng gian khổ của cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương, lại được sự chi viện kịp thời của cấp trên, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã vượt qua khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh tấn công địch.

Ở Đông Sơn, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang chẳng những đánh bật địch ra khỏi các xã vừa bị chúng chiếm lại, mà còn giải phóng thêm 6 xã mới: Tịnh Thiện, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh), Bình Tân, Bình Thanh, Bình Hải, Bình Trị (Bình Sơn), tiêu hao, tiêu diệt nhiều dân vệ, bảo an, đưa số dân vùng giải phóng của cả đông và tây Sơn Tịnh lên 42.000 người.

Tại chợ Mới (Tịnh Hoà), đêm 18-12-1964, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với đội công tác xã diệt gọn 2 trung đội địch do tên Tý và Lầu chỉ huy. Giải phóng đến đâu, Đảng bộ phát động quần chúng nổi dậy trấn áp tề điệp đến đó và xây dựng các tổ chức đoàn thể, tổ chức binh vận, cải tạo "ấp chiến lược" thành làng chiến đấu, hình thành lực lượng đấu tranh chính trị, tạo nên thế mạnh áp đảo kẻ thù.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng chính trị và vũ trang địa phương, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, đến cuối năm 1964, quân và dân Sơn

Tĩnh đã phá tan nhiều "ấp chiến lược". Vùng giải phóng được mở rộng và kéo dài từ căn cứ miền núi đến vùng ven biển, 50% "ấp chiến lược" bị phá và trở thành làng chiến đấu. Lực lượng du kích ngày càng phát triển, tích cực chống càn quét, bảo vệ vùng giải phóng.

Xu thế phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng làm cho cục diện chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho ta. Quốc sách "ấp chiến lược" của địch bị thất bại.

Bước sang năm 1965, ở Sơn Tịnh, quân địch vẫn còn đóng 5 đồn bót lớn và 37 "ấp chiến lược" với 43 trung đội lĩnh các loại, nhưng tinh thần binh lính rất rệu rã, hoang mang. Số nguy quân đào, rã ngũ ngày càng nhiều, thế lực địch bị suy yếu, vì vậy chúng chỉ mở một số cuộc càn quét nhỏ vào các xã, thôn tranh chấp và vùng giải phóng.

Với quyết tâm "giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng", các lực lượng vũ trang Sơn Tịnh đã liên tục tấn công địch, hỗ trợ quần chúng nhân dân nổi dậy phá "ấp chiến lược". Đêm 15-2-1965, Đại đội 401 Sơn Tịnh tấn công tiêu diệt 2 trung đội dân vệ ở thôn Bình Đông, giải phóng xã Tịnh Bình, san bằng chốt điểm cầu Tam Hân, giải phóng xã Tịnh Bắc. Lực lượng vũ trang huyện còn tiến công ấp Thế Long (Tịnh Phong), ấp Kim Lộc (Tịnh Châu), diệt gọn 1 đại đội địch.

Cùng với việc tiến công các chốt điểm "ấp chiến lược", bộ đội công binh của tỉnh đã phối hợp với du kích và nhân dân địa phương cắt đứt các đoạn quốc lộ 1, đường liên huyện đi Sơn Hà, gây cho địch nhiều khó khăn trong tiếp tế, cứu viện. Phong trào xây dựng làng chiến đấu đạt kết

quả tốt, điển hình là thôn Trường Định, xã Tịnh Khê.

Ngày 2-3-1965, du kích Tịnh Khê cùng lực lượng vũ trang huyện đánh bại cuộc càn quét của 1 tiểu đoàn địch, diệt hàng chục tên. Cuối tháng 3-1965, địch cho 2 trung đội dân vệ, 1 đại đội bảo an đánh chiếm vùng giải phóng Tịnh Khê, bị quân ta chặn đánh quyết liệt trong 3 ngày đêm, buộc chúng rút lui, kéo theo 17 xác chết.

6 giờ sáng ngày 18-5-1965, 2 tiểu đoàn địch gồm cả lính cộng hoà, bảo an, biệt kích và hải thuyền có sự hỗ trợ của 2 máy bay trinh sát, 6 khu trục chia làm 3 mũi tấn công vào thôn Trường Định. Lực lượng du kích đang canh gác ở địa đạo (có 9 du kích xã, 6 du kích thôn) luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Sau hơn 9 tiếng đồng hồ, lực lượng du kích xã, thôn đã đánh bật 12 đợt tấn công của địch, diệt tại chỗ 47 tên, bắn bị thương 11 tên, thu 3 súng và 500 viên đạn.

Trước sức tiến công liên tục của quân dân, nhiều binh lính địch quay súng trở về với cách mạng. Hàng chục "áp chiến lược" biến thành làng chiến đấu. Đến tháng 3-1965, thêm 9 xã của khu tây Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành với trên 40.000 dân được giải phóng, tạo thành thế liên hoàn bao quanh thị xã.

Do sự phát triển của phong trào cách mạng trong tỉnh, sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ và lực lượng vũ trang, nên Tỉnh ủy quyết định giải tán đơn vị 254, giải thể huyện Đông Sơn để sáp nhập các xã trở về lại huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh như cũ.

Tháng 4-1965, Đảng bộ Sơn Tịnh họp Đại hội đại biểu

lần thứ II tại thôn Khánh Mỹ, xã Tịnh Trà có đồng chí Trần Động (Văn) - Phó Bí thư và đồng chí Lê Chí Thống (Nhuệ) - Thường vụ Tỉnh ủy, tham dự. Đại hội đã đánh giá hoạt động của Đảng bộ huyện trong những năm 1963-1965, rút ra những ưu điểm, khuyết điểm trong mọi mặt công tác, nhất là việc phá ấp, giành dân, đồng thời đề ra những nhiệm vụ mới xây dựng vùng giải phóng làm chỗ dựa để tiến công địch ở thị trấn, thị xã; củng cố chính quyền, đoàn thể, vận động thanh niên nhập ngũ, thực hiện chia cấp ruộng đất cho nông dân thiếu ruộng và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, giáo dục. Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 21 đồng chí, trong đó có 7 đồng chí nữ. Đồng chí Nguyễn Thanh Thủy được bầu làm Bí thư. Các đồng chí Thường vụ được phân công đứng chân các điểm để chỉ đạo phong trào.

Những chiến thắng toàn diện làm cho thế chủ động tiến công của ta trên chiến trường ngày càng mạnh, quân địch ngày càng lâm vào thế bị động, lúng túng. Để cứu vãn nguy cơ thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ quyết định đưa quân viễn chinh Mỹ trực tiếp vào chiến đấu ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 5-3-1965, quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Ngày 7-5-1965, chúng tiếp tục đổ quân vào Chu Lai, lập căn cứ chuẩn bị cho việc đổ quân ồ ạt của chúng và để trấn an tinh thần quân nguy.

Chống lại âm mưu mới của đế quốc Mỹ, theo Chỉ thị của Quân ủy Trung ương và Nghị quyết của Khu ủy V, Quân khu quyết định mở đợt hoạt động hè mang tên

"Chiến dịch Lê Độ", từ ngày 15-5 đến 30-8-1965, nhằm tiếp tục tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân nguy, phá "ấp chiến lược", giành lại phần lớn nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng Nam - Bắc Tây Nguyên, đồng thời sẵn sàng đánh một số trận phủ đầu quân Mỹ, với lực lượng quân chủ lực tập trung mở 4 hướng chính ở Bắc Quảng Ngãi, Nam Tây Nguyên, Tây Gia Lai và Bắc Kon Tum.

Thực hiện chủ trương của Khu uỷ, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi và Ban Chỉ huy-Tỉnh đội xác định hướng chính ở Bắc Quảng Ngãi là chiến trường khu tây Sơn Tịnh. Khu vực tác chiến chủ yếu là phía bắc sông Trà Khúc; khu vực trọng điểm là từ phía tây đường sắt đến đường Ba Gia đi Trà Bồng, khu vực làng Phước Lộc, điểm cao 47, Mả Tổ, núi Tròn; đoạn đường Sơn Tịnh đi Ba Gia là điểm quyết chiến tiêu diệt chủ lực nguy. Khu vực tây huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn và đoạn đường Trà Bồng - Bà Lãnh là trọng điểm giành dân, phá ấp chiến lược. Lực lượng tác chiến chủ yếu là bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tỉnh, huyện, đồng thời huy động toàn bộ du kích, dân công ra phía trước chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Về công tác hậu cần, ngay từ tháng 1-1965, Khu uỷ V và Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã giao cho huyện Sơn Tịnh thu mua 100 tấn gạo, đồng thời huy động nhân dân, tổ chức lực lượng dân công hoả tuyến, lập các kho dự trữ cơ sở vật chất cho chiến dịch. Theo kế hoạch đề ra, Huyện uỷ Sơn Tịnh đã chỉ đạo cho các chi, đảng bộ các xã khu tây như: Tịnh Hà,

Tĩnh Sơn, Tĩnh Bình, Tĩnh Minh, Tĩnh Trà, Tĩnh Bắc, Tĩnh Hiệp, Tĩnh Đông, Tĩnh Giang huy động nhân tài vật lực, chuẩn bị nơi ăn nghỉ, trú quân cho bộ đội. Nhân dân các xã Tĩnh Sơn, Tĩnh Hà còn bắc một cầu phao qua sông Trà Khúc để đón bộ đội về nơi tập kết. Nhân dân trong huyện đã đóng góp, thu mua và xay giã hàng trăm ngàn ang lúa để đảm bảo lương thực cho bộ đội. Các gia đình ở Minh Khánh (Tĩnh Minh), Tĩnh Bình, Diên Niên (Tĩnh Sơn) đều tham gia nuôi giấu bộ đội. Hàng trăm nam, nữ thanh niên tham gia dân công hỏa tuyến.

Cùng với những biện pháp trên, chúng ta còn thông qua các mối lái buôn bán, đem quế để đổi lấy muối và gạo với tên đại úy Ngọc, chỉ huy trưởng tiểu đoàn 1 ngự ở đồn Ba Gia (Gò Cao). Vì ham lợi, tên Ngọc đã cho cả xe quân sự để vận chuyển gạo, muối đến địa điểm ta tiếp nhận.

Các loại thuốc, dụng cụ y tế dùng cho việc cấp cứu thương, bệnh binh cũng được khai thác tại chỗ bằng việc trao đổi buôn bán với ngụy quyền cơ sở.

Về vũ khí, ta có kế hoạch tận thu của địch theo phương châm lấy súng đạn của địch để đánh địch.

Nhờ khai thác nhiều mặt theo phương thức hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ, chiến dịch đã chuẩn bị trước được khối lượng lớn cơ sở vật chất phục vụ kịp thời, đầy đủ cho chiến dịch, điều mà kẻ địch không thể tưởng tượng được.

Bên cạnh đó, nhân dân Tĩnh Trà, Tĩnh Minh còn đào được 3 địa đạo dài từ 30 đến 50 mét ở Khánh Mỹ và Tả Đội để làm trạm phẩu cho chiến dịch. Tất cả mọi công việc

đều diễn ra hết sức khẩn trương và bí mật đến phút chót.

Việc tổ chức chỉ huy chiến dịch do đồng chí Chu Huy Mân - Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu trực tiếp làm Tư lệnh chiến dịch.

Theo kế hoạch đã đề ra, đúng ngày 28-5-1965, toàn bộ quân chủ lực ta đã tập kết về vị trí quy định.

Thực hiện phương châm "tác chiến khời ngòi", "lập thế diệt gọn" tiểu đoàn 1 trung đoàn 51 ngay để tạo điều kiện thực hiện thắng trận then chốt chiến dịch, diệt chiến đoàn nguy đến ứng cứu, đêm 28 rạng ngày 29-5-1965, lực lượng vũ trang Sơn Tịnh tấn công vào 2 trung đội dân vệ ở "ấp chiến lược" Diên Niên và 1 trung đội cộng hòa đóng ở Núi Chợ, Lộc Thọ, Tịnh Sơn. Sau 10 phút chiến đấu, quân địch ở đây bị tiêu diệt một bộ phận. Đến 10 giờ 40 phút, tiểu đoàn 1 do đồn trưởng Nguyễn Văn Ngọc chỉ huy và 2 cố vấn Mỹ nghênh ngang từ đồn Gò Cao kéo xuống tiếp viện lọt vào trận địa phục kích của ta. Tiểu đoàn 90 của ta ở Minh Thành bất ngờ xuất kích đánh thẳng vào sau lưng đội hình địch. Các mũi chặn đầu, khóa đuôi và chính diện nhanh chóng bao vây, chia cắt địch. Sau 5 giờ chiến đấu, ta đã đánh 3 trận, du kích và nhân dân các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc dùng gậy gộc, dao rựa cùng bộ đội truy bắt tù binh. Kết quả, ta đã diệt gọn 1 tiểu đoàn chủ lực nguy và 2 trung đội dân vệ, tiêu diệt và làm bị thương 270 tên (có 2 cố vấn Mỹ), bắt sống 217 tù binh (trong đó nhân dân bắt 100 tên), thu hơn 200 súng, phá hủy 1 pháo 105 ly, 4 xe GMC, 1 xe Zeep. Trận đánh diệt gọn tiểu đoàn

1 trung đoàn 51 nguy được xác định là trận then chốt mở màn chiến dịch thắng lợi¹. Cùng lúc, ta pháo kích vào đồn Gò Cao, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Được tin tiểu đoàn 1 trung đoàn 51 bị tiêu diệt, đồn Gò Cao bị uy hiếp, quân địch vội vã điều quân tiếp viện từ Đà Nẵng, Bình Sơn vào, từ Đức Phổ ra một tiểu đoàn thiết giáp lập thành chiến đoàn tổ chức hành quân giải tỏa và chiếm giữ lại đồn Gò Cao. -

Ngày 30-5-1965, quân địch từ thị xã kéo lên đến ngã ba Lâm Lộc (Tịnh Hà) chia làm 2 cánh: một cánh rẽ về phía bắc từ Lâm Lộc ra Tịnh Bình chiếm Chóp Nón, một cánh tiến theo đường số 5B Sơn Tịnh đi Sơn Hà.

Đến 14 giờ 40 phút, toàn bộ chiến đoàn địch lọt vào đội hình chiến đấu của ta. Lệnh xuất kích truyền xuống, từ các hướng, lực lượng ta xung phong mãnh liệt, bao vây chia cắt, cô lập hai cánh quân địch, không cho chúng liên lạc với nhau.

Tiểu đoàn biệt động 39 vừa lên tới điểm cao Chóp Nón thì bị quân ta tiêu diệt một số. Một số khác bị kìm chân tại chỗ. Lực lượng địch ở phía nam tiến về phía nam làng Phước Lộc rồi vòng ra phía bắc chiếm điểm cao 47 và đồi Mả Tổ bị lực lượng ta chặn đánh quyết liệt. Đánh ban ngày trên địa hình trống trải, địch lại có ưu thế hỏa lực máy bay chi viện trực tiếp, gây cho ta nhiều khó khăn

1. Chính nơi đây, tại mồm Cổ Rùa (núi Khi), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã cho xây dựng tượng đài di tích chiến thắng Ba Gia từ năm 1985, hoàn thành năm 1989.

... nên trạng thái chiến đấu diễn ra giằng co, xen kẽ giữa ta và địch.

Đến 19 giờ cùng ngày, lực lượng địch co lại ở ba nơi, nhưng không liên lạc được với nhau. Ta nhanh chóng chuyển sang đánh ban đêm, dùng hình thức tập kích để dứt điểm từng mục tiêu.

Tiểu đoàn 45 đánh địch ở núi Chóp Nón, đến 3 giờ 20 ngày 31 tháng 5, ta đã làm chủ trận địa, tiểu đoàn 39 của địch bị diệt gọn.

Tiểu đoàn 60 của ta đánh địch ở điểm cao 47 đồi Mả Tổ. Giữa lúc bộ đội và dân quân du kích tích cực chiến đấu ngoài mặt trận thì nhân dân các xã xung quanh nấu cơm nước, gánh ra trận địa phục vụ bộ đội và uy hiếp địch bằng các âm thanh trống mõ, đuốc sáng rực trời. Các đội dân công hỏa tuyến tích cực đưa thương binh về các trạm phẫu ở Tịnh Minh và Tịnh Trà. Các mẹ, các chị trong Hội Phụ nữ luôn luôn đến thăm hỏi, động viên, mang đường, sữa, trứng đến chăm sóc thương binh.

Đến 4 giờ sáng ngày 31-5, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Bộ đội, du kích và nhân dân nhanh chóng thu dọn chiến trường, truy bắt tù binh.

Như vậy, sau 15 giờ chiến đấu, tính từ 14 giờ 40 phút ngày 30-5 đến 4 giờ ngày 31-5, quân ta đã cơ bản tiêu diệt 1 chiến đoàn địch, bẻ gãy cuộc hành quân giải tỏa lớn của chúng. Kết quả, ta đã tiêu diệt gọn 2 tiểu đoàn (tiểu đoàn 39 biệt động quân và tiểu đoàn của trung đoàn 51), đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến,

tiêu diệt 916 tên địch (trong đó có 4 cố vấn Mỹ), bắt 65 tên, thu gần 200 súng các loại.

Nói về chiến thắng Ba Gia, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh khẳng định, đây là một trận tiêu diệt chiến tuyệt đẹp của quân ta. Lần đầu tiên, ta tiêu diệt 4 tiểu đoàn chủ lực khá tinh nhuệ của địch... Lần đầu tiên trên một địa hình không được thuận lợi và địch chiếm ưu thế binh hỏa lực, thế mà ta không những dám đánh mà còn tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch, bắt được nhiều tù binh, thu được nhiều vũ khí, còn bên ta thương vong rất ít. Chiến thắng Ba Gia làm nức lòng quân dân ta, là một thất bại nặng nề của địch, đến nỗi liền ngay sau đó, ngày 1-6-1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải chua cay thú nhận rằng: đó là thất bại nghiêm trọng của hắn và bè lũ. Chiến thắng Ba Gia oanh liệt đã góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Phối hợp với đòn tiến công quân sự, hơn 2.000 nhân dân các xã Tịnh Minh, Tịnh Sơn, Tịnh Bắc, Tịnh Bình tham gia đấu tranh chính trị, khiêng người chết đi đấu tranh với địch ở đồn Gò Cao, đòi chúng bồi thường thiệt hại và không được xả súng bắn bừa bãi vào thôn xóm, buộc chúng phải chấp nhận yêu cầu đưa ra. Đây là trận mở đầu cho phong trào đấu tranh chính trị tập trung lớn của nhân dân Sơn Tịnh. Tiếp đó, ngày 3-6-1965, 3.000 nhân dân Tịnh Thọ, Tịnh Phong xuống đường đấu tranh đòi quận trưởng đi tìm xác chết, tin tức của chồng con họ, đòi chồng con trở về với gia đình để khỏi chết trận, đòi trợ cấp cho các gia đình binh sĩ bị thiệt mạng, không được ra

lệnh bắn pháo vào làng, không được càn quét, đốt nhà, cướp của, bắt người vô tội. Cuộc đấu tranh làm náo loạn cả quận lỵ, làm cho tinh thần binh lính thêm hoang mang, dao động.

Sau một thời gian phân tán, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, ngày 5-7-1965, quân chủ lực ta lại tấn công tiêu diệt cứ điểm Gò Cao, diệt gọn trung đoàn 51 của địch vừa mới tổ chức lại. Quân ta loại khỏi vòng chiến đấu 248 tên (có 7 tên Mỹ), bắt 130 tên, thu toàn bộ vũ khí, có 2 khẩu pháo 105 ly, 8 xe quân sự và bắn rơi 2 máy bay.

Thắng lợi vang dội về quân sự cùng với sức ép mạnh mẽ về chính trị và đấu tranh binh vận của nhân dân ta làm cho nguy quyền nhiều nơi bỏ cơ quan lẫn trốn. Nhân dân Sơn Tịnh cùng lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích liên tục tiến công hỗ trợ đồng bào nổi dậy phá hàng loạt ấp chiến lược, phá vỡ hàng nghìn mét rào vây của địch, giải phóng dứt điểm các xã Tịnh Đông, Tịnh Sơn, Tịnh Bắc, Tịnh Trà, Tịnh Thiện, Tịnh Bình, Tịnh Hiệp, Tịnh Khê và một phần các xã Tịnh Hà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong, Tịnh Châu, Tịnh Long. Hơn 10.000 người thoát khỏi ách kèm kẹp của địch. Vùng giải phóng được nối liền từ nguồn xuống biển.

Đến giữa năm 1965, ở Sơn Tịnh, 11 xã được giải phóng hoàn toàn, 6 xã được giải phóng từ 1/2 đến 1/3 diện tích như Tịnh Hà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong, Tịnh Châu, Tịnh Long, Tịnh Thiện, số dân của vùng giải phóng là 69.031 người. Toàn huyện chỉ còn lại 21 "ấp chiến lược". Từ đây, Tịnh Hà trở thành cửa khẩu tiếp nhận và vận chuyển

hàng hóa lương thực cho các đơn vị bộ đội và vùng căn cứ.

Phát huy thắng lợi đạt được, Huyện ủy Sơn Tịnh khẩn trương phát động quần chúng xây dựng chính quyền tự quản. Chính quyền cách mạng đã chia 1.188 mẫu ruộng vắng chủ, ruộng đất công và của bọn ác ôn cho nông dân thiếu ruộng, vận động nhân dân làm 13 bờ xe nước, đào đắp 18 đập ngăn nước. Lực lượng vũ trang được tiếp tục củng cố và xây dựng. Hệ thống giao thông hào, địa đạo chiến đấu và làng chiến đấu được xây dựng khẩn trương. Đến cuối năm 1965, trung bình mỗi xã vùng giải phóng có từ 3.000 đến 5.000 mét giao thông hào và hàng ngàn mét địa đạo. Nổi bật là nhân dân xã Tịnh Khê đã dỡ nhà, chặt dừa xây dựng được 2 khu địa đạo chiến đấu liên hoàn ở Trường Định và Mỹ Khê, hoàn thành 9.087 mét rào làng chiến đấu, sửa chữa được 14.853 mét giao thông hào và địa đạo, đào 420 ổ tác chiến cá nhân, 6 hầm chống tăng, 523 hầm bí mật, tự chế tạo 301 quả mìn, xây dựng được 2 trung đội du kích xã, mỗi thôn có 30 du kích thường xuyên tập luyện. Tính chung trong cả huyện có 622 du kích xã, 1.501 du kích thôn, 93 du kích mật.

Công tác phát triển Đảng được chú ý, toàn Đảng bộ có 25 chi bộ xã, thôn với 472 đảng viên. Các đoàn thể quần chúng, như hội nông dân, phụ nữ, thanh niên, thiếu niên ra đời. Hàng trăm thanh niên nam, nữ thoát ly đi tham gia kháng chiến, phục vụ hầu hết trong các cơ quan khu và tỉnh. Sơn Tịnh trở thành địa bàn xung yếu cả về quân sự, chính trị và là nơi tập trung nhân tài, vật lực, nơi quan hệ giao lưu, trao đổi nhu yếu phẩm phục vụ cách mạng,

góp phần đảm bảo yêu cầu kháng chiến của khu, tỉnh và của các lực lượng vũ trang.

Tóm lại, hơn 5 năm (1960-1965) được sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, nhân dân Sơn Tịnh đã vượt qua vô vàn khó khăn thử thách, giành được chủ động và từng bước đi lên vững chắc, nhiều thôn xã được giải phóng, tạo thành thế liên hoàn từ giáp ranh miền núi đến ven biển, tạo thế bao quanh quận lỵ.

Quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công và phương châm đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự và binh vận, quân và dân Sơn Tịnh đã liên tục tấn công và nổi dậy, đập tan các âm mưu, thủ đoạn gom dân lập "ấp chiến lược" của địch, đẩy mạnh phong trào đồng khởi diệt ác, phá kìm, giải phóng nhiều xã trong huyện, làm tan rã bộ máy chính quyền tay sai của Mỹ-ngụy, thành lập các ủy ban nhân dân tự quản ở các vùng giải phóng. Đây cũng là thời kỳ phát triển khá nhanh của lực lượng chính trị và vũ trang ở huyện nhà. Song, trong quá trình lãnh đạo đấu tranh, Đảng bộ cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, như chỉ đạo thiếu chặt chẽ việc kết hợp giữa tiến công bên ngoài của lực lượng vũ trang với sự nổi dậy đấu tranh phá ấp của nhân dân trong các "ấp chiến lược". Cán bộ chưa làm cho nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phá "ấp chiến lược" là phá sự kìm kẹp của địch, nên còn nặng về phá rào, lấp hào. Do đó, khi lực lượng vũ trang rút đi, địch lại bắt nhân dân ta rào lại và chịu sự kìm kẹp của chúng càng gắt gao hơn. Một số ít cán bộ, đảng viên còn ngại hy sinh, ngại chiến đấu lâu dài. Do đó,

ở nhiều nơi, nhiều lúc, phong trào cách mạng phát triển chưa đều, chưa mạnh, kẻ địch lấn chiếm được những vùng đã giải phóng. Từng lúc, từng nơi một số chi bộ, đảng viên và nhân dân chưa nắm vững phương châm hai chân, ba mũi giáp công, có xã nặng đấu tranh chính trị, ngại đấu tranh vũ trang, có xã nghiêng về công tác vũ trang mà coi nhẹ đấu tranh chính trị, binh vận. ...

Với tinh thần quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, Đảng bộ Sơn Tịnh đã dần dần rút kinh nghiệm, uốn nắn những thiếu sót để chỉ đạo phong trào đi đúng hướng, nắm vững thời cơ tiến lên tiêu diệt địch giành quyền làm chủ, giữ thế chủ động tiến công địch, vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

THAM GIA ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 – 1968)

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của bọn tay sai, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với hy vọng ngăn chặn được nguy cơ thất bại, kìm chế sự phát triển của cách mạng miền Nam, từng bước giành lại thế chủ động trên chiến trường và buộc ta phải chấp nhận những điều kiện do chúng đặt ra. Đồng thời, chúng leo thang gây chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng lực lượng không quân, pháo hạm, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương cho tiền tuyến, hòng đưa miền Bắc Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá.

Đất nước ta, dân tộc ta lại đứng trước những thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Nhiều vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn được đặt ra trong cuộc đấu tranh chống lại tên đế quốc sừng sỏ và giàu mạnh nhất thế giới. Liệu nhân dân Việt Nam có dám đánh Mỹ và có thể thắng Mỹ được không? Nhân dân thế giới với niềm cảm phục, lo lắng chờ đợi câu trả lời của chúng ta.

Trước tình hình đó, tháng 3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11. Sau khi phân tích tình hình và nhận định âm mưu của đế quốc Mỹ, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cần phải tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao trình độ nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Hội nghị ra Nghị quyết khẳng định: "Cần ra sức xây dựng tư tưởng phấn khởi và tin tưởng, quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai, tư tưởng sẵn sàng chiến đấu và công tác bất cứ ở nơi nào theo tiếng gọi của Đảng và của Tổ quốc, tư tưởng sẵn sàng đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của địch, tư tưởng sẵn sàng chiến đấu lâu dài chống Mỹ, tinh thần tự lực cánh sinh cao; chống tư tưởng sợ Mỹ, đánh giá địch quá cao, hoặc chủ quan khinh địch..."¹.

Để kịp thời giải đáp những vấn đề đặt ra và khẳng định quyết tâm của Đảng và nhân dân ta quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, trong *Lời kêu gọi nhân ngày 20-7*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn"². Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng chỉ rõ: tuy chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và liên tục giành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr.114.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.470.

thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện làm thất bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Khu ủy và hướng dẫn của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Huyện ủy Sơn Tịnh đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi và dự các lớp tập huấn do tỉnh và huyện mở nhằm nâng cao trình độ nhận thức về tính chất và nhiệm vụ của cuộc chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, nỗ lực tham gia đấu tranh tiến công địch, không sợ hy sinh gian khổ, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống phức tạp nhất, kiên trì phương châm hai chân, ba mũi giáp công và thực hiện quyết tâm bốn bám do Khu ủy V đề ra là "dân bám đất, cán bộ bám dân, bộ đội và du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới".

Tháng 5-1965, Khu ủy và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ mở cuộc vận động "Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ cứu nước, cứu nhà" và phát động phong trào "Toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Bộ Tư lệnh Quân khu phát động phong trào thi đua trong lực lượng vũ trang: "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", "Trả thù giặc Mỹ bắn phá miền Bắc". Các phong trào thi đua dấy lên rầm rộ và được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Nhiều thanh niên nam, nữ trong huyện đã tham gia du kích và gia nhập quân giải phóng. Hội Phụ nữ phát động phong trào "Phụ nữ bốn đảm đang" vận động chị em vừa đảm việc nhà, vừa tích cực động viên chồng con tham gia kháng chiến, quyết tâm đánh Mỹ, không sợ Mỹ và sẵn sàng đấu tranh trực diện với chúng.

Đoàn Thanh niên giải phóng phát động phong trào "Thanh niên năm xung phong" ra sức xây dựng và phát triển Đoàn. Đây là nguồn lực to lớn góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đội Thiếu niên có phong trào "Tuổi nhỏ chí lớn, làm việc anh hùng". Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, gan dạ của các em thiếu nhi xuất hiện. Có những em thiếu nhi ở xã Tịnh Thọ, Tịnh Trà mới 12, 13 tuổi đã liên tiếp tham gia các cuộc đấu tranh chính trị, nhiều lần bị địch bắt đánh đập tàn nhẫn vẫn không chùn bước và đi đầu trong các cuộc đấu tranh, hô vang khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo bọn ác ôn", có tác dụng lớn tới phong trào đấu tranh của nhân dân.

Qua các phong trào thi đua đánh giặc Mỹ, trong huyện đã xuất hiện nhiều chi, đảng bộ tiên tiến, đi đầu trong phong trào "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", như các chi, đảng bộ xã Tịnh Khê, Tịnh Thọ, Tịnh Giang...

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương tập trung lực lượng xây dựng làng xã chiến đấu, phát triển du kích chiến tranh, tăng cường lực lượng chiến đấu. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của tỉnh, "Vành đai diệt Mỹ" ở huyện Bình Sơn nối liền với Quảng Nam được thiết lập. Quân và dân các xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ đã tích cực xây dựng làng chiến đấu với hệ thống địa đạo liên hoàn giữa các thôn xóm, tạo thuận lợi cho lực lượng vũ trang cơ động chiến đấu. Một bộ phận lực lượng vũ trang huyện được điều đến "Vành đai diệt Mỹ" vừa góp phần cùng địa phương bạn

chiến đấu, vừa học tập rút kinh nghiệm. Các đội "quyết tử" diệt Mỹ được thành lập.

Tháng 5-1965, đế quốc Mỹ bắt đầu đổ bộ vào một số xã ở đông Bình Sơn, biến nơi đây thành vùng trắng. Được sự hỗ trợ của quân Mỹ, chính quyền ngụy tăng cường đồn quân bắt lính và mở hàng loạt cuộc hành quân đẫm máu vào vùng giải phóng của ta, liên tiếp mở các chiến dịch bình định nông thôn như "chim ưng", "về làng" ở đồng bằng hòng chiếm lại những vùng đã mất, làm thiệt hại nhiều về người và của cho nhân dân ta.

Trong tháng 6 và tháng 7 năm 1965, các lực lượng vũ trang ta đã đánh bại 6 cuộc càn quét của Mỹ ở "Vành đai diệt Mỹ" huyện Bình Sơn, có tác động lớn đến phong trào thi đua diệt Mỹ, diệt ngụy của quân dân Sơn Tịnh.

Ngày 18-8-1965, Mỹ tập trung 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ cùng 1 tiểu đoàn xe tăng và xe bọc thép, 2 tiểu đoàn pháo 105 ly, 6 tàu đổ bộ và pháo hạm với hàng trăm máy bay chiến đấu mở cuộc hành quân lớn mang tên "Ánh sáng sao", tiến quân vào Vạn Tường, một khu vực sát biển ở xã Bình Hải (Bình Sơn) cách căn cứ Chu Lai 17 km về phía đông nam, nhằm tiêu diệt quân chủ lực ta. Song, chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tài tình của quân dân ta, nên đã bị thất bại nhục nhã ngay từ trận đầu ra quân.

Chiến thắng Vạn Tường đã củng cố thêm lòng tin và quyết tâm của nhân dân ta hoàn toàn có khả năng đánh Mỹ và thắng Mỹ, dù chúng có ưu thế tuyệt đối về quân số, vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Phát huy thành tích đã đạt được, để kịp thời tổng kết, đúc rút kinh nghiệm chống đội quân xâm lược nhà nghề của đế quốc Mỹ và động viên tinh thần quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của lực lượng vũ trang, từ ngày 11 đến 15-9-1965, Đại hội chiến sĩ thi đua của các lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức. Tại Đại hội, xã Tịnh Khê được tuyên dương về thành tích đóng góp sức người, sức của, xây dựng địa đạo chiến đấu, xây dựng làng chiến đấu và chủ động tiến công địch.

Từ ngày 18-10 đến 19-11-1965, địch đã mở nhiều đợt càn quét quy mô từ 1 trung đội đến 2 tiểu đoàn với sự hỗ trợ của máy bay, xe tăng vào các xã Tịnh Trà, Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Sơn, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Khê, gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất.

Rút kinh nghiệm thực tiễn, nhằm tiêu hao, tiêu diệt một phần sinh lực địch, vào những ngày cuối năm 1965, các lực lượng vũ trang huyện liên tục đánh phá các đoạn đường giao thông quan trọng, cắt đứt đoạn quốc lộ 1 dài 5 km từ Bình Sơn đi Sơn Tịnh. Trong năm 1965, quân dân trong huyện đã loại khỏi vòng chiến đấu 639 tên địch, trong đó có 28 tên Mỹ, xóa sổ 5 trung đội. Được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, nhân dân nhiều vùng nổi dậy phá ban nhiều "ấp chiến lược", đào 42.500 mét địa đạo chiến đấu, 131.000 mét giao thông hào... xây dựng làng chiến đấu, tiêu biểu như các xã Tịnh Minh, Tịnh Khê, 17 xã có ban chỉ huy xã đội.

Đi đôi với tiến công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân cũng diễn ra với nhiều hình thức

phong phú. Quần chúng đã trực diện đấu tranh chính trị với địch đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống gom dân lập ấp, cướp đoạt tài sản, chống đồn quân bắt lính và đòi bồi thường sinh mạng. Tuy phong trào phát triển chưa cao, lực lượng tham gia đa số là phụ nữ, nhưng trong năm 1965, toàn huyện đã có 358 cuộc đấu tranh với 14.566 lượt người tham gia.

Đồng thời với đấu tranh chính trị, quân sự, công tác binh vận cũng thu được kết quả đáng kể. Nhiều gia đình có con em tham gia nguy quân cũng tích cực vận động họ trở về. Đã có 302 binh lính đào rã ngũ trở về với cách mạng.

Cuối năm 1965 đầu năm 1966, đế quốc Mỹ tiến hành kế hoạch phản công mùa khô lần thứ nhất với mục tiêu chủ yếu là tiêu diệt chủ lực của ta, giành thắng lợi quyết định về chiến lược, nhanh chóng chuyển bại thành thắng, thực hiện mưu đồ "tìm diệt" để đối phó với các cuộc tấn công của ta.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 đã chỉ rõ: "Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện đánh bại mọi âm mưu trước mắt và lâu dài của địch... tiến tới thống nhất nước nhà".

Tại Sơn Tịnh, tổng số quân địch có 6 đại đội lính Nam Triều Tiên đóng quân ở các chốt điểm: Thế Long, Thành Thành (Tịnh Phong), Hòn Voi (Tịnh Trà), Gò Tranh (Tịnh Thọ), Đồng Đế (Tịnh Hoà), một đội giang thuyền đóng ở Tịnh Khê và 5 đại đội địa phương quân đóng ở nhiều nơi trong huyện. Hồng chiếm lại những vùng đã mất, Mỹ - ngụy tăng cường hoạt động phi pháo, đồng thời đẩy mạnh thực hiện chiến tranh tâm lý, chiêu hồi chiêu hàng. Chỉ tính từ tháng 1-1966 đến tháng 7-1966, địch đã mở 21 cuộc càn quét lớn nhỏ vào 9 xã, lớn nhất là trận càn từ ngày 4 đến ngày 8-3-1966 của 11.000 lính các loại, với 54 khẩu pháo và hàng trăm xe quân sự, máy bay vào các xã vùng giải phóng ở khu tây Sơn Tịnh, gây thiệt hại nhiều về người và của cho nhân dân ta. Có nơi chúng dùng bom xăng phối hợp với càn quét để đốt phá, thiêu hủy nhà cửa, làng mạc như ở Phú Sơn, Xuân Hòa, Hội Đức, Phường Đình (Tịnh Hiệp), Minh Mỹ (Tịnh Bắc), Phước Lộc (Tịnh Sơn), Vĩnh Lộc, Châu Nhai (Tịnh Bình), Phú Thành, Khánh Mỹ (Tịnh Trà)...

Tính sơ bộ, trong 6 tháng mùa khô 1965-1966, ở Sơn Tịnh quân địch đã giết hại 658 đồng bào, làm bị thương 386 người, 12.600 ngôi nhà bị cháy sập, cùng nhiều tài sản trâu bò bị thiêu hủy.

Trước tội ác dã man của kẻ địch, Bộ Tư lệnh Quân khu V ra chỉ thị: "Nơi nào địch đánh trước thì tích cực phản công tiêu diệt địch, nơi nào địch chưa đánh thì tiếp tục chuẩn bị và chủ động tấn công địch". Từ giữa tháng

12-1966, Sư đoàn 2 cùng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện mở chiến dịch tây Sơn Tĩnh.

Huyện ủy Sơn Tĩnh ra nghị quyết xác định đấu tranh giữ dân, giành dân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng là nhiệm vụ bức thiết nhất. Nghị quyết này được phổ biến cho toàn Đảng bộ.

Ngày 21-2-1966, bộ đội chủ lực cùng dân quân du kích xã Tịnh Phong và lực lượng vũ trang huyện Sơn Tĩnh tiến công uy hiếp tuyến đường 1 từ Tịnh Phong đi Bình Sơn, uy hiếp tuyến phòng thủ Chu Lai của địch. Ngày 3-3, quân địch liên tục cho máy bay B57 dội bom xuống các cao điểm 62, Cà Ty, đồi Chùa. Sáng ngày 4-3, chúng tiếp tục đổ 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ xuống phía tây điểm cao 62 và chợ Gò Cát. Cùng lúc, 2 cánh quân ngụy có xe M113 yểm hộ theo 2 trục đường Châu Ổ - Trà Bồng và Sơn Tĩnh - Sơn Hà tiến lên chiếm giữ Gò Chồng, núi An Diêm và Đại Lộc, chiếm điểm cao 62.

Quyết tâm chiếm lại điểm cao 62, quân ta đã tập trung 2 tiểu đoàn hình thành 2 mũi đánh vào 2 bên sườn quân địch. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, ta đã chiếm được một phần trận địa, đánh bật 15 đợt phản công của Mỹ. Ta và địch giành nhau từng tấc đất, mỏm đá, gốc cây. Đến 5 giờ ngày 5-3, quân ta đã chiếm lại được đồi 62, tiêu diệt gần hết 1 tiểu đoàn Mỹ.

Tại Gò Cát, đồi Chùa ở Đông Giáp, sau hơn một giờ chiến đấu, ta đánh bật địch khỏi khu vực chiếm đóng.

Trong ngày 5-3, quân địch lại cho 2 cánh quân từ Khánh Mỹ và Cà Ty đánh lên điểm cao 62 và làng Hòa

Vinh. Cùng lúc, 7 máy bay lên thẳng đổ 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ xuống làng Phước Bình, tiến lên chiếm đỉnh Chóp Nón. Quân ta đánh bại 5 đợt tấn công của địch. Cả tiểu đoàn địch đổ xuống Phước Bình phải co cụm lại.

Thời cơ diệt địch đã tới, 15 giờ 30, quân ta bắt đầu xuất kích đánh vào giữa tiểu đoàn địch. Sau 3 giờ chiến đấu, quân địch bị thiệt hại nặng phải tháo chạy.

Sau 2 ngày đêm "bám thắt lưng địch", quân ta đã đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn địch. Ngày 6-3, chúng buộc phải kết thúc cuộc hành quân. Chiến thắng ở điểm cao 62 - Đông Giáp là chiến thắng lớn nhất của Khu V trong việc chống lại chiến dịch phản công mùa khô lần thứ nhất của địch. Đến ngày 16-3, quân ta tiếp tục mở đợt tiến công thứ hai, tiêu diệt đồn Sơn Trung và Chóp Tối.

Cùng lúc, nhân dân các xã Tịnh Bình, Tịnh Trà, Tịnh Hiệp tranh thủ tải đạn, tải thương, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho bộ đội và góp sức thu dọn chiến trường. Sau 13 ngày đêm chiến đấu liên tục, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.700 tên địch, bắn rơi 25 máy bay các loại. Lá cờ mang dòng chữ "Thề cùng giặc Mỹ có tao không mảy" của nhân dân xã Bình Đông (Bình Sơn) gửi tặng Trung đoàn Ba Gia-Vạn Tường bay phấp phới trên đỉnh đồi 62.

Ở đông Sơn Tịnh, trong trận càn ngày 12-4-1966, quân dân Tịnh Khê đã bám chắc công sự, chờ địch đến gần mới tiêu diệt. Với những quả mìn tự tạo, du kích xã Tịnh Khê đã bẻ gãy từng cánh quân, ngăn chặn được xe tăng địch. Đại bác Mỹ không thể phá nổi hệ thống địa đạo liên hoàn

vững chắc. Chúng buộc phải rút quân, đem theo 45 xác chết và 25 tên bị thương. Vừa lãnh đạo chiến đấu, tăng gia sản xuất, Đảng uỷ xã Tịnh Khê còn tổ chức được một đội vận tải đường sông gần 30 người có nhiệm vụ đưa đón cán bộ, bộ đội qua vùng đông Tư Nghĩa. Xã Tịnh Khê trở thành xã kiểu mẫu trong việc xây dựng thôn xã chiến đấu của tỉnh. Trong mùa khô 1965-1966, quân dân Sơn Tịnh đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.977 tên địch, góp phần đánh thắng chiến lược phản công mùa khô lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Bị thất bại nặng nề, đế quốc Mỹ càng ra sức củng cố lực lượng, tăng quân và vũ khí chuẩn bị đối phó, ngăn chặn hoạt động của ta trong mùa mưa và chuẩn bị kế hoạch chiến lược phản công mùa khô lần thứ hai 1966-1967. Rút kinh nghiệm mùa khô lần trước, lần này đế quốc Mỹ đưa biện pháp "bình định" lên ngang hàng với "tìm diệt", thực hiện kế hoạch "hai gọng kìm" và đặt Sơn Tịnh nằm trong vùng trọng điểm "bình định". Các đơn vị lính Mỹ và chư hầu lần lượt kéo vào Sơn Tịnh đóng một số chốt điểm, tiến hành đánh phá ác liệt vùng giải phóng. Chúng liên tục mở các cuộc càn quét lớn như "Sóng mùa đông" tiến vào đông Bình Sơn, đông Sơn Tịnh. Cuộc càn mang tên "Liên kết 110-Hoad-Roan" tiến vào hậu cứ của ta ở tây Sơn Tịnh và tây Tư Nghĩa.

Ngày 3-8-1966, đế quốc Mỹ đưa lữ đoàn Nam Triều Tiên, mang tên "Rồng xanh", một đội quân tàn bạo và khát máu đến lập cứ điểm ở xã Bình Thanh (Bình Sơn) rồi tiến vào Tịnh Hòa, Tịnh Thiện, lên Tịnh Thọ, Tịnh Trà

(Sơn Tịnh). Sau một thời gian ngắn, chúng hình thành hệ thống chốt điểm liên hoàn ở Sơn Tịnh như: Đồi Voi, Gò Tranh, Thế Lợi, Mả Tổ, đồi 47, núi Hầm, núi Rằm...

Sau khi củng cố các chốt điểm, bọn lính Nam Triều Tiên tiến hành càn quét, bắn giết nhân dân ta. Chúng đi đến đâu đâu rơi máu chảy đến đó, bắt chấp cả người già, trẻ con. Gặp trâu, bò ngoài đồng chúng xả súng bắn chết hàng loạt và gọi đó là loại "cộng sản không có súng"; xóm làng xơ xác tiêu điều.

Trong những ngày từ cuối tháng 8 đến tháng 12 năm 1966, bọn lính "Rồng xanh" đã bắn chết 120 đồng bào ở thôn Bình Bắc, Vĩnh Lộc (Tịnh Bình), 147 người ở Tịnh Sơn, 81 người ở Tịnh Thiện, hơn 100 người dân ở các xã Tịnh Hà, Tịnh Trà, Tịnh Thọ và Tịnh Hòa. Có những chị phụ nữ mang thai gần ngày sinh đẻ cũng bị chúng cưỡng hiếp, mổ bụng, moi gan rồi quăng xác vào lửa. Hàng ngàn người phải gồng gánh đi lánh nạn nơi khác, thôn xóm trở nên hoang vắng, không có bóng người. Trong xã chỉ còn lại một số du kích bám trụ.

Điện hình là trận càn vào thôn Hội Đức, xã Tịnh Hiệp. Bọn lính Nam Triều Tiên đã dùng bom hủy diệt, san bằng nhà cửa, cây cối gãy nát, khắp thôn xóm không còn một giếng nước nào. Hàng trăm gia đình phải sống cảnh màn trời chiếu đất, 150 năm mồ không người thăm viếng.

Hành động dã man, tàn ác, đầy thú tính và khát máu của quân Nam Triều Tiên trong vụ thảm sát tại Bình Hoà (Bình Sơn) làm cho một số chiến sĩ và nhân dân tỏ ra lo lắng, dao động, thậm chí giảm sút ý chí chiến đấu. Đồng

bào ở nhiều nơi chạy vào vùng địch. Thêm vào đó, phương châm, phương pháp đấu tranh của ta trong việc chống quân Nam Triều Tiên còn nhiều lúng túng. Việc đấu tranh chính trị với chúng gặp nhiều khó khăn vì ngôn ngữ bất đồng...

Trước tình hình ấy, Đảng bộ Quảng Ngãi chỉ đạo cho các cấp ủy khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang ở cơ sở. 2/3 đảng viên ở các chi bộ và 100% đoàn viên thanh niên đã tham gia du kích. Đồng thời, các cấp ủy đảng tiến hành giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân phát huy ý chí cách mạng kiên cường, quyết tâm đánh Mỹ và quân Nam Triều Tiên.

Trong công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy chỉ thị: phải coi trọng việc củng cố tổ chức, rèn luyện tư tưởng, trọng tâm là xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng viên bốn tốt¹. Cán bộ, đảng viên phải kiên trì, gương mẫu đi đầu trong mọi nhiệm vụ.

Đảng bộ huyện, thời gian này do đồng chí Nguyễn Niên (Hạ) làm Quyền Bí thư, đã kiên trì thực hiện phương châm hai chân, ba mũi giáp công, động viên nhân dân bám trụ và đẩy mạnh đấu tranh chính trị. Nhân dân Sơn Tịnh kéo vào thị xã phối hợp với nhân dân các huyện bạn đấu tranh, tố cáo tội ác của lính Mỹ và Nam Triều Tiên. Đoàn biểu tình chặn các đoàn xe của địch và hô

1. Lập trường quan điểm tư tưởng tốt, chiến đấu và công tác tốt, sản xuất tụt tụt tốt, công tác dân vận tốt.

vang các khẩu hiệu đòi đế quốc Mỹ và quân Nam Triều Tiên phải rút khỏi Việt Nam. Căm thù chất chứa trong lòng mọi người, hàng chục đoạn khăn tang, hàng trăm bức thư của nhân dân ở những vùng bị địch tàn sát gửi tới các đơn vị bộ đội đòi được trả thù. Quyết tâm đánh Mỹ tới cùng của nhân dân thể hiện trong lời thề ghi trong băng tay:

"Lời nói sắc tựa nhát dao

Thề cùng giặc Mỹ có tao không may".

Các lực lượng vũ trang và bán vũ trang càng thêm quyết tâm ra sức tiêu diệt địch để trả thù cho đồng bào thân yêu của mình bị sát hại.

Ủy ban Mặt trận giải phóng miền Nam Trung Bộ ra tuyên bố khẩn cấp vạch trần tội ác của kẻ thù và kêu gọi dư luận tiến bộ thế giới ngăn chặn tội ác tày trời của đế quốc Mỹ.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi cũng kịp thời mở đợt sinh hoạt chính trị củng cố Đảng, rèn luyện khí tiết cách mạng, chống tư tưởng ngại ác liệt, sợ hy sinh, nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các lực lượng vũ trang khắc sâu lời thề "Xé xác Rồng xanh, phanh thây giặc Mỹ", thực hiện khẩu hiệu "Quyết tử diệt ác ôn", "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Trong bức thư của Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi gửi cho quân và dân trong tỉnh có đoạn viết: "Các đồng chí trong lực lượng vũ trang và bán vũ trang hãy trút hết căm thù lên mũi lê, nòng súng, tới tấp tiến công địch, diệt nhiều giặc Mỹ, bọn ác ôn, bọn

đánh thuê Nam Triều Tiên để trả thù cho đồng bào Bình Sơn, Sơn Tịnh và nhiều nơi khác..."

Huyện ủy Sơn Tịnh tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đánh giá những thắng lợi giành được trong mùa khô lần thứ nhất, nêu lên một số yếu kém trong chiến đấu, đồng thời nêu rõ phải giành đất, giữ dân ở vùng giải phóng và mở ra phía trước, từng bước đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị với quân Nam Triều Tiên, củng cố lực lượng du kích để giành thắng lợi trong thời gian tới, khẳng định quyết tâm đánh Mỹ, diệt Nam Triều Tiên của quân và dân trong huyện.

Quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, giữ vững lời thề "Nợ máu phải trả bằng máu", những buổi lễ "Khai tử Rồng xanh" thường xuyên được tổ chức ở các đơn vị bộ đội, du kích trước khi bước vào trận đánh. Các chiến sĩ tự lấy máu mình ký tên vào khăn tang, mang khăn tang vào trận đánh. Bao lửa căm thù của nhân dân ta liên tục trút lên đầu đội lính đánh thuê Nam Triều Tiên.

Ngày 12-1-1966, một trung đội lính Nam Triều Tiên kéo vào Minh Thành, Tịnh Minh đã bị du kích xā tiêu diệt và làm bị thương 50 tên, thu 1 súng và 3.381 viên đạn.

Ngày 15-11-1966, quân Nam Triều Tiên từ Gò Tranh (Tịnh Thọ) kéo lên xóm Thới Hoà (Tịnh Bình). Đội du kích đang cảnh giới cho đồng bào gặt lúa đã nhanh chóng triển khai đội hình, bất ngờ tấn công diệt tại chỗ 8 tên địch, 4 tên bị thương, bắn hỏng 1 đại liên, bắn rơi 1 máy bay, làm cho quân địch phải rút lui và kêu cứu trực thăng.

Ngày 25-11-1966, một tiểu đội du kích Tĩnh Hiệp tập kích tại cầu Mỹ Danh, diệt và làm bị thương 11 tên Mỹ, thu một số quân trang quân dụng, có 1.500 viên đạn.

Ngày 15-12-1966, du kích Tĩnh Trà diệt và làm bị thương 27 tên lính Nam Triều Tiên, thu 1 máy BRC10, khi chúng từ Bình Sơn kéo vào.

Như vậy, trong năm 1966, với tinh thần mưu trí, dũng cảm, sẵn sàng chiến đấu ở mọi nơi mọi lúc, trong mọi tình huống, quân và dân Sơn Tĩnh đã đánh 554 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2.757 tên địch, trong đó có 365 lính Mỹ, 611 lính Nam Triều Tiên, bắn rơi 18 máy bay, bắn bị thương 10 chiếc khác, phá hủy 9 xe GMC cùng nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Ngày 19-11-1966, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 1 của ta diệt 1 đại đội Nam Triều Tiên trên đồi Mả Tổ (Tĩnh Sơn).

Ngày 1-2-1967, lính Nam Triều Tiên đổ quân càn quét xã Tĩnh Kỳ, Tĩnh Hòa. Theo kế hoạch đã định, Tiểu đoàn 48 của tỉnh chia thành nhiều mũi, bí mật khép kín đội hình địch, tạo thế bao vây chia cắt với tác phong đánh gần, xung phong mạnh. Các lực lượng vũ trang đồng loạt nổ súng, tiến công mãnh liệt, tiêu diệt 1 đại đội địch, 1 đại đội khác bị thiệt hại nặng. Kết quả, quân ta tiêu diệt 200 tên tại Gò Mè (Tĩnh Hoà) thu 40 súng các loại, đánh hỏng 2 xe tăng. Lần đầu tiên, bọn lính khét tiếng tàn bạo này phải run sợ trước sức tấn công mãnh liệt của bộ đội ta.

Ngày 5-3-1967, du kích Tĩnh Trà đánh cháy 1 xe tăng địch bằng mìn tự tạo, diệt 8 tên, trong đó có 6 lính Mỹ và 12 lính Nam Triều Tiên, toàn bộ súng đạn trên xe bị thiêu

hủy. Tháng 6-1967, lực lượng vũ trang ta kết hợp với du kích Tĩnh Trà nhử địch từ đồn Đầu Voi ra Hóc Lầy, diệt 168 tên lính Nam Triều Tiên. Sự tấn công liên tục của du kích Tĩnh Trà vào đồn Đầu Voi làm bọn địch không thể nào tiếp nhận được đồ viện trợ đành phải rút lui, bỏ trống đồn. Lực lượng công binh Tĩnh Trà gồm ba đồng chí Lưu Thứ, Lưu Huỳnh và Lương Tài đã tháo gỡ được 500 quả mìn rồi cải tiến thành vũ khí đánh địch (loại mìn 3 chấu).

Mỗi thôn, xóm là một trận địa tiêu diệt quân thù. Với mọi thứ vũ khí tự tạo, cải tiến, vũ khí thu được của địch, dựa vào thôn, xóm chiến đấu, hầm, địa đạo, du kích các xã trong huyện liên tục bám đánh địch, tiêu diệt, tiêu hao lực lượng địch. Cũng trong thời gian này, phong trào du kích chiến tranh của Tĩnh Bình khá nổi bật về thành tích xây dựng làng chiến đấu. Du kích xã ngày đêm bám chiến hào, đánh hàng chục trận, diệt gần 200 tên lính Nam Triều Tiên, bảo vệ cho nhân dân bám trụ sản xuất và ngăn chặn được nhiều cuộc hành quân của chúng ra các xã xung quanh. Cảm phục quyết tâm đánh giặc giữ làng của nhân dân miền Nam nói chung, nhân dân Tĩnh Bình nói riêng, Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã cử đại diện đến tận chiến trường và gửi tặng đơn vị có nhiều thành tích trong đánh thắng lính Nam Triều Tiên lá cờ danh dự mang dòng chữ: “Đơn vị đánh quân Nam Triều Tiên giỏi”. Đây là biểu hiện của tình đoàn kết chiến đấu quốc tế cao cả của nhân dân bạn và là vinh dự đặc biệt của quân dân Tĩnh Bình cũng như của huyện Sơn Tĩnh.

Hoảng sợ trước những đòn đánh trả quyết liệt của quân dân Sơn Tịnh, bọn lính Nam Triều Tiên phải co về cố thủ trong các căn cứ, chốt điểm.

Lòng quyết tâm, trí thông minh, sáng tạo, khôn khéo của nhân dân ta đã được phát huy với nhiều hình thức phong phú trong cuộc đấu tranh chính trị với bọn lính Nam Triều Tiên. Trước tội ác của chúng, trong Đảng bộ có ý kiến cho rằng không thể tiến hành đấu tranh chính trị với quân Nam Triều Tiên được. Khi chúng tiến hành tàn sát hàng loạt đồng bào ta ở các xã khu tây, một số nơi nhân dân phải chạy vào vùng dịch sinh sống, Đảng bộ Sơn Tịnh đã kịp thời đánh giá tình hình, tìm nguyên nhân và rút kinh nghiệm, kiên định lập trường đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công; đồng thời phân công cán bộ phụ trách địa phương vận động nhân dân trở về vùng giải phóng. Nhưng tội ác của quân Nam Triều Tiên vẫn diễn ra hàng ngày, việc đấu tranh trực diện không đạt kết quả, nhiều nơi bị mất dân. Trước tình thế ấy, để bảo tồn lực lượng và giữ dân, Đảng bộ đặt vấn đề: những nơi nào chuẩn bị đánh thì cho dân đi tản cư, sau khi đánh xong lại kéo dân trở về và chuyển hướng đấu tranh chính trị từ trực diện sang vu hồi, tức là tổ chức cho nhân dân tản cư ngược và kéo vào quận lỵ đấu tranh đòi quận trưởng phải thực hiện yêu sách của đồng bào. Những cuộc đấu tranh lẻ tẻ hàng ngày của nhân dân trong huyện và nhất là của đồng bào xóm Đôn (Thượng Thọ, Tịnh Thọ), bằng cách ra đấu thay nói và đấu tranh bằng bút đàm chữ Hán đã làm giảm dần mức độ tàn bạo của chúng.



Đồng chí NGUYỄN NIÊN (HẠ - liệt sĩ)
Quyên Bí thư Huyện uỷ năm 1966

Từ ngày 12 đến ngày 30-6-1966, cùng với nhân dân các huyện, nhân dân Sơn Tịnh đã kéo vào thị xã hô vang khẩu hiệu: "Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam", "Không được can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam", "Đả đảo Thiệu, Kỳ bán nước" và đưa kiến nghị tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ. Ngày 20-1-1967, hàng ngàn đồng bào trong huyện cùng nhân dân Bình Sơn tiến vào thị xã đấu tranh tố cáo tội ác của lính Mỹ và Nam Triều Tiên giết hại đồng bào ta ở Bình Hòa và ngăn chặn quân địch ở quốc lộ 1, không cho chúng đi gây tội ác, đồng thời đấu tranh đòi địch không được bắn phá bờ xe nước, để nhân dân tự do sản xuất. Như vậy, thực tiễn đã chứng minh phương châm đấu tranh vu hồi của Đảng bộ là hoàn toàn đúng đắn và đạt hiệu quả cao, đồng thời cũng đánh dấu một bước chuyển biến lớn của Đảng bộ Sơn Tịnh trong việc đánh giá tình hình, âm mưu và bản chất của kẻ thù.

Hoạt động quân sự của quân ta ngày càng được đẩy mạnh. Ngày 15-2-1967, bộ đội ta đánh thắng vào cụm quân Nam Triều Tiên ở Đồi Tranh - Thượng Thọ (Tĩnh Thọ) do tiểu đoàn 3, lữ đoàn "Rồng xanh" chiếm đóng. Cụm cứ điểm này được bao bọc nhiều lớp rào dây kẽm gai có gài mìn xung quanh với tuyến chiến hào khá vững chắc. Sở chỉ huy của địch đặt trong hệ thống hầm ngầm. Trên đồi có 2 lô cốt với tầm không chế rộng. Tuy kế hoạch tác chiến của ta bị chậm do một đơn vị bộ đội đi lạc đường, nhưng trận đánh vẫn diễn ra và kéo dài 3 tiếng đồng hồ. Quân ta dùng súng phun lửa quạt vào hầm ngầm, thiêu cháy tên tiểu đoàn trưởng và bọn sĩ quan ác ôn, 420 tên

địch phải đền tội. Để hạn chế tổn thất cho đồng bào khi quân ta bắt đầu nổ súng tấn công, Huyện uỷ Sơn Tịnh đã chỉ đạo cho Đảng uỷ Tịnh Thọ tập hợp số cán bộ cốt cán, động viên nhân dân đấu tranh vu hồi. Khi quân ta nổ súng tấn công cứ điểm thì nhân dân lừa bò, gồng gánh, bồng bế trẻ con kéo xuống quận lỵ đấu tranh, buộc quận trưởng phải ra lệnh không cho bọn lính khủng bố, bắn giết, mà phải bảo toàn tính mạng cho nhân dân. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi. Có thể nói, trong trận chiến đấu này, việc thực hiện kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang theo phương châm hai, chân ba mũi giáp công đạt hiệu quả lớn nhất lúc bấy giờ.

Trước sức phản công quyết liệt của ta, lũ đoàn "Rồng xanh" bị tiêu diệt nặng. Hoang mang, rối loạn và lo sợ, ngày 16-2, bọn lính Nam Triều Tiên đã rút khỏi các cứ điểm Khánh Mỹ, Hòn Ngang. Vùng giải phóng được giữ vững. Đế quốc Mỹ điên cuồng dùng mọi thủ đoạn để cày ủi xóm làng làm nhiều vùng trắng đất thừa dân, mùa màng không thu hoạch được, lúa hư mục ngoài đồng không người gặt hái, hàng trăm héc-ta ruộng bị bỏ hoang hóa.

Ngày 17-2-1967, Mỹ-ngụy tiến hành "trận càn liên kết 81" ở tây Sơn Tịnh và tây Tư Nghĩa và chúng đã bị các lực lượng vũ trang ta tiêu diệt lũ đoàn dù số 7, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn khác, buộc phải rút chạy.

Bị đòn choáng váng và thất bại nặng nề, tinh thần phản chiến trong binh lính xuất hiện. Một số lính chống lại lệnh của chỉ huy hoặc tìm du kích để nộp súng đầu hàng. Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân các xã

Tỉnh Bình, Tỉnh Thọ, Tỉnh Trà... nổ ra mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú đã hạn chế được bàn tay tội ác của kẻ thù. Chỉ tính trong 9 tháng đầu năm 1967, toàn huyện có 377 cuộc đấu tranh chính trị với 65.840 lượt người tham gia, công tác binh vận đã tuyên truyền và giáo dục được 62 lính ngụy trở về với nhân dân. Đồng bào đã đấu tranh giành lại được hàng trăm cán bộ, thương binh và thanh niên bị địch bắt. Các cơ sở nội tuyến được đảm bảo.

Bên cạnh đó, phong trào đấu tranh chống địch gom dân, dồn dân, phá ấp chiến lược, đưa dân về vùng giải phóng cũng diễn ra sôi nổi, khắc phục được tình trạng trắng đất thừa dân ở vùng giải phóng. Phong trào đấu tranh trực diện chống địch càn quét, không cho xe tăng địch phá hoa màu, chống san vườn ươm nhà, chống địch cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ diễn ra ở nhiều xã trong huyện. Các ấp chiến lược ở Hòa Bân (Tỉnh Thiện), Trà Sơn (Tỉnh Ấn Đông) bị phá di phá lại nhiều lần, tạo điều kiện cho hàng ngàn quần chúng trở về quê cũ, góp phần làm thất bại kế hoạch "bình định nông thôn" của địch.

Tuy kế hoạch hai gọng kìm "tìm diệt và bình định" của đế quốc Mỹ bắt đầu thất bại, song chúng vẫn dùng những thủ đoạn đánh phá tàn khốc. Vùng giải phóng có nơi mất ổn định, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Tư tưởng ngại hy sinh ác liệt, ngán lâu dài lại bắt đầu xuất hiện trong một số cán bộ, đảng viên. Trước tình hình ấy, Đảng bộ Sơn Tịnh tiếp tục phát động phong trào thực hiện "bốn bám". Do đó, cơ sở chính trị ở thôn xã có bị tổn thất nhưng vẫn tồn tại và phát triển dần lên trong chiến đấu.

Tháng 4-1967, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III được tổ chức tại nhà anh Thắng, thôn Minh Long (Tĩnh Minh). Đồng chí Trần Động (Văn, Vĩ) - Phó Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Chức - Chính trị viên Tỉnh đội đã về dự. Đại hội đã nghe báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm qua hai đợt phản công chiến lược mùa khô và đề ra phương hướng chủ yếu trước mắt: tăng cường hoạt động du kích, xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở bám trụ trong quần chúng, tiếp tục giành giữ dân, xây dựng các tổ du kích sẵn sàng đánh địch. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành mới do đồng chí Trương Thanh Hải làm Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện, trong tháng 4-1967, nhân dân và cán bộ thôn An Thọ (Tĩnh Sơn) với quyết tâm tiêu diệt giặc Mỹ và bọn Nam Triều Tiên, đồng lòng ký tên và ghi lại những dòng chữ trên nền vải đỏ: "Không có gì quý hơn độc lập tự do", "Thà hy sinh tất cả, quyết không làm nô lệ". Tất cả nổi dậy xây dựng làng chiến đấu, vũ trang toàn dân, toàn quân, du kích bố phòng giết giặc, diệt bọn "bình định", "về làng", bám giữ ruộng vườn, quét sạch chiến tranh tâm lý, xuống đường đấu tranh và bảo vệ sản xuất.

Nhằm đánh sâu vào hậu cứ, thị trấn, thị xã, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, chống phá trò hề bầu cử tổng thống bịp bợm của Thiệu, quân dân các xã trong huyện ngày đêm bắn bia, bắn tĩa, có lúc dồn địch bằng súng tiểu liên cực nhanh, không cho chúng ra khỏi đồn. Lực lượng vũ trang huyện tập kích chớp nhoáng vào chi khu quân sự. Các đội công tác bám đánh địch, bảo vệ nhân dân và cơ

sở cách mạng, diệt 10 tên đại diện. Bên cạnh đó, công tác binh vận đã giác ngộ được một đơn vị thanh niên tân trang của địch ở Đông Dương (Tỉnh Ấn) (gọi là B10) làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ A đội công tác của thị xã Quảng Ngãi suốt từ năm 1967 đến 1975.

Ngày 3-8-1967, Đại đội đặc công 506A của huyện cùng hai đại đội của Tiểu đoàn 48 của tỉnh và một tiểu đội của Đại đội 506B phối hợp với quân dân Tịnh Khê vượt sông Trà Khúc tiến đánh cứ điểm Hải Thuyền, Cổ Lũy. Quân dân ta tiêu diệt 120 tên địch, có 3 tên Mỹ, bắt sống tên đồn trưởng, bắn cháy và phá hủy hoàn toàn 9 canô, thu nhiều súng đạn và quân trang, quân dụng. Cuối tháng 8-1967, quân dân Sơn Tịnh nổi dậy phá nhiều ấp chiến lược, giải phóng thêm hàng ngàn dân.

Vừa lãnh đạo chiến đấu, Đảng bộ Sơn Tịnh còn chú ý phát triển sản xuất, làm thủy lợi, bảo đảm nhu cầu tự túc lương thực trong nhân dân và cung cấp một phần cho cán bộ, chiến sĩ. Ở vùng tây Sơn Tịnh, mặc dù bị địch bắn phá suốt ngày, nhân dân và du kích vẫn tranh thủ ra đồng sản xuất ban đêm, cày cấy hết diện tích. Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn nạo vét được 12 km kênh, tu sửa 14 đập nước, dựng 17 bờ xe nước và đắp 2 con đập ngăn nước ở Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa.

Qua chiến thắng trong hai mùa khô ở miền Nam, lực lượng cách mạng ngày càng phát triển mạnh. Mặc dù đế quốc Mỹ đổ quân vào ngày một nhiều, nhưng chúng đang ở trong tình thế hết sức lúng túng, lực lượng bị dần mỏng trên các chiến trường, tinh thần binh lính ngao ngán, sa

sút ý chí chiến đấu, mâu thuẫn nội bộ ngày càng tăng và gặp nhiều khó khăn cả về kinh tế, quân sự và ngoại giao.

Về phía ta, tuy có nhiều khó khăn và tổn thất nhưng quân ta vẫn giữ thế chủ động. Trên chiến trường xuất hiện nhiều yếu tố có lợi cho ta.

Trước tình hình ấy, tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã họp ra Nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa, quyết định động viên lực lượng toàn quân và dân ta mở cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân năm 1968, nhằm đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị và Khu ủy V, tháng 12-1967, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra nghị quyết: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực phi thường, quyết tâm cao độ, thực hiện nhiệm vụ tổng tiến công và nổi dậy trên chiến trường bằng ba mũi giáp công thật mạnh để phối hợp toàn khu, toàn miền khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, du kích xã, thôn, du kích mật và hợp pháp, các đội quyết tử, trở về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời cho tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt vào Tết Mậu Thân 1968". Các mục tiêu tấn công chính là sân bay, tiểu khu, tỉnh đoàn bảo an, khu nhà lao, đài phát thanh, nhà máy điện, khu Chấn Ký, khu tiền chế, ga Ông Bó, bắc cầu Trà Khúc và cao điểm 45.

Ở các huyện tổ chức tấn công vào quận lỵ, thị trấn, những mục tiêu quan trọng, cắt đứt giao thông trên quốc lộ 1.

Ngày 28-12-1967, Hội nghị Huyện ủy mở rộng lần thứ ba khóa III đề ra nhiệm vụ tiếp tục đánh bại âm mưu "tìm

diệt và bình định" của địch, ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, tiêu diệt và làm tan rã bọn địa phương quân, diệt thật nhiều bọn "bình định" ác ôn; đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, nhất là những vùng yếu, giải phóng toàn bộ nông thôn; khẩn trương chuẩn bị điều kiện khởi nghĩa ở thị trấn, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân; đối với vùng giải phóng, phải giữ vững và củng cố vững chắc, gấp rút tăng cường lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, đẩy mạnh sản xuất, ra sức động viên nhân tài, vật lực đảm bảo phục vụ tiền tuyến, xây dựng các tổ chức quần chúng và chi bộ mạnh mẽ, chuyển biến tốt về tư tưởng, đưa phong trào lên thế cao trào.

Thực hiện Nghị quyết đề ra, Huyện ủy tiến hành công tác động viên chính trị, phát động tư tưởng thường xuyên liên tục trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện. Thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng, tất cả để giành chính quyền về tay nhân dân", phong trào thi đua chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa diễn ra sôi nổi ở khắp nơi được mọi người tích cực hưởng ứng và sẵn sàng chiến đấu, khi có lệnh là xuống đường tham gia khởi nghĩa giành chính quyền, giải phóng quê hương.

Từ cuối tháng 12-1967 đến đầu tháng 1-1968, địch liên tục cho quân càn quét, bắn phá các xã vùng giải phóng gây cho ta nhiều khó khăn. Đặc biệt là cuộc càn vào tây Sơn Tịnh, tây Bình Sơn của 4 đại đội Mỹ và 1 tiểu đoàn ngự, kéo dài từ ngày 28-12-1967 đến ngày 1-1-1968 mới

chấm dứt. Ngoài ra, chúng còn cho 2 trung đội khác càn quét 2 tháng liền ở tây Sơn Tịnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, hàng trăm thanh niên các xã, học sinh các trường cấp II thi đua tham gia các lực lượng vũ trang và dân quân du kích. Mỗi xã có từ 25 đến 35 du kích xã, lực lượng vũ trang huyện được tăng thêm 175 người, bổ sung cho bộ đội chủ lực 98 người. Cán bộ chiến sĩ du kích được tăng cường ra phía trước, ở phía sau chủ yếu là lực lượng quần chúng được tổ chức theo từng đơn vị có đảng viên lãnh đạo, du kích làm nòng cốt. Nhân dân trong huyện đã đạt chỉ tiêu mua 60 tấn lương thực trước 9 ngày và còn mua thêm cho đơn vị bạn 75 tấn lương thực. Hệ thống giao thông hào, địa đạo, hầm trú ẩn, làng chiến đấu được tu sửa và củng cố vững chắc. Đúng 2 giờ 30 phút ngày 31-1-1968 (tức sáng mùng 1 Tết Mậu Thân), các lực lượng vũ trang do Tiểu đoàn 48 tỉnh và lực lượng vũ trang huyện tiến công cao điểm 45 (trung tâm huấn luyện địa phương quân) ở bắc cầu Trà Khúc. Sau 20 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt được 9 lô cốt, 2 hầm ngầm, phá hủy toàn bộ doanh trại địch, chiếm lĩnh đầu cầu Trà Khúc nhưng không cắt được cầu vì lực lượng công binh chưa tiến lên kịp.

Sáng ngày 31-12-1967, một tiểu đoàn lính ngự và 7 xe thiết giáp từ thị xã phản kích, bị quân ta chặn đánh, diệt 3 xe thiết giáp. Địch dùng máy bay đánh phá dữ dội, quân ta phải rút khỏi bắc cầu Trà Khúc. Kết quả trong trận này ta diệt được 300 tên địch, 6 trung đội địa phương quân.

Sau đó, Tiểu đoàn 48 dùng pháo cối 81 ly pháo kích vào chi khu Sơn Tịnh. Một đại đội đặc công huyện đánh

vào quận lỵ, phá hai lô cốt, tiêu diệt 1 trung đội nghĩa quân, giải thoát 1 trại giam có trên 300 đồng bào đi đấu tranh chính trị bị địch bắt giam. Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, một đại đội vũ trang huyện tiến công trung đội bảo an gác cầu Trường Xuân và đồn Núi Sứa, đánh sập lô cốt địch ở đầu cầu Trường Xuân, diệt 3 tên địch, bắt sống 28 tên khác, thu 30 súng các loại. Tại Núi Sứa, ta diệt 3 tên, thu 5 máy radiô và hơn 1.000 viên đạn. Tiếp đó, lực lượng vũ trang cùng du kích và lực lượng quần chúng tấn công ở nhiều nơi trong huyện. Đêm ngày 4-2-1968, ta tấn công ấp Phú Hòa diệt 8 tên địch, thu súng. Ngày 5-2, du kích và công binh đánh sập cầu sắt Châu Sa và cống Thế Long (quốc lộ 1) diệt nhiều tên địch.

Cùng lúc, đội quân chính trị có tổ chức từ trung, đại đội đến tiểu đoàn gồm 15.400 người vũ trang gươm, dao, giáo, mác mang theo cơm nắm, nước ống từ ba mũi đông, tây, bắc cờ trống rộn ràng khắp các ngã đường xông thẳng vào đồn bốt, áp sát quận lỵ, hô vang câu cuối bài thơ chúc Tết của Bác Hồ: "Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta". Đoàn khởi nghĩa cánh đông do đồng chí Mười chỉ huy theo kế hoạch tràn qua cầu Trà Khúc hỗ trợ cho cuộc nổi dậy của đồng bào thị xã và huyện Tư Nghĩa, nhưng bị súng đạn địch đánh chặn lại làm hàng chục người hy sinh. Đoàn khởi nghĩa cánh bắc từ Tịnh Phong kéo vào với khoảng 3.000 người có dán khẩu hiệu trên nón, mũ do đồng chí Nguyễn Bửu (Thường vụ Nông hội huyện, phụ trách xã Tịnh Phong) làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Lê Thị Thắm (Hội trưởng Phụ nữ xã Tịnh Phong) chỉ huy, phát

cao cờ tiến sát quận ly, hô vang khẩu hiệu và đập phá công quận ly. Bọn địch ở trong bắn ra 3 loạt đại liên làm hai đồng chí chỉ huy hy sinh. Lập tức chị Lê Thị Hạnh, cán bộ Hội Phụ nữ xã tiếp tục phát cao cờ hô hào lực lượng khởi nghĩa anh dũng xông lên, người này ngã xuống, người khác tiếp tục tiến lên. Nhiều phụ nữ gan dạ xông tới bắt ác ôn, cướp súng địch, trói tù binh, đốt tài liệu, đốt trại gia binh, thu chiến lợi phẩm. Sau những phút kinh hoàng, quân địch bắt đầu phản ứng, đạn bắn như mưa, xe tăng gầm rú nhưng không ngăn cản được sức mạnh của quần chúng nhân dân. Người trước ngã, người sau phát cờ xông tới. Suốt 2 ngày đêm dầm sương, dãi nắng, cơm nắm, nước ống mà đồng bào không lùi bước.

Đoàn khởi nghĩa cánh tây do đồng chí Phạm Tấn Thời chỉ huy đã bắt sống một trung đội địch tại nhà thờ Phú Hòa, thu 24 súng, đến chiều ngày mùng 4 Tết rút về tới thôn Hà Nhai, Tịnh Hà trụ lại tiếp tục đấu tranh. Đến khi bọn địch cho máy bay tới dội bom thiêu trụi xóm 14 làm chết 12 người và bị thương nhiều người khác, đồng bào mới chịu giải tán. Vừa tấn công áp sát quận ly, một số đoàn khởi nghĩa còn bao vây, bức rút đồn bốt địch. 2000 người dân các xã Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Thị Liên (Nhân) đã xông thẳng vào đồn địch ở núi Tròn hô vang các khẩu hiệu kêu gọi địch đầu hàng. Quân địch lúc đầu hoảng sợ không giám chống cự, đến khi chúng bắt được liên lạc với thị xã, biết ta không chiếm được các điểm chủ yếu, nên bắt đầu phản ứng quyết liệt, đồng chí Liên và nhiều người khác đã

anh dũng hy sinh. Trước lúc hy sinh, đồng chí Liên còn hô khẩu hiệu "Đả đảo Mỹ-ngụy", "Hồ Chí Minh muôn năm".

Sự phản ứng điên cuồng của kẻ thù đã làm 65 người hy sinh, 103 người bị thương, 446 người bị bắt và 20 người bị mất tích. Tinh thần dũng cảm, quyết tử của đồng bào ta đã chứng tỏ lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nguyện vọng thiết tha được giải phóng của nhân dân, càng làm sáng ngời thêm chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do" mà Bác Hồ đã dạy.

Kết quả trong đợt tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1968, quân và dân Sơn Tịnh đã loại khỏi vòng chiến đấu 448 tên địch, thu 80 súng các loại, bức rút 3 đồn, phá banh 13 ấp chiến lược, giải phóng thêm hàng ngàn dân. Chính quyền địch nhiều nơi tan rã, tinh thần quân lính hoang mang, suy sụp phải chạy trốn sang thị xã Ắn náu. Ta làm chủ vùng ven quận lỵ. Vùng giải phóng được nối liền từ Tịnh Giang đến Phú Hòa (Tịnh Ắn). Chính quyền tự quản thôn xã được thành lập, lực lượng du kích, an ninh được bảo tồn, giữ vững và phát triển, 897 thanh niên tham gia tòng quân nhập ngũ và đi thanh niên xung phong.

Công tác sản xuất, khai hoang, vỡ hóa làm thủy lợi ở vùng giải phóng cũng được Đảng bộ quan tâm nhằm đảm bảo cuộc sống của nhân dân và đáp ứng một phần yêu cầu của kháng chiến. Các trường phổ thông cấp I, II được duy trì và phát triển. Dù vùng giải phóng bị tàn phá nặng nề, nhân dân vẫn một lòng gắn bó với Đảng, quyết tâm bám trụ "một tấc không đi, một ly không rời".

Bị đánh đau và thất bại nặng trong hai đợt phản công

chiến lược mùa khô, Mỹ - ngụy lại bị thêm một đòn bất ngờ vào đầu Xuân 1968, khi quân và dân ta liên tục tấn công địch trên khắp các chiến trường miền Nam.

Trong năm 1968, Mỹ - ngụy đã tổ chức 44 cuộc càn quét lớn nhỏ vào vùng giải phóng và ven thị trấn, với lực lượng tham gia từ 1 đại đội đến 3 tiểu đoàn bộ binh, có 1 đến 2 chi đoàn xe bọc thép và máy bay phối hợp, thời gian càn quét từ 2 đến 9 ngày.

Tháng 3-1968, Mỹ đổ quân đóng chốt điểm ở Núi Đất (Tịnh Bình) để uy hiếp vùng giải phóng tây Sơn Tịnh, đồng thời chúng tăng cường dồn quân bắt lính, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, xúc tát dân vùng giải phóng. Thực hiện chiến lược "quét và giữ" của kế hoạch "bình định cấp tốc", chúng không từ bất cứ thủ đoạn nào để đánh phá cơ sở cách mạng: cho máy bay, đại bác triệt hạ xóm làng, ruộng vườn, cây cối, đồ quân càn quét những vùng đông dân. Chúng chọn xã Tịnh Khê làm thí điểm thực hiện chủ trương ba sạch: "đốt sạch, giết sạch, phá sạch" hòng làm nhục ý chí cách mạng của nhân dân ta.

Về phía ta, do chưa đánh giá đầy đủ diễn biến của tình hình chiến trường, đưa hết lực lượng vũ trang ra phía trước, nên có nơi cả tiểu đội Mỹ đi nghênh ngang mà không có lực lượng để tiêu diệt. Lúc đầu tưởng rằng ta có thể giành được thắng lợi trong thời gian ngắn khi cuộc tổng tấn công giành được thắng lợi lớn nên một số cán bộ, đảng viên và nhân dân tỏ ra phần khởi lạc quan quá mức, nhưng khi ta chưa giành được thắng lợi quyết định

và bắt đầu gặp khó khăn thì tư tưởng hoài nghi, thiếu tin tưởng, hữu khuynh, cố thủ, ngại hy sinh ác liệt, trông chờ ỷ lại vào chi viện... bắt đầu xuất hiện. Số lượng du kích giảm hẳn.

Trước tình hình đó, để giữ vững và phát triển phong trào, Huyện ủy Sơn Tịnh đã kịp thời ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời tổ chức sơ kết thắng lợi của đợt tổng tấn công và nổi dậy đợt I của nhân dân toàn miền Nam nói chung và huyện nhà nói riêng. Các buổi kiểm điểm rút kinh nghiệm được tiến hành, những buổi lễ truy điệu những người đã anh dũng hy sinh được tổ chức. Đảng bộ quan tâm thăm viếng, động viên những gia đình có người hy sinh. Tư tưởng quần chúng dần dần được ổn định. Các chi bộ, đảng bộ và cá nhân đã tự liên hệ và kiểm điểm những ưu khuyết điểm của mình để bình chọn, tự phong, tự phê chỉ bộ bốn tốt, đảng viên bốn tốt, nhằm nâng cao nhận thức và khắc phục mọi tư tưởng sai lầm, xây dựng quyết tâm mới trong giai đoạn cách mạng mới.

Huyện ủy đã mở các lớp bồi dưỡng chính trị, phân tích rõ tình hình, nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới, làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy được những thắng lợi to lớn của ta và thất bại nhục nhã của địch. Từ đó, trình độ chính trị tư tưởng, lập trường của lực lượng vũ trang và bán vũ trang được nâng cao, phong trào chiến tranh nhân dân được tiếp tục đẩy mạnh.

Về phía địch, từ tháng 2-1968, quân chủ lực ngụy đã tiến đánh thôn Tư Cung và Mỹ Lai, đồng thời đổ quân

đóng một số chốt điểm trên các đồi trong xã Tịnh Khê. Những lần tấn công của địch đã bị quân dân xã Tịnh Khê liên tiếp đánh bại nên quân lính rất sợ hãi mỗi khi đặt chân lên vùng đất thép anh hùng này. Bọn chúng truyền nhau hai câu thơ:

"Sợ thay du kích Tịnh Khê

Lính đi mất mạng, quan về mất lon".

Bị thua đau, Mỹ - nguy càng thêm bối rối, chúng ra lệnh ném bom bắn phá bờ đê ngăn mặn, phá hoại kinh tế, dồn dân vào "ấp chiến lược", quyết biến Tịnh Khê thành vùng đất trắng không một bóng người, không màu xanh của sự sống. Vụ thảm sát Sơn Mỹ (Tịnh Khê) do đế quốc Mỹ gây ra vào sáng ngày 16-3-1968 là bằng chứng tội ác tày trời của chúng.

Sở dĩ quân Mỹ chọn Sơn Mỹ làm nơi tổ chức cuộc càn quét điển hình, vì chúng cho rằng dân Sơn Mỹ theo cách mạng, gan dạ, dũng cảm và anh hùng, đã chống đối chúng quyết liệt. Sơn Mỹ còn là căn cứ của quân giải phóng, từ đây thường xuất phát các cuộc tấn công đánh lên tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Chúng dự tính diệt được Sơn Mỹ là tiêu hao được một phần quan trọng sinh lực của cách mạng và tiến đến khống chế vùng Đông Quảng Ngãi. Chúng lấy thôn Mỹ Lai gọi chệch là Mỹ Lai, làm mục tiêu hành quân và đánh dấu các thôn khác trong xã theo thứ tự: Mỹ Lai 1, Mỹ Lai 2, Mỹ Lai 3, Mỹ Lai 4. Chúng còn gọi Mỹ Lai 4 là "Pink-Ville", có nghĩa là "làng hồng", vì nó được đánh dấu bằng màu hồng trên bản đồ quân sự, để chỉ rõ đây là vùng "thân cộng sản". Mỹ Lai 4 (xóm Thuận Yên), Mỹ Lai 2

(xóm Mỹ Hội, thôn Cổ Lũy) là hai trọng điểm của cuộc tàn sát đẫm máu ngày 16-3-1968 và cuộc tàn sát này được giao cho lực lượng đặc nhiệm Bắccơ (Barker) mà chủ công là đại đội Sác-li (Charlie), do đại úy Ecnê-t Mê-dina (Ernert Medina) làm đại đội trưởng chỉ huy.

Buổi sáng hôm ấy, như thường lệ, người dân Sơn Mỹ vẫn chuẩn bị một ngày làm việc bình thường. Bất ngờ đại bác, pháo các cỡ từ các căn cứ xung quanh bắn dồn dập vào thôn Tư Cung, Trường Định, Cổ Lũy và Mỹ Lai. Tiếp theo máy bay trực thăng xả đạn, rốc két và đại liên vào các xóm đông dân cư của hai thôn Cổ Lũy và Tư Cung. Cùng lúc, máy bay từ hướng Chu Lai đổ quân xuống giữa xóm Thuận Yên, Trường An thuộc thôn Tư Cung và xóm Gò, thôn Cổ Lũy.

Vừa bước chân ra khỏi máy bay, binh lính Mỹ như lũ chó điên, đi đến đâu xả súng bắn chết người đến đó, bắn tất cả những gì mà chúng gặp trên đường, không kể bà già, trẻ con, kể cả em bé khát sữa đang nhay vú mẹ chúng cũng không chừa. Nhà cửa, thôn xóm đều bị đốt cháy, tài sản, trâu bò đều không còn, cây cối gãy đổ, thôn xóm hoang tàn, người chết la liệt.

Những cảnh tượng đau lòng diễn ra khắp hai xóm Mỹ Hội và Thuận Yên. Nhiều gia đình không còn một người sống sót. Hành động điên cuồng, man rợ đầy thú tính của lính Mỹ diễn ra ghê rợn hơn khi chúng gom dân lại và tiến hành tàn sát tập thể hàng chục, hàng trăm người cùng một lúc. Đặc biệt là ở khu đất trống cạnh chòi canh bên nhà ông Nguyễn Nhiều, dịch lừa đồng bào vào vòng rào

thép gai, xả súng bắn chết 102 người và ở đoạn mương cạn cuối xóm Thuận Yên, chúng đã đẩy đồng bào xuống và xả súng bắn chết 170 người.

Chỉ trong 8 tiếng đồng hồ, với những hành động dã man mất hết tính người, giặc Mỹ đã sát hại 504 người dân hiền lành vô tội của xã Tịnh Khê (xóm Thuận Yên 407 người, xóm Mỹ Hội 97 người, có 182 phụ nữ, 17 người đang mang thai, 173 trẻ em, trong đó có 56 em dưới 5 tháng tuổi và 60 cụ già trên 60 tuổi). Chúng đã thiêu hủy 247 ngôi nhà, giết hại hàng trăm trâu bò, gia súc khác, 24 gia đình ở xóm Thuận Yên không một người sống sót.

Ngày 18-3-1968, phụ nữ Tịnh Khê đã viết thư gửi các lực lượng vũ trang, bán vũ trang trong huyện và lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam kêu gọi hãy hướng về Tịnh Khê, biến đau thương thành sức mạnh, trút căm thù lên lưỡi lê, nòng súng để trả thù cho đồng bào Tịnh Khê. Ngày 20-3-1968, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Sơn Tịnh ra lời kêu gọi khẩn cấp gửi quân dân trong huyện và tỉnh Quảng Ngãi hãy đoàn kết, kề vai sát cánh bên nhau, quyết tâm trả thù cho đồng bào Tịnh Khê.

Tội ác "trời không dung đất không tha" của đế quốc Mỹ đã khơi lên làn sóng phẫn nộ của những người có lương tri, tiến bộ trên thế giới. Nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Quảng Ngãi cũng như Sơn Tịnh và Tịnh Khê nói riêng thể dờn dờn "khắc cốt ghi xương" mối thù Sơn Mỹ. Ngày 23-3-1968, Huyện ủy đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh phát động sâu rộng lòng căm thù, tố cáo tội ác của giặc Mỹ và động viên phong trào thi đua với quyết tâm



Đồng chí TRƯỜNG THANH HẢI (HỒ)

Bí thư Huyện uỷ 1967-1968. 1970-1971

“diệt ác trừ gian, phanh thây giặc Mỹ” trong các lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân trong huyện, quyết xông lên bắt giặc Mỹ phải đền nợ máu, rửa mối hận thù. Nhân dân cả tỉnh, cả nước và nhân loại tiến bộ trên thế giới nghiêm khắc lên án và đòi trừng trị những tên đao phủ đã gây nên cuộc tàn sát đẫm máu này. Em Võ Thị Liên, một trong những nạn nhân sống sót của vụ thảm sát này, khi ấy mới 12 tuổi, đã đi một số nước trên thế giới để tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ hơn cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng. Làn sóng phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam ngày càng dâng cao.

Lực lượng du kích Tịnh Khê làm lễ tuyên thệ: “Thề quyết tử giữ quê hương, bám đất, bám dân, giữ làng chiến đấu và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”. Phối hợp với bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, du kích Tịnh Khê đã đánh bại các đợt càn quét của địch.

Chỉ trong những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4-1968, quân dân trong huyện đã loại khỏi vòng chiến đấu 574 tên Mỹ, nguy, bắn rơi 4 máy bay, phá huỷ 2 xe cơ giới, bắt hàng chục tên ác ôn. Tiếp tục phát huy thắng lợi đạt được của các lực lượng vũ trang, để lập thành tích chào mừng sinh nhật thứ 78 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 14 năm ngày ký kết Hiệp định Giơnevơ, Huyện đội Sơn Tịnh phát động ba phong trào thi đua:

- Phong trào diệt HU1A, tàu rọ.
- Phong trào đánh xe cơ giới.
- Phong trào đánh Mỹ-ngụy lòng sục.

Chỉ trong 3 tháng thi đua, từ tháng 5 đến tháng 7-1968, du kích các xã đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên Mỹ-ngụy, bắn rơi nhiều máy bay các loại, phá hủy và đánh hỏng 9 xe quân sự, có 6 xe tăng M113 và M118. Trong phong trào thi đua này đã xuất hiện các ngọn cờ: dùng súng bộ binh bắn cháy HU1A của du kích Tịnh Phong, bắn tàu rọ của du kích Tịnh Hoà, diệt xe tăng địch bằng vũ khí tự tạo của du kích Tịnh Trà và phong trào đánh Mỹ lòng sục của xã Tịnh Hoà.

Trong năm 1968, riêng xã Tịnh Khê đã loại khỏi vòng chiến đấu 510 tên địch, có 304 lính Mỹ, bắt 8 tù binh, bắn rơi và phá hủy 4 máy bay, 2 xe tăng M113, đào thêm 500 mét địa đạo, củng cố làng chiến đấu thêm vững chắc. Những tấm gương tiêu biểu như Dũng sĩ diệt Mỹ Nguyễn Sỏi, với tinh thần mưu trí, dũng cảm, trong một trận càn của địch vào đất Tịnh Khê, đã diệt được 20 tên Mỹ. Chiến sĩ thi đua Phạm Đức Hiền, với cây súng Garăng trong tay đã bắn cháy một chiếc HU1A. Ngoài ra, du kích Tịnh Khê còn phối hợp với các xã bạn ngăn chặn các cuộc tiến công của địch, làm nòng cốt xây dựng đội du kích của các xã Tịnh Long, Tịnh Kỳ, Tịnh Châu. Nhân dân trong xã tích cực tham gia sản xuất, đóng quỹ đảm phụ kháng chiến, hàng trăm người đi dân công tiếp vận. Với thành tích xuất sắc ấy, xã Tịnh Khê được mệnh danh là "pháo đài thép", nhân dân và lực lượng vũ trang xã vinh dự được Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang".

Cùng đau với nỗi đau chung của nhân dân Sơn Mỹ, với

tinh thần "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", thực hiện khẩu hiệu "Hạt gạo cắn đôi", "Không có gì quý hơn độc lập tự do", "Thà hy sinh tất cả quyết không làm nô lệ", lực lượng vũ trang huyện đã liên tục tấn công các đồn bót, ấp chiến lược, quận lỵ, thị trấn với tinh thần lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít đánh nhiều, phát huy cao độ lòng dũng cảm, mưu trí đánh địch không kể loại quân gì và bất kỳ trong tình huống nào, hỗ trợ tốt cho việc mở ra giành dân, giữ vững hành lang, đánh bại âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng của chúng. Trong phong trào "Thi đua lập công, Thu Đông đại thắng", các đơn vị vũ trang đã tổ chức học tập các gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí điển hình của các đồng chí Huỳnh Ký, Phạm Lang (Tĩnh Hoà), Lưu Thứ, Lưu Huỳnh (Tĩnh Trà), Nguyễn Sồi (Tĩnh Khê). Chỉ trong những ngày cuối tháng 8 đầu tháng 9-1968, lực lượng vũ trang và bán vũ trang Sơn Tịnh đã diệt trên 300 tên Mỹ-ngụy, bắt sống hàng trăm tên khác. Đặc biệt, trong 3 ngày 8,9 và 13-9-1968, du kích các xã Tịnh Sơn, Tịnh Bắc, Tịnh Đông đã hạ được 4 máy bay Mỹ. Du kích Tịnh Hà diệt và làm bị thương 53 lính cộng hoà tại thôn Hà Nhai. Lực lượng vũ trang huyện và du kích Tịnh Phong, Tịnh Ấn tiến công vào quận lỵ, phá 2 cầu, 5 cống, làm chủ đoạn đường từ Thế Lợi đến Phong Niên Thượng trong 3 ngày. Du kích Tịnh Phong trở thành ngọn cờ đầu trong phong trào dùng súng bộ binh bắn cháy HU1A, diệt một xe Zeep, hai chiếc GMC, hai xe cơ giới chở 4.500 tấm tôn và bắt lái xe chở về vùng căn cứ giữa ban ngày.

Kết quả, trong năm 1968, quân dân Sơn Tịnh đã đánh 532 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 3.927 tên địch, trong đó có 1.255 tên Mỹ, bắn rơi và phá hỏng 21 máy bay, 23 xe cơ giới, san bằng 4 chốt điểm và thu nhiều chiến lợi phẩm, phá banh 18 ấp chiến lược, giành quyền làm chủ cho hơn 4.000 dân.

Thi đua cùng các lực lượng vũ trang, nhân dân Sơn Tịnh nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc đánh giặc, giữ làng, đóng góp vào quỹ nuôi quân, đảm bảo cho bộ đội có đủ gạo ăn, có đủ vũ khí đạn dược để đánh địch, đủ người để bổ sung cho lực lượng vũ trang và kịp thời cứu chữa thương bệnh binh... Sự cống hiến to lớn của đồng bào biểu hiện rất sinh động trên mọi mặt trận, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Có em nhỏ ở Tịnh Sơn tự nguyện tháo đôi hoa tai vàng đóng góp cho cách mạng. Có bà mẹ già ở Tịnh Đông cả mùa đi mót được 30 ang lúa thì đã đóng góp 20 ang, hay mẹ con bà Thạc ở Tịnh Phong không có đất sản xuất mà chăm chỉ đi mót lúa để về nuôi cán bộ ở trong nhà. Có những gia đình thu hoạch được 100 ang lúa cũng xin đóng góp hết vào quỹ nuôi quân. Không có lời nói, hình ảnh nào có thể tả hết được tình cảm cao quý, tràn đầy lòng tin của người dân Sơn Tịnh đối với cách mạng. Trong năm 1968, toàn huyện có 12.197 lượt người đi dân công phục vụ tiền tuyến, đóng góp vào quỹ nuôi quân được 652.703 kg gạo, ủng hộ cho các đơn vị, trạm xá, du kích 67.500 đồng, 2.752 lon sữa cùng nhiều tặng vật khác. Hàng trăm thương bệnh binh được đồng bào chăm sóc chu đáo.

Đi đôi với công tác động viên nhân tài, vật lực, Đảng bộ

huyện còn quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân, làm cho nhân dân ý thức được rằng: "Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ". Những người nông dân yêu nước thực sự đã trở thành người chiến sĩ trên mặt trận sản xuất, quyết tâm bám giữ ruộng vườn. Được sự giúp đỡ của cấp trên về vốn sản xuất, nhân dân càng thêm quyết tâm sản xuất dưới làn bom đạn địch. Làm ban ngày không được, đồng bào tranh thủ sản xuất ban đêm và đã cấy được 5.502 mẫu ruộng, 3.429 mẫu rau màu ngắn ngày.

Các công trình thủy lợi như đập Quang Mỹ, các bờ xe nước ven sông Trà thường bị địch bắn phá, những người thợ xe quyết tâm tu sửa phục vụ sản xuất. Nhân dân còn đấu tranh buộc địch phải mở cửa khẩu kênh Sơn Tịnh, lấy nước tưới giữ màu xanh cho đồng ruộng.

Công tác giáo dục - y tế - văn hóa - xã hội cũng đạt được nhiều thành tích lớn. Từ năm 1964-1965, nhiều xã ở vùng giải phóng Sơn Tịnh đã có trường tiểu học; đầu năm 1966 đã có trường cấp II. Từ năm học 1966-1967, ở vùng giải phóng đã có học sinh thi hết cấp II do Ban giáo dục tổ chức. Phong trào xóa nạn mù chữ phát triển.

Trong các thắng lợi chung, vai trò các đoàn thể nhân dân được thể hiện rõ trong tất cả các lĩnh vực chiến đấu và sản xuất. Mỗi hội viên của từng đoàn thể đã xác định được nhiệm vụ chính trị của mình để cùng với các lực lượng vũ trang chiến đấu giành thắng lợi ngày càng lớn hơn. Thắng lợi ấy gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, thể hiện

rõ vai trò của từng đảng viên trong chiến đấu cũng như trong sản xuất. Đảng bộ đã coi trọng công tác tư tưởng, nâng cao tinh thần đấu tranh nội bộ, lấy việc xây dựng chi bộ bốn tốt làm trọng tâm. Trong năm 1968, Đảng bộ đã kết nạp được 401 đảng viên. Toàn Đảng bộ có 900 đảng viên, sinh hoạt trong 43 chi bộ, trong đó có 16 chi bộ được công nhận là chi bộ bốn tốt.

Một sự kiện quan trọng đánh dấu sự thắng lợi của quân và dân Sơn Tịnh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là trong năm 1968, Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Sơn Tịnh được thành lập. Đồng chí Bùi Á, Phó Bí thư Huyện ủy, được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ.

Từ năm 1965 đến 1968, quân Mỹ và quân chư hầu Nam Triều Tiên kéo vào Sơn Tịnh ngày càng nhiều, cuộc chiến đấu của nhân dân ta ngày càng gay go, ác liệt. Cùng với quân nguy, chúng liên tiếp mở hai đợt phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966, 1966 – 1967 với nhiều cuộc càn quét ác liệt có tính chất hủy diệt xóm làng, tàn sát dã man đồng bào, hòng đè bẹp ý chiến đấu của quân và dân Sơn Tịnh. Song, chúng đã vấp phải tinh thần "quyết chiến quyết thắng" của quân dân ta, của mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp từ vùng giải phóng đến vùng địch kiểm soát. Đảng bộ Sơn Tịnh đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương của cấp trên, đề ra những biện pháp phù hợp với thực tế của địa phương, kiên định, vững vàng lập trường hai chân, ba mũi giáp công để liên tiếp tiến

công địch, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận. Trong cuộc đấu tranh với quân Nam Triều Tiên khát máu, Đảng bộ Sơn Tĩnh đã nhanh chóng chuyển mũi đấu tranh chính trị từ trực diện sang vu hồi để giữ đất, giành dân và đạt được thắng lợi. Với cách đánh sáng tạo, mưu trí của phong trào du kích chiến tranh, quân và dân Sơn Tĩnh đã góp phần cùng bộ đội chủ lực lập nên những chiến công vang dội ở đồi 62 - Tây Giáp, Đông Giáp, Gò Tranh (Thượng Thọ, Quang Thạnh)... làm thất bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch. Cùng nhân dân toàn miền Nam đồng loạt nổi dậy, bất ngờ tiến công địch đầu xuân Mậu Thân, nhân dân Sơn Tĩnh đã giáng cho kẻ thù những đòn chí tử. Bộ máy ngụy quyền tan rã từng mảng, tinh thần binh lính hoang mang cực độ, sa sút ý chí chiến đấu. Vùng giải phóng được mở rộng tới sát quận lỵ. Thắng lợi ấy góp phần làm đảo lộn thế chiến lược của địch từ tiến công chuyển sang phòng ngự bị động, chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ bị phá sản hoàn toàn, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari.

Bên cạnh thắng lợi giành được, Đảng bộ Sơn Tĩnh còn có lúc chủ quan trong đánh giá, nhận định tình hình địch, nhấn mạnh chiều thuận lợi, chưa thấy hết khó khăn và âm mưu của địch, chưa coi trọng xây dựng lực lượng phía sau, nên khi địch đánh phá ác liệt, có nơi ta không giữ được dân. Các đoàn thể chưa được chú ý xây dựng đúng

mức. Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng phần nào đến thắng lợi mà nhân dân ta có thể đạt được.

Giai đoạn 1965 - 1968 kết thúc với sự thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Nhân dân Sơn Tịnh cùng toàn miền Nam vững vàng trong thế chủ động tiến công, tiếp tục cuộc đấu tranh chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

**THAM GIA ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC
“VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH”
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ
(1969 – 1973)**

Bị thất bại trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ ngày càng bị động trên chiến trường cả nước, buộc phải từng bước xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán tại Pari, thừa nhận Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, rút dần quân Mỹ về nước. Song, tiếp tục thực hiện mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ tăng cường cung cấp trang thiết bị, vũ khí, kỹ thuật hiện đại cho quân ngụy thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đồng thời mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

Mỹ - ngụy đề ra chương trình "bình định nông thôn", coi đó là quốc sách trong việc thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" hồng tiêu diệt cơ sở cách mạng, tiêu hao, đẩy lùi quân chủ lực ta ra khỏi các vùng đông dân, cắt đứt sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, xây dựng cơ sở cho bọn tay sai củng cố bộ máy ngụy quyền.

Sơn Tịnh là một trong những địa bàn chiến lược quan

trọng vừa là nơi tiếp cận thị xã, ở gần căn cứ Chu Lai, vừa là nơi cung cấp nhiều nhân tài, vật lực cho kháng chiến. Do đó, trong việc thực hiện ba âm mưu lớn "quét và giữ", "bình định nông thôn", "phi Mỹ hóa chiến tranh", đế quốc Mỹ đã coi đây là vùng trọng điểm và tập trung một lực lượng quân sự tương đối lớn cả về quân số lẫn trang thiết bị hiện đại để đánh phá dai dẳng với mưu đồ "đốt sạch, phá sạch, giết sạch", làm cho nhân dân vùng giải phóng đói nghèo phải vào khu đồn, thị trấn, làm mất chỗ dựa của cách mạng, lung lạc tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Từ cuối năm 1968, Mỹ - ngụy ra sức lập vành đai trắng phòng thủ quân lỵ từ Thọ Lộc (Tĩnh Hà) đến Đa Ngân (Tĩnh Ấn), Khánh Vân (Tĩnh Thọ) và đóng nhiều chốt điểm. Chúng cho máy bay ném bom rải thảm ở các xã Tĩnh Đông, Tĩnh Giang, biến các vùng giáp ranh thành vùng đất trắng. Ở khu đông, chúng "bình định" vùng từ Tĩnh Long, Hòa Bân (Tĩnh Thiện) đến Quán Cơm (Tĩnh Ấn), lập thêm khu đồn Văn Thánh.

Thực hiện kế hoạch "bình định cấp tốc", từ ngày 13-1 đến ngày 19-2-1969, địch tập trung lực lượng, phương tiện chiến tranh hiện đại, mở trận càn lớn mang tên "Liên kết 9", với 8.000 quân gồm đủ các binh chủng cùng 130 xe tăng, xe bọc thép, 80 trực thăng, 21 khẩu pháo các cỡ, 23 tàu thủy đánh phá khu vực Ba Làng An gồm các xã Tĩnh Kỳ, Tĩnh Hòa, Tĩnh Khê (Sơn Tĩnh), Bình Châu, Bình Phú, Bình Tân (Bình Sơn). Mỹ - ngụy cho rằng, đây là khu căn cứ lớn của cách mạng ở đồng bằng ven biển, là bàn đạp

tấn công đông nam Chu Lai, đông bắc thị xã Quảng Ngãi. Với chính sách "ba sạch", chúng đã giết hại 204 đồng bào ta, bắn chết 750 con trâu, bò, dùng bom pháo san bằng nhà cửa, hầm hào, ruộng vườn, xức chỏ hơn 10.000 dân lên khu đồn Văn Thánh (Tĩnh Ấn), dày dọ đồng bào sống chen chúc trong cảnh màn trời, chiếu đất.

Ở khu tây Sơn Tịnh, từ ngày 19-1 đến ngày 15-2-1969, Mỹ - ngụy cũng liên tiếp mở những cuộc càn quét lớn, với nhiều thứ quân đánh vào ba xã: Tịnh Bình, Tịnh Sơn và Tịnh Minh, dùng chiến tranh tâm lý mua chuộc, dụ dỗ nhân dân, cán bộ ta, kêu gọi đồng bào ra núi Tròn ở, sau đó cho phản lực đến đội bom để uy hiếp tinh thần. Pháo các cỡ từ các chốt điểm bắn xối xả vào thôn xóm, mở đường cho quân đi càn. Các thôn Minh Long (Tịnh Minh), Bình Đông (Tịnh Bình) bị ném bom suốt 7, 8 ngày liền. Toàn bộ nhà cửa, vườn tược biến thành vùng đất trắng, chỉ chít hố bom, có khu vườn chưa đầy 7 sào phải chịu 20 quả bom loại 500 kg. Chúng rải chất độc hóa học hủy hoại môi trường sống, hủy hoại hoa màu, phá hoại sản xuất của nhân dân và phong tỏa các nơi thu mua lương thực tiếp tế của ta, kiểm soát chặt chẽ các cửa ra vào các khu đồn.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương về "Tình hình và nhiệm vụ", xuất phát từ thực tiễn chiến trường, Khu ủy V khẳng định: muốn đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" trước hết phải đánh bại kế hoạch "bình định nông thôn". Đây là cuộc chiến đấu toàn diện, quyết liệt trên mọi mặt (quân sự, chính trị, kinh tế, tư tưởng) nhằm tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, giành và giữ

quyền làm chủ của nhân dân.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Huyện ủy Sơn Tịnh, các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với dân quân du kích các xã khu vực Ba Làng An liên tiếp tấn công địch từ ngày đầu, với cách đánh mưu trí, linh hoạt như nhử địch vào bãi mìn, hầm chông để tiêu diệt. Ngày 13-1-1969, một tiểu đoàn lính cộng hòa và hai đại đội bảo an tiến vào xã Tịnh Khê lùng sục các thôn Trường Định, Tư Cung, Mỹ Khê. Ngay từ đầu chúng đã bị một đơn vị của Tiểu đoàn 48 và dân quân du kích dựa vào làng chiến đấu, liên tục đánh, diệt hơn 100 tên, bắn cháy xe bọc thép M113. Đêm 14-1-1969, bộ đội tỉnh diệt gọn một trung đội Mỹ đóng quân tại chùa Đá Mộc. Sáng 16-1, quân ta diệt tiếp một đại đội địch và tối 16-1, quân ta bất ngờ tập kích một đơn vị quân Mỹ ở Đá Dựng diệt hàng chục tên. Đến ngày 27-1-1969, các lực lượng vũ trang lại tấn công địch trên đường số 1 sát quận lỵ Sơn Tịnh. Du kích Tịnh Ấn, Tịnh Thiện, Tịnh An đã tổ chức nhiều cuộc tập kích diệt hàng chục tên địch quanh khu đồn Văn Thánh. Kết quả, từ ngày 13 đến ngày 30-1-1969, quân ta đánh bại cuộc càn "Liên kết 9" của 8.000 quân Mỹ vào khu vực Ba Làng An, tiêu diệt 1.454 tên địch, diệt 5 trung đội Mỹ, 1 đại đội nguy và phá hủy 17 xe tăng, bắn rơi 7 máy bay, làm thất bại trận càn lớn nhất của chúng ở Khu V. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ bước đầu bị lung lay.

Tại khu đồn Văn Thánh, trên 10.000 người hầu hết là ông bà già, trẻ em và phụ nữ bị chúng nhốt trong 118 căn

lều, trại, giữa bãi cát trơ trụi, xung quanh có 3 lớp rào dây thép gai và một đại đội lính canh gác. Do sống chật chội, thiếu vệ sinh, ăn uống đói khát, số người bị đau ốm lên đến 70%, ngày nào cũng có 8,9 người chết, phần lớn là trẻ em.

Trước cảnh sống khốn cùng ấy, nhân dân trong khu đồn đã liên tục đấu tranh đòi trở về quê cũ làm ăn, khẩu hiệu "Đả đảo Thiệu-Kỳ" luôn luôn xuất hiện trong các căn lều của khu đồn. Khi chúng phát đồ viện trợ, có cụ già đã cầm lon sữa nói: "Sữa này là sữa mất nước, là đồ cặn bã, uống sữa này là ô nhục". Dứt lời, cụ ném lon vào đầu bọn ác ôn đứng gần đó và cụ đã bị chúng bắn chết.

Biết không thể khuất phục được đồng bào ta, trong ba ngày 9, 20 và 22-3-1969, bọn địch cho xe chở hơn 1.200 đồng bào ta, có cả một số tù chính trị ở lao Quảng Ngãi, xuống khu đồn Phú Thọ (Tư Nghĩa). Sau đó, chúng cho tàu thủy chở ra hòn Bàn Than, cho nước vào tàu và chạy hết tốc lực, để nước cuốn trôi, hoặc cho lật chìm ghe để giết chết tất cả, ai cố bơi vào bờ đều bị chúng xả súng bắn luôn. Xác đồng bào trôi dạt vào các cửa biển từ cửa Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á đến Tam Quan (Bình Định), được nhân dân những nơi này vớt lên chôn cất¹.

Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi đã tố cáo tội ác của Mỹ - ngụy trước dư luận trong nước, trên thế giới và gửi tới Hội

1. Báo *Quân giải phóng* - cơ quan của Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Trung Trung Bộ, số 100, ngày 24-4-1969.

nghe Pari về Việt Nam; kêu gọi đồng bào, chiến sĩ trong tỉnh xông lên, tiêu diệt thật nhiều Mỹ-ngụy, quyết bắt chúng phải đền tội gấp trăm lần để trả thù cho đồng bào thân yêu bị giết hại; đồng thời kêu gọi đồng bào cả nước và những người yêu chuộng hoà bình, công lý trên thế giới hãy nghiêm khắc lên án và đấu tranh để ngăn chặn bàn tay đẫm máu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Ngay sau lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Ngãi, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã làm lễ phát động căm thù để trả thù cho đồng bào Ba Làng An. Đơn vị nào cũng hứa: quyết lấy máu giặc nhuộm thấm khăn tang để trả thù cho đồng bào. Trước giờ xuất kích, nhiều chiến sĩ đã nắm tay thét lớn: “Đã đảo bọn giết người man rợ”, “Nợ máu phải trả bằng máu”. Liên tiếp các đêm 18 và 19-3-1969, các chiến sĩ trong đơn vị pháo binh tỉnh, với lòng căm thù giặc cao độ đã nã pháo liên tục vào cơ quan địch ở khu đồn Văn Thánh, giết chết 82 tên Mỹ, 25 tên khác bị thương, 14 xe tăng bốc cháy, bắn hỏng một cối 106 ly. Bọn địch trong khu đồn lúng túng, hoang mang, vội chạy trốn xuống Bình Châu, Tịnh Kỳ nhưng vẫn không thoát khỏi lưới lửa của quân ta. Đêm 27-3, sau 15 phút chiến đấu, 58 tên ác ôn phải đền tội, 1 xe M41 bị cháy, 2 khẩu cối 106 ly bị hỏng, ta thu 10 súng, có 1 trung liên.

Phối hợp với mũi vũ trang, đồng bào trong khu đồn Văn Thánh đấu tranh đòi trở về quê cũ với nhiều hình thức khác nhau, như tuyệt thực, không nhận khẩu phần cấp phát, phản đối phân loại quân chúng, ly khai người

thân và biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc đấu tranh vạch tội bọn ác ôn, cảnh sát... Du kích mật liên tục diệt bọn lính gác, lính "bình định" ác ôn, hỗ trợ nhân dân từng bước phá lỏng kẹp, thoát ra khỏi khu đồn từng bộ phận, khiến cho bọn địch không quản lý được. Cuối cùng, chúng phải chấp nhận, để hơn 6.000 dân ở khu đồn Văn Thánh trở về làng cũ.

Ở khu tây, các lực lượng vũ trang ta đã phối hợp chiến đấu, tiến công cao điểm 102, chặn đánh chi đội xe bọc thép trên đường đến chi viện cho Sơn Tịnh. Trong các trận chiến đấu, chống các cuộc càn quét, bắn phá của địch, ta đã diệt 400 tên, trong đó có 113 tên Mỹ, đánh hỏng 6 xe tăng, bắn cháy 4 máy bay, bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân.

Đầu tháng 3-1969, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị, đề ra phương án mới, chủ trương ra sức tranh thủ thời gian, nỗ lực gấp bội, khẩn trương đẩy mạnh các hoạt động nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của chiến dịch; đẩy mạnh tiến công liên tục tiêu diệt nhiều sinh lực Mỹ - nguy, tập trung sức phá kẹp, giành dân, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại các cuộc phản kích của địch, đập tan kế hoạch "bình định cấp tốc". Biến đau thương thành sức mạnh, quyết tâm trả thù cho đồng bào bị Mỹ sát hại và thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, quân và dân Sơn Tịnh liên tục tiến công địch, nêu cao khẩu hiệu "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt". Quân dân ta đánh cả ngày lẫn đêm, trong bất cứ tình huống nào. Lực lượng vũ trang huyện và du kích các

xã liên tục tấn công vào khu đồn Văn Thánh, Tịnh Kỳ, đồn 102 (Thiên Ấn), đầu cầu Trường Xuân, ấp Ngọc Thạch.

Với tinh thần mưu trí và dũng cảm, ngày 12-3-1969, hai du kích Tịnh Thọ đã gài mìn diệt 1 xe M118 trên đường chúng chạy từ căn cứ Núi Đất về căn cứ Bạc Hà (Bình Sơn). Các đội công tác phía trước đã đột nhập vào các ấp chiến lược ban đêm, nằm lốt lại ban ngày để tiêu diệt địch. Ngày 19-3, đội công tác Tịnh Long lốt lại ở ấp An Lộc tiêu diệt 3 tên ác ôn giữa ban ngày; du kích Tịnh Ấn lốt lại ấp xóm Núi, Trà Sơn tiêu diệt 4 tên nghĩa quân. Sáng ngày 24-3, du kích Tịnh Khê đã phục kích một đại đội bảo an đi càn. Bị tấn công bất ngờ, một số tên bị tiêu diệt tại chỗ, một trung đội khác hoảng hốt chạy ra sông Kinh đúng lúc thủy triều lên, bị hỏa lực của quân dân tấn công làm cho cả trung đội địch bị nhấn chìm xuống sông. Đêm 28-3, bộ đội địa phương và du kích các xã tiếp tục tấn công bọn bình định, ác ôn, diệt 40 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Có thể nói, mỗi lần xuất quân là mỗi lần các lực lượng vũ trang lập được chiến công để trả thù cho đồng bào thân yêu.

Tính từ ngày 10 đến ngày 20-3-1969, quân dân Bình Sơn, Sơn Tịnh đã đánh 20 trận và 19 mục tiêu của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 899 tên địch, có 540 tên Mỹ, phá hủy 6 xe bọc thép, thu 43 súng các loại.

Ngày 27-3-1969, hơn 4.000 đồng bào trong huyện đã 6 lần kéo vào quận lỵ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống cướp phá tài sản của nhân dân. Đồng bào các

xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ đấu tranh không cho xe địch cày ủi phá hoa màu của nhân dân.

Nhìn chung, trong mùa xuân 1969, chúng ta vẫn giữ được thế tiến công liên tục và giành được thắng lợi, địch bị động chống đỡ. Tuy nhiên, ta vẫn còn một số mặt yếu cần phải khắc phục như ở vùng mới làm chủ thực lực ta chưa thật mạnh, công tác binh vận chưa được các đảng bộ thật sự quan tâm đúng mức và chưa trở thành phong trào quần chúng tấn công làm tan rã quân địch.

Khắc phục tình trạng trên và thực hiện các nghị quyết của cấp trên, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các mặt công tác, khắc phục mọi yếu kém. Ba thứ quân đã có sự hợp đồng chiến đấu chặt chẽ hơn. Các lực lượng vũ trang đã tiến công vào khu đồn Tịnh Kỳ, diệt và bắt sống 13 tên địch, đưa 550 đồng bào về quê cũ vào tháng 4-1969.

Phát huy thắng lợi của quân dân trong huyện, thi đua lập thành tích kỷ niệm 15 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, mừng thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh 79 tuổi, kiên quyết “xé xác Mỹ-ngụy, trị sạch ác ôn” trả thù cho đồng bào Ba Làng An, đêm 11 rạng ngày 12-5-1969, cùng với quân dân trong tỉnh, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang Sơn Tịnh đã đồng loạt tấn công vào các ấp Phú Giang, Phú Mỹ Hạ, Phú Hoà, Đa Ngân, Phú Ninh, bắc cầu Quán Cơm, Tân Long (Tịnh Ấn), Trường Xuân (Tịnh Hà), Sơn An, Sơn Phú (Tịnh An) và Sơn Giao, Sơn Hoà... Tại Tịnh Phong, quân ta đánh bật 1 tiểu đoàn ngụy, diệt hàng chục tên, không cho chúng đi càn quét. Tại Tịnh Bình, sau 30 phút chiến đấu, quân ta đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy tiểu đoàn, 3

đại đội, diệt và làm bị thương gần 40 tên địch, phá huỷ 4 khẩu pháo tại căn cứ Núi Đất...

Như vậy, chỉ trong tháng 5-1969, quân dân Sơn Tịnh đã diệt và làm bị thương 86 tên địch, bắt sống 10 tên, thu 7 súng, đánh sập 1 lô cốt, cắt phá 600 mét rào, đánh cháy 3 xe M113, làm chủ các ấp Đa Ngân, Phú Giang, Phú Hoà, Hà Nhai, rải 1.500 truyền đơn, áp phích.

Trước thất bại liên tiếp, địch rút bỏ nhiều đồn bốt ở các quận lỵ để dồn lực lượng về bảo vệ thị xã và các tuyến giao thông ở quốc lộ 1. Âm mưu "bình định" quy mô có trọng điểm không thực hiện được, từ tháng 6-1969, Mỹ - ngụy chuyển sang giai đoạn "bình định" tại chỗ, cố gắng đánh tập trung với tốc độ nhanh hơn, dùng nhiều thủ đoạn thâm độc hơn, đánh phá toàn diện hơn cả về quân sự, chiến tranh tâm lý, gián điệp. Chúng tăng cường 2 tiểu đoàn "Chó căm" và "Trâu điên" thường xuyên đánh phá các xã dọc sông Trà Khúc; ba đại đội "Mỹ lết" đánh phá vùng giáp ranh. Chúng còn mở chiến dịch "Phượng hoàng" đánh vào khu vực Ba Làng An.

Bọn Mỹ đã ngoại càn lết ở các xã phía bắc và vùng núi, đi đến đâu là đốt phá, bắn giết đến đấy. Các bờ xe nước bị phá sập, nhà cửa bị đốt sạch, nhân dân phải sống cảnh màn trời, chiếu đất trong 2, 3 tháng liền ở khu tây Sơn Tịnh, với bầu không khí vô cùng căng thẳng, ngột ngạt. Đến cuối năm 1969, chúng đã dồn 9.000 đồng bào các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bình vào khu đồn Núi Tròn, đồng thời phân loại dân theo khu vực để dễ kiểm soát và đưa bọn tình báo CIA về xây dựng cơ sở, đánh phá lâu dài

vùng này. Tiếp đó, chúng cày ủi Tịnh Thọ, lập thêm khu đồn Vạn Hòa, Cẩm Sơn và đóng thêm một số chốt điểm.

Ở khu đông, phụ tá tỉnh trưởng Vũ Xuân Bình cho nguy quân dùng hàng chục tấn bom phá nát đập Quang Mỹ, không cho nhân dân tu sửa, gây khó khăn trong sản xuất, làm ảnh hưởng lớn tới đời sống, gây hoang mang trong nhân dân. Tất cả các thủ đoạn ấy hòng đánh bật đảng viên, cán bộ ra khỏi quần chúng nhân dân, làm cho ta không có chỗ đứng chân hoạt động.

Trong hai ngày 3 và 4-8-1969, Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ IV được tổ chức, tại dốc Đá Lửa, phía tây thôn Vĩnh Tuy (Tịnh Hiệp) với sự có mặt của 52 đại biểu thay mặt cho 950 đảng viên trong huyện. Đại hội đã tổng kết công tác nhiệm kỳ trước và phân tích những khó khăn, thuận lợi của ta, nhận định âm mưu, mức độ đánh phá của địch thời gian tới và đề ra nhiệm vụ: chống "bình định" lấn chiếm xúc dân; xây dựng lực lượng vũ trang từ cơ sở lên huyện, đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng trong cán bộ, quần chúng. Đại hội bầu đồng chí Lê Thành Tâm làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Bùi Á và đồng chí Phạm Tấn Thời làm Phó Bí thư. Đồng chí Bùi Á được phân công phụ trách công tác chính quyền. Sau một thời gian, đồng chí Lê Thành Tâm được điều lên tỉnh công tác, đồng chí Trương Thanh Hải làm Bí thư Huyện uỷ.

Sau Đại hội, Thường vụ Huyện uỷ và Ban cán sự các ngành, các đoàn thể luôn bám sát phong trào để có kế hoạch kịp thời chỉ đạo sát từng khu vực. Từ cuối năm 1969 đến năm 1970, địch tập trung đánh phá các xã Tịnh.

Giang, Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Thọ, cướp đi hàng trăm trâu bò của nhân dân, bắt 135 người giam giữ ở các nhà lao huyện, tỉnh và hăm hiếp thiếu nữ 15, 16 tuổi, làm cho có em bị tàn phế. Với lực lượng thường xuyên hoạt động từ 1 đến 3 tiểu đoàn nguy, 3 trung đội Mỹ cùng bọn địa phương quân, với sự hỗ trợ của 14 xe tăng, xe bọc thép cùng bọn ác ôn lưu vong, chúng đốt một lúc hơn 160 nóc nhà của nhân dân trong ấp Núi Tròn và tiến hành bình định khu vực Diên Niên (Tịnh Sơn), Ninh Thành (Tịnh Minh).

Từ tháng 6-1970 đến tháng 9-1970, chúng tăng cường thực hiện âm mưu “phi Mỹ hoá chiến tranh”, bằng kế hoạch bình định đặc biệt: tiến hành cày ủi các xã khu đông, nhất là Tịnh Khê. Đầu tháng 7-1970, quân địch chở tới Núi Tròn nhiều lô cốt dã chiến, cọc sắt, dây kẽm gai, 2.000 tấm tôn. Chúng lừa bắt dân đào công sự, làm rào vây và dựng lên 40 căn nhà tôn. Chúng thực hiện chiến dịch “rung cây không cho chim đậu”, “tát nước bắt cá” hồng không chế, uy hiếp nhân dân và cán bộ ta, nhất là ở các xã vùng tây Sơn Tịnh. Tháng 11-1970, chúng tập trung sư đoàn 6 đánh phá các xã Tịnh Sơn, Tịnh Bình, lập khu Hòn Một, chốt điểm Núi Lách.

Đi đôi với việc đánh phá bằng quân sự, địch tiến hành các hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng với nhiều hình thức tinh vi, xảo quyệt, thâm độc hơn. Chúng dùng máy bay ngày đêm (có lúc 12 giờ đêm) chia loa gọi kêu gọi cán bộ, chiến sĩ ta ra hàng. Có khi chúng bất ngờ bắn một loạt pháo vào các vùng xung quanh hay nổ những tràng đại liên trút xuống từ những chiếc máy

bay HU1A. Tiếng loa lải nhải của bọn tâm lý chiến vang lên với những lời lẽ của vợ gọi chồng, con gọi cha. Chúng rải truyền đơn với những hình ảnh kêu gọi và kích động tâm lý những người cầu an, sợ chết. Mặt khác, chúng hù dọa các gia đình cán bộ, đảng viên bị dồn vào các ấp chiến lược để khống chế họ, bắt họ kêu gọi con em ra đầu thú, làm cho một số người hoảng sợ, đã ra chiêu hồi và dặt dịch trở lại bắt bớ cán bộ, phục kích nơi tập trung của ta.

Bên cạnh đó, chúng ra sức phát triển mạng lưới gián điệp, mật báo để tung tay sai vào vùng giải phóng, lợi dụng và khống chế một số người có quan hệ ở hai vùng để giao kế hoạch phá hoại cách mạng, kể cả việc tổ chức ám sát cán bộ, ném lựu đạn vào nơi hội họp của cán bộ, làm chết và bị thương một số đồng chí. Chúng còn ra sức tuyên truyền lối sống ăn chơi trụy lạc, cờ bạc, rượu chè trong thanh thiếu niên, phát triển mê tín dị đoan trong nhân dân.

Ở vùng tạm thời kiểm soát, địch ra sức củng cố bộ máy kìm kẹp, phát triển các tổ chức, đảng phái, tôn giáo phản động, nhất là bọn Quốc dân đảng, phát triển mạng lưới tình báo đường dài và đào tạo một số thanh thiếu niên thành các tình báo viên, gián điệp viên chuyên nghiệp. Trong các khu đồn, ấp chiến lược, chúng phân loại quần chúng để khống chế, kìm kẹp và bóc lột bằng nhiều hình thức khác nhau, nhằm cắt đứt quan hệ giữa nhân dân và cách mạng.

Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, gây nhiều tổn thất, các đoàn thể không sinh hoạt được, việc sản xuất,

huy động nhân lực phục vụ cách mạng bị giảm sút nhiều. Công tác văn hóa, giáo dục ở vùng giải phóng vô cùng khó khăn, thầy trò trong huyện phải đào hầm làm lớp học. Một số thầy cô giáo và học sinh bị trúng bom của kẻ thù. Cán bộ, đảng viên nhiều nơi không có chỗ đứng chân. Phong trào chiến tranh du kích gặp nhiều khó khăn, có xã chỉ còn 5-7 đồng chí cán bộ hoạt động. Một số du kích hoang mang bỏ súng. Có nơi quần chúng không cho du kích đánh địch, vì sợ sau đó địch khủng bố, đàn áp. Phong trào đấu tranh chính trị rời rạc, quần chúng không an tâm nên khó tập hợp và tổ chức, công tác binh vận không đạt kết quả.

Giữa lúc phong trào cách mạng trong huyện đang gặp khó khăn thì ngày 2-9-1969, Bác Hồ qua đời. Tổn thất to lớn này khiến cho tất cả cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân nghẹn ngào, đau xót và tiếc thương vô hạn. Ngày 8-9-1969, Huyện ủy làm lễ truy điệu Người. Tất cả mọi con tim đều hướng về Hà Nội, lắng nghe từng câu, từng lời *Di chúc* thiêng liêng của Người và bài Điều trần truy điệu Người do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc. Trong niềm xúc động của những đứa con chưa một lần được gặp Bác, quyết biến đau thương thành hành động cách mạng cụ thể, Đảng bộ đã phát động phong trào toàn quân, toàn dân học tập và làm theo *Di chúc* của Bác.

Để đối phó với âm mưu của địch và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng được kịp thời trên địa bàn, tháng 8-1970, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương chia huyện Sơn Tịnh làm hai khu vực: đông Sơn Tịnh và tây Sơn Tịnh, để thành lập huyện Đông Sơn gồm

các xã: Tịnh Kỳ, Tịnh Khê, Tịnh Hoà, Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Long, Tịnh An, Tịnh Phong, một phần Tịnh Ấn thuộc huyện Sơn Tịnh và 5 xã của huyện Bình Sơn là: Bình Phú, Bình Tân, Bình Thanh, Bình Châu, Bình Hiệp. Đồng chí Nguyễn Duy Nhật được chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn, đồng chí Trần Hồng Vân làm Phó Bí thư. Đến tháng 9-1971, đồng chí Nguyễn Duy Nhật chuyển về làm Bí thư khu tây Sơn Tịnh thay đồng chí Trương Thanh Hải lên tỉnh công tác. Đồng chí Trần Hồng Vân được chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn.

Công tác xây dựng đội ngũ du kích xã thôn được xúc tiến một cách khẩn trương và vận dụng phương châm tác chiến cho phù hợp với tình hình.

Sau khi quán triệt tinh thần Nghị quyết IX của Khu uỷ, Nghị quyết VI của Tỉnh uỷ và học tập *Di chúc* của Bác Hồ, hưởng ứng đợt thi đua quyết biến đau thương thành sức mạnh, bắt đầu từ tháng 9-1969, Huyện uỷ liên tiếp tổ chức các đợt thi đua ngắn hạn, được tất cả các địa phương, đơn vị, ngành, giới tham gia sôi nổi, nhiệt tình. Các đợt chỉnh huấn trong Đảng được tiến hành, từng đảng viên tự kiểm điểm, phân tích những ưu, khuyết điểm của mình với tinh thần phê bình và tự phê bình thẳng thắn, kiên quyết khắc phục mọi sai lầm, từ đó xác định rõ trách nhiệm của mình, nêu cao quyết tâm đánh thắng mọi âm mưu của địch trong mọi tình huống. Các đợt học tập chính trị của các đoàn thể quần chúng (do tổ nông hội làm nòng cốt, thu hút 89% hội viên tham gia) được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, nhằm phát huy truyền thống

đấu tranh chống ngoại xâm, qua đó phát động và nâng cao ý chí căm thù giặc, kiên trì bám trụ, đánh giặc giữ làng, quyết tâm làm theo lời dạy của Bác Hồ. Trong phong trào thi đua, các địa phương, đơn vị, ngành, giới đã tự đề ra những khẩu hiệu với nội dung phù hợp như các lực lượng vũ trang có phong trào "luyện hay đánh giỏi" học tập gương các anh hùng Đinh Tía, Nguyễn Bi; các địa phương có phong trào xây dựng xã "ba vững mạnh" và các ngành, giới có phong trào thi đua "bốn đảm đang" của phụ nữ, "năm xung phong" của thanh niên, "bốn tốt" của nông hội, "tuổi nhỏ chí lớn" trong thiếu nhi...

Để củng cố và xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, Đảng bộ đã chỉ đạo tốt công tác bầu cấp ủy mới, tăng cường đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực, xông xáo trong hoạt động vào cấp ủy để lãnh đạo phong trào các địa phương, tăng cường đảng viên tham gia du kích, trực tiếp chiến đấu làm nòng cốt cho phong trào xây dựng lực lượng vũ trang và du kích, tiến hành bình chọn đảng viên bốn tốt, đồng thời xử lý những đảng viên thoái hóa, biến chất. Qua các đợt chỉnh huấn có 62/66 chi bộ xã, thôn được củng cố. Phong trào cách mạng từng bước chuyển biến tích cực. Khi địch càn quét đánh phá ác liệt, Đảng ủy Tịnh Khê đã lãnh đạo cán bộ, du kích bám trụ, đào hầm ở cả những vùng bị địch ủi để bám địch, tháo gỡ 200 quả mìn của địch để đánh lại chúng. Đảng ủy Tịnh Sơn và Tịnh Minh động viên nhân dân trở về "trải màu xanh trên đất ủi", kiên quyết bám trụ giữ đất, giữ làng, tăng gia sản xuất, ổn định đời sống và làm chỗ dựa cho du kích.

Công tác phát triển đảng có nhiều tiến bộ. Nếu trong năm 1969 phát triển được 120 đảng viên, thì 6 tháng đầu năm 1970 phát triển được 140 đảng viên, trong đó số tuổi đời từ 16 - 26 chiếm 66%. Các đoàn thể, ban, ngành được củng cố, nhất là ban chỉ huy xã đội và ban an ninh. Thanh niên hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang. Nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày sinh Bác Hồ, các em thiếu nhi đã mua được 1.235 ang gạo, vượt qua mọi sự kiểm soát gắt gao của địch để chuyển về vùng giải phóng.

Xuất phát từ tình hình cụ thể lấy đấu tranh vũ trang làm đòn xóc quyết định trong kết hợp đấu tranh vũ trang với chính trị và binh vận, Huyện ủy tăng cường sự lãnh đạo của các chi bộ đảng trong xây dựng lực lượng du kích. Do đó, phong trào du kích chiến tranh dần dần được phục hồi. Toàn huyện đã tổ chức được 3 trung đội với gần 100 du kích, hoạt động theo từng khu vực và là nòng cốt cho việc xây dựng phát triển lực lượng du kích ở xã.

Sau khi học tập Nghị quyết 10 của Khu ủy, Nghị quyết 7 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang, Huyện ủy Sơn Tịnh tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang, bán vũ trang học tập chuyên đề về chiến tranh nhân dân và du kích chiến, học tập những điển hình tốt, cách đánh hay của du kích trong huyện và các nơi khác như: phong trào bắn máy bay của Bình Sơn, đánh xe cơ giới của Đức Phổ; đồng thời chỉ đạo việc sản xuất vũ khí tự tạo, xây dựng du kích xã thôn, mỗi xã ít nhất có một trung đội, mỗi thôn tối thiểu có 10 du kích và quyết định xây dựng ba ngọn cờ

đánh Mỹ - ngụy: bắn máy bay Mỹ của Tịnh Đông, đánh xe tăng của Tịnh Trà và đánh Mỹ lê, Mỹ lết của Tịnh Minh.

Qua đó, mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đều quán triệt được nhiệm vụ trung tâm của Đảng, phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam với mục tiêu đẩy mạnh thực hiện phương châm hai chân, ba mũi giáp công, chống bình định, diệt ác, phá kìm, mở ra giành dân, giành quyền làm chủ. Từ tháng 9-1969 trở đi, phong trào có nhiều biến chuyển, số lượng du kích các xã đã tăng từ 7 lên 11 tay súng. Các xã Tịnh Thọ, Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Hiệp, Tịnh Bình tăng từ 25 đến 35 du kích. Tinh thần bám trụ, dũng cảm trong chiến đấu của chiến sĩ cũng được nâng lên rõ rệt, du kích thôn nhiều nơi diệt được địch. Với tinh thần mưu trí, sáng tạo, du kích nhiều xã đã gây tổn thất lớn cho địch. Du kích Tịnh Bình đã vượt qua cánh đồng trống đánh phủ đầu quân Mỹ khi chúng vừa đặt chân xuống đất. Du kích Tịnh Sơn đã chặn đánh một trung đội lính cộng hoà tại cầu Bến Bè diệt 25 tên và có 2 kỹ sư Mỹ, thu 2 máy ảnh. Du kích các xã Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Trà, Tịnh Hiệp, Tịnh Minh đánh địch giải thoát cho đồng bào và số trâu bò bị chúng bắt.

Tính đến tháng 9-1971, toàn huyện đã phát triển được 318 du kích xã, trong đó có 28 nữ, 54 đảng viên, 66 đoàn viên, 532 du kích thôn, trong đó có 88 nữ, 30 đảng viên, 70 du kích mật, 10 du kích đặc công và 3 trung đội tập trung với 97 đồng chí.

Phát huy tinh thần tự lực, dùng vũ khí địch đánh địch, du kích các xã đã cải tiến các quả pháo lép, dùng bom

chưa nổ cải tạo thành các loại mìn để đánh tăng và đánh bộ binh làm cho quân địch hoảng sợ và hạn chế sự lùng sục cướp bóc, giết người, cướp của. Từ ngày 25-6 đến ngày 5-7-1970, du kích Tĩnh Hoà diệt được 67 tên Mỹ, làm tan xác 2 xe ủi, bắn hỏng 2 chiếc khác. Trong vòng 1 tháng, du kích Tĩnh Trà đã phá hủy và đánh tan xác 12 xe tăng và với một quả mìn tự tạo đã giết một lúc 32 tên Mỹ tại Rừng Muồng (Thạch Nội) vào tháng 8-1970.

Ngày 9-10-1970, với một quả mìn, du kích Tĩnh Hiệp đã diệt được 10 tên Mỹ. Với 2 quả mìn tự tạo, du kích Tĩnh Hà đã diệt được 12 tên địch và làm bị thương 10 tên thám báo vào ngày 16-11-1970. Du kích Tĩnh Thiện diệt gọn một đại đội địch trên đường chúng đi phục kích, thu toàn bộ vũ khí. Các đội du kích phía bắc huyện tích cực hoạt động, nhiều xã dấy lên phong trào đánh tập kích, giải thoát cho đồng bào bị bắt.

Phong trào thi đua bắn máy bay diễn ra sôi nổi ở các xã từ tháng 4 đến tháng 6-1970. Du kích Tĩnh Đông bắn rơi 2 chiếc HU1A. Ngày 21-10-1970, du kích Tĩnh Minh bắn rơi 1 chiếc HU1A tại Minh Trung. Du kích Tĩnh Bình bắn rơi 2 chiếc máy bay vào ngày 20-8 và ngày 6-12-1970. Ngày 1-1-1971, du kích Tĩnh Trà bắn rơi 2 chiếc HU1A tại Thạch Nội. Du kích nhiều xã đã diệt được cả đại đội và đánh bật cả tiểu đoàn địch.

Vào năm 1971, Mỹ - ngụy ráo riết chuẩn bị cho kế hoạch "bình định nước rút" xây dựng quân ngụy đủ mạnh để thay thế quân Mỹ, thực hiện "phi Mỹ hóa chiến tranh". Ngày 25-3-1971, quân Mỹ rút khỏi huyện Đông Sơn.

Thực hiện chiến thuật "tam giác chiến", đẩy mạnh chiến tranh gián điệp và phân đội nhỏ nhằm phát hiện, truy tróc đánh phá cơ sở cách mạng, từ ngày 20-3 đến ngày 20-5-1971, địch cày ủi một tuyến dài từ Vạn Hòa (Tĩnh Thọ) đến Vĩnh Lộc (Tĩnh Bình) vào Mả Tổ ở Tĩnh Sơn. Với lực lượng trên 1.000 quân lính các loại, chúng muốn đánh nát xã Tĩnh Sơn. Tính trung bình cứ 2 người dân có một tên lính kiểm soát. Đến tháng 9-1971, chúng tập trung toàn bộ bọn địa phương quân phối hợp với quân chủ lực, có xe tăng yểm trợ đánh phá ba xã Tĩnh Hiệp, Tĩnh Bình, Tĩnh Sơn, rào lại ấp chiến lược Núi Tròn. Ở khu đông, chúng cày ủi thôn Đông Hòa (Tĩnh Hòa).

Những đợt đánh phá ác liệt của địch làm cho đường dây liên lạc giữa các xã bị cắt đứt. Song, cơ quan huyện vẫn đóng ở chân núi Tròn sát đồn địch. Đảng bộ Tĩnh Sơn lúc ấy chỉ còn giữ được 1 đến 2 cụm núi để đứng chân, về sau Đảng ủy phải chia thành từng cụm, do một ủy viên thường vụ trực tiếp chỉ đạo sát thôn xóm, liên lạc với nhau bằng đường dây hợp pháp. Xã Tĩnh Bình phải chia làm hai khu vực để thuận lợi chỉ đạo phong trào. Ở Đông Sơn, nhiều lúc cơ quan huyện phải đào hầm dưới đất ủi hoặc di chuyển theo các bờ ruộng để bám sát tình hình. Nhằm thúc đẩy phong trào phát triển, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh hoạt động quân sự để giữ đất giành dân. Các lực lượng vũ trang, bắn vũ trang liên tiếp tấn công các khu đồn, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy trở về làng cũ sản xuất. Từ ngày 20-3 đến ngày 20-5-1971, du kích Tĩnh Bình, Tĩnh Thọ phối hợp với đội công binh huyện đánh tan

xác và phá hủy 18 xe ủi, 4 xe tăng và xe bọc thép. Chiều ngày 30-6-1971, các em thiếu niên (du kích mật) xã Tịnh Bình đã mưu trí đột nhập chốt Núi Đất, đốt cháy một kho xăng, một kho đạn, 3 khẩu pháo, làm sập 2 hầm ngầm, 2 lô cốt, làm cháy một số súng AR5, 25 lính Mỹ bị thiệt mạng. Du kích Tịnh Giang đã loại khỏi vòng chiến đấu 96 tên địch. Ba đồng chí nữ du kích xã Tịnh Bắc cải trang đánh sập cầu Tam Hân, không cho địch nối lại đường 5B lên Sơn Hà...

Trong chiến đấu, nhiều gương hy sinh anh dũng xuất hiện như liệt sĩ Nguyễn Thanh Trúc, du kích xã Tịnh Trà, trong một trận chiến đấu bị địch vây vãn bình tĩnh đánh lui nhiều đợt tấn công của địch, diệt hàng chục tên và bị thương nặng. Biết mình không sống nổi, anh đã lấy máu viết vào cánh tay dòng chữ "Chiến đấu cho lý tưởng cộng sản" và bẻ gãy cò súng. Khi bị địch bắt, chúng hỏi: "Trước khi chết mày có ân hận gì không?", anh khẳng khái trả lời: "Ân hận là hết chất nổ không giết chết bọn bay nhiều hơn nữa" và đã hy sinh anh dũng trước họng súng của kẻ thù. Đồng chí Thống, bộ đội huyện, mới 16 tuổi đời, cải trang diệt 2 tên ác ôn ở gần đồn Sơn Trung (Tịnh Hà)...

Như vậy, từ tháng 9-1969 đến tháng 9-1971, quân dân Sơn Tịnh phối hợp với các lực lượng vũ trang tỉnh và khu đã đánh 904 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 3.289 tên địch, trong đó có 1.417 tên Mỹ, 1.882 tên ngụy, diệt 1.064 tên Mỹ, trong đó có 3 kỹ sư, 1 thiếu tá, diệt 1.185 tên ngụy trong đó có 2 đại úy, làm bị thương 348 tên Mỹ, 563 tên ngụy (1 thiếu tá quận trưởng Sơn Hà), diệt gọn 1

tiểu đoàn hỗn hợp 450 tên, 1 đại đội, 1 đoàn binh định và 1 trung đội nghĩa quân. Quân dân ta bắn rơi 25 máy bay các loại, phá hủy 5 chiếc khác, đánh tan xác và phá hủy 29 xe tăng, 14 xe GMC, 33 xe ủi, 5 xe Zeep, 2 pháo, phá hủy hàng trăm súng các loại cùng nhiều quân trang, quân dụng.

Trong công tác giành dân, rút kinh nghiệm phá khu đồn Văn Thánh, Đảng bộ thấy cần phải kiên trì vận động, tạo điều kiện, tạo thế cho quần chúng tự giác đấu tranh và đề ra chủ trương cụ thể: những nơi nào đã mất thế thì tạo lại thế; những xã chưa bị xúc tác phải xây dựng lực lượng, nắm quần chúng để giữ thế và dù trong tình huống nào cũng phải đấu tranh giữ vững sản xuất, chống càn quét, cướp giật, đấu tranh giữ vững quan hệ giao lưu giữa hai vùng, kết hợp chặt chẽ với vận động binh lính... Các ban chỉ đạo chống đồn dân được thành lập. Ban chống đồn dân Núi Tròn ngoài một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách, còn có hai đồng chí Huyện ủy viên, Huyện đội trưởng cùng các đồng chí trong các ban ngành khác và ba đồng chí Bí thư của ba xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc. Ở các xã, Ban chỉ đạo chống đồn dân do đồng chí Bí thư đảng ủy làm trưởng ban. Các tổ du kích mật "quyết tử" được thành lập, các đội đặc công được lựa chọn và huấn luyện. Trước khi bước vào trận đánh, tất cả du kích đều được học tập *Di chúc* của Bác Hồ, quyết tâm cùng nhau thực hiện lời thề "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Hoạt động của du kích ở khu vực Núi Tròn gặp nhiều khó khăn vì địa hình trống trải, địch phong tỏa

không cho đồng bào đi lại buôn bán làm ăn. Với quyết tâm "trái màu xanh trên đất úi", Đảng bộ chủ trương phát triển mạnh phong trào đấu tranh ở vùng địch kiểm soát, tranh thủ sự đồng tình của binh lính để đồng bào ra đồng sản xuất. Máy bay địch bắn phá ban ngày, nhân dân đào hầm tránh pháo, tranh thủ làm đêm. Cán bộ, đảng viên gương mẫu hoạt động, cuối cùng ta đã tạo được thế hợp pháp cho đồng bào trở về sản xuất, xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng du kích quanh Núi Tròn.

Ngày 1-7-1970, địch tăng cường quân cho khu đồn Núi Tròn, đánh phá quyết liệt thôn Minh Thành (Tịnh Minh) và các khu vực xung quanh. Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời chỉ đạo cho ban chống "bình định" ở các khu vực đẩy mạnh hoạt động, hỗ trợ cho khu điểm Núi Tròn. Huyện còn động viên du kích các xã ngày đêm bám sát địch tấn công liên tục để giữ thế cho quần chúng đấu tranh bảo vệ từng nóc nhà, miếng hầm, cương quyết không vào khu đồn. Ngày 16-7-1970, du kích các xã phối hợp với cơ sở bên trong khu đồn Núi Tròn diệt 35 tên địch, số còn lại bỏ chạy, quân ta phá toàn bộ khu nhà tôn, đốt cháy khu đồn, tổ chức mít tinh hạ uy thế hàng chục tên liên gia, đưa 4.000 người dân về làng cũ.

Ngày 3-8-1970, quân Mỹ đồn dân lập ấp Minh Thành (Tịnh Minh) nhưng đã bị thất bại trước sự đấu tranh kiên quyết của nhân dân và các đòn tấn công liên tục của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang ta.

Rút kinh nghiệm đấu tranh ở khu đồn Núi Tròn, Ban chỉ đạo chống đồn Cẩm Sơn do một đồng chí Thường vụ

Huyện ủy phụ trách đã kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, vừa chống đồn ở Cẩm Sơn, vừa phá đồn ở Kim Sa. Quân chúng chặn xe tăng địch không cho cày ủi mồ mả, ruộng vườn. Lực lượng vũ trang bám đánh địch liên tục, hỗ trợ nhân dân phá khu đồn Gò Thị, đốt cháy 1.200 mét rào vây ở khu đồn Kim Sa, 15 tên liên gia, xóm trưởng bị hạ uy thế. Cùng với chống bình định, công tác trấn áp phản động, diệt ác phá kẹp của ngành an ninh cũng đạt kết quả đáng kể. Mạng lưới an ninh từ huyện đến thôn xã được củng cố và phát triển đều khắp, đã diệt được nhiều tên do thám, gián điệp và hạn chế phần nào sự hoạt động của chúng.

Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của nhân dân trong huyện diễn ra liên tục. Trong các cuộc đấu tranh, ta đã kết hợp chặt chẽ giữa diệt ác, phá kẹp với quần chúng nổi dậy đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nhân dân các xã Tịnh Khê, Tịnh Hòa đấu tranh đòi sửa lại đập Quang Mỹ. Nhân dân Tịnh Ấn, Tịnh Phong đấu tranh đòi địch phải mở cửa khẩu kênh Sơn Tịnh... Ngày 16-1-1970, hơn 1.000 đồng bào Tịnh Minh, Tịnh Sơn đã khiêng 15 người bị thương xông thẳng vào đồn Núi Tròn buộc tên đồn trưởng phải bồi thường nhân mạng. Có cụ già vác xác con gái trên vai đi đấu tranh, tố cáo tội ác địch, kết quả tên đồn trưởng phải cho xe chở số người bị thương đưa về bệnh viện cứu chữa và bồi thường cho gia đình có người bị chết.

Tháng 4-1971, quần chúng ba xã Tịnh Bình, Tịnh Sơn, Tịnh Thọ đấu tranh chống ủi liên tục, mỗi ngày có từ 200 đến 300 người tham gia giành giữ từng bụi cây, mảnh



Đồng chí LÊ THÀNH TÂM

Bí thư Huyện uỷ 1968-1969

vườn, ngôi mộ không cho địch cày ủi. Có ngày, số người tham gia lên đến hơn 1.000 người. Nhiều cán bộ hoạt động bí mật cũng tham gia lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Cuộc đấu tranh chống ủi hàng tháng trời của nhân dân Thượng Thọ, Đông Thành (Tĩnh Thọ) đã lôi kéo hàng trăm đồng bào ở khu đồn Kim Sa tham gia, kéo dài kế hoạch lập khu đồn của địch. Ngoài ra, Huyện ủy đã tập trung củng cố và xây dựng các tổ chức quần chúng, phát động phong trào thi đua bằng nhiều hình thức phong phú, có hiệu quả. Đội ngũ đấu tranh chính trị được củng cố, kiên quyết giữ vững thế hợp pháp. Với khẩu hiệu "Một tác không đi, một ly không rời", nhân dân đã đấu tranh quyết liệt chống địch rào vây, đốt nhà, cướp cửa, giành giữ từng bụi cây, mảnh vườn, không chịu vào khu đồn. Nhiều cán bộ hoạt động hợp pháp cũng tham gia đấu tranh trực diện với kẻ thù. Ở Khánh Thượng (Tĩnh Bình), cứ bắt đầu từ 5 giờ sáng, các em thiếu nhi thay phiên nhau canh gác, khi thấy xe tăng ở Núi Đất chuẩn bị đi về hướng nào, liền báo cho đồng bào kéo tới bao vây, chặn đầu xe không cho chúng đi cày ủi, đánh phá. Có đợt đồng bào Tĩnh Bình chặn cả đoàn xe ủi trước cổng đồn, làm thất bại ý đồ cày ủi của địch.

Qua đấu tranh giáp mặt với quân thù, quần chúng đã dùng lời lẽ có tình, có lý, đầy ý nghĩa để thuyết phục bọn lính chống cào nhà, cuốc mả, chống xe tăng chà phá hoa màu, chống hãm hiếp, cướp bóc, chống xúc tát dân đạt kết quả.

Tính chung trong hai năm 1970-1971, Sơn Tịnh đã có 850 cuộc đấu tranh từ lẻ tẻ đến tập trung với 26.888 lượt

người tham gia, giành được 539 nóc nhà không cho địch đốt, 271 lần buộc chúng phải quay trở về, bỏ dở kế hoạch càn quét, đánh phá, giữ được 515 con bò, 619 con heo, che giấu bảo vệ được 57 cán bộ, bộ đội, du kích, giữ được 21 mẫu hoa màu, 55 sào ruộng không cho xe địch chà phá và nhiều dụng cụ, tài sản khác. Ta còn vận chuyển được hàng chục tấn hàng hóa từ vùng địch lên vùng giải phóng, đáp ứng cho yêu cầu kháng chiến và đời sống nhân dân, nhất là việc khơi luồng gạo, mua được trên 1.390 tấn. Mặc dù quân địch ra sức ngăn chặn nhưng chúng không thể nào ngăn cấm được việc nhân dân thu gom lương thực phục vụ kháng chiến. Đặc biệt, các em thiếu nhi ở Tỉnh Minh đã không sợ khủng bố chết chóc, kể cả trong lúc giặc bắn pháo vào đoàn di chợ làm nhiều người chết và bị thương, vẫn tìm mọi cách mua được hàng chục tấn gạo cho cách mạng. Có nơi mỗi em đã kiên trì mua cho cách mạng mỗi ngày 5-10 lon gạo.

Huyện ủy còn chú ý bồi dưỡng cán bộ nòng cốt cho công tác binh vận, tổ chức cho gia đình binh sĩ học tập 10 chính sách của Mặt trận để vận động chống, con, em trở về nhà làm ăn, gây tâm lý chán ngán chiến tranh trong binh lính. Do đó, số lượng binh lính phản chiến ngày càng nhiều, kể cả lính Mỹ cũng chống lại lệnh của chỉ huy. Huyện ủy thường xuyên mở lớp hướng dẫn, bồi dưỡng cho cán bộ nòng cốt về phương thức đấu tranh binh vận và vận động quần chúng tham gia đấu tranh, tùy từng thời điểm, để có sự phối hợp chặt chẽ, có kế hoạch cụ thể trong chống càn quét, với nhiều hình thức như rải truyền đơn, áp phích,

gửi thư tranh thủ, gọi loa tuyên truyền giải thích chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, phân tích âm mưu thủ, đoạn thâm độc của địch trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Các hình thức trên, kết hợp với các cuộc đấu tranh chính trị, các cuộc đấu tranh của gia đình binh sĩ nguy, đã hạn chế được tính hung hăng của địch, tranh thủ được sự đồng tình của một số anh em binh lính trong chống úi, chống đồn, chống cướp bóc và trong giao lưu hàng hóa. Tư tưởng của binh sĩ chính quyền Sài Gòn thêm hoang mang, dao động, cầu an, tiêu cực, chán ngán chiến tranh, thiếu tin vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Do đó, phong trào chống lệnh cần quét, tiếp viện và đào rã ngũ trong binh lính ngày càng phát triển. Để hạn chế lính Mỹ lòng sục đánh phá, các cụ già, các chị phụ nữ và các em thiếu nhi tìm cách tiếp cận tranh thủ thông ngôn, kêu gọi tình cảm gia đình, tình cảm nhân loại, làm cho họ thấy tính chất của chiến tranh phi nghĩa, đã đẩy thanh niên Mỹ vào con đường chết để đem lại lợi ích cho bọn thống trị.

Một số cuộc đấu tranh đã nổ ra, nổi bật là trong dịp Tết Canh Tuất (1970), 300 đồng bào đã xuống đường tuyên truyền lệnh ngừng tấn công quân sự trong những ngày Tết, rải trên 1.500 lệnh, đưa 120 thư của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cho binh lính. Trong các ngày lễ 1-5, lễ Vu lan, Quốc khánh 2-9 và ngày giỗ đầu Bác Hồ, đã có 8.500 lượt người tham gia các cuộc

mít tình, biểu tình, rải 2.215 truyền đơn các loại và tài liệu 20-7. Đặc biệt trong ngày 3-9, quần chúng rầm rộ tiến về quận lỵ, thị xã truyền tin chiến thắng, tố cáo tội ác giặc Mỹ và tay sai. Đồng bào còn công khai nói với nhau việc mua sắm hương, đèn để giỗ Bác Hồ... Nhiều cuộc binh lính đào rã ngũ, chống lệnh chỉ huy đã diễn ra. Ngày 9-5-1970, một trung đội địch ở Bình Đông (Tỉnh Bình) đã trốn vào các bụi cây suốt 3 ngày liền không chịu đi lùng sục. Tháng 8-1970, một lính Mỹ da đen ở khu đồn Cẩm Sơn (Tỉnh Thọ) đã vứt súng, xé áo quần không chịu lên máy bay đi tiếp viện. Ngày 1-8-1970, một đại đội ngụy ở Tỉnh Minh đã chạy trốn không chịu lên máy bay bị bọn ác ôn đánh đập tàn nhẫn. Tháng 4-1971, một lính Mỹ da đen ở đồn Núi Đất đã tìm gặp cán bộ giải phóng.

Trong hai năm 1970-1971, ngành binh vận đã xây dựng được một số lực lượng nội tuyến gồm một trung đội trưởng nghĩa quân với 2 lính, 14 thanh niên tân trang, 5 phòng vệ dân sự, 1 bảo an, 2 lính cộng hòa, một đại diện xã. Tuyên truyền giáo dục cho 1.900 lượt người trong gia đình binh lính, 1.575 lượt người trong các ấp, khu đồn, rải 2.570 truyền đơn cho ngụy quân, 9.300 truyền đơn cho Mỹ và gửi 570 thư tranh thủ cảm tình các lực lượng vũ trang địch. Làm tan rã hơn 2 trung đội nghĩa quân, 174 phòng vệ dân sự. Có 23 lính cộng hòa về vùng giải phóng mang theo 6 khẩu súng cùng một số đạn và lựu đạn, 78 lính cộng hòa khác đào rã ngũ về với gia đình.

Trên mặt trận sản xuất, Huyện ủy chủ trương lãnh

đạo nhân dân làm thủy lợi nhỏ, đảm bảo nguồn nước tưới cho đồng ruộng. Với khí thế "cả nước ra quân, cả nhà ra trận", khi địch đánh phá đập Quang Mỹ, nhân dân khu đông đã tập trung đắp bờ, khoanh vùng ngăn mặn cấy gần hết diện tích canh tác. Nhân dân khu tây cũng tích cực đào ao, vét giếng, làm kênh, giúp đỡ nhau vượt qua mọi khó khăn trong sản xuất, đời sống và đóng góp cho cách mạng.

Ban sản xuất từ huyện đến xã được củng cố, tăng cường cán bộ chuyên môn. Các tổ vòng đổi công, dựa vào các tổ nông hội để tương trợ, giúp nhau giải quyết về nhân lực. Nhiều nơi nhân dân phải sản xuất dưới làn bom đạn giặc, khi tiếng súng vừa dứt thì hàng trăm người đã đổ ra các cánh đồng để sản xuất, cấy trồng. Có nơi nhân dân phải dùng sức người để kéo cây bừa.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, sự hướng dẫn kế hoạch sản xuất, lấy tổ nông hội làm cơ sở, phát triển các loại giống ngắn ngày, cấy trồng nhiều vụ trong năm nên sản xuất được phát triển, chấm dứt tình trạng thiếu đói thường xuyên diễn ra vào tháng 7, tháng 8. Nhân dân ở Tịnh Trà, Tịnh Thọ còn thừa thóc để bán cho cách mạng. Nhân dân ở các vùng bị địch cày ủi trắng đã thực hiện khẩu hiệu "trái màu xanh của hoa màu lên đất ủi". Nhiều nơi nhân dân còn tiến hành khai hoang vỡ hóa hàng chục mẫu ruộng để tăng diện tích sản xuất.

Ở các xã vùng ven, nhân dân trong các khu đồn đấu tranh với địch, đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi được đi lại hai vùng để sản xuất, đồng thời tạo điều kiện đi lại thuận

tiện cho nhân dân ở vùng giải phóng trong quan hệ hai vùng.

Trong hai năm, nhân dân đã gieo cấy được phần lớn diện tích, thu hoạch được 14.596.163kg lương thực quy ra gạo, tính bình quân thu nhập đầu người đạt 207kg/người. Đời sống nhân dân không chỉ được đảm bảo mà còn đóng góp cho kháng chiến.

Việc đóng góp lương thực cho cách mạng cũng đạt kết quả lớn, trong hai năm, nhân dân trong huyện đã đóng góp được 2.008.095kg gạo và 3.304.080 đồng. Nhiều xã đạt tỷ lệ trên giao tương đối khá, như trong 9 tháng của năm 1971, xã Tịnh Bắc thu mua lương thực đạt 60,17% mức quy định; xã Tịnh Minh đạt 72,48%. Toàn huyện có 17.280 lượt dân công tham gia vận chuyển lương thực, hàng hóa và thương binh.

Ngoài việc đóng góp, thu mua lương thực cho kháng chiến, nhân dân trong huyện còn ủng hộ cho bộ đội, thương binh, du kích được 2.089 lon sữa, 834kg đường, 127kg kẹo, 509 lon nếp, 4.235 lon gạo, 350 ang củ và 160.000 đồng, 25 bộ quần áo, mua 20.000 đồng tiền thuốc chữa bệnh cùng hàng ngàn kilôgam rau các loại.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, chính quyền các cấp vẫn tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã để bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng, đảm bảo được nguyên tắc, thủ tục, chất lượng chính trị và năng lực đội ngũ cán bộ. Một số xã không tiến hành được việc bầu cử đã kịp thời bổ sung để củng cố chính quyền ngày càng vững mạnh, đưa việc sinh hoạt vào nền nếp, đảm bảo thực

hiện mọi công tác kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác xây dựng các đoàn thể quần chúng cũng được Huyện ủy hết sức coi trọng. Các ban chấp hành đoàn thể luôn được củng cố, kiện toàn để đáp ứng yêu cầu kháng chiến. Đến cuối tháng 9-1971, Đoàn Thanh niên Lao động huyện đã phát triển lên 379 đoàn viên, trong đó có 132 nữ, 26 đoàn viên hoạt động hợp pháp, sinh hoạt trong 21 chi đoàn; Hội Thanh niên có 535 hội viên, trong đó có 277 nữ; Đội Thiếu niên Tiên phong có 600 đội viên và 1.357 em thiếu niên, trong số đó có 256 thanh thiếu niên tòng quân nhập ngũ, 585 thanh thiếu niên tham gia lực lượng du kích xã thôn.

Toàn huyện có 9 xã thành lập ban chấp hành nông hội xã; có 3.892 hội viên nông hội, trong đó có 398 người được bình chọn là hội viên bốn tốt. Đây là lực lượng tiên phong trong phong trào lao động sản xuất.

Hội Phụ nữ huyện có 3.315 hội viên, trong đó có 153 hội viên hoạt động phía trước. Hội Mẹ chiến sĩ có 450 mẹ, 45 mẹ hoạt động phía trước. Đây là lực lượng chính trong đấu tranh chính trị, binh vận giáp mặt với quân thù để giành giữ cán bộ, du kích, tài sản, nhà cửa, ruộng vườn của nhân dân, xứng đáng với 8 chữ vàng mà Bác Hồ đã trao tặng cho phụ nữ Việt Nam: "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang".

Nhận rõ vai trò và tính chất quan trọng của công tác an ninh, giữ gìn trật tự trị an vùng giải phóng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, ngành an ninh từ huyện đến xã,

thôn thường xuyên được củng cố, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, các đoàn thể, ngành an ninh đã giáo dục quần chúng ý thức cảnh giác cách mạng, ngăn chặn, đối phó và phát hiện sự xâm nhập của bọn tề điệp ở vùng giải phóng. Mặt khác, ngành cũng tích cực hoạt động phía trước để xây dựng cơ sở bên trong, phục vụ công tác diệt ác phá kìm.

Trong hai năm 1970-1971, ta đã xử trị 2 tên, đưa đi cải tạo 63 tên (có 5 tên cải tạo ở tỉnh), giáo dục cải tạo tại chỗ 167 tên, hạ uy thế 157 tên, gọi bọn liên gia và bọn xấu trong khu đồn ra ngoài giáo dục 21 tên, quản chế 109 tên, lên danh sách 30 tên tình nghi.

Công tác tuyên truyền văn hóa, giáo dục được đẩy mạnh. Ngành văn hoá - thông tin đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giải thích âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch, vận động nhân dân tham gia công tác phản tuyên truyền địch, tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ quần chúng. Ngành văn hóa - thông tin huyện đã khắc phục mọi khó khăn, hàng tháng ra một tờ tin phản ánh mọi hoạt động của huyện và nêu gương người tốt, việc tốt, rải và dán 25.000 tờ truyền đơn, quân lệnh, lệnh cấm, lượm, đốt 35.155 tờ truyền đơn của địch, biểu diễn văn nghệ cho 9.125 lượt người xem, trong đó có 425 đồng bào trong ấp Đa Ngân (Tịnh Ấn).

Về giáo dục, trong hoàn cảnh chiến tranh hết sức ác liệt, Đảng bộ huyện vẫn lãnh đạo tập trung duy trì, phát triển lực lượng giáo viên, học sinh cấp I, cấp II. Dựa vào tổ chức nông hội, các lớp học bình dân được mở cho nhân

dân. Đến cuối năm 1971, toàn huyện có 57 lớp với 1.257 học sinh cấp I, II theo học, góp phần nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân ở vùng giải phóng.

Công tác y tế cũng được quan tâm đúng mức, ngoài việc điều trị bệnh thường xuyên cho nhân dân, việc tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh cho nhân dân cũng được thực hiện. Huyện còn mở những lớp đào tạo cán bộ y tế cho cơ sở. Đến cuối năm 1971, toàn huyện đã có 148 cán bộ y tế.

Công tác giao thông liên lạc được đảm bảo; sách báo, thư từ, công văn của các cấp đến tay người nhận nhanh hơn trước, đáp ứng nhu cầu trao đổi tin tức, tình cảm cho cán bộ và nhân dân.

Trong các năm 1969-1971, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, vận dụng và kết hợp chặt chẽ phương châm hai chân, ba mũi giáp công trong chống bình định, mở ra giành dân, quần dân ta đã tiêu diệt được một số lớn sinh lực địch, trong đó có nhiều phương tiện chiến tranh quan trọng, san bằng nhiều đồn bót, khu đồn. Công tác đấu tranh chính trị, binh vận được nâng cao. Việc xây dựng thực lực phía sau được đẩy mạnh, phát triển khá đều, hỗ trợ tốt cho việc tấn công địch phía trước. Vùng giải phóng được giữ vững, sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ổn định và đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Lập trường chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng được nâng lên một bước. Công tác xây dựng đảng viên bốn tốt, chi bộ bốn tốt, đoàn viên bốn tốt được coi trọng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số yếu kém cần phải khắc phục, như hoạt động vũ trang có lúc, có nơi chưa thật sự trở thành đòn xóc quyết định cho công tác diệt kẹp, giành dân, giành quyền làm chủ, việc bổ sung lực lượng vũ trang chưa kịp thời, nhiều nơi còn yếu nên giành được dân rồi lại không giữ được. Công tác đấu tranh chính trị, binh vận chưa phối hợp chặt chẽ, còn bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt trong việc lôi kéo binh lính. Công tác phát triển đảng còn chậm.

- Theo chủ trương của Tỉnh ủy, cán bộ tiền phương của tỉnh phải chuyển xuống hoạt động ở đồng bằng. Ban Chỉ huy Tỉnh đội chuyển xuống khu tây Sơn Tĩnh để chỉ huy chung. Các đơn vị vũ trang chuyển xuống đứng chân ở các địa bàn được phân công tiếp tục đánh địch. Đồng chí Trần Động - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban tiền phương về trực tiếp lãnh đạo phong trào ở Đông Sơn.

Thực hiện nhiệm vụ diệt ác phá kìm, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, tạo thế và lực mới cho cách mạng. Ban tiền phương tỉnh và Huyện ủy Đông Sơn đã thống nhất, tập trung lực lượng để phá khu đồn Nho Lâm (Tĩnh Thiện), phân công một đồng chí Thường vụ Huyện ủy trực tiếp làm Bí thư chi bộ khu đồn Nho Lâm.

Đến giữa năm 1971, ta đã phá ban khu đồn Nho Lâm, đánh tan rã một đại đội bảo an, diệt 2 tên ác ôn, 2 liên toán thanh niên tân trang với 60 tay súng làm binh biến đem nộp toàn bộ vũ khí cho cách mạng, hơn 2.000 dân trở về làng cũ, xây dựng được 1 chi bộ hợp pháp với 6 đảng viên, 50 thanh niên tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang.

Từ kết quả đạt được ở khu đồn Nho Lâm, quân và dân Đông Sơn tiếp tục tấn công địch ở các khu đồn, ấp chiến lược trong toàn huyện, làm cho bộ máy nguy quyền lung củng, hoang mang. Ta đã xây dựng được hàng trăm cơ sở nội tuyến trong binh lính. Cơ sở cách mạng ngày càng phát triển. Số đảng viên sống hợp pháp ngày càng đông. Đặc biệt, ta đã nắm được 8 liên toán thanh niên tân trang sẵn sàng làm binh biến khi có lệnh.

Trên chiến trường miền Nam, phong trào cách mạng đang phát triển mạnh mẽ, cục diện chiến trường có nhiều thay đổi theo hướng thuận lợi, đã và đang xuất hiện thời cơ, khả năng thực tế để đánh thắng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Đầu tháng 10-1971, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu tây Sơn Tĩnh lần thứ V được tổ chức tại Vĩnh Tuy (Tĩnh Hiệp). Đồng chí Trần Động - Phó Bí thư Tỉnh ủy, cùng đồng chí Võ Trọng Nguyễn - Thường vụ Tỉnh ủy, về dự và chỉ đạo Đại hội. Sau khi tổng kết tình hình hoạt động các năm 1969-1972, Đại hội đã thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ trước mắt: phá khu đồn, đưa dân về làng cũ, chống cày ủi, phát triển các lực lượng vũ trang địa phương, kiên quyết đánh giặc, giữ làng, đánh mạnh vào hậu cứ của địch để phân tán lực lượng của chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, quyết tâm đánh bại kế hoạch "bình định nước rút" của địch, góp phần cùng nhân dân toàn miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Đồng chí Nguyễn Duy Nhật được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Cuối tháng 4-1972, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện

Đông Sơn lần thứ nhất được tổ chức tại xóm Tây, Bình Tân (Bình Sơn). Đại hội đã đánh giá tình hình hoạt động của Đảng bộ từ ngày thành lập huyện, thông qua phương hướng, nhiệm vụ mới, trước mắt phải tích cực chống lấn chiếm, vận động nhân dân trở về làng cũ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền thắng lợi của Hội nghị Pari, củng cố và phát triển lực lượng du kích, lực lượng vũ trang huyện. Đồng chí Trần Hồng Vân được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Quân địch bị đánh đau trên chiến trường miền Nam. Sau thất bại ở Đường 9 - Nam Lào, đế quốc Mỹ phải rút quân về nước, nguy quân, nguy quyền suy yếu rõ rệt.

Ngày 24-10-1971, đơn vị lính Mỹ cuối cùng chốt ở Núi Đất rút khỏi tây Sơn Tĩnh; quân nguy thêm hoang mang lo sợ. Tuy rút quân, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ tài chính, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho quân nguy để chúng đủ sức đối phó với ta.

Tính đến đầu năm 1972, lực lượng nguy ở quân khu tây Sơn Tĩnh gồm trung đoàn chủ lực (mới tăng cường), 19 đại đội bảo an, 22 trung đội nghĩa quân, 17 trung đội tân trang, 3 đại đội pháo cùng một số binh chủng chuyên môn và lực lượng kìm kẹp khác, hình thành các tuyến chốt điểm cả vòng trong, vòng ngoài gần 40 chốt và khu đồn, có 2 cứ điểm cộng hòa, 19 chốt bảo an và một số khu đồn ấp chiến lược kiên cố.

Từ cuối năm 1971, quân nguy liên tục mở các cuộc càn quét, phục kích ta với sự hỗ trợ của các loại hỏa lực. Có ngày chúng đổ quân 3, 4 lần và cướp đi tất cả vật dụng của đồng bào ta mà chúng nhìn thấy. Các tuyến đường

hành lang từ khu đông lên khu tây và đường Sơn Tịnh đi Sơn Hà luôn luôn có bọn lính tập kích ngăn chặn, kiểm soát hoạt động của ta. Riêng ở Tịnh Sơn, chúng cho 900 quân về chiếm giữ các chốt điểm. Sau khi chốt đồi 47, núi Nhàn, núi Chợ, cầu Gây, chúng đánh thẳng vào Tịnh Minh lập khu đồn ở rừng Đầm, làm cầu Tam Hân. Ngày 14-3-1972, chúng cho 15 xe tăng, 4 xe ủi lên ủi Gò Cao để đồn đóng bảo các xã Tịnh Minh, Tịnh Đông, Tịnh Hiệp, hình thành các tuyến liên hoàn, chốt từ Sơn Trung (Tịnh Hà) đến Sơn Hà, từ núi Đất đến núi Chợ, từ chợ Ga lên núi Đất, từ Kim Sa đến đồn Sơn Trung, âm mưu bình định hết khu tây Sơn Tịnh.

Vừa đánh ác liệt bằng quân sự, địch còn hòng phá nát cơ sở của ta, ra sức lừa mỵ dân ta trong việc làm đường, làm cầu, xây thêm trường học, nhà thương; tạo cảnh phồn vinh giả tạo để cho quần chúng mơ hồ, thiếu tin tưởng cách mạng.

Những hành động đánh phá dai dẳng chà đi xát lại của địch gây cho ta rất nhiều khó khăn. Sau Đại hội lần thứ V, Huyện ủy đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết 11 của Khu ủy, Nghị quyết của Tỉnh ủy với quyết tâm tranh thủ thời gian, nắm lấy thời cơ, tạo thế, tạo lực phát triển thế tấn công địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng, phát động nhân dân vùng dậy giành quyền làm chủ đều khắp, kiên quyết đánh bại về cơ bản âm mưu "bình định nông thôn" của địch ở địa phương.

Huyện ủy và Huyện đội chủ trương giáo dục cho cán bộ và nhân dân phát huy truyền thống cách mạng, không sợ

hy sinh gian khổ, kiên cường bám trụ, kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công, xây dựng lực lượng vũ trang, diệt ác, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, đưa phong trào chính trị của quần chúng lên cao, củng cố các tổ chức đoàn thể. Quyết tâm trong Đảng nhanh chóng biến thành ý chí và hành động của mỗi người dân yêu nước. Các đoàn thể quần chúng thành lập ban vận động tài lực, động viên nhân dân góp sức người, sức của chuẩn bị cho chiến dịch Xuân Hè và các chiến dịch sau. Cán bộ, đảng viên đi sát, động viên phong trào, đến tháng 3-1972, có hàng trăm thanh niên tòng quân, bổ sung cho các lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện. Quần chúng vận chuyển hàng trăm tấn gạo, nhu yếu phẩm ra chiến trường. Đường sá, cầu cống được tu bổ. Huyện thành lập thêm bốn đơn vị vũ trang C284, C289, C372 và trung đội pháo binh B15 hầu hết là nữ, 2/3 số cán bộ huyện và xã được tập trung đi phía trước. Xã Tịnh Hà cũng thành lập được đơn vị du kích tập trung. Nhân dân các xã Tịnh Minh, Tịnh Bình, Tịnh Thọ kiên quyết thà chết trên mảnh đất quê hương chứ nhất định không chịu cảnh cá chậu chim lồng, đã tìm đủ mọi cách đấu tranh đòi trở về làng cũ sản xuất.

Chỉ 3 tháng đầu năm 1972, quân dân trong huyện đã đánh 182 trận, diệt 395 tên địch, làm bị thương 153 tên, bắt sống 8 tên, thu 8 súng, góp phần đánh bại căn bản kế hoạch "bình định nước rút" của địch.

Tháng 5-1972, Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Thanh Thủy làm Bí thư Huyện ủy, thay cho đồng chí Nhật. Từ cuối tháng 3 đến cuối năm 1972, quân dân Sơn

Tỉnh liên tiếp mở ba chiến dịch. Mở đầu là chiến dịch Xuân Hè, từ 30-4 đến 30-6-1972. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang huyện phối hợp với sự nổi dậy của quần chúng, tiến công liên tục, buộc địch phải rút chạy khỏi chốt Rừng Đầm, nhổ chốt Chà Là, đánh địch ở Hà Nhai, Thọ Lộc, uy hiếp quận lỵ và phía bắc thị xã. Du kích xã Tịnh Sơn tiêu diệt 1 trung đội địch ở Núi Nhàn, cờ Mặt trận phát phối bay trên đỉnh đồi, càn động viên khí thế thi đua giết giặc lập công. Không để cho quân địch kịp hồi sức, sau các đòn tấn công liên tiếp, từ ngày 12-6, quân ta đánh mạnh vào ấp Kim Sa (Tịnh Thọ) là ấp kiên cố nhất mà quân địch chủ quan cho rằng: "Bao giờ nước sông Trà chảy ngược thì Việt cộng mới vào được", ấp Kim Sa bị phá banh. Nhân đà thắng lợi, ta tấn công vào Dá Dê, Gò Thị là những chốt điểm rất kiên cố phòng thủ quận lỵ và đường số 1, phá banh khu đồn, giải phóng gần 10.000 dân khỏi ách kìm kẹp của địch. Trong chiến dịch Xuân Hè, quân dân khu tây Sơn Tịnh đã diệt và làm bị thương 1.121 tên địch, thu 87 súng, đánh bứt 14 chốt, có 426 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Tại Đông Sơn, các lực lượng vũ trang và du kích tiến công vào thành Châu Sa và các chốt điểm ở khu đồn Tịnh Long, làm chủ và giải phóng một số thôn ấp, đánh sập 2 cầu, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội, buộc địch phải rút chạy. Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh, chỉ trong 5 ngày đêm, quân và dân Đông Sơn đã giải phóng 5 xã với gần 20.000 dân, 9 khu đồn bị phá sạch, 11 chốt điểm bị nhổ, quân địch bị quét sạch khỏi khu vực Ba Làng An.

Chính quyền cách mạng được xây dựng, đời sống nhân dân bắt đầu ổn định. Hơn 700 thanh niên tình nguyện tham gia các lực lượng vũ trang, bán vũ trang. Vừa chống lại các cuộc phản kích của địch, các lực lượng vũ trang Đông Sơn vừa mở các cuộc tấn công quân địch ra các xã phía trước, áp sát quận lỵ, cùng quân dân huyện Bình Sơn giải phóng 13 xã với 35.000 dân.

Khí thế tiến công mạnh mẽ của quân ta làm cho binh lính ngụy càng thêm khiếp vía, nhưng vẫn cố cầu cứu, điều thêm quân để đánh phá ta. Từ cuối tháng 6, đầu tháng 7, bọn binh lính sống sót trên chiến trường Khe Sanh ở Quảng Trị được điều về Sơn Tịnh tiếp tục càn quét đánh phá ác liệt các xã Tịnh Bình, Tịnh Sơn, Tịnh Thọ, nhất là Tịnh Hà. Có đợt chúng mở 5 mũi tấn công vào Tịnh Trà với sự hỗ trợ của 30 xe tăng. Thắng lợi trong chiến dịch Xuân Hè đã tạo nên khí thế mới hồ hởi, phấn khởi, tin tưởng trong quần chúng. Đảng bộ Sơn Tịnh quyết tâm mở rộng vùng giải phóng, tạo thế bao vây chia cắt địch.

Bước vào chiến dịch Hè Thu (từ ngày 10-7 đến tháng 8-1972), nhân dân hai huyện Đông Sơn và Sơn Tịnh tích cực tham gia dân công, chuyển đạn, may sắm 8.500 băng cò. Quân dân các xã đánh thắng các cuộc càn quét của địch, các lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh diệt 1 đại đội bảo an ở đồn 47 và 48, bắt sống tên đại úy đồn trưởng, phá banh khu đồn, đưa dân về làng cũ.

Từ ngày 2 đến ngày 17-8-1972, quân ta đánh tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở Đông Sơn và khu tây



Đồng chí NGUYỄN DUY NHẬT
Bí thư Huyện uỷ 1971-1972, 1974-1975



Đồng chí TRẦN HỒNG VÂN
Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn 1971-1975



Sơn Tịnh, diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Sau các chiến thắng liên tiếp của quân dân ta, vành đai phòng thủ quận lỵ của địch liên tục bị tấn công, vùng giải phóng được mở rộng, thế và lực của cách mạng ngày càng phát triển. Tuy nhiên, một vài nơi chưa có dân trở về, lực lượng vũ trang phát triển nhưng chưa mạnh. Các đội công tác có tăng, nhưng công tác phát động quần chúng không đồng đều. Lực lượng phía trước còn yếu, có nơi trống cơ sở. Để khắc phục các khó khăn trước khi bước vào chiến dịch tổng hợp, Huyện ủy tổ chức Hội nghị các Bí thư đảng ủy xã và các Đội trưởng đội công tác để giải quyết những vướng mắc tồn tại và học tập Nghị quyết Trung ương Đảng về công kích và khởi nghĩa vũ trang, đồng thời phát động cao trào toàn dân đánh giặc. Tiếp đó, cán bộ tỉnh, huyện được phân công về cơ sở để chỉ đạo phong trào, xây dựng lực lượng vũ trang. Các lực lượng vũ trang ta liên tiếp tấn công địch ở Khánh Vân, Gò Thị (Tịnh Thọ), tập kích đồn Sơn Trung, diệt 9 tên, thu 4 súng, hỗ trợ cho nhân dân vây đồn suốt 5 ngày liền. Đến ngày 23-9, quân địch ở đây rút chạy, nhân dân tiếp tục phá đồn, tiêu diệt 136 tên địch, thu 15 súng. Ngày 16-10-1972, 16 đại đội vũ trang hiệp đồng chiến đấu tấn công khu đồn Phú Hòa, bức chốt đường sắt, đồn Sơn Trung, đốt phá khu định cư, giải phóng hàng ngàn dân, cõ giải phóng tung bay phát phối khắp các đỉnh đồn. Ở Đông Sơn, quân ta tiến công làm chủ Tịnh Phong, Tịnh Nhơn (Tịnh An) và Châu Sa; 5 đại đội vũ trang khởi

ngĩa các xã Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê đã cùng lực lượng vũ trang tiến công bao vây các chốt Núi Ngang, Đồi Voi, Thầy Linh, Thành Hời, bức rút 3 chốt, diệt 135 tên địch, giải phóng hơn 1.700 dân.

Trong ba chiến dịch từ tháng 4 đến cuối năm 1972, quân ta tấn công liên tục buộc địch phải chạy khỏi 211 chốt điểm, vây ép chia cắt tuyến phòng ngự vòng trong của địch, 9 khu đồn bị phá banh, 10 xã ở khu đông Sơn Tịnh được giải phóng với 35.000 dân, vùng giải phóng phía tây Sơn Tịnh được giữ vững.

Qua thực tiễn chiến đấu, quân và dân Sơn Tịnh đã tỏ rõ khí phách kiên cường, dũng cảm, táo bạo, kỹ thuật tác chiến được nâng lên rõ rệt. Nổi bật là Đại đội 289 mới thành lập được một năm nhưng đã ra quân là chiến thắng. Trong năm 1972, Đại đội 289 đã đánh 48 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 655 tên địch, thu 105 súng, trung bình cứ 7 ngày đánh 1 trận, diệt số quân địch gấp 11 lần quân số của mình.

Trung đội pháo binh (B15) mới được thành lập, vừa ra quân trận đầu đã pháo kích vào đồn Núi Tròn làm bị thương một chiếc HU1A đến tiếp tế lương thực, tròn 6 tháng tuổi quân đã làm kinh hồn khiếp vía bọn địch ở Núi Đất, Gò Thi, đồi 47, Sơn Trung, Núi Tròn, Đá Dề, đánh hợp đồng binh chủng giỏi, chính xác, tạo điều kiện cho bộ binh xông lên diệt địch đạt hiệu quả cao. Hạ Thi Tuyết, Xã đội trưởng Tịnh Minh, lãnh đạo du kích xã liên

tiếp đánh bật 7 lần phản kích của địch, không cho chúng vào xã.

Bị thua đau liên tiếp trong năm 1972, Mỹ - ngụy vẫn ngoan cố. Từ tháng 10 năm 1972 đến đầu năm 1973, quân địch tập trung quân tiến hành càn quét, đánh phá, thiêu hủy nhà cửa, thôn xóm ở vùng giải phóng. Từ ngày 22-10-1972, chúng cho máy bay chở lính đi nhỏ trộm cờ của ta. Ngày 17-11-1972, chúng cho 1 đội xe tăng từ Bình Liên tiến lên đồn Sơn Trung cùng bốn lính cộng hòa và 1 tiểu đoàn bảo an, dân vệ đánh phá ở Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Sơn, Tịnh Minh. Sau hơn nửa tháng đánh phá, đến ngày 3-12, chúng mới rút quân, gây thiệt hại nhiều về người và của của nhân dân. Lúa chín ngoài đồng không thu hoạch được. Lúa gạo lấy đi không hết, chúng đem đổ xuống giếng. Tội ác của chúng gây ra đối với đồng bào ta vào giữa mùa mưa lụt làm cho đời sống của nhân dân vô cùng khốn khó. Tiếp đó, đến ngày 18-12, chúng tiếp tục càn quét liên tục một tháng ở các xã Tịnh Thọ, Tịnh Đông, Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Trà với lực lượng gồm 1 trung đoàn chủ lực, 4D biệt động và 1D cộng hòa, chưa kể các đơn vị bảo an, dân vệ khác. Ngày 26-12, chúng dùng 2,3 cụm pháo bắn liên tục suốt 2 giờ liên vào Bình Nam (Tịnh Bình).

Chỉ trong đợt càn quét cuối năm 1972, đầu năm 1973, quân địch đã cướp và phá hoại của nhân dân 33 tấn gạo, 37 tấn lúa, 5.166.400 đồng, 503 con bò, 6.500 con gà vịt, 250 ngôi nhà bị đốt cháy. Riêng xã Tịnh Hiệp bị mất 28

tấn gạo, số người chết, bị thương và bị bắt là 61 người.

Trước tình hình ấy, Đảng bộ huyện Đông Sơn và Đảng bộ huyện Sơn Tịnh xác định nhiệm vụ trung tâm "tiêu diệt và làm tan rã phần lớn địa phương quân và lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, giành và giữ dân, giữ đất, chiếm lĩnh những địa bàn quan trọng (không để mất dân, mất đất), giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, phát triển thực lực vượt bậc, làm thay đổi hẳn tương quan lực lượng giữa ta và địch".

Quyết tâm trừng trị đích đáng bọn xâm lược và tay sai ngoan cố, đúng 10 giờ 30 phút ngày 26-10-1972, khi Đài Tiếng nói Việt Nam tại Hà Nội vừa truyền đi bản thông báo về Hiệp định Pari thì cũng là lúc quân dân Sơn Tịnh bắn cháy 1 chiếc máy bay lên thẳng cùng 4 tên giặc lái trên đất Tịnh Bình.

Ngày 31-10-1972, huyện Ba Tơ được giải phóng hoàn toàn đã cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân trong huyện. Liên tiếp trong 4 ngày từ ngày 3 đến ngày 6-11-1972, Đại đội 284 và 372 lực lượng vũ trang huyện cùng du kích các xã thọc sâu đánh địch ở Khánh Vân, đánh sập cầu Xóm Hố, cống Phong Niên, đánh cháy ô tô trên quốc lộ 1, diệt nhiều tên địch. Mặc dù mùa mưa, đi lại khó khăn, nhưng quân dân ta vẫn quyết tâm tấn công địch. Du kích các xã Tịnh Đông, Tịnh Trà, Bình Bắc liên tục đánh bật các cuộc càn quét của địch, diệt hàng chục tên. Đêm mồng 4 rạng ngày 5-1-1973, bộ đội ta tập kích chốt Núi Ngang. Sau 5 phút chiến đấu, ta làm chủ toàn

bộ chốt điểm, 60 tên địch bị diệt, ta tịch thu toàn bộ vũ khí, điện đài và nhiều quân trang, quân dụng khác. Trong hơn hai tháng, quân dân Sơn Tịnh đã diệt và bắt sống 285 tên địch, trong đó có 2 đại úy, đánh cháy 4 xe tăng và 3 xe quân sự khác.

Phối hợp với đòn tiến công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên cao. Ban đấu tranh chính trị, do một đồng chí Ủy viên Thường vụ phụ trách, cùng 30 cán bộ các ban ngành tham gia làm nòng cốt trong phong trào. Do đó, khi lực lượng vũ trang, bán vũ trang nổ súng, đồng bào nổi dậy vây ép địch, phá banh các khu đồn, buộc địch phải bỏ chạy, quân ta thu chiến lợi phẩm. Nổi bật là các cuộc nổi dậy của đồng bào Tịnh Sơn phá đồn 47, đồng bào Tịnh Hà phá đồn Sơn Trung, đồng bào Tịnh Thọ phá khu đồn Gò Thị, Đá Dê, Kim Sa trở về làng cũ. Công tác binh địch vận cũng được Huyện ủy chỉ đạo sát sao, xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến như ở Đá Chồng (Tịnh Bình), phá rã 11 trung đội tân trang; một trung đội cộng hòa đem về 39 súng và lôi kéo được 45 binh lính địch rời bỏ hàng ngũ trở về với nhân dân; 111 binh lính về vùng giải phóng, trong có 85 người tham gia cách mạng, đem theo 25 súng; đưa thư tranh thủ cho 2 đại đội bảo an, 2 đại đội dân vệ, đưa đi cải tạo 111 tên, xây dựng được 23 cơ sở trong các sắc lính...

Các đoàn thể quần chúng được củng cố và phát triển mạnh. Hội Nông dân giải phóng đã tiến hành tạm cấp ruộng đất cho nông dân, khuyến khích khai hoang vỡ

hóa, lập các tổ vòng đôi công giúp đỡ nhau trong sản xuất và tích cực đóng góp cho kháng chiến. Chính quyền huyện đã cho nhân dân vay 10.480.000 đồng để mua 32 đôi trâu bò, làm 5 bờ xe nước, nạo vét một số mương đập để phục vụ sản xuất. Nhân dân các xã còn góp được 1.296 kg gạo, 163.856 đồng để cứu đói cho 110 người sau cơn bão tháng 9-1972. Đến tháng 10-1972, địch đánh phá ác liệt ở khu đông, nhân dân phải sơ tán lên khu tây Sơn Tịnh, được nhân dân các xã và chính quyền huyện sắp xếp nơi ăn ở ổn định, đồng thời góp 4.140kg gạo và 300.000 đồng để cứu đói cho 400 đồng bào ở khu đông. Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ huyện và các xã, trong năm 1972, nhân dân ở vùng giải phóng đã khai hoang được 141 mẫu ruộng, diện tích gieo trồng đạt 8.193 mẫu, đạt 75% kế hoạch. Tổng sản lượng thu được là 296.560 ang, bình quân đầu người đạt 273 kg. Tiêu biểu như tổ anh Mai ở xã Tịnh Trà đã phát huy tốt tinh thần đoàn kết tương trợ trong sản xuất, khai hoang vỡ hóa hàng chục mẫu ruộng, năng xuất, sản lượng lúa và hoa màu không ngừng tăng lên, đời sống của hội viên được nâng cao rõ rệt, đóng góp cho kháng chiến đạt và vượt mức quy định.

Trong cả năm 1972 và 3 tháng đầu năm 1973, mặc dù bị địch đánh phá ác liệt nhưng nhân dân phía tây Sơn Tịnh vẫn thu mua được 2.327.558kg lương thực cùng hàng ngàn tấn hàng hóa, các loại phương tiện và thuốc men trị giá hàng trăm triệu đồng để phục vụ chiến dịch.

Cùng với các hoạt động vũ trang, Huyện ủy còn phát động phong trào toàn dân tham gia phục vụ chiến dịch và mỗi xã vùng giải phóng thành lập một đại đội dân công xung kích do một đồng chí cấp ủy trực tiếp phụ trách. Khi chiến dịch mở ra, hàng ngày có hàng trăm dân công tham gia vận chuyển hàng hóa, lương thực, đắp sửa đường sá, cầu cống. Tính chung trong năm 1972, toàn huyện đã có 4.298 người đi dân công đóng góp 92.451 ngày công phục vụ chiến dịch, làm 67 km đường, chuyển 275 thương binh, 3.340kg sắt, làm 41 cầu, 38 chiếc thuyền...

Hội Phụ nữ giải phóng đạt được nhiều thành tích trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu, làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh chính trị trực diện với kẻ thù, kiên quyết chống phá việc dồn dân, bám trụ sản xuất và vận chuyển hàng hóa, vũ khí phục vụ yêu cầu kháng chiến... Hội đã vận động hội viên đóng góp hàng trăm kilôgam đường, nếp, sữa, trứng, bánh trái và thuốc men ủng hộ cho du kích và bộ đội, chăm sóc tận tình thương bệnh binh.

Đoàn Thanh niên xung phong là lực lượng xung kích trong xây dựng lực lượng vũ trang và chống "bình định" thắng lợi. Trong năm 1972, gần 1.221 thanh niên nhập ngũ. Huyện Đoàn Sơn Tịnh được nhận cờ luân lưu của Khu Đoàn và Tỉnh Đoàn trao tặng.

Công tác xây dựng và củng cố chính quyền được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời

tăng cường cán bộ có năng lực về cơ sở, uốn nắn kịp thời các sai sót. Bộ máy chính quyền từ thôn xã được kiện toàn, tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt các kế hoạch do Đảng bộ đề ra. Công tác an ninh trật tự, văn hóa, giáo dục, y tế đạt kết quả tốt. Riêng về giáo dục, năm 1972, huyện đã mở 4 lớp sư phạm, toàn huyện có 86 giáo viên, 3.259 học sinh cấp I, II, mở một lớp bổ túc cho 22 người, 12 lớp bình dân học vụ cho 167 người.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về tấn công và giành quyền kiểm soát phía trước, tiến hành chiến dịch "cắm cờ, chiếm đất, giành dân" trước khi Hiệp định Pari có hiệu lực, Đảng bộ Sơn Tịnh đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang triển khai nhanh chóng kế hoạch tấn công chớp nhoáng, đều khắp và quyết liệt, đồng thời phát động tinh thần hòa hợp dân tộc trong nhân dân. Mỗi xã tổ chức một đội kéo dân về vùng giải phóng, có đảng viên làm nòng cốt, do một đồng chí cấp ủy viên phụ trách, phối hợp với lực lượng vũ trang khi tấn công vào các khu đồn thì động viên nhân dân gồng gánh tài sản, bồng bế con trẻ về vùng giải phóng. Đảng bộ còn phát động phong trào toàn dân mua sắm cờ cách mạng để khi giải phóng đến đâu cắm cờ cách mạng đến đó, tạo thành thế da báo trên khắp địa bàn huyện. Lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh cắt đứt đường số 1.

Từ ngày 25-1 đến ngày 27-1-1973, quân ta đã giành quyền kiểm soát một vùng rộng lớn, giải phóng hơn 15.000 dân ở toàn xã Tịnh Hà, khu đồn Phú Hòa, Đa

Ngân (Tĩnh Ấn), Khánh Vân, An Bình, Đồng Rẫy (Tĩnh Thọ). Cùng lúc, phong trào nổi dậy của quần chúng cũng dâng lên mạnh mẽ, có chỉ huy chặt chẽ đã xông lên phía trước xé bỏ cờ địch, cắm cờ ta. Khí thế tiến công địch diễn ra sôi nổi đều khắp trong huyện, quần chúng nhân dân vô cùng phấn khởi, có nơi như thôn Đông Dương (Tĩnh Ấn), ta không chủ trương cắm cờ, nhưng nhân dân vẫn tự động cắm hàng trăm lá cờ ra đến xóm Đông, giáp ngã ba Sơn Tịnh.

Tại Tịnh Phong, từ ngày 25 đến ngày 27-1-1973, lực lượng du kích xã phối hợp với một đại đội của Tiểu đoàn 83 lực lượng vũ trang tỉnh có hoả lực hỗ trợ đã chiếm giữ quốc lộ 1A, mở rộng địa bàn, cắm cờ, giành dân, giành đất. Suốt hai ngày đêm, quân ta đánh bật nhiều đợt tấn công của địch có xe tăng và máy bay yểm trợ. Ta và địch giằng co nhau từng tấc đất. Kết quả, 175 tên địch bị thiệt mạng, 5 xe tăng M118 bị phá huỷ. Riêng lực lượng du kích xã đánh hỏng 2 xe tăng, diệt 36 tên địch. Nhân dân trong xã nổi dậy giành quyền làm chủ trên tuyến quốc lộ dài 5 km từ Thế Long ra Thế Lợi.

Trong suốt thời gian thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đế quốc Mỹ đã tập trung lực lượng và phương tiện chiến tranh, tiến hành kế hoạch "bình định" vô cùng tàn bạo và quyết liệt khắp huyện Đông Sơn và khu tây Sơn Tịnh. Suốt 4 năm liên, chúng đã ủi trắng nhiều vùng, lập thêm nhiều khu đồn, hình thành hệ thống chốt điểm kiên cố, vành đai lô cốt quanh quận lỵ.

Chỉ riêng khu vực Ba Làng An, quân địch đã lập 19 khu đồn "ấp chiến lược" và 21 chốt điểm. Chúng sử dụng những thủ đoạn đánh phá tàn khốc hòng làm cho nhân dân ta không còn điều kiện sinh sống, nhứt ý chí chiến đấu và cuối cùng phải khuất phục chúng.

Dưới sự lãnh đạo nhạy bén, kịp thời, sâu sát của Đảng bộ, quân dân Sơn Tịnh vẫn giữ vững khối đoàn kết toàn dân, giữ vững tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện tốt phương châm chiến lược tiến công. Ta đã quét sạch địch và giải phóng hoàn toàn khu vực Ba Làng An. Vùng giải phóng phía tây được giữ vững. Lực lượng vũ trang ngày càng đông về số lượng, chất lượng được nâng cao. Đảng bộ đã biết phát động phong trào du kích chiến tranh mạnh mẽ để bao vây tiêu diệt địch. Phát huy tinh thần dũng cảm, ngoan cường, mưu trí, linh hoạt, lực lượng du kích đã diệt được chốt cộng hòa, lực lượng vũ trang huyện đã diệt được lực lượng dự trữ của địch, đánh bại và đẩy lùi hầu hết các cuộc càn quét. Chiến đấu giỏi, xây dựng lực lượng tốt, quân dân Sơn Tịnh đã xây dựng được 9 đội du kích đặc công có chất lượng cao. Nổi bật là phong trào du kích chiến tranh của xã Tịnh Sơn đã lập được những thành tích xuất sắc trong việc phát triển và xây dựng lực lượng vũ trang. Có lúc quân địch đóng tới 8 chốt điểm nhưng Tịnh Sơn vẫn giữ vững được vùng giải phóng. Với ý chí "thà chết trên mảnh đất quê hương, không rời bỏ ruộng vườn vào khu đồn, ấp chiến lược", quân dân Sơn Tịnh vẫn kiên cường bám trụ, nắm chắc tay súng, vững

tay cuốc, tay cày, mặt đối mặt với kẻ thù bất chấp lưỡi lê, họng súng, bom đạn của chúng, đấu tranh quyết liệt, giành giật tính mạng và tài sản của mình từ tay địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, bộ đội và du kích. Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nhân dân trong các khu đồn liên tục đấu tranh trở về vùng giải phóng. Do đó, trong những thời điểm ác liệt nhất, Sơn Tịnh vẫn luôn luôn giữ được trên dưới 30.000 dân ở vùng giải phóng, đồng thời tích cực tham gia cấy trồng hết diện tích để đảm bảo nhu cầu cho cuộc sống và cung cấp cho kháng chiến.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, khu đông Sơn Tịnh vẫn là địa bàn đứng chân hoạt động của các lực lượng vũ trang vùng đông bắc tỉnh. Tây Sơn Tịnh luôn giữ được địa bàn hành lang của khẩu, chi viện nhân tài, vật lực cho huyện, tỉnh, khu và các tỉnh bạn như Kon Tum, Quảng Nam-Đà Nẵng. Trong 4 năm, nhân dân Sơn Tịnh đã đóng góp 735 tấn gạo, 10.545.000 đồng mua 6.024 tấn gạo và hàng ngàn tấn nhu yếu phẩm phục vụ chiến trường.

Tuy vậy, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ cũng còn vấp phải một số khuyết điểm trong chỉ đạo phong trào du kích chiến tranh, phong trào đấu tranh chính trị và công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể. Song, với nỗ lực chủ quan và sự chỉ đạo kịp thời của cấp trên, Đảng bộ và quân dân Sơn Tịnh đã vượt qua mọi khó khăn, bình tĩnh, sáng suốt giữ được thế chủ động, kịp thời uốn nắn, sửa chữa những khuyết điểm. Cán bộ, đảng viên bám sát

phong trào nên đã động viên được phong trào toàn dân giết giặc, giữ vững được đường dây liên lạc huyết mạch từ tỉnh đến cơ sở.

Với những thành tích đạt được, quân dân Sơn Tịnh đã góp phần buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, rút quân Mỹ về nước, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Từ đây, quân dân Sơn Tịnh tiếp tục bước vào cuộc chiến đấu mới, quyết giành thắng lợi cuối cùng để thực hiện trọn vẹn ước mơ của Bác Hồ trước lúc Người đi xa.

Chương XI

ĐẤU TRANH ĐÒI DỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARI, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG TOÀN HUYỆN, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH VÀ TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)

Hiệp định Pari được ký kết, đế quốc Mỹ phải rút khỏi miền Nam. Tuy nhiên, ở miền Nam vẫn tồn tại hai chính quyền, hai vùng kiểm soát, hai lực lượng quân sự và ba lực lượng chính trị. Với bản chất phản động ngoan cố, hiếu chiến, lại được đế quốc Mỹ hà hơi tiếp sức, bẻ lũ tay sai Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định, tiếp tục chia cắt lâu dài đất nước ta.

Ở Sơn Tịnh, ngay sau khi Hiệp định Pari được ký kết, chính quyền Sài Gòn tập trung một số lượng quân khá lớn, có lúc huy động cả một trung đoàn lính cộng hòa, liên đoàn biệt động hay bảo an với sự chi viện tối đa của tăng pháo, liên tục càn quét, bắn phá, lấn chiếm vùng giải phóng. Với thủ đoạn "lấn đất, cắm cờ, giành dân", có lúc chúng dùng cả máy bay trực thăng để nhổ cờ của ta. Trưa ngày 28-1-1973, máy bay địch bắn xối xả vào Phú Hòa, Hà Tây, làm chết và bị thương 7 người. Ngày 29-1, chúng cho

xe tăng và pháo đánh chiếm lại quốc lộ 1 đoạn Thế Long-Thế Lợi làm hàng trăm nóc nhà bị thiêu hủy, thôn xóm hoang tàn, 3 dân thường bị giết hại. 12 giờ trưa ngày 8 và ngày 10-2, chúng bắn vào hai gia đình anh Cẩn và anh Thành ở Minh Thành (Tĩnh Minh), làm chết 12 người giữa bữa ăn. Chỉ trong gần một tháng, nhân dân khu vực Tĩnh Hà, Tĩnh Ấn, Tĩnh Thọ phải chịu trên 3.000 quả đạn pháo. Ngày 13-2-1973, chúng cho 8 xe tăng và bộ binh đi phản kích và chiếm lại hầu hết những vùng ta mới giải phóng trước ngày 27-1-1973.

Ở khu đông, chúng liên tục càn quét, lấn chiếm, bắn giết, thiêu hủy nhà cửa khu vực Ba Làng An, dọc quốc lộ 1, thôn Thế Lợi (Tĩnh Phong) hòng nối lại các trục đường bộ từ Gò Động đi Bình Châu, từ Quán Cơm đi Sa Kỳ. Chúng chiếm giữ cửa Sa Kỳ, cửa Cổ Lũy và quản lý toàn bộ vùng ven biển Đông Sơn, tiến hành gom dân lập các khu đồn. Đi đến đâu chúng cắm chốt điểm đến đó. Trong thời kỳ cao điểm nhất, ở khu đông Sơn Tĩnh có 57 chốt điểm, khu tây Sơn Tĩnh có 67 chốt điểm.

Từ cuối tháng 6 đến tháng 12-1973, quân địch đổ vào phía tây Sơn Tĩnh 15 lượt tiểu đoàn, đánh phá khắp 12 xã, gây tình hình căng thẳng ở nhiều nơi. Trong gần một tháng, ta và địch giằng co nhau quyết liệt, quân địch cố chiếm lại cứ điểm Gò Cao; có ngày chúng tấn công hàng chục lần nhưng đều bị quân ta đánh bật trở ra.

Chỉ tính riêng trong 11 tháng năm 1973, ở khu tây Sơn Tĩnh, quân địch đã vi phạm Hiệp định Pari trên 2.000 vụ, trong đó có 24 cuộc càn quét cấp tiểu đoàn có tăng, pháo

yểm trợ. Chúng đánh phá có tính chất hủy diệt 12 thôn, đóng chiếm trái phép 23 chốt điểm ở vùng giải phóng, bắn chết và làm bị thương 295 người dân. Hàng trăm mẫu ruộng bị bỏ hoang.

Bên cạnh những hoạt động quân sự, kẻ địch còn dùng các thủ đoạn kinh tế, chính trị để lừa mỵ quần chúng nhân dân. Chúng tổ chức phong trào "học đường bảo vệ quốc gia" trong giới học sinh, sinh viên để đầu độc thanh niên, tăng cường đồn quân bắt lính. Nguyễn Văn Thiệu huênh hoang tuyên bố: "Không để một giọt xăng, một hạt gạo nào vào tay cộng sản". Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc Hiệp định Pari để trấn an tinh thần binh lính. Mặt khác, chúng còn tổ chức biểu tình, hành hung những người trong Ủy ban giám sát quốc tế việc thi hành Hiệp định, tăng cường phong tỏa kinh tế vùng giải phóng, cấm ngặt giao lưu giữa hai vùng.

Những hành động vi phạm Hiệp định của địch đã cản trở phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân. Ở một số vùng, lực lượng ta bị bật ra ngoài, cán bộ không bám được vào quần chúng. Tư tưởng lo sợ trong nhân dân xuất hiện và phần nào quân địch đã ổn định được tinh thần binh lính.

Mặc dù vậy, về căn bản, quân nguy Sài Gòn vẫn đang xuống dốc: tuy đông nhưng tinh thần chiến đấu giảm sút. Mất chỗ dựa chủ yếu là quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, chúng cố tình vi phạm Hiệp định Pari, ra sức kêu gào không có giải pháp chính trị, không có ngừng bắn, không

có hòa bình, nhưng vẫn không đủ sức giữ vững vùng đã chiếm đóng.

Ngay từ tháng 1-1973, Quân ủy Trung ương đã phân tích tình hình miền Nam sau khi có giải pháp chính trị và vạch rõ: "Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng đối phó với khả năng xấu nhất địch gây chiến tranh trở lại". Trong cuộc họp ngày 23-1-1973, sau khi nhận định tình hình về khả năng địch sẽ ký kết Hiệp định Pari, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra chỉ thị về những nhiệm vụ và công tác cấp bách trong thời kỳ đầu khi ngừng bắn: "Đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định giữ gìn hòa bình, đẩy mạnh cao trào chính trị mới và phát triển thực lực cách mạng... sẵn sàng đánh thắng địch nếu chúng gây hấn trở lại".

Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh chiến trường, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng của địch, với tinh thần kiên trì trụ bám, quân dân trong huyện liên tục chống trả các đợt phản kích và gây ép các chốt địch lấn chiếm, bảo vệ vùng giải phóng ngay từ giờ phút đầu tiên chúng vi phạm Hiệp định. Ngay khi địch nổ súng lấn chiếm, bộ đội ta đã giáng trả chúng những đòn đích đáng. Ngày 28-1, đơn vị 289 đã đánh diệt 8 tên địch, làm bị thương 3 tên khác. Ngày 30-1, ta diệt và bắn bị thương 5 tên ở Mỹ Yên. Ngày 2-2-1973, đơn vị 284 đánh rã 1C bảo an, diệt 20 tên, 11 tên bị thương, 30 tên rã ngũ, thu 25 ba lô, 1 đại liên, 5 súng AR15... Lực lượng du kích các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc vây ép quân địch hơn nửa tháng trời ở Núi Tròn, không cho chúng mò ra ngoài. Đến ngày 4-3-1973, chúng phải bỏ chạy lên núi Hòn Dầu, bị du

kích Tịnh Hiệp, Tịnh Bắc diệt 25 tên. Có những nơi, địch dùng trục thẳng đi nhổ cò của ta, đã bị du kích các xã mưu trí gài mìn dưới cán cò. Khi trục thẳng địch đến nhổ cò, mìn nổ tung, trục thẳng tan xác như ở Tịnh Bình, Tịnh Thọ...

Như vậy, chỉ trong những ngày đầu khi quân địch vi phạm Hiệp định Pari, các lực lượng vũ trang ta đã diệt 377 tên địch và thu nhiều đồ dùng, quân trang, quân dụng khác.

Vừa tổ chức đánh địch, chính quyền cách mạng còn tổ chức mừng thắng lợi, với hàng ngàn người tham dự. Các cuộc biểu tình, mít tinh mừng thắng lợi càng đông viên, khích lệ nhân dân hăng hái sản xuất và tham gia công tác cách mạng. Công tác binh vận có nhiều tiến bộ: tuyên truyền vận động, giải thích nội dung Hiệp định và các chính sách của Chính phủ cách mạng được tiến hành với nhiều hình thức phong phú, tranh thủ, lôi kéo được một số binh sĩ, phân hóa hàng ngũ địch. Khí thế, tinh thần của đồng bào ở khu đồn, "ấp chiến lược" cũng có bước chuyển biến tích cực.

Tháng 3-1973, lính cộng hoà bắn chết ông Đỗ Tin và Nguyễn Muộn xã Tịnh Phong, Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân dựa vào pháp lý của Hiệp định Pari và tranh thủ sự đồng tình của thương phế binh nguy, khiêng xác hai nạn nhân xuống đường đấu tranh, tiến vào quận lỵ, buộc quận trưởng Nguyễn Tấn phải thú nhận tội lỗi và chịu bồi thường nhân mạng

Tuy nhiên, do chưa nhận rõ sự chuyển biến của tình

hình mới cũng như âm mưu của kẻ thù cố tình lấn chiếm vùng giải phóng, một số cán bộ, đảng viên nảy sinh tư tưởng chủ quan, cho rằng Mỹ rút, nguy sẽ tự sụp đổ. Vì vậy, khi địch vi phạm Hiệp định thì tỏ ra thiếu tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị trên cơ sở pháp lý của Hiệp định Pari, hoặc có ảo tưởng hòa bình, muốn nghỉ ngơi, trông chờ vào Ban Liên hiệp đình chiến quốc tế. Do đó, trong thực hiện phương châm, phương thức đấu tranh tỏ ra lúng túng, mơ hồ, mất cảnh giác, nhất là trong thực hiện phương thức xây dựng chính quyền hai mặt "xanh vỏ đỏ lòng" trong vùng địch kiểm soát. Việc chỉ đạo đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược chưa chuyển biến kịp tình hình mới. Công tác tư tưởng trong một bộ phận đảng viên và quần chúng chưa được quán triệt kịp thời, nhiều người co thủ, không dám xông ra phía trước. Do đó, chưa tạo được những bước tiến lớn trong tình thế cách mạng mới.

Trước tình hình ấy, để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện, tiếp tục đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định Pari và hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ khu tây Sơn Tịnh được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 5-4-1973 tại Thạch Nội (Tịnh Trà). Tham dự Đại hội có 72 đại biểu, thay mặt cho 412 đảng viên toàn huyện. Đại hội đã phân tích đặc điểm, tình hình và âm mưu của địch, cũng như khó khăn, thuận lợi của ta. Dựa trên phương hướng và nhiệm vụ chung của cách mạng miền Nam, Đại hội đề ra nhiệm vụ "động viên toàn Đảng, toàn



**Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tịnh lần thứ VI,
tháng 4-1973, tại thôn Thạch Nội, xã Tịnh Trà**

quân, toàn dân trong huyện đoàn kết, nhất trí, nỗ lực cao nhất, đẩy mạnh đấu tranh thực hiện Hiệp định Pari, giữ vững hòa bình, đề cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu mới của địch và đánh thắng chúng trong mọi tình huống, không ngừng đưa phong trào cách mạng trong huyện tiến lên giành những thắng lợi to lớn nhất trong giai đoạn mới". Đại hội cũng đề ra những nhiệm vụ cụ thể, khẳng định công tác ở vùng địch hậu là "nhiệm vụ chính trị to lớn của toàn Đảng bộ trong giai đoạn mới hiện nay... và phải lấy việc vận động quần chúng là cái trục của toàn bộ phong trào", đồng thời phải đẩy mạnh công tác tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân để xây dựng ý chí chiến đấu, chống những biểu hiện dao động, hữu khuynh. Về kinh tế, Đại hội cũng ra nghị quyết "quyết tâm lãnh đạo quần chúng trụ bám sản xuất, làm thủy lợi, vận động nhân dân đóng góp nhân tài, vật lực, phá thế bao vây kinh tế của địch, giữ vững giao lưu hai vùng, bảo đảm mọi mặt hậu cần cho khu, tỉnh và bộ đội".

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 23 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Thanh Thủy làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội cũng đã tổ chức lễ tưởng nhớ đồng chí Trần Động - Phó Bí thư Tỉnh ủy, hy sinh ngày 25-1-1973 tại Đông Sơn, đồng thời phát động quần dân trong huyện quyết biến đau thương, căm thù thành hành động cách mạng, quyết tâm đánh thắng địch trong mọi tình huống.

Cùng thời gian này, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đông Sơn lần thứ II được tổ chức tại xóm Phái Nhì, Trung Sơn, Tĩnh Hoà từ ngày 1 đến ngày 2-4-1973 có 62 đại biểu,

thay mặt cho 374 đảng viên trong huyện về dự. Đồng chí Trần Hồng Vân tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy Đông Sơn.

Nhân dân Sơn Tịnh kiên quyết đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari, trừng trị đích đáng các trận càn quét, lấn chiếm của kẻ thù. Với tinh thần cách mạng tiến công, đánh giá đúng âm mưu của kẻ thù, được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Huyện ủy, nhân dân "thề quyết tử giữ đất, giữ dân". Từ cuối tháng 6 đến cuối tháng 11-1973, quân dân Sơn Tịnh đã trừng trị 392 vụ lấn chiếm, diệt và làm bị thương 1.091 tên địch, bắn hỏng và phá hủy 7 xe quân sự, 2 máy bay. Phong trào du kích có bước phát triển với nhiều cách đánh linh hoạt, mưu trí, dũng cảm, số lượng du kích ngày càng tăng, phong trào lấy vũ khí địch đánh địch diễn ra khắp nơi.

Song song với công tác chống lấn chiếm, nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng cũng được cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Phong trào khai hoang phục hóa, phát triển thủy lợi phục vụ đời sống nhân dân đạt nhiều kết quả. Trong năm 1973, nhân dân trong huyện đã đóng góp 30.000 ngày công, làm 5 bờ xe nước, đắp sửa 32 đập nước. Chính quyền cách mạng cho nhân dân vay 16 triệu đồng mua trâu, bò, phân bón phục vụ sản xuất. Ngoài ra, nhân dân còn khai hoang, phục hóa 866 mẫu ruộng và thu hút gần 2.000 dân ở vùng địch về vùng giải phóng. Do ảnh hưởng của trận lũ lụt năm 1972, cát bồi lấp dòng Trà Khúc, nhân dân không dựng được bờ xe nước. Để kịp thời phục vụ cho vụ xuân hè 1973, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập Ban

Chỉ huy công trường làm bờ xe nước Tịnh Minh, do một đồng chí Thường vụ Huyện uỷ trực tiếp chỉ huy. Mặc dù từ công trường ra đồn Núi Tròn chưa đầy 1km, chúng ta vẫn huy động nhân dân ở các xã vùng giải phóng khu tây Sơn Tịnh đến làm tập trung. Một mặt, các đoàn thể vận động hội viên tham gia các đội dân công tự lo cơm nước và dụng cụ lao động. Mặt khác, bộ đội, du kích bí mật vây đồn, sẵn sàng chiến đấu. Cùng lúc, cán bộ binh vận huyện, xã ngày đêm chia loa vào đồn địch giải thích Hiệp định Pari và kêu gọi binh lính không được bắn phá bừa bãi vào công trường. Sau hai tháng tích cực nạo vét lòng sông, với sự góp sức hàng nghìn ngày công của nhân dân trong huyện, 3 bờ xe nước ở Tịnh Minh bắt đầu chuyển bánh, đảm bảo nước tưới cho hơn 100 ha vụ xuân hè.

Chấp hành chỉ thị làm đường 5B của cấp trên, Huyện uỷ đã vận động nhân dân các xã tích cực lao động ngày đêm không kể nắng mưa, có lực lượng hậu cần tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men, y tế phục vụ tại hiện trường. Với khẩu hiệu "đường chưa thông, công không tiếc", 2.637 dân công một số xã được huy động đã đào đắp được tuyến đường dài 13 km, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, đi lại của nhân dân và phục vụ chiến đấu. Văn hóa, giáo dục, y tế ở vùng giải phóng được giữ vững. Toàn huyện có hơn 300 học sinh cấp I, cấp II. Các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hoá tập trung vẫn được tổ chức, củng cố thêm niềm tin tưởng vào thắng lợi và khích lệ nhân dân kiên trì bám trụ sản xuất, chống lại mọi hành động của địch lấn chiếm vùng giải phóng.

Sang đầu năm 1974, quân địch lần lượt đổ 9 tiểu đoàn tấn công lên trọng điểm Gò Cao (Tĩnh Bắc). Lực lượng vũ trang huyện kiên trì bám trụ trận địa "quyết không cho địch chiếm lại Gò Cao", đã đánh lùi 9 đợt tấn công, diệt 1 đại đội lính cộng hòa.

Từ tháng 4-1974, quân địch thay đổi thủ đoạn đánh phá, gây cho chúng ta nhiều khó khăn. Thêm vào đó, do thiên tai, mất mùa, nạn đói có nguy cơ xuất hiện, Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải ra sức vượt qua gian nan, thử thách tạo thời cơ đánh địch. Để chuẩn bị cho chiến dịch Xuân Hè (A2), Thường vụ Huyện ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt và xác định nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ: ra sức phát huy tinh thần đoàn kết quân dân với Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm, thiếu sót, đẩy mạnh tấn công địch, đánh bại "binh định" lấn chiếm của địch, thu hồi những vùng chúng mới lần chiếm, giành lại số dân trước ngày 28-1-1973; giành dân, mở rộng vùng làm chủ, đánh tê liệt phần lớn nguy quyền cơ sở ở vùng địch kiểm soát và vùng mới lần chiếm, chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào chiến tranh du kích tại chỗ, kiên quyết giữ các trục đường giao thông liên lạc giữa miền núi và đồng bằng.

Qua đợt sinh hoạt chính trị đều khắp trong huyện, từ ngày 20 đến ngày 30-4-1974, tư tưởng cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân có chuyển biến lớn. Một phong trào thi đua chuẩn bị cho chiến dịch được mọi người hưởng ứng sôi nổi. Trước khi bước vào chiến dịch A2, nhân dân trong huyện đã ủng hộ 35.585kg lúa, 4.900kg gạo, trên 70.000

đồng vào quỹ nuôi quân. Thanh niên được bổ sung vào lực lượng vũ trang và tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, hàng hóa đến hai cửa khẩu ngã ba Lâm Lộ (Tỉnh Đông) và Chợ Quế (Tỉnh Trà). Mặc cho kẻ thù liên tục tập kích, có người bị bắn chết trên đường vận chuyển, nhưng nhân dân vẫn kiên quyết không để gạo, hàng ứ đọng. Vừa lãnh đạo nhân dân vận chuyển lương thực, vũ khí, hàng hóa phục vụ chiến dịch, Thường vụ Huyện ủy vừa tập trung chỉ đạo làm bờ xe nước phục vụ sản xuất. Ngày 20-4-1974, chiến dịch A2 mở màn cũng là ngày bờ xe nước chuyển bánh đưa nước lên đồng.

Để chủ động phối hợp với chiến trường, Thường vụ Huyện ủy và Ban chỉ huy Huyện đội hạ quyết tâm đánh tập trung vào trọng điểm buộc địch phải co lại. Ngay đêm mở màn, du kích Tịnh Minh cùng đơn vị C372 phối hợp với bộ đội tỉnh diệt gọn 3 chốt. Nắm chắc thời cơ, với cách đánh bất ngờ, táo bạo, 11 giờ trưa ngày 26-4-1974, du kích Tịnh Sơn, Tịnh Bình nổ súng diệt 2 trung đội lính cộng hòa ở núi Chợ và Đá Hàm. Bọn địch ở 7 chốt quanh Gò Cao sợ hãi rút chạy khỏi đồn. Nhân dân ba xã Tịnh Bắc, Tịnh Hiệp, Tịnh Đông tiếp tục vây ép địch, tranh thủ vận chuyển hàng hóa, lương thực, đạn dược qua đường Gò Cao không kể ngày đêm. Phối hợp với chống lấn chiếm ở vùng giải phóng, các đội công tác ở phía trước cũng tăng cường hoạt động mạnh ở thị trấn Sơn Tịnh, Tịnh Hà, Tịnh Thọ, tiêu diệt và làm bị thương 29 tên địch có cả tình báo và cục phó cảnh sát.

Chớp thời cơ, nhân dân cả hai vùng đông, tây Sơn Tịnh

nổi dậy, phối hợp với lực lượng du kích, vây bức chốt Đá Dê và đồi Ông Phụng. Đến ngày 25-5, chỉ trong vòng một tháng, lực lượng vũ trang huyện đã đánh 107 trận, diệt 445 tên địch, vây bức 16 chốt điểm, hành lang chiến lược được mở rộng, thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng có lợi cho ta, thế suy yếu của địch ngày càng bộc lộ rõ hơn.

Phát triển thế tiến công, bước vào cao điểm chiến dịch đầu tháng 6-1974, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện tiến hành bình địch vận làm tan rã, bức hàng, bức rút quân địch trong các đồn bốt ở huyện Đông Sơn.

Nhân đà thắng lợi này, sau hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm chiến dịch A2, Huyện ủy Sơn Tịnh tiếp tục mở chiến dịch bao vây địch ở từng khu vực với tinh thần "phát cao cờ tấn công, xông lên đánh bại bình định lấn chiếm của địch". Các đồng chí huyện ủy viên và cán bộ được phân công đi sát các khu vực để lãnh đạo nhân dân. Tại Tịnh Bắc, ngày 14-7, du kích đã bao vây bức chốt Bà Cũ, quần chúng ép sát chốt Ông Tuân, quân địch phải bỏ chạy tán loạn. Từ ngày 17 đến ngày 20-7-1974, du kích Tịnh Minh tập kích chốt An Thành, cả xã Tịnh Minh không còn một bóng giặc. Ngày 31-7, quân ngụy bỏ chạy khỏi 7 chốt điểm ở Tịnh Bắc. Cùng lúc, du kích các xã đồng loạt tấn công. Ngày 5-8, bộ đội huyện và du kích Tịnh Sơn vây địch ở Núi Nhàn, diệt hàng trăm tên ở cầu Bà Mẹo, buộc chúng phải lui về phía sau. Ngày 19-9-1974, du kích Tịnh Thọ, Tịnh Hà vây bức Hòn Tròn, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy san bằng đồn... Ở Đông Sơn, qua một tháng đẩy mạnh tấn

công đã làm thay đổi hẳn thế và lực giữa ta và địch, một mảng lớn liên hoàn từ Bình Thanh qua Tịnh Phong xuống Bình Tân, Tịnh Hòa, Tịnh Thiện được thu hồi, kéo thêm một số dân về vùng giải phóng, giành quyền làm chủ một số vùng quan trọng như Tập Mỹ (Tịnh Thiện). Những nơi trước đây ta chưa hoạt động được nay đã chuyển sang thế hoạt động liên tục, xây dựng được cơ sở cốt cán, du kích mật làm cho địch nhiều lúng túng, bị động như ấp Trà Sơn, Phong Niên, Phú Nhuận, khu đồn Trường An, Quán Lánh... Tại Tịnh Khê, đêm 20 sáng 21-7, bộ đội ta tấn công chốt Mỹ Khê, tạo thế bao vây công kích chốt Mỹ Lại, phá kẹp, tạo thế tranh chấp khu đồn Trường An, phát động quần chúng phá vây, ép sát địch buộc chúng phải rút khỏi chốt Mỹ Lại ngày 5-8-1974.

Ngày 6-8-1974 du kích Tịnh Hòa phối hợp với du kích Tịnh Kỳ có quần chúng hỗ trợ chiếm chốt An Vĩnh, toàn xã Tịnh Kỳ không còn bóng giặc. Đến ngày 8-8-1974, một mảng rộng từ Bình Châu đến Tịnh Kỳ, Tịnh Khê và một số thôn ở Tịnh Long, Tịnh Thiện không còn bóng quân thù.

Tháng 10-1974, phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích Tịnh Phong đã tiến công tiêu diệt hàng trăm tên địch, làm tan rã 2 tiểu đoàn biệt động 77, 78 của liên đoàn biệt động 14, ngăn chặn không cho chúng đi càn xuống vùng giải phóng Đông Sơn, thu nhiều vũ khí các loại. Cũng từ đó trở đi, quân nguy không dám càn quét xuống vùng đông Sơn Tịnh. Một số lính bảo an, nghĩa quân tự động đào rã ngũ.

Qua hai chiến dịch, quân dân Sơn Tịnh đã đánh 516

trận, tiêu diệt 1.636 tên địch, bắt sống 24 tên, diệt và vây bức 77 chốt, đánh cháy 2 xe quân sự, 1 máy bay, phá hủy nhiều vũ khí đạn dược.

Thực hiện nghị quyết của Thường vụ Huyện ủy về công tác trong vùng địch hậu là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn cách mạng mới, ngay từ đầu, hai đoàn cán bộ gồm 15 đồng chí đã được cử đi bồi dưỡng về phương pháp hoạt động trong vùng địch hậu, 1/3 số cán bộ được đi phía trước. Ban công tác vùng địch hậu được thành lập do một đồng chí thường vụ huyện ủy phụ trách và tổ chức một chi bộ chuyên lo công tác hoạt động phía trước làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng có bước chuyển biến trong nhận thức về tình hình và nhiệm vụ mới. Việc vận động giáo dục binh lính và nhân viên ngụy quyền cũng được chi bộ quan tâm. Các phong trào đấu tranh chống hội làng, chống trò hề bầu cử, chống di dân, thu thuế bất hợp lý, đòi tự do đi lại làm ăn, chống bao vây kinh tế, tố cáo địch vi phạm Hiệp định... nổ ra ở nhiều nơi.

Hội nghị Huyện ủy lần thứ ba vào tháng 3-1973 đã xác định tính chất cấp bách của công tác vùng địch hậu. Ban công tác vùng địch hậu đã tự kiểm điểm rút kinh nghiệm và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ được giao. Để khắc phục những khuyết điểm còn tồn tại, các đội vũ trang tuyên truyền được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Đội an ninh diệt ác được tăng cường, đã lùng sâu, lột sít diệt ác, vừa đánh, vừa tố cáo những hành động vi phạm Hiệp định của địch. Các đội công tác ở Tịnh Ấn, Tịnh Hà, Tịnh Thọ, Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Phong, Tịnh Long và Tịnh

Hòa đã đẩy mạnh hoạt động diệt ác làm xáo động mạnh trong nội bộ địch khiến chúng hoang mang, dao động, các phe phái nghi ngờ lẫn nhau, phong trào quần chúng có thuận lợi hơn. Đến tháng 6-1974, số lượng đơn vị công tác đều tăng gấp đôi; chất lượng hoạt động đạt hiệu quả cao. Trong hai năm 1973-1974, đội công tác vùng địch hậu và đội vũ trang tuyên truyền các xã đã đi sâu phát động giáo dục 30.000 lượt người trong các gia đình binh sĩ địch, xây dựng được hàng trăm cơ sở nòng cốt. Công tác diệt ác đạt nhiều kết quả, một nữ du kích Tịnh Hà đã cải trang diệt tên Cùng ác ôn. Đầu năm 1974, quân dân Tịnh Sơn đã đánh 24 vụ, diệt 44 tên, trong đó có 18 tên ác ôn, bắn bị thương 15 tên có 6 ác ôn và nhiều tên khác bị bắt sống. Ngoài ra, đội công tác vùng địch hậu còn tuyên truyền vận động nhân dân trở về quê cũ gần 2.000 người, đưa 45 thanh niên đi tham gia cách mạng và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi tự do quan hệ hai vùng và đòi trở về làng cũ. Những hoạt động này đã góp phần củng cố sự lãnh đạo của Đảng bộ được tập trung và rộng khắp hơn.

Hiệp định Pari được ký kết, phong trào cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, Thường vụ Huyện ủy đã chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị và binh vận là khâu chủ yếu để giành thắng lợi. Cán bộ được bố trí xuống những vùng trọng điểm để tổ chức, giáo dục, làm cho nhân dân nhận thức được đấu tranh chính trị là nhiệm vụ của mỗi người dân, là vũ khí sắc bén để chống địch, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ quyền lợi thiết

thực của mình, để quần chúng tự giác đấu tranh chống gom dân và quyết tâm bám trụ. Đồng bào nhiều nơi đã vận dụng lý lẽ, cơ sở pháp lý của Hiệp định Pari để đấu tranh với địch, bằng nhiều hình thức phong phú, từng bước giành thắng lợi. Ở vùng địch tạm kiểm soát, quần chúng đã mạnh dạn đấu tranh không tham gia những cuộc biểu tình do địch tổ chức để vu khống cách mạng và hành hung người của Ủy ban giám sát quốc tế. Có cuộc đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng lên tới 3.000 người tham gia, làm tắc nghẽn giao thông. Hàng ngàn đồng bào Tịnh Ấn đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Trong những ngày lễ Phật đản, quần chúng cùng binh lính là cơ sở cách mạng cũng tổ chức đấu tranh với những nội dung rất sinh động. Ở vùng giải phóng, nhân dân tổ chức những cuộc đón binh lính, gặp sĩ quan nhằm biểu dương khí thế cách mạng, gây niềm tin đối với quần chúng ở cả hai vùng. Với bản chất thâm độc, xảo quyệt, nhất là sau ngày ký Thông cáo chung (15-6-1973), quân địch vẫn cố tình vi phạm Hiệp định, ra sức đánh phá ác liệt hơn. Tư tưởng nhân dân có nhiều diễn biến phức tạp. Trước tình hình ấy, Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo cho tất cả cán bộ, đảng viên phải "bám vào dân, lấy dân để giải quyết". Cán bộ đã đi sâu vào các vùng trọng điểm, bám sát quần chúng để tổ chức những buổi sinh hoạt nhỏ, xây dựng nòng cốt, lấy gia đình cán bộ đi đầu, kịp thời phát huy những gia đình bám trụ tốt. Sau một thời gian ngắn, phong trào dần dần trở lại ổn định, khí thế cách mạng của quần chúng lên cao và quyết tâm bám trụ tốt. Ở Châu Trung (Tịnh Bình), địch

đốt phá nhà cửa tới 3, 4 lần, hàng ngày lại cho xe tăng, pháo, đại liên ở Núi Đất, Động Dài bắn liên tiếp vào thôn xóm không cho nhân dân ra khỏi nhà, đi làm đồng. Nhiều người bị địch bắn bị thương ngay tại ruộng, nhưng vẫn dũng cảm bám trụ, kiên trì đấu tranh. Cuối cùng, bọn địch phải nhượng bộ để đồng bào sống hợp pháp. Nhân dân còn tìm cách tiếp xúc với binh lính, dẫn dụ kích tiêu diệt những tên ác ôn và bọn lính chuyên đi lòng sục cướp của, giết người.

Đồng bào Khánh Thượng (Tĩnh Bình) vốn có truyền thống chống địch cày ủi, đã kiên trì bám trụ, đấu tranh với địch ở Đá Chồng và làm tốt công tác binh vận. Để giảm bớt tính hung hăng của binh lính địch, đồng bào đã dùng những hình thức đấu tranh linh hoạt, như mời lính trên chốt xuống làng ăn Tết với dân, qua đó tuyên truyền, giác ngộ họ bỏ ngũ về nhà.

Ở Đông Sơn, mặc dù bị địch liên tục cho hàng trung đoàn đánh phá ô ạt, nhân dân vẫn bám trụ tại chỗ, tích cực tham gia phục vụ chiến đấu, giúp đỡ bộ đội đánh địch phản kích thắng lợi, chuyển tải thương binh, phục vụ cơm nước, tặng quà cho bộ đội. Điển hình như nhân dân xóm Bãi (Tĩnh Khê) đấu tranh chống âm mưu xúc tạt, gom dân của địch, không cho địch bắn phá bữa bãi vào thôn xóm, buộc địch phải thi hành Điều 11 của Hiệp định Pari về tự do dân chủ. Nhân dân Tĩnh Thiện, Tĩnh Hòa đấu tranh buộc địch cho đắp đê ngăn mặn, phục vụ sản xuất.

Như vậy, từ sau khi Hiệp định Pari được ký kết, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân ta có chuyển biến

mạnh mẽ và có sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang, chính trị và binh vận, từ đó các cuộc đấu tranh ngày càng lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham gia, nhân dân trong các khu đồn ngày càng thêm tin tưởng ở cách mạng. Khi ta đánh địch, đồng bào ở các khu đồn Hòn Một, Phú Hòa đã mạnh dạn phá banh khu đồn giữa ban ngày. Đồng bào Hà Nhai, Vạn Hòa, Phú Hậu khôn vác tài sản trở về quê cũ, xóa được vùng trắng dân. Ngày 27 và 28-11-1973, hơn 4.000 dân các xã ở trong các khu đồn đã biểu tình đấu tranh đòi Nguyễn Văn Thiệu thi hành Hiệp định Pari và đòi trở về làng cũ. Trong hai năm 1973 - 1974, trên 35.000 lượt người đã tham gia 500 cuộc đấu tranh. Trong số đó có 6.150 người kéo lên đồn, hơn 10.000 lượt người nhập thị, trên 3.000 lượt thương phế binh nguy đấu tranh chống Nguyễn Văn Thiệu, 800 gia đình đấu tranh không chịu đi di dân, giành và giữ nhiều tài sản, nhà cửa của nhân dân.

Về công tác binh vận, trong hai năm, ta đã tổ chức học tập cho hơn 2.000 lượt người trong gia đình binh sĩ nguy, tổ chức 11 cuộc đón tiếp hàng trăm binh lính trở về, gọi loa hàng 1.000 lần, rải 12.230 truyền đơn, phát 930 tờ Hiệp định cho binh lính, sĩ quan địch, viết 559 lá thư vận động được 789 binh lính rã ngũ, trong đó có 2 đại đội, 3 trung đội rã ngũ tập thể, 116 lính mang theo 20 súng, 3.000 viên đạn về vùng giải phóng giao nộp cho ta. Công tác binh vận đã góp phần quan trọng trong việc giảm bớt tình hình căng thẳng ở từng đồn bốt, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh mạnh mẽ hơn.

Được ta tuyên truyền phát động và giáo dục, quần chúng ở nhiều nơi đã trở thành cơ sở cách mạng. Đặc biệt, ở một số nơi lâu nay trắng cơ sở, ta cũng đã xây dựng được cơ sở cốt cán, du kích mật như ở Phú Nhuận (Tĩnh Phong), Phú Nhon (Tĩnh An).

Các đoàn thể quần chúng có vai trò quan trọng trong việc giữ đất giành dân, xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển sản xuất.

Hội Nông dân giải phóng làm nòng cốt trong việc thi hành các chính sách của chính quyền cách mạng, chủ yếu là vấn đề ruộng đất. Hội đã chủ động trong việc vận động nông dân trụ bám đấu tranh và lập các tổ vòng đổi công để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất. Phương thức làm ăn tập thể cũng được phát triển. Việc tổ chức giúp đỡ người già yếu, những gia đình ở vùng địch mới trở về và gia đình có người tham gia cách mạng đạt kết quả tốt. Trong hai năm, Hội nông dân đã giúp đỡ và làm được 118 ngôi nhà cho nhân dân và hàng ngàn ang thóc giống để đảm bảo sản xuất.

Hội Phụ nữ giải phóng là lực lượng chính trong việc xây dựng, nuôi dưỡng, chăm sóc các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt phong trào phụ nữ "ba đảm đang", là lực lượng đi đầu trong phong trào đấu tranh chính trị, tích cực động viên chồng, con, anh, em tham gia tòng quân, nhập ngũ và thường xuyên thăm hỏi các đơn vị bộ đội, chăm sóc chu đáo thương bệnh binh và nuôi dưỡng du kích. Phụ nữ Sơn Tịnh còn làm tốt vai trò của người mẹ nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xứng đáng với tám chữ

vàng mà Bác Hồ đã trao tặng: Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.

Đoàn Thanh niên đã ý thức được trách nhiệm của mình trong chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, trong sản xuất, chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng, hướng dẫn các em tích cực tham gia vận chuyển hàng hóa, lương thực, vũ khí, vót chông, đào hầm, làm công sự... và tích cực tuyên truyền, cổ vũ quần chúng đấu tranh, sản xuất.

Đội Thiếu niên tiên phong tiếp tục phát huy vai trò "tuổi nhỏ chí lớn" tham gia đắc lực trong công tác chuyển gạo, chuyển đạn, đào hầm, vót chông, góp sắt thép cho bộ đội, du kích chế tạo mìn, làm công sự, tích cực sản xuất, xây dựng quỹ ủng hộ bộ đội. Học sinh trường cấp II đã tặng quà cho bộ đội trước khi thực hiện các chiến dịch là 8.000 đồng cùng nhiều loại rau, bầu, bí. Trong những lúc địch đánh phá ác liệt, việc mua và vận chuyển gạo về căn cứ gặp nhiều khó khăn thì vai trò của thiếu niên lại càng nổi bật. Ở Tĩnh Minh, Tĩnh Đông, Tĩnh Sơn có hơn 60% thiếu niên đã tham gia mua và vận chuyển gạo cho bộ đội. Ngoài ra, các em còn đóng góp hàng ngàn ngày công làm bờ xe nước. Trong các chiến dịch, hơn 3.000 thiếu niên đã tổ chức hàng chục lần đi tuyên truyền cổ động khí thế chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta, góp phần làm cho tinh thần binh lính ngụy thêm hoang mang, dao động. Trong tổng số 241 thanh niên nhập ngũ thì đã có 150 em thiếu niên lớn tuổi tham gia.

Ban Dân vận của Mặt trận tổ chức chợ quần chúng học

tập và thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng.

Cùng với việc chỉ đạo chống lấn chiếm, Đảng bộ cũng rất quan tâm đến việc xây dựng, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống cho nhân dân, đặt vấn đề "sản xuất ngang hàng với giết giặc", lãnh đạo nhân dân thực hiện quyết tâm "giặc cướp một ta làm hai", "giặc phá ngày ta làm đêm". Đảng bộ đã tích cực chỉ đạo công tác làm thủy lợi, khai hoang vỡ hóa, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, đưa các loại giống lúa mới vào gieo trồng. Chính quyền cách mạng cho nhân dân vay 10.480.000 đồng để mua trâu bò cày và huy động nhân dân làm 64 bờ xe nước dưới làn bom đạn địch. Thắng lợi này có ý nghĩa hết sức to lớn, động viên tinh thần nhân dân càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đã thoát khỏi nguy cơ thiếu đói. Đồng ruộng trở nên xanh tươi, chợ quán đông vui, đời sống nhân dân ổn định. Riêng vùng giải phóng, nhân dân gieo trồng được 6.757,9 ha, trong đó có 528 ha cấy giống mới đạt năng suất cao, sức đóng góp của nhân dân cho cách mạng ngày càng nhiều. Do địch đánh phá ác liệt, đường giao thông hư hỏng nhiều và cũng do yêu cầu của cách mạng, Đảng bộ Sơn Tịnh đã lãnh đạo nhân dân tích cực làm đường giao thông quốc phòng chống địch lấn chiếm thắng lợi và phục vụ việc đi lại của nhân dân.

Trong hai năm, huyện đã phát động 4 đợt dân công làm đường ô tô với khẩu hiệu "đường chưa thông, công

không tiếc". Ban chỉ đạo công trường được thành lập do một đồng chí thường vụ huyện ủy làm trưởng ban. Toàn huyện đã huy động được 144.138 ngày công, làm mới đường Chim Hút và sửa chữa được 39.600m đường ô tô, đắp sửa 48.000m giao thông nông thôn, tu sửa và làm mới 2 cầu, vận chuyển 739 thương binh, 113.475 kg gạo.

Việc thu mua lương thực cho cách mạng trong điều kiện hết sức khó khăn, giá gạo tăng từ 800 đồng lên 2.200 đồng/ang. Nhưng, với tinh thần yêu nước, sự tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng và tinh thần gương mẫu của đảng viên nên trong hai năm, toàn huyện vẫn thu được 128.831 kg gạo và mua được 2.220.674 kg, đảm bảo yêu cầu của kháng chiến, phục vụ bộ đội, du kích ăn no đánh thắng quân thù.

Văn hóa - giáo dục vẫn được duy trì và phát triển. Đến năm 1974, toàn huyện có 3.465 học sinh cấp I trong 118 lớp, 6 lớp cấp II với 257 học sinh, 26 lớp bình dân học vụ cho 350 học viên, 3 lớp bổ túc công nông có gần 100 học viên. Tỷ lệ học sinh đến trường đạt 26,5% dân số, đội ngũ giáo viên toàn huyện là 108 người. Đây là những con số đáng kể nói lên tính ưu việt của chính quyền cách mạng.

Đảng bộ huyện thường xuyên chăm lo bồi dưỡng chính trị, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân quyết tâm bám trụ đánh địch, kịp thời uốn nắn những lệch lạc để giữ vững phong trào, khí thế đấu tranh của quần chúng, Thường vụ Huyện ủy còn quan tâm đến sửa đổi lề lối, xây dựng phong cách công tác sát người, sát việc cho cán bộ, đảng viên, khơi dậy sức mạnh mới, niềm tin mới

cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh; trong gần hai năm, Đảng bộ đã phát triển được 375 đảng viên mới, trong đó 44 đảng viên sống hợp pháp trong vùng địch và thành lập được 13 chi bộ mới. Các cấp ủy đảng đã kịp thời xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật, làm cho Đảng bộ vững mạnh, củng cố được khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Công tác cán bộ cũng được chú ý, thể hiện trong việc đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, năng lực hoạt động và bố trí công việc phù hợp với yêu cầu công tác. Cấp ủy đã chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực. Thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất và lần thứ hai của Đảng bộ huyện khóa VI về việc củng cố và xây dựng chính quyền từ huyện đến xã thôn để động viên các tầng lớp nhân dân tham gia phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng. Xây dựng chính quyền cách mạng vững mạnh là vấn đề thiết cốt. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện trong thời kỳ này ở khu tây Sơn Tịnh do đồng chí Đào Tấn Hưng - Phó Bí thư Huyện ủy làm Chủ tịch. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Đông Sơn do đồng chí Nguyễn Khôi - Phó Bí thư, làm Chủ tịch huyện. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện đã mở hội nghị chuyên đề, bàn biện pháp củng cố xây dựng chính quyền từ huyện đến xã cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, làm rõ ranh giới vai trò, chức năng của chính quyền các cấp, đồng thời cử 12 người đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở tỉnh.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được

củng cố, nhiều xã đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, mọi hoạt động được đưa vào nền nếp, cán bộ chính quyền đi sát, đi sâu xuống cơ sở để nắm tình hình và động viên phong trào thi đua của quần chúng được tốt hơn.

Về phía địch, trước những đòn phản công liên tiếp của ta, quân địch bị đẩy lùi về vùng ven quận lỵ, thị trấn, thị xã. Đến đầu tháng 10-1974, chúng đã bị mất 43 chốt điểm, đại bộ phận là chốt mới lần chiếm, nhưng vẫn cố tìm mọi thủ đoạn để đánh phá ta.

Ngày 3-9-1974, chúng đề ra kế hoạch gọi là "Tìm về tổ ấm" nhằm thúc đẩy quân lính đi lần chiếm, bắt dân nộp tre rào ấp; song do tinh thần quá hoang mang, khiếp sợ, quân lính đã không thể làm được những điều mà bọn chỉ huy thúc ép. Tuy vậy, đến ngày 8-10-1974, địch cũng chiếm được một số chốt điểm ở vùng giáp ranh. Nhưng, về căn bản, binh lính địch đã bị mất sức chiến đấu, mất chỗ dựa, nên phải co lại trong các chốt quanh vành đai quận lỵ. Đến cuối tháng 12-1974, toàn bộ khu vực lần chiếm của địch ở cả đông, tây Sơn Tịnh đều bị phá vỡ hàng mảng.

Những thắng lợi của huyện nhà, cùng tin chiến thắng giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long, chi khu Giá Vụt dội về càng làm cho quân dân trong huyện thêm phấn chấn và tăng thêm quyết tâm trong cuộc chiến đấu đi tới giành thắng lợi.

Tháng 11-1974, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đông Sơn lần thứ III được triệu tập tại thôn Tây, Bình Tân, đồng chí Trần Hồng Vân được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Ngày 15 và 16-12-1974, Đại hội đại biểu lần thứ VII của Đảng bộ khu tây Sơn Tĩnh cũng được tổ chức, đồng chí Nguyễn Duy Nhật được bầu làm Bí thư. Cả hai Đại hội đã nhất trí đánh giá tình hình: ta đang ở trong tình hình chung có nhiều thuận lợi; xu thế phát triển tất yếu của cách mạng đang lên mạnh hơn bao giờ hết. Trong thời kỳ này, thế và lực của địch đang lao nhanh xuống dốc, đi đến sụp đổ hoàn toàn. Quân chủ lực địch bị căng ra và bị tiêu diệt nhiều hơn. Hơn nữa, bọn địa phương quân ở huyện không còn đủ sức chiếm giữ. Đó là thời cơ để quân dân ta tranh thủ giành thắng lợi. Lực lượng vũ trang, qua một năm chiến đấu, đã tăng hơn về quân số, chất lượng trang bị và chỉ huy. Nhìn chung, quân dân ta có khí thế sẵn sàng tấn công và nổi dậy. Cơ sở vùng địch và lực lượng quần chúng cách mạng đã chuyển biến rõ, đại đa số đồng bào muốn sớm được hòa bình, tình hình đó thôi thúc ta mở rộng vùng ta giành dân theo ý định.

Từ tình hình trên, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong việc chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiến lên giải phóng huyện nhà và nhấn mạnh: "Phải kiên quyết vận dụng ba mũi giáp công để tấn công địch, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, phát huy hiệu quả quyết tâm đánh thắng địch. Các đội công tác phải thọc sâu vào hậu phương địch, tuyên truyền tổ chức binh vận, diệt ác. Các xã vùng giải phóng kiên quyết đánh bại các cuộc lấn chiếm của địch".

Lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ, ngay trong đêm khai mạc Đại hội, lực lượng vũ trang Sơn Tĩnh đã lập

chiến công mới. Với sự hỗ trợ của pháo binh, bộ đội bám sát khu đồi 47, đúng 9 giờ sáng ngày 16-12-1974, bằng chiến thuật hợp đồng binh chủng, quân ta nổ súng chiếm chốt cầu Bà Mẹo, tấn công ép sát địch, đến trưa thì làm chủ chốt 47, bức rút 4 chốt khác, diệt gọn 1 tiểu đoàn của địch, thu nhiều súng các loại. Vành đai phòng thủ quanh quận lỵ và thị xã bị phá nát, quân địch lâm vào thế bị động phải đối phó ngay trong hậu cứ của chúng.

Bị đánh đau, thiệt hại nặng, hồng cứu vãn tinh thần của binh lính, đầu tháng 1-1975, địch lại tập trung 7 tiểu đoàn quyết chiếm lại đồi 47, lập tuyến vành đai quanh quận lỵ và tiếp tục đưa quân đóng chốt các đường hành lang, ngăn chặn mọi hoạt động của ta vào vùng địch, đồng thời chúng đưa quân chiếm của Sa Kỳ, lập khu đồn Mỹ Lại, song ý đồ của chúng đã bị thất bại. Tính đến đầu năm 1975, quân địch còn lại 46 chốt điểm và 1 chi khu, với 1/3 đất đai và khoảng 68.553 người dân ở cả khu đông và khu tây Sơn Tịnh, với lực lượng 6D bảo an, 47B dân vệ và 4.000 lính các loại.

Những thắng lợi liên tiếp của quân ta vào cuối năm 1974 và đầu năm 1975 trên toàn miền Nam đã làm cho quân ngụy không còn đủ sức đương đầu với phong trào cách mạng đang dâng cao. Khả năng đánh thắng hoàn toàn quân ngụy đang mở ra trước mắt. Ngày 6-1-1975, tỉnh Phước Long được giải phóng. Thời cơ chiến lược để giải phóng miền Nam đang tới gần.

Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa III họp từ ngày 8-2-1974 đến ngày 7-1-1975, sau khi phân tích

tình hình chiến trường miền Nam đã quyết định: "Tiến hành khẩn trương và hoàn chỉnh công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam tiến tới thống nhất nước nhà".

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị và Khu ủy V, cuối tháng 1-1975, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra nghị quyết quyết tâm đánh bại hoàn toàn kế hoạch bình định của địch, tiến lên giải phóng hoàn toàn Quảng Ngãi. Hội nghị đề ra ba nhiệm vụ cơ bản cần giải quyết:

1. Làm cho các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh nhất trí cao với việc đánh giá thời cơ ngàn năm có một của Bộ Chính trị để nâng cao quyết tâm hành động cách mạng, đóng góp sức người, sức của cao nhất nhằm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử.

2. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và công tác binh vận, coi đó là yếu tố quyết định, làm cho tương quan lực lượng thay đổi, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Bố trí lại tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ở các trọng điểm của tỉnh, các trọng điểm của huyện và xã, phân công cán bộ, đảng viên để bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ.

Quán triệt nghị quyết của các cấp và nghị quyết của Đảng bộ huyện, từ đầu tháng 1-1975 đến ngày 13-3-1975, quân và dân Sơn Tịnh đã liên tục tấn công địch, đẩy lùi

tất cả những hoạt động lấn chiếm, vây ép địch ở những vùng chúng đã chiếm đóng, loại khỏi vòng chiến đấu 576 tên địch. Sau khi nhận được thông báo về việc chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng tỉnh nhà, Đảng bộ Sơn Tịnh và Đông Sơn đã mở đợt sinh hoạt chính trị từ ngày 15 đến ngày 20-2-1975 nhằm xác định cho cán bộ, đảng viên quán triệt tinh thần, nhiệm vụ và khả năng bước vào chiến dịch, nhanh chóng triển khai kế hoạch xuống cơ sở, đồng thời tập trung phát động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang, điều động du kích xã thành lập những đơn vị mới bổ sung cho bộ đội huyện và tăng cường quân cho bộ đội tỉnh. Các đội công tác được củng cố, bổ sung, số lượng và chất lượng được nâng cao, xác định quyết tâm diệt ác, phối hợp với Ban đấu tranh chính trị, binh vận phát động quần chúng, chuẩn bị nổi dậy tại chỗ, tạo điều kiện đưa bộ đội vào hoạt động và hợp đồng tốt với chiến trường chung. Thường vụ Huyện ủy Đông Sơn, khu tây Sơn Tịnh và Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã xác định các trọng điểm chiến đấu.

Nắm chắc phương châm "táo bạo, vững chắc, kiên quyết, chủ động, linh hoạt, sắc bén, kịp thời giành thắng lợi trước mắt và chuẩn bị tốt về mọi mặt cho nhiệm vụ tiếp theo", mở đầu chiến dịch hiệp đồng với chiến trường chung toàn tỉnh, ở khu tây Sơn Tịnh, từ 23 giờ ngày 15-3-1975 đến ngày 20-3-1975, quân ta nổ súng, diệt địch ở Nông Động Hương (Tịnh Hà), Núi Đất (Tịnh Bình), Kim Sa (Tịnh Thọ) rồi phát triển ra Hòn Tròn, đồi 48, Núi Tháp, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá khu đồn, thu chiến lợi phẩm,

đánh chiếm đồn Rừng Động, buộc quân địch phải bỏ chạy.

Tại Đông Sơn, ngay từ đêm 15 sáng ngày 16-3 đến ngày 19-3, quân ta đã nổ súng diệt địch ở chốt Phú Nhuận (Tĩnh Phong), phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ tại chỗ. Các đội công tác và du kích vây ép đồn Voi (Tĩnh Khê), bao vây đồn An Sơn, Thầy Linh, làm chủ ấp An Đạo (Tĩnh Long), Hòa Bắc, Hòa Nam (Tĩnh Thiện) tạo ra thế trận uy hiếp bao vây phía đông bắc thị xã Quảng Ngãi và phía đông chi khu Sơn Tịnh.

Từ ngày 20 đến ngày 24-3, du kích các xã phía trước cùng lực lượng vũ trang huyện tấn công mạnh, quân địch hoang mang lo sợ không dám chống cự lại mà phải co cụm về Tịnh An.

Phối hợp với các mũi tấn công quân sự, phong trào quần chúng nổi dậy trở về làng cũ ngày càng mạnh. Ở Tịnh Giang, nhân dân còn hướng dẫn cho binh lính ra đầu hàng, mang theo cả vũ khí nộp cho cách mạng. Ở ấp Kim Sa, ngay đêm mở màn chiến dịch, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, trên 2.500 dân bùng về làng cũ. Tất cả tạo thành phong trào quần chúng nổi dậy mạnh mẽ làm cho quân địch rối loạn ngay từ đầu. Lúc này, tuy quân ta chưa tiến vào quận lỵ, thị trấn nhưng nhân dân các xã Tịnh Hà, Tịnh Ấn, Tịnh Châu, Tịnh An đã nổi dậy phá khu đồn trở về làng cũ. Cùng thời gian này, các xã ở vùng giải phóng đã thành lập Ban đón tiếp dân và lực lượng quần chúng cũng được tổ chức thành từng đơn vị có trang bị vũ khí.

Trong khi chỉ đạo chiến dịch, Thường vụ Huyện ủy còn chỉ đạo, huy động nhân dân làm 7 bờ xe nước, tận dụng

nguồn nước ở đập Sông Giang tưới cho 150 mẫu ruộng ở Cù Và, đập 7 đập ở Tịnh Trà, chuẩn bị làm đập Sơn Rái.

Tin chiến thắng dồn dập báo về, quân địch ngày càng lâm vào thế bị động, tinh thần bạc nhược hơn lúc nào hết, hệ thống nguy quyền từ tỉnh đến xã thôn và lực lượng địa phương quân của địch rệu rã.

Ngày 23-3-1975, Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị: "Đẩy mạnh công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh, giải phóng toàn bộ nông thôn, giải phóng thị trấn, thị xã, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng toàn tỉnh" và ra lời kêu gọi đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân toàn tỉnh: nắm vững thời cơ, dốc toàn lực để giành thắng lợi với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng, tất cả để giải phóng quê hương".

Tình hình chiến dịch chuyển biến hết sức mau lẹ, công tác tiếp quản thị trấn được tiến hành khẩn trương. Đúng 8 giờ tối ngày 23-3, Thường vụ Huyện ủy triệu tập khẩn cấp hơn 250 cán bộ quân dân chính từ huyện đến thôn, xã để công bố mệnh lệnh tấn công và chương trình hành động. Chỉ sau 2 tiếng đồng hồ, mệnh lệnh tấn công được truyền xuống khắp thôn xóm. Tiếng trống, mõ, thanh la vang dội, tiếng loa kêu gọi, thúc giục mọi người đi làm đường cho xe ta tiến ra mặt trận. Không khí hồ hởi, phấn khởi thể hiện rõ trên nét mặt mỗi người. Tất cả đều hăng hái thi đua đào đất, đắp đường, với tinh thần "một ngày làm việc bằng 20 năm". Ước mơ bao năm nay đã tới gần. Sau 8 tiếng đồng hồ, 56 km đường ô tô trong toàn huyện đã được đào đắp, sửa sang, trong đó có cả những đoạn

đường 11 năm qua ít người qua lại nay cũng trở nên nhộn nhịp.

Đúng 15 giờ ngày 24-3-1975, chuyến xe đầu tiên của ta từ Tân An bắt đầu xuất trận. Từng đoàn xe pháo nối đuôi nhau tiến về mặt trận, xe chạy tới đâu đường cái được tu sửa ngay tới đó, nhiều gia đình lấy ván gỗ làm nhà ra lót đường cho xe chạy. Hàng trăm dân công được huy động kéo pháo, gần 70 du kích dẫn đường ngồi trên xe tăng, nét mặt rạng ngời, quyết tâm tiến về phía trước làm tròn sứ mệnh lịch sử nhân dân giao phó.

Đúng 19 giờ 40 phút ngày 24-3-1975, các đơn vị vũ trang đồng loạt nổ súng tấn công vào chi khu quân sự và các chốt điểm. Đến 21 giờ, toàn bộ quân địch còn lại trong các chốt điểm, cơ quan bỏ chạy tháo thân.

Ở khu đông, Thường vụ Huyện ủy nắm chắc thời cơ, ngay trong đêm 24-3 triệu tập hội nghị gồm các tổ vũ trang an ninh xã và Ban an ninh huyện để phân công nhiệm vụ đánh địch, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy. Trong khi ta tấn công mạnh vào các khu đồn, áp chiến lược thì 90 tên lính ở Tịnh An rã hàng và giao nộp toàn bộ vũ khí cho cách mạng. Khởi nghĩa đến đâu, ban tự quản thôn, xã được thành lập ngay tới đó để ổn định trật tự xã hội.

Đúng theo nhận định của ta, quân địch đã mở đường máu rút chạy từ thị xã Quảng Ngãi ra Chu Lai. Lúc 23 giờ cùng ngày, bộ đội ta nhất loạt nổ súng vào giữa đội hình địch trên đoạn đường dài 15km từ Dốc Trạm (Tịnh Phong) đến cầu Nước Mặn (Bình Sơn), làm cho quân địch rối loạn,

hốt hoảng bỏ xe, bỏ súng ống, giẫm đạp lên nhau. Hàng trăm tên địch bị tiêu diệt, ta bắt sống hàng ngàn tên, một số xin đầu hàng giao nộp vũ khí, một số khác chạy tán loạn vào thôn xóm, bị nhân dân truy bắt hoặc ra đầu thú. Xe tăng, xác giặc ngổ ngang đầy đường. Kết quả quân ta đã tiêu diệt gần 600 tên, bắt sống hơn 2.000 tên, thu nhiều loại vũ khí và quân trang, quân dụng.

5 giờ sáng ngày 25-3-1975, quân ta tiến vào quận lỵ nhanh chóng tiếp quản thị trấn Sơn Tịnh. Các đội công tác Tịnh Ấn, Tịnh An, Tịnh Châu tiếp quản cơ quan ngục quyền xã, kêu gọi sĩ quan, binh lính, nhân viên ngục quyền địch ra đầu hàng và phối hợp với nhân dân truy bắt ác ôn, tề ngục lẫn trốn, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm. Các đội tuyên truyền phát nhanh tin chiến thắng, kêu gọi đồng bào bình tĩnh, ổn định trật tự trị an, xé các băng cờ của ngục. Khẩu hiệu, áp phích chào mừng chiến thắng được giăng khắp các cơ quan, công sở và các ngã đường. Đến 7 giờ sáng ngày 25-3, ở quận lỵ, thị trấn và khắp các thôn, xóm rợp bóng cờ nửa đỏ, nửa xanh có ngôi sao vàng ở giữa của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và cờ đỏ sao vàng phát phới tung bay đón chào ngày mới - ngày chiến thắng của nhân dân Sơn Tịnh cũng như nhân dân Quảng Ngãi.

Sau 12 ngày đêm liên tục tấn công và nổi dậy, chiến dịch giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi (C35) toàn thắng. Tính chung từ đầu tháng 1-1975 đến hết chiến dịch C35, quân và dân Sơn Tịnh đã loại khỏi vòng chiến đấu 6.500 tên địch, trong đó bắt sống 5.000 tên, có cả sĩ quan và

nguy, quyền các cấp, thu hàng trăm tấn vũ khí, quân trang, quân dụng.

Ngày 25-3-1975, quê hương Sơn Tịnh hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược. Hòa bình đã trở về sau bao nhiêu năm đấu tranh gian khổ. Trải qua bao thử thách, khắc nghiệt, mơ ước đất nước, quê hương được giải phóng đã trở thành hiện thực.

Ngày 25-3-1975 mãi mãi đi vào lịch sử như một mốc son chói ngời trong trang sử đấu tranh cách mạng đầy hào hùng và vô cùng anh dũng của Đảng bộ và quân dân Sơn Tịnh.

Ngày 25-3-1975, ngày chiến thắng không thể nào phai mờ của quân dân Sơn Tịnh, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của dân tộc Việt Nam anh hùng. Từ đây, nhân dân trong huyện cùng nhân dân cả nước bước vào thời kỳ mới, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiếp tục thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ kính yêu: "Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!".

Sơn Tịnh là mảnh đất mà nhân dân có truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm, lao động cần cù, thông minh và sáng tạo, nên ngay từ khi tiếp quản Sơn Tịnh, Mỹ - Diệm đã chọn nơi đây làm một trong những trọng điểm đánh phá ở Khu V. Chúng ráo riết thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng", "tát nước bắt cá" và thi hành luật 10/1959, hòng tiêu diệt tận gốc lực lượng cách mạng.

Trong 21 năm chống Mỹ, cứu nước, hơn 133.000 người dân Sơn Tịnh phải hứng chịu 11.327.200 quả đạn pháo cối

các loại, 1.901.000 quả bom do máy bay Mỹ trút xuống khắp các thôn, xóm. Thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng", "bình định nông thôn", cày ủi xóm làng thành vành đai trắng... chúng đã giết chết 17.455 người dân vô tội. Từ năm 1960 đến 1975, quân thù đã gây ra 123 vụ giết người hàng loạt, điển hình là vụ thảm sát Sơn Mỹ ngày 16-3-1968. Ngoài ra, chúng còn bắt giam, tra tấn, tù đầy 13.098 người dân. Hàng vạn người bị dồn vào 38 khu dồn, 114 ấp chiến lược, trong đó có 70.580 người bị xức vào các trại tập trung. Hàng ngàn thanh niên bị bắt đi lính làm bia đỡ đạn. Chúng đã phá hủy 3.709 ha ruộng đất, giết 17.768 con bò, phá hủy 35 công trình thủy lợi, 174 lớp học, 42 lượt bệnh xá, 758 lượt cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Chúng còn cướp đi 366 tấn gạo, 30.800 tấn thóc cùng hàng trăm triệu đồng và nhiều tài sản có giá trị khác của đồng bào. Toàn huyện có 86/96 thôn bị hủy diệt.

Tất cả những âm mưu, thủ đoạn tàn ác và hành động man rợ của địch kể trên đều thất bại. Nguyên nhân của thắng lợi là do sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, sức mạnh của ý chí kiên cường, tinh thần tự lực cánh sinh, quyết tâm sắt đá của nhân dân trong huyện, tạo đủ sức mạnh vật chất cần thiết, sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc, sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Có thể nói, trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, chưa có lúc nào lực lượng cách mạng của Đảng ở Sơn Tịnh, cũng như ở cả miền Nam bị kẻ thù đánh phá nặng nề với mọi thủ đoạn nham hiểm đến như vậy. Nhưng "ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh" và kết quả

chiến thắng cuối cùng phải thuộc về nhân dân anh hùng. Hiểu rõ điều ấy, Đảng bộ Sơn Tịnh kiên trì, quyết tâm lãnh đạo nhân dân chịu đựng khó khăn, vượt qua mọi thử thách gian khổ, thấm nhuần chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do", vùng lên đấu tranh tự giải phóng mình. Vượt qua thời kỳ đen tối trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ, đến cuối năm 1959 và bước sang năm 1960 trở đi, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân tiến hành đồng khởi, diệt ác trừ gian, phá hủy hàng loạt "ấp chiến lược", góp phần đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ với chiến thắng Ba Gia lấy lòng. Vùng giải phóng nông thôn được mở rộng từ niên núi đến ven biển.

Trong những năm 1965 – 1968, để đối phó với chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, phối hợp với các lực lượng vũ trang, nhân dân Sơn Tịnh lại bền gan vững chí, xông lên đánh cho chúng những đòn phủ đầu, lập nên những chiến thắng Động Dài, Đồi 62 - Tây Giáp, Phường Đình, Thượng Thọ anh hùng, góp phần đánh thắng hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch, rồi mở cuộc tổng tấn công mùa Xuân Mậu Thân gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề và mở rộng vùng giải phóng giáp xuống quốc lộ 1. Cục diện chiến trường thay đổi ngày càng có lợi cho ta.

Càng lao sâu vào tội ác, đế quốc Mỹ càng phải chuốc lấy những thất bại to lớn hơn. Nhục nhã và ê chề, đế quốc Mỹ điên cuồng tàn sát 504 đồng bào Tịnh Khê vô tội. Nhưng, quân dân Sơn Tịnh vẫn tiếp tục chiến đấu, góp phần làm phá sản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Để quốc Mỹ buộc phải ký kết Hiệp định Pari, cuốn cờ về nước. Nhân dân Sơn Tịnh cùng đồng bào cả nước tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc, non sông thu về một mối.

Đánh giá tổng quát ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, khẳng định: "Năm thắng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 5-6.

KẾT LUẬN

Nhìn lại quá trình phát triển lâu dài của quê hương, đặc biệt từ năm 1930 đến nay, chúng ta có thể rút ra một số kết luận khái quát:

Vốn có truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng, từ khi đất nước ta bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Sơn Tịnh cùng nhân dân Quảng Ngãi luôn luôn có mặt trong các phong trào yêu nước của dân tộc ta, đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến để giành lại độc lập dân tộc và giải phóng nhân dân. Trong buổi đầu chống Pháp, vì thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn, những người lãnh đạo các phong trào yêu nước chưa vượt qua được sự hạn chế của tư tưởng cũ, chưa nhận thức được sự thay đổi của tình hình thế giới, chưa huy động được sức mạnh của quần chúng nên các phong trào yêu nước, các cuộc khởi nghĩa lần lượt bị thất bại. Nhân dân ta vẫn phải chịu cảnh mất nước, sống lầm than khổ cực.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - đội tiên phong của giai cấp công nhân - đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã vạch lối, chỉ đường cho nhân dân cả nước tiến lên giành thắng lợi từng bước vững chắc và tiến đến giành thắng lợi hoàn toàn.

Ở Sơn Tịnh, từ tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh

niên ra đời năm 1927, tổ chức "Dự bị cộng sản" được thành lập cuối tháng 7 - 1929 đến Đảng bộ chính thức thành lập năm 1930 là một quá trình đấu tranh liên tục, bền bỉ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ huyện, nhân dân Sơn Tịnh đã anh dũng đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt và sâu rộng. Trong cao trào 1930 - 1931, lần đầu tiên nhân dân Sơn Tịnh đã đồng loạt nổi dậy đấu tranh với các hình thức mít tinh, biểu tình, rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm làm cho quân địch vô cùng hoang mang lo sợ, chính quyền địch ở thôn xã bị vô hiệu hóa.

Những năm 1932 - 1935, cơ sở cách mạng bị đánh phá nặng, nhiều đồng chí bị tù đầy, song được sự che chở, đùm bọc của quần chúng yêu nước, các tổ chức đảng vẫn được duy trì và từng bước phát triển. Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng được giữ vững, phong trào cách mạng vẫn được khôi phục và dần dần phát triển đi lên.

Đến giai đoạn 1936 - 1939, lợi dụng những điều kiện thuận lợi, Đảng bộ Sơn Tịnh đã khéo léo tổ chức, vận động cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, kết hợp đấu tranh công khai với bí mật, nửa hợp pháp nửa bí mật chống thực dân Pháp, phổ biến sâu rộng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong nhân dân.

Bước sang giai đoạn 1939 - 1945, với đà chiến thắng của Hồng quân Liên Xô, tinh thần quân Nhật rệu rã, Đảng bộ Sơn Tịnh đã lãnh đạo nhân dân dấy lên phong trào chống Nhật, cứu nước mạnh mẽ chưa từng có, nhanh

chống chớp lấy thời cơ tiến lên tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân, góp phần cùng cả tỉnh, cả nước lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, một cuộc đổi đời chưa từng có đối với mỗi người Việt Nam.

Giữ vững vùng tự do trong chín năm kháng chiến chống Pháp, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh vừa xây dựng cuộc sống mới, vừa đánh giặc giữ làng, bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám và chi viện cho tiền tuyến. Với tinh thần quyết tâm "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", nhân dân Sơn Tịnh góp phần cùng nhân dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Đảng bộ và quân dân Sơn Tịnh tiếp tục phát huy truyền thống anh dũng quật cường, chí khí hiên ngang, bất khuất của con cháu Trương Đăng Đồ, Trương Định, Lê Trung Đình, Trương Quang Trọng... đã đoàn kết một lòng quyết tâm theo Đảng đến cùng, vượt qua mọi khó khăn, thử thách nghiệt ngã, từng bước làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - ngụy, lập nên chiến công oanh liệt, góp phần cùng nhân dân cả nước đánh thắng tên sen đầm quốc tế của thế kỷ XX, mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để có được thành quả cách mạng ấy, biết bao nhiêu thế hệ người dân Sơn Tịnh cũng như ở mọi miền đất nước đã đổ mồ hôi, máu xương và nước mắt hoặc hy sinh cả cuộc đời mình, vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất Sơn Tịnh, vì cuộc sống tự do, hạnh phúc, ấm no của nhân dân. Hàng trăm ngôi mộ chưa xác định được tên nằm ở khắp các nghĩa trang liệt sĩ trong huyện. Huyện Sơn Tịnh đã có gần 7.000 liệt sĩ, hơn 3.000 thương bệnh binh, 418 bà mẹ được Đảng và Chính phủ phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hàng nghìn gia đình có công với cách mạng. Có nhiều mẹ có một chồng và 4 con, thậm chí cả 5 người con đều hy sinh như các mẹ Phạm Thị Lờ, Nguyễn Thị Pháo, Phạm Thị Lộc... cùng hàng chục mẹ chỉ có một người con duy nhất cũng gửi trao cho cách mạng.

Tất cả sự hy sinh cao cả ấy, những mất mát đau thương ấy là vô bờ bến. Những sự cống hiến lớn lao ấy là vô giá mà không giấy mực nào có thể nói hết được. Tất cả, tất cả đã hun đúc nên tinh thần chịu đựng bền bỉ, dẻo dai, khí phách hiên ngang, quả cảm, đầy tinh thần mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu cũng như trong lao động sản xuất của người dân Sơn Tịnh anh hùng. Đó là những tấm gương ngời sáng cho Đảng bộ, nhân dân và mọi thế hệ thanh thiếu niên Sơn Tịnh học tập và noi theo.

Với những thành tích đã đạt được, Đảng bộ và quân dân Sơn Tịnh vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu cao quý do Đảng và Chính phủ trao tặng: *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Có 15 vị cơ sở của huyện cũng được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân,

đó là: Ban An ninh huyện Sơn Tịnh cùng lực lượng vũ trang và nhân dân của 14 xã: Tịnh Khê, Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Trà, Tịnh Hiệp, Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Bắc, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Thiện và Tịnh Phong.

Từ trong khói lửa của cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại của dân tộc, cũng như trong lao động sản xuất, nhiều người con của quê hương Sơn Tịnh đã trưởng thành và trở thành những vị tướng lĩnh tài ba của lực lượng vũ trang như các đồng chí: Nguyễn Chánh, Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Phạm Kiệt, Trung tướng Trần Quý Hai, Trung tướng Nguyễn Đôn, Trung tướng Võ Thứ, Thiếu tướng Võ Bẩm (người đầu tiên được Bác Hồ trao trọng trách lãnh đạo Đoàn vận tải 559 mở con đường mòn Hồ Chí Minh trên đường Trường Sơn), Thiếu tướng Huỳnh Kim, Thiếu tướng Phan Quang Tiệp và Thiếu tướng Lê Trung Ngôn... Bốn đồng chí được Đảng và Chính phủ tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Đoàn Liêm, Lê Khương, Trương Quang Luật và Lê Quang Nho. Riêng đồng chí Nguyễn Chánh được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Nhiều đồng chí là những nhà hoạt động chính trị có uy tín của Đảng và Nhà nước như đồng chí Trương Quang Giao.

Trên lĩnh vực khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội cũng như trên mặt trận lao động sản xuất đã xuất hiện những giáo sư, tiến sĩ, nhạc sĩ, Anh hùng Lao động có tên tuổi như: Giáo sư, Tiến sĩ vật lý Lê Công Dưỡng; Giáo sư, Tiến sĩ sử học Phan Ngọc Liên; Giáo sư, Tiến sĩ cơ học Đỗ Sanh;

Nhạc sĩ Trương Quang Lục; Hồ Giáo - người vinh dự hai lần được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động.

Là một bộ phận hữu cơ của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh có những nét chung và những nét đặc thù của Đảng bộ, góp phần làm phong phú thêm lịch sử Đảng toàn quốc.

Vậy do đâu Đảng bộ và quân dân Sơn Tịnh đã góp phần làm nên những chiến thắng diệu kỳ ấy. Từ thực tiễn sinh động trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ diễn ra trên địa bàn Sơn Tịnh, chúng ta có thể rút ra những nguyên nhân đồng thời cũng là những bài học sau:

1. Sống trên mảnh đất mà điều kiện thiên nhiên hết sức khắc nghiệt, nước không đủ tưới cho đồng ruộng, thiên tai hạn hán, mất mùa, đói kém xảy ra liên tiếp, lại bị ách áp bức bóc lột nặng nề của thực dân, phong kiến đè nặng, nhân dân Sơn Tịnh phải bằng mọi cách đấu tranh, lao động anh dũng để sống và phát triển. Từ khi có ánh sáng đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam soi đường, dẫn lối thì lòng yêu nước và tinh thần dân tộc của nhân dân ta trở dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết, sức mạnh đoàn kết tăng lên gấp bội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Sơn Tịnh có được niềm tin vững chắc, tin vào sức mạnh của chính mình để tự giải phóng cho mình, cho nên đã liên tiếp xuống đường đấu tranh, càng tổn thất nặng thì khí thế đấu tranh càng mạnh mẽ, người trước ngã xuống người sau tiếp bước đứng lên, không một phút chần chừ do dự. Do đó, phong trào cách mạng diễn ra liên tục, mạnh mẽ và đều khắp trong toàn huyện.

2. Đảng bộ Sơn Tịnh luôn luôn chấp hành đường lối, chủ trương của cấp trên một cách nghiêm túc và triệt để. Đồng thời, biết dựa vào tình hình cụ thể của địa phương mà vận dụng một cách sáng tạo và có biện pháp tích cực tổ chức thực hiện nhanh chóng, kịp thời những nhiệm vụ của cấp trên trong từng giai đoạn của thời kỳ cách mạng, góp phần đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ và rộng khắp như các cuộc biểu tình đón Gôđa năm 1937, biểu tình chống dự án thuế mới của Viện Dân biểu Trung Kỳ năm 1939, các cuộc biểu tình phối hợp hỗ trợ nhau để chi phối lực lượng địch giữa miền đông và miền tây của huyện, giữa Sơn Tịnh và Bình Sơn, giữa Sơn Tịnh và Mộ Đức cùng các nơi khác trong tỉnh.

3. Hầu hết đảng viên là những đồng chí sớm có tình yêu quê hương đất nước, thấy rõ tội ác của thực dân, phong kiến, những kẻ gây ra cảnh đói khổ cho nhân dân lao động. Các đảng viên lại được tôi luyện trong phong trào đấu tranh cách mạng, xuất thân trong các gia đình có truyền thống yêu nước, có uy tín với nhân dân, được nhân dân hết lòng tin yêu, che chở, đùm bọc. Do đó, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ đã góp phần xây dựng Đảng bộ vững mạnh, có đủ năng lực tổ chức, lãnh đạo, thực hiện mọi chủ trương của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy. Đó cũng là những đồng chí hầu hết tuổi còn trẻ, sớm gấn bó, gần gũi quần chúng, có nghị lực và tinh thần cách mạng cao, kiên cường đấu tranh, tích cực hoạt động cách mạng. Khi sa lưới địch, ngoài một số nhỏ dao động, còn đa số các đồng chí đều kiên định, vững vàng, không nhụt ý chí trước

sự tra tấn dã man hoặc mua chuộc, dụ dỗ của kẻ thù. Họ luôn luôn tin tưởng vào sự tất thắng của cách mạng, biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, học tập lẫn nhau để nâng cao trình độ nhận thức và lý luận cách mạng, tìm mọi cách liên lạc với bên ngoài để nắm tình hình địch, ta, tham gia ý kiến lãnh đạo phong trào. Ở trong tù, các chiến sĩ cách mạng không ngừng đấu tranh, tuyệt thực, chống chế độ giam cầm hà khắc. Họ còn tìm mọi cách vận động giác ngộ những binh lính có cảm tình đối với cách mạng, ngả về phía cách mạng.

Nhiều đồng chí quê Sơn Tịnh, trưởng thành trong phong trào đấu tranh ở quê hương đã tham gia các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp tỉnh, đã có đóng góp trực tiếp cho phong trào cách mạng của huyện nhà. Một số đồng chí khác được điều động tham gia phong trào cách mạng ở nhiều nơi trong nước luôn phát huy truyền thống yêu nước của quê hương, nhanh chóng trưởng thành, có nhiều đóng góp cho cách mạng cả nước. Mặt khác, nhân dân Sơn Tịnh cũng ghi nhớ sự đóng góp của các đồng chí, sự giúp đỡ, chi viện của nhiều địa phương bạn trong đấu tranh và sự lãnh đạo, giúp đỡ trực tiếp của cơ quan cấp trên đóng trên địa bàn huyện. Đây là những yếu tố quan trọng giúp cho Đảng bộ thêm vững mạnh và chỉ đạo phong trào nhanh chóng, kịp thời hơn.

4. Đảng bộ Sơn Tịnh không những vận động quần chúng làm cách mạng, gắn bó với phong trào mà còn khéo léo tổ chức, vận động những người đang hoạt động trong bộ máy nguy quân, nguy quyền tay sai của thực dân Pháp

và đế quốc Mỹ từ làng xã lên đến tổng, huyện và các đơn vị vũ trang, giáo dục, giác ngộ họ để nắm tình hình, bảo vệ cơ sở cách mạng trong các cuộc hoạt động hợp pháp và bất hợp pháp, chủ động lánh né khi địch đánh phá, truy bắt. Nhờ vậy, tuy kẻ địch lùng bắt ráo riết nhưng cơ sở cách mạng vẫn được duy trì để tiếp tục tạo nên phong trào mới góp phần thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta.

5. Thắng lợi ấy, trước hết bắt nguồn từ Đảng bộ huyện đã biết phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của cha ông và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân trong huyện qua các thời kỳ, nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo; nắm vững đường lối, chủ trương kháng chiến và phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng đề ra, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện, hoàn thành cụ thể của địa phương mình, có tinh thần trách nhiệm cao và nghiêm chỉnh thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Từ đó, Đảng bộ huyện đã đánh giá đúng âm mưu của địch, biết địch, biết ta, nên đã đề ra được những phương án, kế hoạch sát đúng nhất, có quyết tâm cao và động viên được sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong huyện đứng lên chiến đấu trong bất cứ tình huống nào. Đó là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của Đảng bộ và quân dân trong huyện.

6. Đảng bộ Sơn Tịnh nắm vững quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", "nhân dân là cái gốc của mọi phong trào", hiểu rõ nguyện vọng của quần chúng

nhân dân, tin tưởng ở quần chúng, biết dựa vào quần chúng để làm cách mạng. Dân tin Đảng, Đảng tin dân, dựa vào dân để chiến đấu. Những sự kiện cụ thể và sinh động về mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và quần chúng cho thấy: sẽ không thể chiến thắng nếu không có sức mạnh của quần chúng nhân dân. Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ với chủ trương đúng thì sức mạnh của nhân dân sẽ tăng lên gấp bội. Đúng là "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong".

Sức mạnh chiến đấu của quần chúng nhân dân được thể hiện qua các tổ chức đoàn thể quần chúng: Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên, Thiếu niên, Mặt trận. Không có các tổ chức đoàn thể ấy thì không có phong trào quần chúng mạnh mẽ và cũng không thể xây dựng được lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị lớn mạnh được. Thực tiễn đấu tranh của nhân dân Sơn Tịnh chứng tỏ rằng: công tác vận động quần chúng không chỉ là việc của các đoàn thể mà là công tác của toàn Đảng bộ, của mỗi đảng viên, của lực lượng vũ trang. Một trong những yếu tố có tính chất quyết định việc xây dựng cơ sở chính trị, giữ vững phong trào quần chúng là vai trò, sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các chi bộ cơ sở và đảng viên. Do đó, khi kẻ thù ra sức thực hiện chính sách dồn dân vào "ấp chiến lược" và "binh định" để giành dân với ta, Đảng bộ đã đặt mạnh vấn đề: "giành dân là cái trục của toàn bộ phong trào, có dân là có tất cả". Vì vậy, nơi nào có dân, ở đó có sự lãnh đạo của Đảng, nơi nào có dân là tổ chức đảng ở được bảo vệ vững chắc và nơi nào có Đảng thì cơ sở trong quần chúng mạnh,

phong trào đấu tranh ở đó mạnh. Cho nên, dù kẻ thù có tàn bạo đến đâu cũng không thể tách đảng viên ra khỏi quần chúng. Thậm chí có lúc quá khó khăn ác liệt, chi bộ, đảng viên bị bắt ra ngoài, nhưng ngay sau đó lại trở về len lỏi bám đất, bám dân hoạt động để giữ vững phong trào. Điều đó cất nghĩa được vì sao vùng giải phóng của ta vẫn đứng vững, xây dựng được thực lực cho cách mạng. Điển hình là xóm Bãi (Tịnh Khê), chỉ với khoảng 400 người dân, nhân dân ở đây vẫn kiên cường, bất khuất suốt cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, là nơi nuôi dưỡng cán bộ, cung cấp của cải vật chất cho phong trào cách mạng của vùng đông bắc Quảng Ngãi.

Đảng ở trong dân, hiểu rõ nguyện vọng của nhân dân, dân tin Đảng và quyết tâm đi theo Đảng, Đảng với dân gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau. Đó là nguồn gốc của mọi chiến thắng, là yếu tố quyết định thành công của Đảng bộ Sơn Tịnh.

7. Dưới ánh sáng của đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài, dựa vào sức mình là chính, Đảng bộ Sơn Tịnh đã xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc trong toàn huyện. Thực hiện khẩu hiệu "mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi thôn xóm là một pháo đài", tất cả già, trẻ, gái, trai đều hăng hái tham gia các lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị, binh vận và đóng góp cho cách mạng với nhiều hình thức khác nhau. Các thôn kháng chiến, làng chiến đấu được xây dựng, hệ thống địa đạo, công sự liên hoàn được hình thành. Do vậy, trong điều kiện chiến đấu còn vô cùng khó khăn gian khổ, song

với tinh thần tự nguyện, tự giác đứng lên đánh giặc giải phóng quê hương, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh đã ngày càng vững vàng và trưởng thành hơn trong khói lửa của cuộc đấu tranh khốc liệt ấy.

Nắm vững tư tưởng, quan điểm của Đảng về bạo lực cách mạng, giữ vững ý chí tấn công, xây dựng lực lượng đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang, kết hợp với công tác binh vận, kiên định phương châm hai chân, ba mũi giáp công, tấn công địch trên cả ba vùng chiến lược, Đảng bộ Sơn Tịnh đã chú trọng xây dựng lực lượng đấu tranh chính trị, phát huy khả năng và sức mạnh của quần chúng để tấn công địch. Bởi vì, chỉ đấu tranh chính trị sẽ bị kẻ địch đàn áp, khủng bố, phong trào không phát triển lên được, nhưng đơn thuần đấu tranh vũ trang thì phong trào cũng sẽ gặp khó khăn. Thực tiễn đã chỉ rõ, khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh không tuyên bố, ta chỉ đơn thuần đấu tranh chính trị, nên phong trào gặp rất nhiều khó khăn, tổn thất tưởng chừng không gượng dậy nổi. Song từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, thì cuộc đấu tranh vũ trang được phát triển song song với đấu tranh chính trị đã đưa phong trào cách mạng tiến lên những bước nhảy vọt và có tính chất quyết định.

Đảng bộ Sơn Tịnh đã xây dựng đội quân chính trị từ những cuộc đấu tranh lẻ tẻ vài ba chục người tiến lên tổ chức những cuộc đấu tranh quy mô lớn có tổ chức, lãnh đạo chặt chẽ với hàng ngàn người tham gia nổi dậy bao

vây, bức rút đồn bốt, áp sát quận lỵ, thị xã. Trong phong trào đấu tranh ấy, quần chúng không chỉ đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống các âm mưu của địch mà còn làm công tác hậu cần, binh vận, trinh sát, liên lạc. Trong những năm kháng chiến, bộ đội và du kích bám trụ được trong dân để đánh thắng địch, chính là nhờ cơ sở chính trị mạnh, được nhân dân che chở, đùm bọc.

Trên cơ sở lực lượng chính trị ngày càng lớn mạnh, Đảng bộ tổ chức xây dựng được lực lượng vũ trang, dân quân du kích, bộ đội địa phương ngày càng đông đảo về số lượng, nâng cao về chất lượng và là nguồn bổ sung cho bộ đội tỉnh, bộ đội chủ lực.

Từ chỗ chỉ mới có những đơn vị du kích nhỏ, từ 5 đến 7 tay súng, với lối đánh phục kích, bất ngờ, lực lượng vũ trang của huyện qua thử thách trong chiến đấu đã sáng tạo nhiều cách đánh linh hoạt, mưu mẹo, từ chỗ hỗ trợ quần chúng chống càn quét đến hợp đồng binh chủng với bộ đội chủ lực, tham gia các trận đánh lớn. Về trang bị, quân dân Sơn Tịnh đã thực hiện phương châm "lấy vũ khí địch, đánh địch", biết cải tiến các loại vũ khí của địch, sử dụng nhiều loại vũ khí từ thô sơ đến hiện đại để đánh địch.

Quá trình phát triển của lực lượng vũ trang Sơn Tịnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, còn gắn liền với sự hỗ trợ, dìu dắt, đoàn kết, hợp đồng chiến đấu của bộ đội địa phương tỉnh và bộ đội chủ lực khu, đã lập nên bao chiến công xuất sắc trên mảnh đất thân yêu của chúng ta.

Công tác binh vận cũng được Đảng bộ huyện quan

tâm. Lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang và binh vận hình thành ba mũi tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược. Đó là sức mạnh tổng hợp của chúng ta để tạo thế tấn công địch liên tục, làm cho chúng đi từ thất bại này đến thất bại khác.

8. Trong điều kiện khó khăn về vật chất, để chiến thắng được kẻ thù giàu mạnh, không thể không tiến hành xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Đảng bộ Sơn Tịnh đã lãnh đạo nhân dân trong huyện phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính để vừa xây dựng nền kinh tế tự cung, tự cấp, vừa làm tốt công tác hậu cần tại chỗ phục vụ các yêu cầu kháng chiến.

Tiếp thu và phát huy bài học kinh nghiệm về sản xuất tự túc trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, điều kiện khó khăn ác liệt hơn do sự đánh phá của kẻ thù: địch cày ủi trắng xóm làng, đồng ruộng, nhân dân sống ở ba vùng khác nhau vẫn ý thức được "ruộng rẫy là chiến trường, nhà nông là chiến sĩ". Đảng bộ vẫn quyết tâm động viên nhân dân trở về "trải màu xanh trên đất ủi". Mặc cho kẻ thù đánh phá, nhân dân vùng giải phóng vẫn tranh thủ cấy hết diện tích để đảm bảo đời sống, phục vụ kháng chiến. Nhân dân vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát vẫn tìm mọi cách đóng góp cho cách mạng. Do đó, ta đã phá được sự bao vây kinh tế của địch, quan hệ giao lưu buôn bán giữa vùng địch và vùng giải phóng vẫn được giữ vững.

Các lực lượng vũ trang hể ngời tay súng lại bắt tay vào tham gia sản xuất, khai hoang vỡ hóa những vùng đất

trống để tự giải quyết một phần lương thực, góp phần vào việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự túc, tự cấp.

9. Mỗi thắng lợi giành được ngày càng to lớn không thể tách rời sự chỉ đạo thường xuyên, liên tục của Đảng bộ trong công tác phát động tư tưởng, giáo dục chính trị cho cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Đảng bộ đã coi trọng công tác xây dựng tổ chức đảng, xây dựng khối đoàn kết nội bộ, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong mọi ngành, giới.

Đảng bộ Sơn Tịnh coi công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân là nhiệm vụ thường xuyên hàng đầu trong mọi công tác, làm cho mọi người nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong từng thời điểm, từng giai đoạn chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, để xây dựng lòng tin, ý chí chiến đấu và tinh thần quyết tâm đánh giặc thù. Cũng bằng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ đã kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, dao động, cầu an, ngại ác liệt để xây dựng lập trường kiên định, giữ vững ý chí cách mạng, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Sức mạnh tinh thần chính là linh hồn của cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã chú ý xây dựng chi bộ bốn tốt, đảng viên bốn tốt nhằm làm cho mọi đảng viên nhận thức được trách nhiệm cụ thể của mình trong việc xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nêu cao tính tiên phong trong mọi công tác. Đảng bộ đã nêu

cao nguyên tắc đấu tranh phê bình và tự phê bình trong mọi cán bộ, đảng viên để kịp thời sửa chữa khuyết điểm và xây dựng nội bộ Đảng đoàn kết thống nhất, đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Thực tế cho thấy, ở những nơi phong trào ác liệt, cán bộ, đảng viên dũng cảm chiến đấu, kiên cường bám trụ nên đã động viên được nhân dân làm theo. Số lượng đảng viên ngày càng tăng, chất lượng ngày càng cao, tổ chức đảng không ngừng được củng cố đã đủ sức đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng vượt qua mọi khó khăn, từng bước tiến lên.

Công tác cán bộ là một yếu tố quan trọng, có tính chất quyết định thành công hay thất bại của phong trào trong từng thời gian nhất định. Kinh nghiệm cho thấy, ở nơi nào có cán bộ vững vàng về tư tưởng, phẩm chất tốt, xông xáo, dám nghĩ, dám làm, có năng lực lãnh đạo và tổ chức tốt thì phong trào ở đó giành thắng lợi. Trái lại, có nơi, có lúc mặc dù điều kiện khách quan, chủ quan rất thuận lợi nhưng do cán bộ không nắm rõ tình hình, không kịp thời lãnh đạo thì không hoàn thành được nhiệm vụ và có khi gặp tổn thất lớn. Đúng như Bác Hồ nói: "Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

10. Không chủ quan, khinh địch, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận định, đánh giá đúng âm mưu của địch, kịp thời di chuyển lực lượng khi bị lộ, nên Đảng bộ đã tránh được những tổn thất lớn có thể xảy ra. Nêu cao tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình, biết sửa sai, uốn nắn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, sai

lệch trong nhận thức và hành động để xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh là một bài học quan trọng mà Đảng bộ rút ra.

Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ huyện cũng vấp phải sai lầm, thiếu sót, có lúc, có nơi khá nghiêm trọng, như việc phát triển Đảng ô ạt trong những năm 1949, 1950, việc động viên quỹ đảm phụ chuyển mạnh sang tổng phần công chưa coi trọng công tác bồi dưỡng sức dân, sai lệch trong thi hành chính sách động viên nhân dân đóng góp cho kháng chiến vào những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong lãnh đạo kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Đảng bộ có lúc chưa đánh giá hết âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, có lúc tỏ ra chủ quan, làm cho một số cán bộ, nhân dân lo sợ, dao động trước sự đánh phá ác liệt của chúng, có lúc không vận dụng đúng đắn phương châm đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công với địch mà nặng về đấu tranh vũ trang, làm cho quân chúng phải chạy dạt đi nhiều nơi. Những sai lầm, thiếu sót ấy được Đảng bộ kịp thời khắc phục và chấn chỉnh, ổn định tư tưởng và tổ chức, để giảm dần những tổn thất và giành thế chủ động.

11. Sự giúp đỡ chi viện to lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, của khu, tỉnh và sự hỗ trợ tinh thần, đoàn kết thủy chung hiệp đồng chiến đấu và xây dựng của nhân dân các huyện bạn như Bình Sơn, Sơn Hà, Trà Bồng, Tư Nghĩa, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum đã góp phần đáng kể trong chiến thắng chung của nhân dân Sơn Tịnh. Do đó,

dù khó khăn, ác liệt, phong trào cách mạng Sơn Tịnh vẫn giữ được sợi dây liên lạc và sự chỉ đạo của cấp trên được kịp thời.

Thắng lợi đó còn có sự giúp đỡ, cổ vũ, động viên của Đảng bộ và nhân dân hai huyện Diễn Châu và Yên Thành, tỉnh Nghệ An kết nghĩa anh em.

Bốn mươi lăm năm liên tục kháng chiến, hết thực dân Pháp tới đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh luôn luôn giữ được khối đoàn kết thống nhất từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng nhân dân. Đảng trong dân, dân trong Đảng, hòa quyện gắn bó chặt chẽ với nhau. Do vậy, phong trào cách mạng trong huyện được giữ vững liên tục, không bị gián đoạn, tuy có gặp những tổn thất lớn, nhưng không bị thoái trào. Sợi dây liên lạc với cấp trên vẫn thông suốt.

Những bài học đã rút ra là những kinh nghiệm vô cùng quý báu để Đảng bộ và nhân dân Sơn Tịnh tiếp tục phát huy những truyền thống tốt đẹp, vận dụng một cách có chọn lọc để góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

PHỤ LỤC

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, quân và dân Sơn Tịnh đã kiên cường, dũng cảm và lập được nhiều thành tích xuất sắc. Với những cống hiến và sự hy sinh lớn lao ấy, năm 1978, quân và dân Sơn Tịnh rất vinh dự, tự hào đón nhận danh hiệu cao quý do Đảng và Chính phủ trao tặng: **Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân**.

I- DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CƠ SỞ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

TT	Tên đơn vị	Năm phong tặng
1	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tịnh Khê	1968
2	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tịnh Sơn	1973
3	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tịnh Thọ	1978

4	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Minh	1978
5	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Bình	1995
6	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Trà	1996
7	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Đông	1996
8	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Bắc	1997
9	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Hiệp	1997
10	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Hòa	1998
11	Ban An ninh huyện Sơn Tịnh	1998
12	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Kỳ	2000
13	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Thiện	2000
14	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Giang	2001
15	Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tĩnh Phong	2003

- Với những thành tích đạt được, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện được tặng thưởng hàng ngàn huân, huy chương các hạng gồm: Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Giải phóng, Huân chương Chiến thắng, Huân chương Kháng chiến, Huân chương Lao động cùng nhiều huân chương các hạng khác.

- Toàn huyện có 6.555 liệt sĩ, 3.736 thương binh, 349 bệnh binh, 412 mẹ được truy tặng và phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 83 mẹ còn sống, đã được các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng suốt đời, 3.408 gia đình có công với cách mạng, 4.244 người hoạt động kháng chiến, 1.255 người bị địch bắt tù đầy tra tấn ở các nhà tù trong cả nước.

II- DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY TỪ 1929-1975

TT	Họ và tên	Thời gian làm bí thư Huyện uỷ	Ghi chú
1	Phạm Viết My	1930-1931, 1950	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Chi bộ "Dự bị cộng sản" năm 1929
2	Tôn Diêm	1931, 1955-1956	Phó Bí thư Tỉnh uỷ
3	Dương Hoàng	1932	
4	Võ Bẩm	1934	Thiếu tướng

5	Nguyễn Thành Nghi	1937-1938	Bí thư Tỉnh uỷ
6	Võ Phấn (Nghị)	1939, 1945-1946	Bí thư Tỉnh uỷ
7	Nguyễn Hồng Ứng (Vũ Anh Ba)	1940	Khu uỷ viên
8	Võ Lục (An, Em)	1946-1947	Tỉnh uỷ viên
9	Nguyễn Chót (Kim, Khiển)	1947-1948	Tỉnh uỷ viên
10	Lê Tuất	1948	
11	Nguyễn Liên (Mười Nguyên)	1948-1949	Bí thư Tỉnh uỷ Đắk Lắk
12	Trần Động (Văn, Vi)	1949-1950, 1953, 1956-1960	Phó Bí thư Tỉnh uỷ
13	Đỗ Minh Châu	1950	Quyển Bí thư Huyện uỷ
14	Đào Cúc	1950-1953	
15	Võ Hải	1954	
16	Trần Xuân Hải (Hà)	1954-1955	Tỉnh uỷ viên
17	Phạm Phú Lân (Loan)	1960-1961	Đại tá
18	Nguyễn Hiến (Bảo)	1961	Quyển Bí thư Huyện uỷ
19	Cao Kết (Thu)	1962-1964	Thường vụ Tỉnh uỷ

20	Tôn Long Hoà (Huy Ánh)	1964	Tỉnh uỷ viên
21	Nguyễn Thanh Thuỷ (Hường)	1965-1966, 1973, 1976 - 1977	Tỉnh uỷ viên
22	Nguyễn Niên (Hạ)	1966	Quyển Bí thư Huyện uỷ
23	Trương Thanh Hải (Hồ)	1967-1968, 1970-1971	Thường vụ Tỉnh uỷ
24	Lê Thành Tâm	1968-1969	Tỉnh uỷ viên
25	Nguyễn Duy Nhật	1971-1972, 1974-1975	
26	Nguyễn Thụy (Viết)	1961-1962	Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn
27	Nguyễn Hồng Giao	1962-1965	Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn
28	Trần Hồng Vân	1971-1975	Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn

III- DANH SÁCH CÁC VỊ TƯỚNG LĨNH TRONG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

TT	Họ và tên	Cấp hàm	Quê quán
1	Nguyễn Chánh	Chủ nhiệm Tổng cục cán bộ, Bộ Quốc phòng. Từ trần năm 1957	Tĩnh Hà
2	Trần Văn Trà	Thượng tướng	Tĩnh Long
3	Phạm Kiệt	Trung tướng	Tĩnh Minh
4	Trần Quý Hai	Trung tướng	Tĩnh Châu
5	Nguyễn Đôn	Trung tướng	Tĩnh Bình
6	Võ Thứ	Trung tướng	Tĩnh Hà
7	Võ Bẩm	Thiếu tướng	Tĩnh Khê
8	Lê Trung Ngôn	Thiếu tướng	Thị trấn Sơn Tịnh
9	Phan Quang Tiệp	Thiếu tướng	Tĩnh Sơn
10	Huỳnh Kim	Thiếu tướng	Tĩnh Minh
11	Châu Khải Dịch	Thiếu tướng	Tĩnh Trà
12	Phạm Nam Tào	Thiếu tướng	Tĩnh Minh
13	Phạm Luận	Thiếu tướng	Tĩnh Minh

IV- CÁC ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TT	Họ và tên	Danh hiệu	Quê quán
1	Đoàn Liêm	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Tỉnh Thiện
2	Lê Khương	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Tỉnh Bình
3	Trương Quang Luật	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Tỉnh Ấn Đông
4	Lê Quang Nho	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Tỉnh Giang
5	Hồ Giáo	Hai lần được phong tặng Anh hùng Lao động	Tỉnh Sơn

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần mở đầu</i>	
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC	13
<i>Phần thứ nhất</i>	
QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1929-1945)	47
<i>Chương I: Đảng bộ Sơn Tịnh ra đời và lãnh đạo nhân dân tham gia cao trào cách mạng 1930-1931</i>	49
<i>Chương II: củng cố tổ chức cơ sở đảng và lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ (1932-1939)</i>	91
<i>Chương III: Chuẩn bị và tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1939-1945)</i>	125
	443

Phần thứ hai

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SƠN TỊNH
TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP
(1945-1954)**

157

Chương IV: Năm đầu tiên xây dựng chế độ dân chủ
nhân dân (1945-1946) 159

Chương V: Xây dựng, bảo vệ quê hương, góp phần chi
viện cho tiền tuyến (1947-1949) 174

Chương VI: Tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế-xã
hội, tích cực góp phần cùng nhân dân cả
nước kết thúc cuộc kháng chiến chống thực
dân Pháp (1950-1954) 194

Phần thứ ba

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SƠN TỊNH TRONG
THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ
(1954-1975)**

221

Chương VII: Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định
Giơnevơ, “chống tố cộng, diệt cộng”, bảo
tồn và xây dựng lực lượng cách mạng
(1954-1959) 223

Chương VIII: Tham gia đánh thắng chiến lược “Chiến
tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1960-
1965) 254

<i>Chương IX:</i> Tham gia đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1968)	287
<i>Chương X:</i> Tham gia đánh thắng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1973)	329
<i>Chương XI:</i> Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Pari, tiến tới giải phóng toàn huyện, góp phần giải phóng toàn tỉnh và toàn miền Nam (1973-1975)	381
KẾT LUẬN	417
PHỤ LỤC	435

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THỨC HUỖNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:

ĐÌNH LỤC

HỒ CHÍ HUỖNH

Biên tập kỹ mỹ thuật:

PHƯƠNG MAI

Trình bày, vẽ bìa: **NGUYỄN PHƯƠNG MAI**

Chế bản vi tính:

NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in:

HỒ CHÍ HUỖNH

Đọc sách mẫu:

HỒ CHÍ HUỖNH

In 2.040 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Nxb.Chính trị quốc gia.
Giấy phép xuất bản số: 1405/CXB-QLXB, cấp ngày 29-9-2004.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2004.



DCN.000049

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ Q

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Đảng Cộng sản Việt Nam

Ban Chấp hành Trung ương

**- MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ
CỦA CÁC ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ**

**Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia
các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

GS.TS. Nguyễn Phú Trọng

PGS.TS. Tô Huy Rứa - PGS.TS. Trần Khắc Việt

(Đồng chủ biên)

**- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU
CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ MỚI**

1254.55.1982

